

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

金庸

Khảo Luận Văn Học KIM DUNG
GIỮA ĐỜI TÔI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Kim Dung
giữa đời tôi

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

KHẢO LUẬN VĂN HỌC

Kim Dung

GIỮA ĐỜI TÔI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
1997

8(N453) 886 - 96
DN - 99

Chương 1 - Đến nhậm

***Kim Dung
giữa đời tôi***

Tháng 1-1995, nhà nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã mời Tiến sĩ Kim Dung về Bắc Kinh, trao tặng ông hàm Giáo sư danh dự Bắc Kinh Đại học và công nhận ông như một nhà văn kỳ tài của dân tộc Trung Hoa. Cùng thời điểm này, những tác phẩm của ông đã được các nhà xuất bản tại Trung Hoa in lại rất trang trọng và phát hành đều khắp 17 thành phố lớn. Tại Bắc Kinh Đại học, ông đã có buổi diễn thuyết quan trọng trước nhiều nhà nghiên cứu, nhà giáo và sinh viên. Ở một nghĩa vừa hiện thực vừa ẩn dụ, ta có thể nói Kim Dung đã trở về giữa lòng cộng đồng dân tộc Trung Quốc.

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung, xuất thân trong một gia đình quan lại tại Hải Ninh, Triết Giang. Họ Tra của ông là một giòng tộc có truyền thống về văn học. Chính Tra Y Hoàng, Tra Kế Tú - hai nhân vật liên hệ đến vụ ván tự ngục Minh sử thời Khang Hy được phản ánh trong tác phẩm *Lộc Đỉnh Ký* là tổ tiên của ông. Ông nội ông từng làm tri

phù Hải Ninh thời vua Quang Tự và là tác giả của tập thơ *Hải Ninh Sát Thị Sao Thi*. Năm 1948, trước những tao loạn của Trung Quốc, Tra Lương Dung qua Hong Kong làm báo. Ông là chủ bút tờ *Minh Báo* ở Hong Kong. Chủ Dung, tên của ông, có nghĩa là quả chuông lớn, gồm bộ *kim* (thanh thép) và *âm dung* (bình thường). Ông đã tách tên mình ra thành hai chữ Kim Dung (thanh thép bình thường) và sử dụng nó làm bút danh. "Thanh thép bình thường" đó đã làm nên một kỳ tích trong văn học Trung Hoa : khai sáng hệ văn chương võ hiệp và viết thành công 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp đồ sộ, cuốn hút gần 2 tỷ độc giả của Hong Kong, Đài Loan, Trung Hoa, Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Pháp và Hoa Kỳ. Ngay từ năm 1969, tại Pháp và Hoa Kỳ đã có hai Kim Dung học hội ra đời, chuyên nghiên cứu về tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung.

Các bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung gồm : 1. *Độc Bá Quần Hùng*, 2. *Võ Lâm Ngũ Bá*, 3. *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện*, 4. *Thần Diêu Hiệp Lữ*, 5. *Y Thiên Đồ Long Ký*, 6. *Hiệp Khách Hành*, 7. *Lãnh Nguyệt Bảo Dao* tức *Thần Dao Hồ Đại Đàm*, 8. *Liên Thành Quyết* tức *Tổ Tâm Kiếm*, 9. *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, 10. *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* và 11. *Lộc Đỉnh Ký*. Trù *Độc Bá Quần Hùng*, tác phẩm đầu tay chỉ có 1 quyển 600 trang Quan thoại, những bộ về sau của Kim Dung thường trên 10 cuốn. Riêng *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* đã 16 cuốn (5 cuốn đầu có tựa đề là *Thiên Long Bát Bộ*) và *Lộc Đỉnh Ký* 16 cuốn; mỗi cuốn trung bình 500 trang, mỗi trang trung bình 600 chữ. Chúng tôi còn được biết Kim Dung còn có bộ *Việt Nữ Kiếm* và Hồ Nam Xuất bản xã (Trung Hoa) đã in lại. Ít có một nhà văn nào trên thế giới có bút lực hùng hậu như Kim Dung.

Tại Việt Nam, cuốn **Độc Bá Quần Hùng** được nhà xuất bản Đường Sáng, Sài Gòn in từ năm 1959, không rõ dịch giả là ai. Phải đợi đến những năm 1960 về sau, qua các cây bút dịch thuật Phan Cảnh Trung, Lão Sơn Nhân, Từ Khánh Phụng, Từ Khánh Văn, Bùi Giáng, và đặc biệt là Hàn Giang Nhận tiên sinh; tác phẩm võ hiệp của Kim Dung mới thật sự “độc bá quần hùng” trong sinh hoạt văn học. Năm 1968, khi bộ **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** được in trên tờ *Minh Báo* dưới dạng fuesilleton thì 44 tờ nhật báo ở Sài Gòn đều tranh nhau dịch và đăng lại, mỗi kỳ khoảng 1.500 chữ. Người ta nghiên Kim Dung đến nỗi báo nào không có **Tiểu Ngạo Giang Hồ** (Bản dịch Việt ngữ bỏ chữ Ký) vì máy bay Hong Kong qua trễ thì tờ báo ấy chẳng có ai mua ! Đặc biệt, các bạn nữ sinh viên lúc bấy giờ rất thích đọc **Tiểu Ngạo Giang Hồ**. Tình trạng ấy còn kéo dài cho đến những năm 1972 - 1974, khi bộ **Lộc Đỉnh Ký** ra đời. Chưa có một nhà văn nước ngoài nào gây được ấn tượng mạnh và chiếm nhiều cảm tình của độc giả như Kim Dung !

Kim Dung viết nhiều nhất là trong giai đoạn từ 1961 đến 1973. Văn tự ông sử dụng là Quan thoại, một thứ ngôn ngữ trong sáng, chân phương, kế thừa và phát triển phong cách của Lâm Ngữ Đường, Tào Ngu, Lỗ Tân. Nhưng những tác phẩm của ông chỉ thực sự được bạn đọc Trung Hoa biết đến và say mê từ sau năm 1978, khi Trung Quốc tiến lên 4 hiện đại hóa. Người Trung Quốc không ngờ rằng họ có một nhà văn viết Quan thoại lớn lao như Kim Dung. Những tác phẩm của ông được tuyển trạch, được in lại và được đưa vào giáo trình văn ở bậc trung học và đại học tại Trung Hoa, đảo Đài Loan và Hong Kong. Người ta ca ngợi văn phong đơn giản, lôi cuốn và tràn đầy tính dân tộc của ông đồng thời khám phá ra chiều sâu kiến thức hàm chứa trong những tác phẩm đồ sộ của ông - cái mà những bậc tiền bối đã làm

nhưng chưa đầy đủ và hoàn chỉnh bằng ông. Chỉ riêng một phương pháp tiêu thuyết hoàn toàn hư cấu, lấy bối cảnh là xã hội phong kiến Trung Quốc trước ông ít nhất 3 thế kỷ mà vẫn lôi cuốn người đọc đương đại đã là một phép lạ.

Sau ngày thống nhất đất nước, đã có một số ý kiến phê phán tác phẩm Kim Dung. Làn gió đổi mới trong 10 năm qua đã cho phép chúng ta nhìn tác phẩm Kim Dung với một cái nhìn khác hơn. Những bộ phim dựa trên tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung như *Anh Hùng Xạ Điêu*, *Thần Điêu Hiệp Lữ*, *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, *Lực Định Ký*, ... do Hong Kong và Đài Loan thực hiện đã tràn vào thị trường văn hóa phẩm Việt Nam và được chiếu rộng rãi dưới dạng điện thị (vidéo). Tất nhiên, những tác phẩm video thương mại này thua xa tác phẩm tiêu thuyết về chiều sâu văn hóa nghệ thuật.

Tôi xin nhận định rằng : Chưa có một nhà văn nào vĩ đại như Kim Dung. Trả lời ông Yên Thị Đà Câu Khách trên tờ *Tân Họa Báo*, Đài Loan năm 1973, Kim Dung nói rằng ông chỉ làm văn hóa và không hề muốn xuyên tạc hình ảnh ai trong tác phẩm tiêu thuyết của mình. Ba mươi năm qua, tôi đã đọc Kim Dung thật kỹ và lạ thay mỗi lần đọc, lại cảm thấy thêm một lần thú vị. Những tác phẩm của ông ẩn tàng một chiều sâu đạo đức rất đáng trân trọng. Và thật thiệt thòi cho bạn trẻ nếu chưa được đọc Kim Dung.

Tôi đã đọc Kim Dung tiên sinh đúng 30 năm. Khi còn là học sinh trung học, tôi đọc tác phẩm của Kim Dung vì tò mò và vì những câu chuyện của ông quá hấp dẫn. Khi lên đại học, tôi may mắn được học Hán văn với Giản Chi tiên sinh và học Quan thoại với giáo sư Khưu Sĩ Huệ - người Đài Loan qua dạy, biết thêm được một chút văn chương Trung Hoa nên càng thích đọc Kim Dung hơn. Được sự động viên

của Khưu giáo sư, khi ra trường, tôi sưu tầm khá đầy đủ những tác phẩm của Kim Dung rồi đọc đi, đọc lại, đổi chiểu bản dịch của Hán Giang Nhạn tiên sinh với bản gốc Quan thoại. Tôi học cách làm người, cách đối xử nhân thế, đặc thù được những kiến thức hoàn toàn không có trong giáo trình đại học từ tác phẩm của một nhà văn nước ngoài chưa hề biết mặt. Trong những năm sau Giải phóng, ở trong ngành giáo dục và sau đó chuyển qua làm báo, tôi vẫn thường nghĩ tới những tác phẩm Kim Dung. Út nhì, tại sao người Trung Hoa đã có những công trình nghiên cứu về *Hồng Lâu Mộng*, hình thành bộ môn Hồng học mà mình lại không viết được về Kim Dung, một nhà văn minh vốn yêu thích ? Thế là tôi hệ thống hóa tất cả những điều sở đạc, sở học và đem ra làm sở dụng.

Bài viết đầu tiên đăng trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* số Xuân năm 1994 được khá nhiều bạn đọc và đồng nghiệp khen ngợi. Tôi viết tiếp một loạt các nội dung khác, đăng trên *Kiến Thức Ngày Nay*, *Thanh Niên*, *Phụ Nữ Tuần San*, *Thế Giới Mới*, *Tuổi Trẻ Cười* và liên tiếp nhận được nhiều sự động viên đóng góp của bạn đọc. Một số bạn đồng nghiệp giàu lòng thương yêu gọi tôi là nhà Kim Dung học. Tôi không dám nhận cụm từ Kim Dung học nhưng tôi tin rằng công việc biên khảo của mình đang đem lại những điều thú vị cho bạn đọc, tương đối có phương pháp và không đến nỗi sai sót về kiến thức. Trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay*, trả lời một bài phỏng vấn, nhà báo lão thành khai kinh Trần Bạch Đằng có khen tặng tôi một lời. Được nhận một lời khen ngợi công khai của Trần tiên sinh, tôi vô cùng hạnh phúc và tăng thêm niềm tin tưởng. Chính từ những cơ sở đó, tôi mạnh dạn nhuận sắc, bò cứu lại tập bản thảo và cho in bộ *Kim Dung Giữa Đời Tôi*.

Tôi xin đặc biệt cảm ơn Ban biên tập và các bạn đồng nghiệp của tôi ở Báo *Thanh Niên*, các ông *Hàn Tân Quang*. *Anh Đức*, *Lê Khắc Cường* trong Ban biên tập *Kiên Thức Ngày Nay*, Ban giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai đã hướng dẫn, giúp đỡ, gợi ý, phê bình, động viên tôi hoàn thành tập sách này. Bò ra ba mươi năm để đọc một nhà văn mình ưa thích và bàn về tác phẩm của nhà văn ấy dưới mọi khía cạnh quả thật là điều thú vị. Vâng, tác phẩm Kim Dung sống giữa đời tôi, trong lòng tôi suốt 30 năm qua, dù trong đau thương hay trong hạnh phúc.



Chương 2

Khái quát về phong cách xây dựng nhân vật

T **rong những năm trước năm 1975 tại miền Nam, người đọc coi Kim Dung tiên sinh, tiểu thuyết gia của Hong Kong, là một nhà văn lớn. Những tác phẩm tiêu thụ uyên bác của ông, được đăng báo dưới dạng feuilleton hoặc được in thành sách, đã hấp dẫn hàng triệu người đọc ở Indonesia, Malaysia, Singapore, Việt Nam, Hong Kong, Đài Loan và cả Hoa Lục. Văn của ông đã được tuyên truch để đưa vào giáo trình văn cấp trung học và đại học tại Đài Loan. Và ngay trong lòng nước Mỹ, người Hoa đã lập ra "Kim Dung học hội", chuyên nghiên cứu, giới thiệu và dịch những tác phẩm của ông ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha ... Điều mà người ta dễ nhận ra nhất là bút lực của Kim Dung rất hung hăng. Mỗi tác phẩm của ông là một bộ (thường là trên 10 quyển, mỗi quyển dịch ra bản Việt ngữ trung bình 500 - 600 trang). Chúng tôi chỉ xin giới thiệu đầu tiên một khía cạnh trong kỹ thuật tiểu thuyết của ông . phong cách xây dựng nhân vật.**

Trước năm 1975, sách của Kim Dung đã được in gồm :

1. *Độc Bá Quần Hùng* (quyển đầu tay)
2. *Võ Lâm Ngũ Bá*
3. *Liên Thành Quyết Kiếm*
4. *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện*
5. *Thần Điêu Hiệp Lữ*
6. *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*
7. *Hiệp Khách Hành* (lấy theo tựa một bài hành của Lý Bạch)
8. *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*
9. *Lãnh Nguyệt Bào Đao*
10. *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* (gồm 5 cuốn đầu là *Thiên Long Bát Bộ*, 11 cuốn sau là *Lục Mạch Thần Kiếm*)
11. *Lộc Đỉnh Ký*

Một điều cần lưu ý là nếu chúng ta phân biệt rõ 3 khái niệm **Truyện** (tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu), **Ký** (tác phẩm văn xuôi viết về người thật, việc thật) và **Lục** (cuốn sách) thì Kim Dung tiên sinh sử dụng 3 khái niệm đó với một ý nghĩa duy nhất để chỉ các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông.

Khuynh hướng của Kim Dung là thường đặt những cuốn tiểu thuyết của mình vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Trung Quốc. Bộ *Lục Mạch Thần Kiếm* gồm 795 nhân vật được đặt vào khung cảnh lịch sử triều nhà Tống (1127 - 1279) với sự tương tranh, tương giao của 6 thế lực phong kiến : Tống, Đại Lý, Khát Đan (Liêu), Tây Hạ, Thổ Phồn và Yên (Tiên Ty, đã suy tàn). Bộ *Lộc Đỉnh Ký* được đặt vào khung cảnh lịch sử triều Khang Hy (1662 - 1722) nhà Thanh,

khi mà các thế lực chống nhà Thanh như hậu duệ của nhà Minh gồm Đường Vương, Quέ Vương, Sùng Trinh và Thiên Địa Hội hoạt động mạnh ... Chính vì thế, trong tiểu thuyết của ông, có những nhân vật thật của lịch sử Trung Quốc như Triệu Hú (Tống Thần Tôn), Gia Luật Hồng Cơ (Hoàng đế Đại Liêu), Đoàn Chính Minh (Hoàng đế Đại Lý), Khang Hy (đời vua thứ hai của nhà Thanh), Trần Vĩnh Hoa tức Trần Cận Nam (Tống đường chủ Thiên địa hội) ... Bên cạnh những nhân vật thật đó là những nhân vật thuần túy hư cấu của tiểu thuyết và thường là nhân vật chính.. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm*, đó là Kiều Phong, Đoàn Dụ, Hư Trúc, Du Thần Chi, Dinh Xuân Thu ... Trong *Lộc Đỉnh Ký*, đó là Ví Tiêu Bảo. Những nhân vật tiêu thuyết của ông kết hợp với những nhân vật lịch sử tạo ra một phong cách tiểu thuyết hư hư, thật thật. Phong cách này khá đậm nét khi ông xây dựng cặp nhân vật Khang Hy - Ví Tiêu Bảo trong *Lộc Đỉnh Ký*. Từ một đứa bé tiêu lưu manh trong động điểm Lệ Xuân viện thành Dương Châu, Ví Tiêu Bảo đã bị hoàn cảnh đẩy đưa lên Bắc Kinh già làm thái giám rồi thân cận với vua Khang Hy, gia nhập Thiên địa hội làm một thứ gián điệp hai mang, trở thành Công tước của triều Thanh, nhận nhiệm vụ ký hòa ước lịch sử Hắc Long Giang 1684 với Phi Diêu Da La (Féodore) của Nga La Tư ! Tác giả có ghi chép rõ về chuyện hư cấu của mình nhưng điều ấy vẫn không làm giảm đi sự thu vị trong lòng người đọc.

Một cách khái quát, nhân vật trong tiểu thuyết Kim Dung thường được chia ra làm hai tuyến : chính phái (hay bạch đạo) và tà phái (hay hắc đạo). Tuy nhiên, trong tất cả các tác phẩm, Kim Dung không hề rơi vào chủ nghĩa công thức : những kẻ mà ông xếp vào tà thường là những chính nhân quân tử, những kẻ mà ông giới thiệu như là chính nhân quân tử lại là kẻ chẳng ra gì. Bất kỳ người Trung

Quốc nào cũng gọi Minh giáo (tức Bái hòa giáo) từ Ba Tư truyền sang là tà đạo. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, Kim Dung đã chứng minh ngược lại : Minh giáo là một chính giáo, nồng nàn tình cảm yêu nước, xả thân để cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của Mông Cổ. Những Trương Vô Ky, Dương Tiêu, Vy Nhất Tiêu, Phạm Dao, Hân Thiên Chính là những con người quang minh lối lạc, hành sự trong sáng, sống rất người. Và chính nghĩa thuộc về họ chứ không thuộc về nhàn vật Chu Nguyên Chương, vốn đầy thủ đoạn chính trị, đe dọa công Minh giáo để lén ngôi mở ra nhà Minh. Còn có ai đẹp hơn Quân tử kiêm Nhạc Bất Quần, chưởng môn phái Hoa Sơn trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*? Thế nhưng từ cuốn 9 trở đi, Nhạc Bất Quần dần dần hiện hình là một kẻ độc ác, dùng con gái làm bậc thang để leo lên, giết ca rể, lừa vợ, giết học trò, quyết chiếm cho được ngôi Minh chủ Ngũ nhạc phái, tự thiên bộ sinh dục để trở thành kẻ lại cái. Ngụy quân tử vẫn nguy hiểm hơn chán tiều nhân !

Những nhân vật chính trong tác phẩm Kim Dung thường là những con người bao dung, độn hậu, không hù nhục, cầu nệ, không làm bộ làm tịch. Đó là Kiều Phong (*Lực Mạch Thần Kiếm*) tự tử ngoài Nhan môn quan để mưu cầu hòa bình cho trăm họ Tông - Liêu. Đó là tiểu anh hùng Hồ Phi (*Lãnh Nguyệt Bảo Đao*) tìm ra kẻ thù giết cha mà vẫn không xuống tay hạ sát. Đó là Quách Tĩnh (*Xạ Điêu Anh Hùng Truyện*) liều chết để giữ thành Tương Dương, là Thạch Phá Thiên (*Hiệp Khách Hành*) chỉ biết sống thuần phác không hề hại ai ... Họ chính là mẫu "người hùng" lý tưởng theo nhận thức đạo đức Trung Quốc.

Chung ta không nắm rõ lắm về thân thế Kim Dung. Nhưng truyện của ông thường dành tình cảm cho những con người xuất thân rất tầm thường, những đứa bé mồ côi

không cha mẹ hoặc không biết ai là cha mẹ : Lệnh Hồ Xung, Hồ Phi, Thạch Phá Thiên, Trương Vô Ky, Dương Qua là những chàng trai, những cậu bé như vậy. Đời đã dạy họ cách sống và vốn sống. Và họ đã thành người, những con người rất trung thực, đạo đức.

Kim Dung đặt tên cho những nhân vật của mình rất hay. Có nhân vật mà cái tên biểu hiện đầy đủ cho tính cách của mình : Nhậm Ngã Hành (chỉ làm theo ý của mình, không nghe ai khác), Nhạc Bất Quần (không chơi với ai) nhưng lại có rất nhiều bạn bè. Thông thường, trước mỗi tên nhân vật, tác giả đặt cho một ngoại hiệu. Điều thú vị là loại nhân vật càng xoàng xinh thì ngoại hiệu càng "kêu" : Đoan Ngực tam quyền, Đoạt mệnh tam quyền, Nhất kiếm chấn Thiên Nam... toàn là những nhân vật tào lao. Nhân vật có ngoại hiệu dài nhất là Giang dương đại đạo vạn lý độc hành thái hoa đậm đặc khoái dao Diền Bá Quang (tên tướng cướp đường sông biển, giặc dâm chuyên hăm hiếp phụ nữ, ngàn dặm đi một mình đánh dao rất nhanh tên là Diền Bá Quang - **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**) và Dả biến thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng (kẻ đánh khắp thiên hạ không ai địch nổi Phật mặt vàng Miêu Nhân Phượng - **Lãnh Nguyệt Bảo Dao**). Có ngoại hiệu cứ làm cho người đọc nhận làm là ba nhân vật khác nhau như Côn Luân tam thánh Hà Túc Đạo (**Ỷ Thiên Đồ Long Ký**). Thực sự, "tam thánh" là lời người đời xưng tụng Hà Túc Đạo cầm thánh, kiêm thánh, kỳ thánh chứ không phải là "ba ông thánh". Có những nhân vật thoát đọc ngoại hiệu cứ nghĩ là một người lại hóa ra hai người như Hoàng Hà Lão Tổ (Lão Đầu Tử và Tổ Thịên Thu sống trên sông Hoàng Hà - **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**). Những nhân vật chính, siêu việt thường không có ngoại hiệu hoặc ngoại hiệu rất ngắn : Kiều Phong, Đoàn Dự, Hư

Trúc, Bác cái Hồng Thát Công, ... Ngay cách đặt tên nhân vật đã nói lên tài năng của Kim Dung. Đây cũng là chỗ giúp người đọc phân biệt truyện thật của Kim Dung và những nguy tác do kẻ khác giả mạo bút danh ông, viết ra.

Truyện của Kim Dung thường có những nhân vật quái dị, mỗi nhân vật mang một phong cách riêng, không giống ai. Đó là Tiêu Tương Dạ Vũ Mạc Đại tiên sinh (*Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*) làm chưởng môn, vẫn ăn mặc rách rưới, giàu cáy kiém mòng như lá lúa trong dây đàn; là Đoàn Dự, Du Thần Chi (*Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*) suốt đời si tình, chạy theo nhan sắc; là Vi Tiêu Bảo (*Lộc Đỉnh Ký*) lưu manh nhưng chẳng bao giờ cầm che giấu tinh lưu manh ... Loại nhân vật này tiêu biểu cho quan điểm "hoa nhí bất đồng" (co hoa minh nhưng vẫn không giống được) của Nho giáo. Những nhân vật của ông sống với ca cái tính cách, đặc điểm của mình. Họ có thể rất tốt, cũng có thể rất xấu - nhưng mỗi con người như vậy - dù chỉ xuất hiện trong một đoạn ngắn người - vẫn để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Điều ấy đã bao nhiêu nhà văn làm được ?

Kim Dung sử dụng phong cách xây dựng nhân vật như một cách đánh lừa độc giả và gây cho độc giả sự thú vị khi được "bị lừa" như vậy. Mở đầu *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* là hình ảnh tốt đẹp của Lâm Bình Chi. Sau đó, Lâm Bình Chi bị lâm nạn nhà tan, người chết, phải lưu lạc tha hương. Ai cũng nghĩ Lâm Bình Chi là nhân vật trung tâm, con người chính nhân quản tử. Nhưng không. Đọc hết bộ sách chúng ta mới thấy cai rôm đời của Lâm Bình Chi, cái chán thât của Lệnh Hồ Xung. Hạnh phúc thuộc về những con người chân thật. Đọc *Hiệp Khách Hành*, ta cứ ngỡ Thạch Phá Thiên là một tên tiểu ma đầu tàn bạo, dâm ác, lừa lọc. Nhưng không, cậu bé ấy là một mô hình tiêu biểu của một trái tim

thơ ngây và nhân hậu, thậm chí cậu không biết một chữ nào. Cậu chỉ có một cái tội : giống hệt như người anh ruột tàn ác, dâm đãng của mình là Thạch Trung Ngọc. Chỉ có đôi mắt trẻ thơ của A Tú mới nhìn ra được chỗ khác biệt tốt đẹp đó, điều mà tất cả mọi người lớn không nhìn ra. . Và cuối cùng, Thạch Phá Thiên đã tìm ra được pho võ công siêu việt trong bài *Hiệp Khách Hành* của Thi tiên Lý Bạch, không phải do nghiên cứu được ý nghĩa của bài hành, mà nhờ chỉ nhìn nét viết (vì cậu không biết chữ). Kim Dung muốn chứng minh một điều : cái chân thật, cái đót nát vẫn thắng được cái cơ tâm, cái hiếu biêt rộng rãi nhất. Ai không thù vui với những định đè như vậy ?

Sẽ rất thiếu sót nếu như chúng ta bỏ quên những nhân vật nữ trong tác phẩm Kim Dung tiên sinh. Tuy mang danh là truyện võ hiệp nhưng tác phẩm Kim Dung thực chất là những tiểu thuyết về tình yêu đôi lứa. Các nhân vật nữ của ông xuất thân trong xã hội phong kiến nhưng sống và yêu rất lâng mạn - tất nhiên trong sự cho phép của lê giáo Trung Quốc. Đó là những con người biết yêu say đắm và biết xa thân vì người yêu : Nhậm Doanh Doanh đối với Lệnh Hồ Xung (*Tiểu Ngạo Giang Hồ*), Triệu Minh đối với Trương Vô Ky (*Ỷ Thiên Đồ Long Ký*), Viên Tử Y đối với Hồ Phi (*Lãnh Nguyệt Bảo Đao*), A Tú đối với Thạch Phá Thiên (*Hiệp Khách Hành*), A Châu đối với Kiều Phong (*Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*). Tuy nhiên, trong mọi tình huống, họ vẫn giữ được tiết sạch giá trong của người phụ nữ phương Đông.

Nói như vậy, không có nghĩa là Kim Dung vẫn giữ nhân vật nữ của mình bo bo trong vòng tư duy cổ điển của lê giáo Trung Quốc. Không, ông đã tạo ra những tình huống có vấn đề : Kỳ Hiếu Phù đã hứa hôn với Hân Lợi Hanh

nhưng lại thất thân với Dương Tiêu, sinh ra đứa con gái và đặt tên là Bất Hối (không hồi hận) trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*; Tiểu Long Nữ là sự phụ đã bị kè khắc cương dâm nhưng vẫn yêu say đắm đồ đệ của mình là Dương Quá trong *Thần Điêu Hiệp Lữ*. Những nhân vật nữ của ông biết đánh kiếm, đánh chưởng, dùng ám khí, đánh độc dược, uống rượu, làm thơ, thương nhớ, chờ mong, ghen tuông, giận hờn, đau xót vì chia xa. Họ có một vẻ đẹp riêng từ ngoại hình đến tâm hồn, rất lý tưởng, nhưng cũng rất thật.

Cũng có thể nói Kim Dung là nhà văn lớn phương Đông của thế kỷ 20. Về mặt trước tác, tác phẩm của ông đồ sộ hơn bất cứ một nhà văn nào khác. Bút pháp của ông lôi cuốn, hấp dẫn người đọc một cách lạ lùng. Và hệ thống kiến thức của ông từ y học đến địa lý, sử học, võ thuật, tâm lý học, bệnh lý học, tôn giáo học... hoàn chỉnh một cách vô song. Tiếc thay một nhà văn như vậy lại chưa có tên trong những nhà văn được nhận giải thưởng Nobel của văn học quốc tế. Nhưng dù gì đi nữa, những nhà văn khác cũng đã học tập được từ Kim Dung nhiều kinh nghiệm tiểu thuyết. Ông xứng đáng là nhà văn bậc thầy của những bậc thầy trong thế kỷ chúng ta sống.





連城訣

金庸

Bìa bộ sách **Liên Thành Quyết** do Đông Nam Á Chu San
xuất bản năm 1977

Chương 3

*Võ công
trong
tiểu thuyết
của Kim Dung*

Trong một bài viết trước đây trên *Kiến Thức Ngày Nay*, tôi đã có dịp được hàn huyên cùng bạn đọc về phong cách xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Những nhân vật ấy hợp lại thành một giới - giới võ lâm - và đương nhiên, sinh hoạt của họ là sự thể hiện võ công để giết người, mưu đồ địa vị quyền lực; võ công để cứu người, trừ gian, diệt bạo, biểu dương cái lẽ công bằng ở đời. Nói đến nhân vật của Kim Dung, không thể không nói đến võ công.

Một cách khái quát, Kim Dung đã đặt vào cho những nhân vật của mình những loại hình võ công (hay công phu - kung fu) mà họ cần phải có. Các loại hình võ công bao gồm chưởng pháp (phép đánh bằng bàn tay), quyền pháp (phép đánh bằng nắm tay), chỉ pháp (phép đánh bằng ngón tay), cầm nã thủ pháp (phép đánh bằng câu, bắt, móc, giật), trảo pháp (phép chụp bằng cả nắm ngón tay), cước pháp (phép đá), bộ pháp (phép đi, chạy), khinh công (phép đi nhanh). Nếu các nhân vật của ông chuyên sử dụng vũ khí thì mỗi loại vũ khí được kết hợp với một pháp để hình thành võ

công riêng cho họ : đao pháp, thương pháp, kiếm pháp, bòng pháp, trượng pháp, côn pháp... Đối với một số nhân vật đặc biệt, Kim Dung đã tạo ra cho họ những thứ võ công đặc biệt : thần công Sư tử hồng (tiếng rồng của sư tử) của Tạ Tốn (trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* - YTĐLK), Hợp tinh đại pháp (phép hút kinh lực và công lực của kẻ khác vào làm kinh lực và công lực cho mình) của Nhậm Ngã Hành (trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*), Nghiệp hồn đại pháp (phép thôi miên, lấy hồn kẻ khác) của Đinh Xuân Thu (trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* - LMTKT)...

Kim Dung tạo ra cho nhân vật của mình những hoàn cảnh, những tình huống để họ đắc thủ võ công. Có những nhân vật không chịu học võ, suốt ngày chỉ lo học sách Thánh hiền, học kinh Phật như Vương tử Đại Lý Đoàn Dự hay như nhà sư trẻ Hu Trúc (trong LMTKT) cũng bị đẩy đưa vào hoàn cảnh, phải học võ công để tự cứu mình và cứu người, trở thành bậc thương thửa. Có kẻ say mê võ công, đi tìm suốt đời mà chẳng thấy. Có kẻ lười biếng, thậm chí chán ghét không muốn học võ công mà cơ duyên vẫn đến với họ. Con đường mà Kim Dung dẫn dắt những nhân vật trung tâm của mình đến với các thứ võ công không khòi khiên cho người đọc cười thảm.

Nhân vật của Kim Dung thể hiện võ công qua kinh lực. Đứng trên quan điểm triết học Trung Quốc, ông chia kinh lực ra làm hai loại : dương cương và âm nhu. Dương cương là loại kinh lực mãnh liệt, khi xuất chiêu phát ra tiếng động. Âm nhu là kinh lực mềm mại, khi xuất chiêu không phát ra tiếng động. Hai loại kinh lực đó loại nào cũng có thể giết người, làm tan bìa vỡ đá ! Ông lấy Nhu chế Cương, lấy Cương chế Nhu. Kẻ thắng cuộc là kẻ có công lực cao hơn... Căn cứ vào võ học Trung Quốc, Kim Dung để cho các

nhân vật của mình thi triển võ công theo 2 cách : trực tiếp và gián tiếp. Trong cách đánh trực tiếp; chưởng, trảo, chi, quyền... phải đụng đến người địch thủ. Trong cách đánh gián tiếp; chưởng, trảo, chi, quyền không đụng đến địch thủ. Kim Dung gọi đó là cách không. Cách không điểm huyệt chí pháp của Kiêu Phong. Lục mạch thần kiêm của Đoàn Dự (trong LMTKT), Thái thương quyền của Tạ Tốn (trong YTĐLK) đều có cái khả năng cách không này. Đặc biệt, Kim Dung có đề cập đến Cánh sơn đả ngũ thần công (thần công đánh vào con trâu qua trái núi). Trong LMTKT, ông đã đề cho quốc sư nước Thổ Phồn dùng Ban Nhược chưởng đánh vào đỉnh đồng bên này, đỉnh đồng không phát ra tiếng động và vẫn lành lặn nhưng phía bên kia lại lùng. Cách diễn tả như vậy nghe hơi phi khoa học nhưng lại làm thỏa mãn trí tưởng tượng vốn phong phú của người.

Kim Dung đặt tên cho các loại võ công rất độc đáo và riêng trong khía cạnh này, ông cũng đã tự chứng minh được trình độ viết tiểu thuyết của mình. Một là - võ công thường gắn liền với nguồn gốc xuất thân. Thí dụ các nhà sư xuất thân từ phái Thiếu Lâm thì phải biết sử La Hán quyền, Niêm hoa chi, Thiếu Lâm trường quyền, Di Đà chưởng, Giáng ma trương... Ai xuất thân từ đạo gia Võ Đang thì có Thái cực quyền, Võ Đang miên chưởng. Hu Trúc học được võ công của phái Thiên Sơn thì võ công đó được gọi là Thiên Sơn lục dương chưởng, Thiên Sơn lục dương chi, Thiên Sơn chiết mai thủ... Hai là - Tên của môn võ công thường gắn liền với những chiêu thức, đòn thế của môn võ công ấy. Trong tinh thần này, người đọc tìm thấy Giáng long thập bát chưởng (mười tám chưởng hạ rồng), Liên hoàn thập tam cước (mười ba thế đá liền nhau), Độc Cô cửu kiêm (chín thế kiêm của Độc Cô Cầu Bá). Ba là - tên của môn võ công thường gắn liền với sinh hoạt, đặc điểm của động vật. Trong tinh thần

này, ta thường gặp trong tác phẩm của Kim Dung những Xà quyền (quyền rắn), Đại thánh quyền (quyền khi), Áp hình công (công phu đánh sát đất như tướng đi của con vịt), Hám mỏ công (công phu ngồi hét như con éch), Ung trào công (vuốt chim ưng), Ké trào công (vuốt móng gà). Ngay đến con rồng - một động vật trong linh thoại cổ Trung Quốc - cũng có công phu : Long trào công. Bốn là - tên của võ công gắn liền với tinh chất, hậu quả khi sử dụng võ công đó. Trong tinh thần này, ta thường gặp Tam tiểu tiêu dao tán (thuốc bột gây ra cái chết mà trước khi chết, người ta cười ba lần), Thát thương quyền (loại quyền muốn luyện thành phải chịu 7 thứ nội thương trong phủ tạng), Tồi tâm chưởng (loại chưởng đánh vào người không bầm dập mà vỡ trái tim), Hóa thi phán (loại thuốc bột rắc vào xác người làm tiêu ra nước)...

Kim Dung có một bề dày kiến thức về y học cổ Trung Quốc. Một số nhân vật của ông thường vừa giỏi võ công, vừa tinh thâm y thuật, phối hợp y thuật với võ công hoặc để cứu người, hoặc để chế ngự người. Trong TNGHK, ta bắt gặp nhân vật Sát nhân danh y Bình Nhứt Chi, cứu người chỉ cần 1 ngón tay và giết người cũng chỉ cần 1 ngón tay. Trong TNGHK, ta gặp Điện cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và sau đó, là Trương Vô Ky, giỏi về chữa thương, phục hồi kỳ kinh bắt mạch. Thuốc độc và phóng độc cũng là một loại võ công. Trong TNGHK, ta gặp Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Trong *Lãnh Nguyệt Bảo Dao*, ta gặp Độc vương chuyên đánh thuốc độc.

Cũng theo Kim Dung, âm nhạc là một dạng võ công có thể chế ngự được địch thủ. Một số nhân vật của ông như Côn Luân tam thánh Hà Túc Đạo (trong YTDLK), Cầm tiên Khang Quảng Lang (trong LMTKT), Nhậm Doanh Doanh

và Lưu Chính Phong (trong TNGHK)... đã dùng tiếng đàn, tiếng sáo, hoặc để chữa thương, hoặc để khắc chế địch thủ. Trong TNGHK, đoạn cảm động nhất là đoạn Doanh Doanh đàn khúc Thanh Tâm Phố Thiện Trú để xoa dịu thần kinh cho Lệnh Hồ Xung khi chàng trai này bị trọng thương.

Viết về võ công nên kiến thức võ học của Kim Dung rất uyên bác. Ông Yên Thị Đỗ Cầu Khách trên tờ *Tân Hoa Báo* cho biết rằng Kim Dung thường tham khảo ý kiến của các võ sư về đòn thế, về cách xuất chiêu, nhả kinh lực của từng thế võ. Ông dung hợp võ công với y học Trung Quốc, tạo cho người đọc sự thú vị tuyệt vời, điều mà những tác giả truyện võ hiệp khác chưa làm được. Đặc biệt, khi viết về những võ công của các bang hội, giáo phái khác ngoài lãnh thổ Trung Quốc, kiến thức võ học của ông đã được thực hiện rất tinh tường. Đại thi hào Ba Tư Omar Khayyam đã ghi nhận võ công Báihóagiao (Minh giáo) Ba Tư được ghi lại trên 8 tấm thẻ Thánh hòa lệnh và tâm pháp thì được ghi lại trên những tấm da dê. Kim Dung đã nghiên cứu đoạn kinh mở đầu của Báihóagiao Ba Tư, đã dung hợp ý kiến của Omar Khayyam để xây dựng nên những đoạn mô tả về sinh hoạt của Minh giáo Trung Quốc và thần công Càn khôn đại nă di của Minh giáo Trung Quốc (YTDLK).

Một điều cần chú ý là Kim Dung không lạm dụng khuynh hướng đa sát trong tiểu thuyết võ hiệp, điều mà ta thường gặp trong các loại phim Viễn Tây (Mỹ) và phim chưởng Hong Kong cũng như ở một số tiểu thuyết gia khác viết truyện võ hiệp. Trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung có mô tả 2 trận đa sát : một là đoạn Kiều Phong bị quân hùng Trung Nguyên vây hãm ở Tụ hiền trang (LMTKT), hai là đoạn phái Tung Sơn bịt mặt giả làm người của Ma giáo vây

hầm phái Hàng sơn ở Long Tuyền (TNGHK). Chủ Nhân của đạo Khổng đã được ông tôn trọng một cách hết sức nghiêm túc đúng như quan niệm của Khổng Tử : "Nhân giả nhân dã" (Đạo nhân là đạo của con người vậy). Đọc văn của ông, người ta chỉ thấy cai thiên chế ngự được cai ác, cai chính nghĩa thắng cai gian tà và tinh thần nhân đạo được đề cao triệt để. Những nhân vật bình thường nhất cũng biết tha thứ cho kẻ thù, cũng nói được "Oán thù nên giải chứ không nên kết" hoặc "Hồi đầu thị ngạn" (quay đầu lại là nhìn thấy bờ) . . . Và họ đã tha thứ cho nhau. Những nhân vật ma đầu, đầy minh tội lỗi như Đinh Xuân Thu, Du Thần Chi, Lâm Bình Chi, Thạch Trung Ngọc . . . cuối cùng rồi cũng chỉ bị phê vỡ công, đưa cho những người nhân hậu quán chế để khỏi đi gieo rắc cái ác. Không có ai bị giết, bị hành hạ, bị trả thù đau đớn.

Tất cả nỗ lực của Kim Dung nhằm minh hoa một nguyên tắc lớn : chữ Võ không bằng chữ Hiệp. Các nhân vật chính phái của ông hành hiệp cứu đời, xả thân vì cuộc sống, cứu vớt kè trâm luân, đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ hòa bình hạnh phúc cho trăm họ. Họ không mưu cầu lợi danh, địa vị riêng cho mình. Đoạn tiêu biểu nhất cho cái Hiệp trong tác phẩm Kim Dung là đoạn Trương Võ Ky, giáo chủ Minh giáo Trung Quốc, chỉ huy các lực lượng kháng Nguyên, bị một thuộc tướng của mình là Chu Nguyên Chương đánh thuốc độc và bắt giam. Chu Nguyên Chương có tham vọng lên ngôi thống lãnh. Trương Võ Ky có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay nhưng đã không làm điều đó. Anh đã lặng lẽ bỏ ra đi để được suốt đời ngồi vẽ lông mày cho người yêu là Triệu Minh. Chu Nguyên Chương kháng chiến chống Nguyên thành công lên ngôi cửu ngũ, mở ra nhà Minh, truyền được 263 năm (1380 - 1643).

Cái mà người ta tìm được trong tác phẩm Kim Dung chính là lòng nhân ái. Lòng nhân ái đó đặt trên cơ sở của tu tưởng Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo phương Đông. Trong khi các nhân vật của ông sử dụng võ công để đánh nhau, họ vẫn tôn trọng lòng nhân ái mà “hạ thu lưu tình” (xuống tay vẫn giữ được tình người). Hai kẻ thù đánh nhau, đèn kia chia tay vẫn có thể nói được lời từ biệt : “Non xanh trơ đó, nước biếc còn đây, còn ngày gặp gỡ”. Chiêu thức võ công nào có cái tên gọi độc ác qua, được đổi tên ngay : Thủ Lưỡng bại câu thương (đôi bên cùng chết) của phái Võ Đang được đổi tên thành Thiên địa đồng thọ (đất trời cùng tồn tại) và được khuyến khích không đem ra sử dụng. Võ công làm nẹn tiêu thuyết võ hiệp nhưng không quyết định nội dung tiêu thuyết võ hiệp. Cái quyết định chính là chữ Hiệp, đứng sau chữ Võ.



Chương 4

Rượu
trong truyện võ hiệp
Kim Dung

Cùng như nhiều dân tộc khác ở vào vùng khí hậu lạnh, dân tộc Trung Quốc thường thích rượu. Khái niệm rượu đã được người xưa kết hợp với khái niệm lễ, không có rượu không thành lễ nghi (vô tửu bất thành lễ). Rượu là thức uống kích thích niềm sảng khoái, được dùng trong y được Trung Quốc như là một chất xúc tác. Thời Tam hoàng, Ngũ đế đã có những bài thuốc ngâm rượu, những cách xông hơi rượu ra đời. Trong những tác phẩm võ hiệp tiêu thuyết của Kim Dung, rượu luôn luôn có mặt, dàn trải khắp cả câu chuyện.

Chắc hẳn những bạn đọc tác phẩm Kim Dung đều đồng ý rằng đoạn *Tiêu luận* của Tô Thiên Thu trong TNGHK là đoạn gây sảng khoái nhất. Với đoạn văn này, Kim Dung đã nâng nghệ thuật uống rượu lên thành một thú đạo - tửu đạo và với cách diễn đạt tài tình, dàn cảnh oái oăm, Kim Dung đã thực sự cuốn hút người đọc hơn tất cả những đoạn văn nào khác trong toàn bộ truyện. Tô Thiên Thu biết được Lệnh Hồ Xung, người yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh đang

bị bệnh mất hết công lực. Anh ta bèn ăn cắp Tục mènh bát hoàn (8 viên thuốc duy trì mạng sống) của một người bạn thân là Lão Đầu Tư, hòa vào rượu để dần dà cho Lệnh Hồ Xung uống. Nguyên Lão Đầu Tư đã bỏ ra 18 năm để ăn cắp những kỳ trân được vật trên khắp thế gian, ché ra 8 hoàn thuốc thuần âm, chữa trị chứng "Tiên thiên bất túc" (một dạng suy dinh dưỡng) cho con gái mình là Tiêu Dỵ. Trong khi đó bệnh của Lệnh Hồ Xung thuộc trạng thái dư khí âm hàn. Cho nên đem thuốc thuần âm cho kẻ dư khí âm hàn uống khác nào sông Trường Giang, sông Dương Tử nước đã đầy lại được thao nước hồ Bán Dương, hồ Động Đinh đưa vào cho nước đầy thêm lên, hòa ra hại càng thêm hại. Tổ Thiên Thu biết Lệnh Hồ Xung là người khăng khái, không chịu uống thuốc ăn cắp nên y bày đặt ra chuyện tếu luận, kích thích tình thần Lệnh Hồ Xung. Theo y, bậc danh sĩ phải biết uống từng thứ rượu với từng thứ chung riêng : rượu bò đao uống chung dạ quang; rượu trúc diệp thanh phải uống với chén Dương chi bạch ngọc mà phải là Dương chi bạch ngọc thời Bắc Tống; rượu trắng phải uống trong sừng trâu, lấy mùi tanh của sừng chế ngọt mùi men nồng của rượu; rượu bách thảo mỹ tửu được chế với 100 thứ hoa cỏ thơm phải được uống với chung bằng trúc để thơm hơn, ngon hơn ... Y nói một hơi 8 thứ rượu và móc trong bọc ra 8 thứ chén, rót rượu vào mời Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung tức khi, nuốt sạch 8 chén rượu; có chén thum thùm mùi cá ươn, có chén cay sè, có chén rất rát như ngàn dao đâm vào cổ họng ... Thiện ý của Tổ Thiên Thu là cứu người nhưng vì hắn đốt nát về y lý hóa ra đã làm hại người.

Trong TNHK, Kim Dung xây dựng nhân vật Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, là một chàng *du tử lang man, quý rượu hơn tính mạng mình*. Đoạn buồn cười nhất là đoạn Lệnh Hồ Xung xin rượu lão khiếu hóa (án mày)

dưới chân núi Hành Sơn. Lệnh Hồ Xung chỉ xin lão khiếu hóa cho uống một tóp va lão cũng đồng ý cho uống một tóp mà thôi. Nào ngờ, nghe hơi rượu ngon, Lệnh Hồ Xung đã vạn Hồn nguyên khí công, uống sạch bát rượu của lão khiếu hóa. Lão khiếu hóa lân dung ra khóc vì tiếc bát rượu. Lệnh Hồ Xung đành phải xin lỗi và mời lão vào trú lâu, để lão một trận tan khôn tuy lúy.

Trong khi uống rượu, các nhân vật của Kim Dung thường thể hiện phàm cách người đối ẩm với mình. Đoạn uống rượu đẹp nhất và khiến cho người đọc kinh ngạc nhất là đoạn Diên Bá Quang mời rượu Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ phạt giam trên đỉnh Ngọc Nữ phong để ăn năn, sám hối. Biết bạn rất nhớ rượu, Diên Bá Quang đã vượt 5000 dặm về tới kinh đô Lạc Dương, vào hoàng cung của vua Tống, ăn cắp 2 hũ Thiệu Hưng nữ nhì hồng. Diên Bá Quang phóng cước đá bể tất cả các hũ rượu còn lại để “bọn rúa quan không còn được uống thứ rượu quý này nữa” vì trên đời này “chỉ còn Diên mồ với Lệnh Hồ huynh đệ mới xứng đáng được uống nó mà thôi”. Tuy nhiên, gánh hai hũ rượu lên Ngọc Nữ phong là chuyện dễ mà được đối ẩm với Lệnh Hồ Xung mới là chuyện khó bởi Diên Bá Quang rất sợ sư phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bát Quán. Hắn bèn nghĩ ra một mánh lới rùng rợn : gây một số án mạng ở vùng Giang Bắc rồi về ký hiệu của khoái dao Diên Bá Quang lưu lại. Quá nhiên, Nhạc Bát Quán mắc mưu điệu hỏa ly son, xuống núi đi tìm Diên Bá Quang. Hắn ung dung gánh rượu lên Ngọc Nữ phong đối ẩm, cười giòn với Lệnh Hồ Xung mà chẳng còn úy kỵ ai nữa !

Nhà nho có câu : “Bậc quân tử lấy văn chương để kết bạn” (quân tử dĩ văn hội hữu). Kim Dung đã mượn chén rượu cho những nhân vật và làm của mình kết bạn với nhau.

Trong tình bạn hay trong tình yêu, chén rượu vẫn làm vai trò của cơ duyên hôi ngò.

Đọc LMTKT, ta thấy cuộc hội ngộ giữa Kiều Phong - bang chua Cai bang và Đoàn Dự - vương tử nước Đại Lý, là cuộc hội ngộ trong hương rượu nồng. Thoát ra khỏi cảnh giam cầm ở Thái Hồ, Đoàn Dự tìm đến một quán rượu ngoài thành Vô Tích thì bắt gặp : “*Một đại hán hai mắt sáng như điện, trạc ngoại 30, thân thể cao lớn, mặc áo vải màu tro, phục sức sơ sài, mộc mạc*” đang ngồi độc âm. Đoàn Dự nhận định : “*Đây chắc chắn là hao khách của Yên. Triệu Giang Nam quyết không thể có nhân vật thê này*”. Ngoại hình Kiều Phong đã khiến cho Đoàn Dự kính ngưỡng. Anh mời Kiều Phong uống rượu. Kiều Phong gọi tất cả 30 cân rượu (tương đương 18 lít) và đề nghị Đoàn Dự uống bằng bát lớn. Đoàn Dự nào đâu biết uống rượu ? Cho nên, uống xong bát đầu tiên, anh đã muốn gục xuống tại chỗ ; Kiều Phong chỉ nhìn anh mà túm tim cười. Đến đây thì Kim Dung “cứu” nhân vật của mình. Vốn Đoàn Dự đã học được tuyệt kỹ Lục mạch thần kiêm, quy khí lực vào huyệt Đan điền rồi vận công phóng kiêm khí vô hình ra 6 ngón tay. Từ kiêm khí, Kim Dung cho phép nhân vật của mình phóng ra … kiêm tửu. Đoàn Dự nạp hết số rượu vào huyệt Đại truy, rồi dẫn rượu đi qua các huyệt Thiên tôn, Kiên chân, Tiểu hải, Chi chính, Dương lão, Dương cốc. Hậu thoát và “phóng” rượu ra nơi ngón tay Thiếu trạch (ngón út). Anh ta cứ gác tay trái lên vách quán rượu, uống bao nhiêu vận nội lực phóng rượu ra bấy nhiêu khiến Kiều Phong kinh hoàng, tưởng là tu魘 lượng chàng thư sinh này cao không kẽ xiết ! Từ cuộc đấu rượu hy hữu đó, họ nhận ra phẩm chất của nhau và kết nghĩa làm anh em. Cuộc đối ám giữa Kiều Phong và Đoàn Dự làm cho người đọc vừa sảng khoái lại vừa buồn cười.

Rượu nỗi kêt tình bạn và cung chính rượu tạo ra hào khí Trong LMTKT, có đoạn nhà sư Hu Trúc, cung chủ cung Linh Thủ bài kêt Kiêu Phong làm đại ca trước mặt quân hùng Trung Nguyen khi Kiêu Phong đang bị quân hùng vây hãm. Từ nước Khất Đan, Kiêu Phong dẫn 18 tên lính trung thành gọi là Yên vân thập bát kỵ, mang theo 36 bao da trâu đựng rượu quay về chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc). Nơi đây, anh bị quân hùng vây hãm. Trong cảnh nguy nan, bỗng dung Đoàn Dự xuất hiện. Hai anh em đang bưng rượu lên uống thì một nhà sư xáu xí trong đội ngũ chùa Thiếu Lâm chạy ra : "Đại ca với tam đệ uống rượu sao không gọi ta ?". Nhà sư đó là Hu Trúc. Hu Trúc đã kết nghĩa với Đoàn Dự nhưng chưa được bái kiến Kiêu Phong. Mặc dù quy luật giới tửu (cấm rượu) của chùa Thiếu Lâm rất khắt khe nhưng khi đã thấy đại ca và tam đệ uống rượu để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, Hu Trúc cũng nỗi hào khí, muốn uống rượu trước mặt quân hùng để chia sẻ với hai người anh em những hoạn nạn sẽ xảy ra. Và quả nhiên, bầu rượu nghĩa tình đó đã làm nên đại sự. Kiêu Phong chế ngự được kè đại ác Du Thán Chi, vuơn tay xách cổ Cô Tô Mộ Dung Phục như người ta xách một con gà. Đoàn Dự sử dụng 6 ngón tay vận Lực mạch thần kiém đánh cho Mộ Dung Phục thất diên bát đảo, phơi bày toàn bộ âm mưu đen tối của nhà Mộ Dung. Hu Trúc vận Bắc minh chân khí, biến những giọt rượu hóa thành băng làm một thứ *Sinh tử phủ* cấy vào người gã đại ác Đinh Xuân Thu, chế ngự và sanh cầm gã. Bọn Yên vân thập bát kỵ, mỗi người một túi rượu, phanh cổ áo để lộ hình tượng con chó sói được xăm trên ngực của dân tộc Khất Đan, hú lên những tiếng hoang dã, ngừa cổ uống rượu, thể hiện quyết tâm liều chết với chủ tướng Kiêu Phong. Chưa có một đoạn nào trong tiểu thuyết cổ kim miêu tả hào khí của con người trước gian nan thử

thách hay hơn đoạn của Kim Dung viết về cuộc hội ngộ của 3 anh em Kiều Phong - Hư Trúc - Đoàn Dự dưới chân núi Thiếu Thất.

Nhưng rượu trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung không chỉ uống trong lúc đoàn viên mà còn uống trong những khi lâm biện đầy máu và nước mắt. trong bài *Võ Công Trong Tác Phẩm Kim Dung* đăng trên *Kiến Thức Ngày Nay*, tôi đã nhắc sơ lược đến trận ác đấu của Kiều Phong tại Tụ hiền trang. Từ khi biết mình là người Khất Đan, Kiều Phong chỉ mong tìm về bên kia Nhạn Môn quan để suốt đời săn chôn đuối thò, tuyệt không dính dấp gì đến giới võ lâm Trung Quốc nữa. Nhưng hoàn cảnh đã bó buộc ông phải cứu lấy cô bé A Châu và ông đã bê nàng đến Tụ hiền trang ra mắt Tiết Mộ Hoa, nhờ viên thần y này giúp đỡ. Hóa ra, Kiều Phong đã tự đưa thân vào chỗ hung hiểm : quân hùng Trung Quốc đang họp nhau tại Tụ hiền trang để bàn kế sách tuyệt diệt ông, loại Liêu cầu man rợ ! Kiều Phong nhìn những kẻ đang vây hãm mình. Họ là những anh em ruột thịt của ông ngày trước ở Cái bang, là những bạn bè tốt của ông thuộc các võ phái Trung Quốc, là những người mà ông chưa bao giờ có ý niệm thù hận, căm ghét. Nhưng cuộc hội diện giữa Tụ hiền trang lúc đó là một mất mát còn, là ta sống thi ngươi chết. Kiều Phong đã đề nghị anh em Du Ký - Du Câu, chủ nhân Tụ hiền trang - cho xin mấy vò rượu lớn. Ông rót rượu ra bát lớn, mời anh em Cái bang uống trước để nói lời cuối cùng dứt tình đoạn nghĩa. Ông uống với bạn bè các môn phái mỗi người một bát. Có kẻ bụng tè rượu uống dứt tình với Kiều Phong mà nước mắt tuôn rơi. Rồi sau đó, Kiều Phong đại khai sát giới, tìm con đường sống riêng cho mình, chạy về bên kia Nhạn Môn quan ngàn trùng xa cách.

Có trường hợp uống rượu tương như là chia biệt hóa ra lại là đoàn viên. Đó là trường hợp uống rượu kỳ cục của Câu Tạp Chùng (Thạch Phá Thiên), một thiều niên ngây thơ, trong tráng trước hai ông anh kết nghĩa đầy mưu mô xao quyết là Trương Tam và Lý Tú. Trương Tam, Lý Tú thật ra chỉ là tên giả mạo; họ chính là 2 sứ giả Thương Thiện và Phật Ác của đảo Long Mộc ngoài biển Đông. Trương Tam và Lý Tú cũng giả vờ kết nghĩa với Thạch Phá Thiên, cung thề đồng sinh đồng tử nhưng trong bụng hai lão chỉ muốn chàng thiều niên này chết đi cho khuất mắt. Trương Tam có bầu rượu dương cương, Lý Tú có bầu rượu âm nhu, mỗi lão tự uống bầu rượu của mình và lão này rất sợ thứ rượu của lão kia. Kết nghĩa xong, chàng thiều niên Thạch Phá Thiên đề nghị... uống rượu. Thạch Phá Thiên ngây ngô, xin được uống đủ hai thứ rượu trong cả hai bầu. Trương Tam, Lý Tú cả mừng vì định ninh thề nào thằng nhỏ này cũng chết tươi do hai thứ rượu. Một lần nữa, Kim Dung lại “cứu” nhân vật ngây thơ trong tráng của mình: Thạch Phá Thiên đã từng ngộ kỷ duyên, con người chàng ta dung hòa được cả hai loại chất độc dương cương và âm nhu. Cho nên, uống rượu xong chàng những chàng trai trẻ không chết mà công lực còn tăng tiến. Trương Tam, Lý Tú hối hận và xấu hổ vô cùng. Từ tinh bạn giả trá, họ đã đổi ra tình bạn chân thành. Câu Tạp Chùng (chó lợn giống) trở thành người em tốt của Thương Thiện và Phật Ác. Đó là chương uống rượu thú vị nhất trong toàn bộ truyện.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung còn làm nên tình yêu lứa đôi, giàu chất thơ lãng mạn. Có những lứa đôi gặp gỡ lần đầu tiên qua chén rượu và tình yêu bắt nguồn từ đó. Trong **Ý Thiên Đà Long Ký**, Trương Thúy Sơn làm quen với Hân Tô Tô qua chén rượu trên đảo Vương Bàn Sơn.

Trương Vô Ky cung gặp gỡ và yêu quận chúa Triệu Minh qua chén rượu. Đoạn giàu chất thơ nhất của *Ỷ Thiên Đồ Long Kỳ* là đoạn Triệu Minh nhớ Vô Ky, tìm lên lâu lầu ở Đại Đô (Bắc Kinh) và ngồi dừng vào cái bàn mà hai người đã từng ngồi đối ẩm. Thiếu vắng Vô Ky, cô cũng gọi một bình rượu, thức ăn, hai cái chén, hai đôi đũa, hai chung rượu. Cô rót rượu ra dù hai chung, uống một chung và nước mắt rơi. Đúng lúc đó thì Trương Vô Ky xuất hiện. Và họ tìm lại được hơi ấm tình yêu trong chung rượu đối ẩm. Trong TNGHK, Lệnh Hồ Xung thường đối ẩm với người yêu là Doanh Doanh. Một nhân vật khác, Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam - cũng rất say đắm Lệnh Hồ Xung. Cô mang vỏ rượu Ngũ độc mỹ tửu, trong đó ngâm 5 thứ trùng độc, từ Vân Nam về đến Giang Nam để chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Cảm xúc trước tấm thanh tình đó, Lệnh Hồ Xung đã uống rượu cho cô vui lòng. Tác giả đã để cho Lam Phượng Hoàng hồn Lệnh Hồ Xung trước mặt mọi người, trước sự phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Trong con mắt của Lam Phượng Hoàng, kẻ biết uống rượu của cô mới là người tốt. Trong LMTKT, mỗi khi trở về Nhạn Môn quan, Kiều Phong nhớ A Châu là tìm đến chung rượu giải sầu. Đoạn đẹp nhất trong mối tình hai người là đoạn Kiều Phong nghe A Châu tâm sự : “Đại gia ai, tiểu nữ nguyên suốt đời đi theo đại gia về bến kia Nhạn Môn quan săn chồn đuổi thỏ, sống cuộc đời ung dung khoái lạc”. Nghe cô bé tâm sự, Kiều Phong cao hứng. Trong cái quán nghèo ngoài biên giới không có một giọt rượu, ông cũng giả vờ nâng cái chén không lên, ngừa cô ra như đang thực sự thưởng thức men rượu nồng. Trong *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện*, có cô bé Quách Tường 16 tuổi, say mê người anh họ mình là Thần điêu đại hiệp Dương Quá. Mặc dù Dương Quá chạy

theo hình bóng của sư phụ là Tiêu Long Nữ, không hiểu đến mối tình si của Quách Tường, Quách Tường vẫn vượt ngàn dặm ra đi tìm anh. Trong túi hành trang của cô bé luôn luôn có một bầu rượu. Cô chỉ có một ước mong : cùng Dương Quá đôi âm. Nhưng ước mong đó không bao giờ thành hiện thực. Quách Tường lên núi đi tu, trở thành sư tổ phái Nga My.

Những lứa đôi yêu nhau trong tác phẩm Kim Dung uống rượu như tê uống cà phê. Họ gặp nhau là mời nhau chén rượu, trang trọng, cung kính. Không có ai uống rượu đến nỗi quàn áo xóc xech, ong bướm la lối. Chén rượu trong tiêu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo tính cách đạo đức lạt lùng mặc dù khung cảnh lăng mạn vô kể : uống trong quán khuya vắng người, uống trong căn phòng chỉ có hai người giữa đêm mùa đông tuyết rơi lá tả, uống trên con thuyền nhỏ chơi vơi giữa đêm trăng trên giòng trường giang mênh mông ...

Nhân vật Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn trong *Tiêu Ngao Giang Hồ* Ký luôn luôn gắn liền tâm hồn mình với chén rượu. Kim Dung mô tả Mạc Đại : "Tương mạo tiên sinh diệu linh cổ quái, lúc nào cũng nhu ba phần tinh, bảy phần say". Mạc Đại có cây dao cầm rất cù kỵ, trong đáy dao cầm lại giắt một lưỡi kiếm mỏng như lá lúa. Tiên sinh xuất hiện dưới chân núi Hành Sơn, trong quán rượu, đầy ấn tượng. Quản hùng gồm 9 gã, uống 9 chung rượu, đang ngồi nghị luận rằng võ công Mạc Đại còn kém thua sư phụ mình là Lưu Chính Phong vì Lưu Chính Phong đánh ra một đường kiếm là dứt đầu đến 7 con chim nhạn. Lúc đang nói chuyện cao hứng thì một ông già gầy gò đi đến, ngoéo cổ nhìn các hán tử và bảo : "Các ngươi

nói thui lám". Rồi bỗng dung, các gã hán tử chỉ thấy trước mắt hoa lên một cái như có một luồng ánh sáng lấp lánh. Ông già gầy gò bộ đi, tiếng dàn tinh tang xa dần. Một con gió nhẹ thoổi qua trên bàn rượu, 9 cái miệng chén bị cất đứt ha lán lượt rơi xuống mặt bàn, vỡ tan. Hóa ra, kè lam lú ây là Mạc Đại tiên sinh. Ông già say áy rút kiếm ra khi nào, chém 9 miệng chén khi nào, đứt kiếm vào đáy cây dao cầm khi nào, không ai nhìn rõ được. Chỉ với 1 đường kiếm tiện đứt 9 miệng chung rượu thì 7 đầu chim nhạn phòng có là bao! Rõ ràng, trong đoạn văn này có hai thứ rượu: một thứ rượu say sinh ra nói bậy của 9 hán tử và một thứ rượu cực kỳ tinh táo của Mạc Đại tiên sinh.

Rượu trong truyện võ hiệp của Kim Dung cũng biến thành một thứ vũ khí. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm* *Truyện*, bọn Dư bà bà của cung Linh Thủ tung bì rượu lên thành ra thế Mân thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời) cho chủ nhân của mình là Hư Trúc dùng Bắc minh chân khí, hóa rượu thành băng, không chế địch thủ. Rượu được dùng để pha độc dược, trừng trị những anh hào sắc. Vợ của Mã Đại Nguyên là Ôn thị tu tình với Đoàn Chính Thuần, em ruột nhà vua nước Đại Lý. Giận Chính Thuần lòng dạ lang chạ, Ôn thị đã pha bình Mê xuân trừu dụ cho Đoàn Chính Thuần uống, rồi trói lại và bắt đầu ... cắn từng miếng thịt của Đoàn Chính Thuần để trả thù. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, Vi Tiểu Bảo đã biết dùng Mê xuân trừu từ thuở bé. Mẹ của y là Vi Xuân Phương, làm diêm trong thành Dương Châu, đã từng pha thuốc mê vào rượu cho bọn làng chơi uống để trấn lột tiền tài, vật dụng. Đặc thủ được bài học lưu manh đó, khi làm quan lớn ở Bắc Kinh, Vi Tiểu Bảo cũng pha chế những bình Mê xuân trừu để hùm hại, vu cáo những kẻ thù của mình. Từ rượu độc, Vi Tiểu Bảo nghĩ ra những trò đấu độc

khác tệ hại hơn và tất nhiên, mức độ lưu manh hạ cấp cao hơn. Rượu trợ lực cho những màn tát oai tát quái của bọn quan lại triều Thanh. Để hành hạ Trịnh Khắc Sảng, kẻ tình địch ngày trước của mình, Vị Tiêu Bảo đã cho tiền để bọn thị vệ dưới quyền uống rượu thoái mái. Uống xong, chúng kéo qua tư dinh Trịnh Khắc Sảng, đòi nợ cho "bá tước" Vị Tiêu Bảo. Chúng đập phá nhà cửa, tài sản, lăng nhục Trịnh Khắc Sảng và vợ con, bắt cóc, giết người rồi vu cáo ...

Đọc tác phẩm của Kim Dung, ta biết được Trung Quốc có nhiều thứ rượu danh tiếng. Những nước phương Tây thường chỉ có vài ba tên rượu thì Trung Quốc có rất nhiều : Thiệu Hưng nồng hồng, Thiệu Hưng trạng nguyên hồng, Trúc diệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo túu, Biên tái túu, Hầu nồng túu, Bồ đào túu, Ngũ gia bì, Kim tước túu ... Đọc Kim Dung, ta mới biết được phong cách uống rượu của người Trung Quốc : rượu thường được hâm nóng trước khi uống, nhất là vào mùa đông. Thinh thoảng, trong vài tình huống đặc biệt, khi công nghiệp làm nước đá chưa ra đời, tác giả đã cho nhân vật mình làm ra băng để uống rượu. Trong **Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký** có đoạn lệnh Hồ Xung cùng Hướng Vân Thiên tìm về Cô mai sơn trang ở Giang Nam gấp gáp Giang Nam từ hữu. Để mời rượu Lệnh Hồ Xung giữa mùa hè nóng bức, Dan Thanh tiên sinh đã nhờ anh minh là Hắc Bạch Tử dùng Hàn băng chi hóa nước ra thành đá, ướp lạnh rượu Bồ đào Thổ Lò Phòn ! Đọc Kim Dung, ta mới biết được những cách uống rượu khác nhau. Đồi ẩm là hai người uống thường lá tình nhân hoặc băng hữu thân thiết. Độc ẩm là uống một mình, trong lòng đang có điều lo nghĩ hoặc tưởng nhớ. Cộng ẩm hay quần ẩm là một nhóm người cùng ngồi uống với nhau. Loạn ẩm là một đám đông cùng uống. Trong **Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký**, đoạn loạn ẩm hay nhất là đoạn bọn tà ma ngoại đạo thất tiệc Lệnh Hồ Xung trên gò Ngũ Bá

Cương đè lấy lòng Thánh cô Doanh Doanh. Thương nhau, quý nhau, người ta mới tặng rượu. Quản hào Cái bang Trung Quốc, tuy là đi ăn mày, đáng lẽ chỉ xin cơm, thì người ta còn xin cả rượu nữa !.

Chén rượu của Kim Dung đã làm cho những nhân vật của ông nổi tiếng. Hồng Thất Công nổi tiếng chuyên uống rượu với thịt chó. Kiều Phong nhờ uống rượu mới phát huy được thần oai, càng uống càng mạnh, càng uống càng tinh tao. Hư Trúc nhờ uống rượu, phà giới mà tìm ra được cô vợ sác nước hương trời : công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ. Thạch Phá Thiên nhờ uống hai thứ rượu độc mà hóa giải được sự xung đột của âm dương nhị khí, đạt đến mức thượng thừa trong võ học ... Ở chừng mực nào đó, Kim Dung đã nghĩ đến câu cổ thi :

*Cô lai thánh hiền gai tịch mịch
Duy hữu ấm già lưu kỳ danh*
(Thơ Lý Bạch)

(Xưa, nay thánh hiền đều lặng lẽ
Chỉ người uống rượu mới còn danh)

Tác phẩm của Kim Dung tràn đầy rượu và rượu. Trừ những nhà sư ra, các nhân vật khác của ông ít nhiều đều biết đến chén rượu. Rượu làm nên sự hưng phấn cho cuộc đấu tranh chống cái Ác, biểu dương cái Thiện và lẽ công bằng ở đời.

Uống rượu nhiều, tất có tình trạng say rượu xảy ra. Những người say trong tác phẩm Kim Dung cũng say một cách từ tế. Trong những hội loạn ầm, họ xai quyền thách đấu hoặc cãi cọ chửi bới. Duy nhất trong 12 bộ truyện, có 1

nhân vật say rượu phạm vào tội đại ác, trở thành một thứ tửu tặc. Nhân vật đó là Thành Khôn, sư phụ của Tạ Tốn trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*. Thành Khôn say rượu, đã làm nhục và giết hại vợ con của đô đệ mình. Y lén vào chùa Thiếu Lâm làm một nhà tu giả mạo dưới cái pháp danh Viên Chân. Kẻ tửu tặc ấy đã bị phát hiện, bị trừng trị.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung khác xa với rượu ở miền Viễn Tây Mỹ trong phim cao bồi, khác xa với rượu trong các hộp đêm trên toàn thế giới và càng khác xa với “rượu” trong các quán bia ôm, tiệm nhậu trong cả nước ta. Chính vì thế, tôi mạnh dạn gọi rượu trong truyện Kim Dung là một loại rượu đạo đức. Rượu thể hiện một thứ triết lý nhân sinh gần gũi cuộc sống, nó làm nên tình yêu, tình bạn, hận thù, sự tha thứ, mối hoài cảm, niềm hối tiếc. Qua rượu, tác giả Kim Dung hé mở cho chúng ta nhìn thấy một khoa học mới : tửu học. Với một chữ “rượu”, Kim Dung đã vượt xa hơn bất kỳ một nhà văn nào khác. Rượu của ông có bài bản, có tính chất triết lý tề chỉnh. Nó góp phần làm nên cái đẹp cho đời sống con người. Men rượu kết hợp với men tình, men võ khiến ta không “uống” được tác phẩm mà lòng vẫn say.



Chương 5

Âm nhạc
trong truyện võ hiệp
Kim Dung

Trong chương *Võ Công Trong Truyện Võ Hiệp Kim Dung*, tôi đã trình bày khái quát với các bạn rằng

Kim Dung quan niệm âm nhạc cũng như một thứ võ công, có thể giúp người ta dưỡng thương, chữa bệnh, mê hoặc và khắc chế địch thủ. Trên một đất nước Trung Quốc rộng lớn, đa chủng tộc và sắc tộc, nhiều loại hình âm nhạc đã ra đời và đã hình thành. Trong những tác phẩm võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành cho âm nhạc một vị trí quan trọng. Âm nhạc có ở khắp mọi nơi. Trong tác phẩm võ hiệp của ông, ta bắt gặp cái vỏ là sự đấu tranh của võ lâm đầy đau thương, sát máu nhưng cái ruột chính là tâm hồn nghệ sĩ khoáng dật, thanh thoát.

Có những tác phẩm mà âm nhạc như một sợi chỉ xuyên suốt, trở thành cốt lõi, chi phối toàn bộ và tạo nên cái hồn cho tác phẩm. Đó là trường hợp của *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* (TNGHK). Tác phẩm này lấy chủ đề từ một bản nhạc cầm tiêu hợp tấu giữa bạch đạo và hắc đạo, giữa chính và tà. Đó là bản nhạc hợp soạn giữa hai người nghệ sĩ, hai nhân vật võ lâm tiêu biểu : Lưu Chính Phong, sư đệ của

những mòn phái Hành Sơn và Khúc Dương, trưởng lão của Triệu Dương thần giáo. Vốn xưa, họ là người đứng ở hai thái cực, hai thế lực đối nghịch với nhau, coi nhau như cựu hận. Nhưng rồi âm nhạc đã nối kết tình bạn của Lưu - Khúc lại và người này nhìn ra bản chất nghệ sĩ tài hoa của người kia. Khúc Tiêu Ngạo Giang Hồ ra đời như kết quả của hai tâm hồn đồng thanh, đồng điệu và đồng cảm, một khúc nhạc có khả năng hóa giải sự biện biệt giữa chính và tà, xóa nhòa biên giới thù hận giữa hắc và bạch. Lưu Chính Phong và Khúc Dương, một cảm một tiêu, đã tâu khúc nhạc này đạt tới đỉnh cao nhất của âm nhạc "khoan hòa trung chính, khi mau sầm sập, khi khoan thai, chồ trầm lắng, chồ cao vút", tượng thông tâm ý. Lưu Chính Phong ăn mừng thọ 60, muốn rửa tay gác kiếm để tìm những tháng ngày ung dung tự tại giữa một đời đấu tranh trả nguy. Thế nhưng phái Tung Sơn mà lãnh tu là Tà Lãnh Thiên đã huy động hết lực lượng của Hoa Sơn, Hàng Sơn, Thái Sơn nhằm ngăn cản hành động của Lưu Chính Phong, vu cáo rằng "Lưu Chính Phong kết bạn tà ma", buộc Lưu phải tìm cách giết Khúc Dương, chặt đứt mối quan hệ với Triệu Dương thần giáo. Không đồng ý với cách bán bạn cầu vinh, Lưu Chính Phong đã bị một trận thảm kịch đau đớn : nhà tan người chết, bản thân bị trọng thương. Khúc Dương nhanh tay cứu bạn, đưa bạn chạy về dưới núi Hành Sơn. Nơi đây, hai đại cao thủ đã hợp tấu lần sau cùng trước khi qua đời rồi trao bản nhạc lại cho đệ tử phái Hoa Sơn là Lệnh Hồ Xung.

Phải chăng, khát vọng *Tiêu Ngạo Giang Hồ* không bao giờ có thể thực hiện được giữa một cuộc sống đầy đấu tranh, thù hận, chia rẽ và bạo lực? Cảm bần đàm của hai bậc tiền hối, Lệnh Hồ Xung phiêu bạt giang hồ, thân danh tàn tạ, bị khinh miệt, bị đánh, bị vùi nhục, bị vu cáo. Người ta cứ định nhìn rằng đó là một loại bí lục võ công thượng thặng ! Lệnh

Hô Xung gặp nàng Doanh Doanh trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, ngòi hết nỗi đau thương của đời mình, trong đó có niềm đau về mối tình đầu tan vỡ. Doanh Doanh đã dạy cho Lệnh Hô Xung khúc đàn *Thanh Tâm Phổ Thiện Trú* để duy trì mạng sống. Âm nhạc trở thành một liều thuốc chữa bệnh tâm thần, tạo nên sự hưng phấn, đem lại nguồn sống cho Lệnh Hô Xung. Đoạn dê thương nhất của TNGHK là đoạn Doanh Doanh đàn *Thanh Tâm Phổ Thiện Trú* ru cho Lệnh Hô Xung ngủ. Cuối cùng, âm nhạc cũng không đủ tác dụng vực dậy một tâm hồn đau thương trong một thê xác đã suy tàn, nâng đỡ tinh thần lang loned được chữa trị. Kết thúc của TNGHK là một kết thúc thật đẹp : Lệnh Hô Xung chữa được thương thế, cùng Doanh Doanh hợp táu bàn *Tiêu Ngao Giang Hồ*, sống một đời hòa bình, hạnh phúc, ung dung, khoái lạc.

TNGHK đưa ra một luận điểm triết lý sâu sắc : con người sinh ra không thể sống một mình, cũng không thể sống hai mình khi tâm ý chẳng tương thông. Khát vọng của *Tiêu Ngao Giang Hồ* chính là tình thương yêu con người đầm thắm. Sự giao hòa âm nhạc tạo nên giao hòa tình yêu và chỉ có tình yêu chân chính mới đạt đến hạnh phúc làm người.

Trong TNGHK, ta bắt gặp một loại hình âm nhạc khác - âm nhạc lang thang của chưởng môn phái Hành Sơn Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Với vóc dáng "*diêu linh có quái*", người chưởng môn áy từ chối quyền lực và danh vọng, mang một cây dao cầm trong đó có dấu một thanh kiếm mỏng như lá lúa, vui chơi bôn biển năm hồ. Kiếm để trừ diệt kẻ ác, dao cầm để dù dưỡng tâm hồn. Mạc Đại tiên sinh chính là hình tượng mà *Nam Hoa Kinh* của Trang Tử thường

mơ ước : "Khi cao lên 9000 dặm, nương mây cõi gió mà bay". Tiếc thay, ông ta chưa đạt được phong cách thần tiên thoát tục do bơi cái khúc *Tiêu Tương Dạ Vũ* mà tiên sinh thường hay hát là một "bài ca buồn bã có đi mà không có lại". Tiếng hát của tiên sinh là tiếng hát lênh đênh trong ảo ảnh sương khói và suốt đời, tiên sinh chỉ là một nghệ sĩ lang thang. Mạc Đại là nhà du ca lớn nhất trong TNGHK và trong toàn bộ tiêu thuyết võ hiệp của Kim Dung, một thứ thần tiên bị đọa phái nhập thể và nhập thể. Nếu Doanh Doanh chơi nhạc thính phòng thì âm nhạc của Mạc Đại là nhạc du ca.

Nhưng TNGHK không phải chỉ có chừng đó dạng âm nhạc. TNGHK còn có khúc *Sơn Ca Phúc Kiến* của Lâm Bình Chi mang về núi Hoa Sơn, dạy cho Nhạc Linh San hát. "Chị em lên núi hái chè" - câu sơn ca đó làm tan hòn nát ruột Lệnh Hồ Xung vì mỗi khi Nhạc Linh San hát lên, anh biết nàng ta đang nghĩ tới Lâm Bình Chi và phụ r้าย mối tình đầu của mình. TNGHK còn có một bài ca bợ đít rất buồn cười mà bọn giáo chúng Triệu Dương thần giáo đồng thanh hợp ca để tâng bốc Nhậm Ngã Hành khi lão vừa chiếm lại được ngôi giáo chủ. "Thánh giáo chủ văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thiên thu trường tri, nhứt thống giang hồ. Bọn thuộc hạ đưa lời cung nghinh thánh giáo chủ thương sinh trách bị, ơn khắp lè dân ...". Nguyên cái loại "âm nhạc" này phát xuất từ thời giáo chủ Đông Phương Bất Bại. Khi Bất Bại đã trở thành "tất bại", bọn giáo chúng Triệu Dương thần giáo mới dùng nó để ca ngợi Nhậm Ngã Hành. Cả ngàn con người cùng ngoác miệng hò ca chán động cả lỗ tai người nghe ! Thứ "âm nhạc" này bị coi là nhạc sến !

Trong bộ *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* (YTĐLK), Kim Dung đã để cho âm nhạc xuất hiện trước tiên với nhân vật Côn Luân tam thánh Hà Túc Đạo. Hà Túc Đạo tuổi ngoài 40,

khuôn mặt xương xương, giỏi kiêm, giỏi cò, giỏi đàn, được xương tung là Tam thánh, từ Côn Luân xuống Trung Nguyên. Ông ta có một khúc đàn tuyệt vời, có thể sai khiến trăm chim tụ họp về nhảy múa, ca hát gọi là *Không Sơn Điều Ngũ*. Cô bé Quách Tường, 16 tuổi đi tìm Dương Qua, đã gặp người trung niên tài hoa Hà Túc Đạo ngoài rừng chùa Thiếu Lâm, được nghe khúc *Không Sơn Điều Ngũ* và tiếng muôn chim ca hát. Hình ảnh trong sáng, tươi đẹp của cô đã in ngay vào trong tâm hồn chàng nghệ sĩ trung niên. Hôm sau, khi chiến đấu với 3 cao thủ Thiếu Lâm Tây Vực trước sự chứng kiến của Quach Tường, Hà Túc Đạo chỉ chiến đấu một tay, tay còn lại vận Cách không chỉ phóng vào cây dao cầm đang để dưới đất, mời Quách Tường nghe bản nhạc mình mới sáng tác tặng cô, kiêm chưởng thì sát phạt sắt máu, tiếng đàn lại lăng man xuân tình, u uất những thương nhớ. Cái công phu phân ý của Hà Túc Đạo quả thật hy hữu ! Cô bé Quách Tường thơ ngây nghe hết cung đàn, cảm động và đờ mặt vì biết Hà Túc Đạo đang dùng âm nhạc tỏ tình với mình. Thế nhưng, mối tình của Hà Túc Đạo cũng chẳng tới đâu. Hà Túc Đạo đánh thua sư Giác Viễn, hổ thẹn chạy về núi Côn Luân. Quách Tường yêu Dương Qua mà tìm nhau không gặp, lên núi Nga My đi tu, mở ra phái Nga My. Âm nhạc của Hà Túc Đạo cũng “có đi mà không có lại”. Nó trở thành bài biệt ca của tình yêu.

Nhưng âm nhạc hay nhất, đẹp nhất, mang giá trị nhân bản cao nhất vẫn là bài *Hòa Ca* của giáo chúng Minh Giáo (tức Bát hòa giáo), truyền từ Ba Tư (tên cũ : Perse - thời ấy chưa gọi Iran) sang Trung Quốc. Đây là bài ca được hát trên Quang Minh Đỉnh khi quân hùng Minh giáo bị quân hùng Trung Quốc vây hãm, vu cáo họ là tà giáo, có ý định đuổi tận diệt tuyệt. Theo tác giả Kim Dung, bài *Hòa Ca* lấy từ thơ của nhà thơ lớn Ba Tư Omar Khyan có những câu

được dịch thoát ra như thế này :

*Đốt tàn thân xác của ta
Ngọn lửa thánh bốc cháy lên đỏ rực
Sông đã chẳng có chi là hạnh phúc
Thì chết đi nào có khổ đau gì
Vì thiện lương, ta trù cái ác
Nèo quang minh cứ vậy mà đi
Hỷ, Lạc, Sâu, Bi xin gửi về cát bụi
Tôi nghiệp thay người đời hoạn nạn lầm kẽ*

Giữa cảnh đang bị cường địch bao vây, giáo chúng Minh giáo vẫn ung dung tự tại hát lên bài *Hòa Ca* dâng lên đức giáo chủ Minh Tôn Di Lạc, bày tỏ tấm lòng của mình với cuộc đời và thể hiện khi phách hiên ngang trước cái chết. Trương Vô Ky đã nghe được bài ca đó và nhận ra rằng Minh giáo là một đạo nhân bản, rằng những lời kết án Minh giáo là bằng mòn té đạo là những lời xuyên tạc, rằng việc chống lại người Minh Giáo là hành động phi nhân. Và anh đã xả thân cứu quẫn hùng Minh giáo, nguyện hiến thân vì trẫm họ để cho giáo chúng Minh giáo được sống. Anh được Minh giáo Trung Quốc bầu lên làm giáo chủ, huy động các lực lượng Minh giáo chống lại quân Nguyên, dành lại được giang sơn từ giống nòi di tộc. Chu Nguyên Chương lên ngôi cũng còn biết nhớ nguồn gốc của mình xuất thân từ Minh giáo nên đặt đế hiệu là Minh Thái Tổ. Người Minh giáo mặc áo đạo bào trắng, trước ngực áo có vẽ ngọn lửa đỏ, gắp nhau chào bằng hai bàn tay chắp lại thành hình ngọn lửa. Và Thánh ca của họ chính là bài *Hòa Ca*, bài ca mang một giá trị nhân bản, nhân đạo tuyệt vời.

Trong *Lục Mạch Thần Kiêm Truyền* (LMTKT), âm nhạc mới phong phú làm sao. Trước hết, người ta dễ nhận

ra bài ca “chiến thắng” è a của bọn lính Khất Đan sau những cuộc “hành quân” qua thảo nguyên ngoài Nhạn Môn quan. Bọn chung bắt đàn bà, giết trẻ em, tước đoạt tài vật của những gia đình lương dân Trung Quốc. Ấy thế mà chúng vẫn hát được ! Cũng trong bộ truyện này, người đọc thật sự cảm thấy thú vị với bài ca bợ dít của bọn đệ tử phái Tinh Tú nhảm ca ngợi Tinh Tú hãi lão ma Ðinh Xuân Thu. Mỗi khi Ðinh Xuân Thu xuất hiện hay lâm trận, bọn đệ tử đồng thanh hát :

*Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thố
Oai lực vô biên
Đánh đâu thắng đó*

Nhân vật Phong Ba Ác, một thuộc hạ của Cô Tô Mô Dung Phục đã làm cho phái Tinh Tú mắc hòm khi cất giọng solo bài này dưới chân núi Thiếu Thát chùa Thiếu Lâm để bọn đệ tử Tinh Tú “hợp ca” theo :

*Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thố
Oai lực vô biên
Thôi hơn rám chó.*

Đem “rám chó” vào trong bài ca để hướng dẫn bọn đồ đệ Tinh Tú hát theo làm trò cười cho thiên hạ, cách phê phán thói nịnh của Kim Dung vừa bình dân, vừa bác học hết chỗ nói !

Nói đến âm nhạc trong LMTKT, ta không thể quên hai nhân vật quái dị trong nhóm Hàm Cốc bát hữu (tám người bạn ở Hàm Cốc) là Cầm tiên Khang Quảng Lãng và Lý Quỹ Lỗi. Cầm tiên Khang Quảng Lãng đánh địch bằng 6

cây dao cầm. Nghe tiếng đàn của lão, trái tim người ta nhảy loạn lên dầu, dầu óc trở thành u mê, hồ đồ. Thế nhưng lão tay chân mà chơi được một lúc 6 cây đàn ? Kim Dung đã giải quyết vấn đề một cách thủ vị : Khang Quảng Lãng đặt 6 cây đàn ở 6 nơi khác nhau rồi vận chỉ công Cách không đánh vào phím đàn. Hóa cho nên tiếng đàn của lão thoát đồng, thoát tây; khi trên, khi dưới khiến người ta tưởng khinh công của lão xuất thân nhập hóa. Nhạc sĩ Khang Quảng Lãng này rất hồ đồ. Lão tin rằng tiếng đàn của lão có thể làm người chết sống lại : "Vậy mội của Huyền Khô đại sư chôn ở đâu ? Đến ta đến mau, ta đàn cho đại sư nghe một khúc không chừng đại sư có thể sống lại (?)" . Ngược lại với Khang Quảng Lãng, nhân vật Lý Quỳ Lỗi là một con hát, anh ta vừa đánh, vừa hát bội, thậm chí khi bị đánh gãy chân, thay vì rên la, anh ta lại mở miệng hát (!). Hai nhân vật chơi nhạc trong Hàm Cốc bát hữu là hai con người hồn nhiên như trẻ con. Họ xuất hiện rất ngắn nhưng để lại ấn tượng很深 trong lòng người đọc.

Trong LMTKT, người ta còn nghe tiếng sáo của bọn Hồ tăng, chuyên cõi trên những con trăn lớn và thổi sáo để kích thích đàn rắn xung phong tấn công. Tác giả Kim Dung chỉ nói sơ lược rằng Ba La Tinh và Triết La Tinh là những Hồ tăng nước Tây Vực nhưng người đọc cũng có thể hiểu được đây là những nhà sư Ấn Độ, một đất nước vốn có những fakir có thủ thuật dùng tiếng sáo để kích thích rắn. Cũng trong LMTKT, người ta còn nghe bài ca Xin Cơm của anh em Cái bang, một bài hát không dùng vào việc xin cơm thông thường mà để kết Đả cầu trận, khắc chế địch nhân dũng mãnh.

Khi viết về âm nhạc, kiến thức âm nhạc của Kim Dung tiên sinh cũng rất tinh tường và phong phú. Trong Lộc Đỉnh

Ký (LDK), ông đã trích lại bài ca Viên Viên Khúc của nhà thơ Ngô Mai Thôn - một danh kỵ cuối Minh đầu Thanh, người tình của Lý Sâm và Bình Tây Vương Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên được mô tả “Mặt đẹp như Quan Âm”, sống một cuộc đời đau thương chìm nổi đúng như định đê cổ điển của văn học “Hồng nhan da truân”. Tất cả những đau thương do đều được dúc kết thành Viên Viên Khúc. Khi đi tù, Viên Viên vẫn hát khúc ca với cây dao cầm. Ngô Tam Quế nghe được vài chục câu, Mỹ dao vương Hồ Dật Chi nghe được ba bốn câu. Chỉ có Vi Tiểu Bảo, một kẻ chênh hiêu âm nhạc là gì, lại có hóng phước nghe được trọn bài. Viên Viên Khúc nghe thật buồn bã, đúng là một bài ca mất nước chằng khác gì Hậu Đinh Hoa của Trần Hậu chủ trong thơ Đỗ Mục :

*Thương nǚ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xưởng Hậu Đinh Hoa
(Gái chơi đâu biết hòn vong quốc
Bên sông còn hát Hậu Đinh Hoa)*

LDK còn có một loại “âm nhạc” ngộ nghĩnh khác nữa : những bài ca nịnh bợ của bọn Thần long giáo. Đó là những bài ca mang tinh chất tự kỷ ám thị dùng trong lúc đánh nhau, đã được Kim Dung viết với một giọng văn thô thiển, phù hợp với “trình độ” của bọn giáo chúng ngu muội :

*Hồng giáo chi thần thông quảng đại
Giáo chúng ta đánh bại khắp nơi
Địch nhân thấy bóng chạy tai bời
Cứng rắn cung tan tành xác pháo
Hồng giáo chủ ra oai sấm sét
Chúng đô nhi súc mạnh phi thường
Ta một người trăm địch khôn đương
Địch hàng vạn trăm quân dù thắng*

*Hồng giáo chủ thần kinh nhu điện
Chiêu nhẫn quang ra khắp muôn phương ...*

Những bài hát như vậy mang tính kinh điển, khẩu hiệu, mê muội, tự nó nói lên được kiều lừa bịp trá ngụy của những tà giáo thứ thiệt. Cái hay của Kim Dung là ông chỉ mô tả sự kiện, tường thuật vấn đề không bình luận. Nhưng thông qua sự kiện, vấn đề, người đọc nhận biết được ý đồ của ông, hiểu được ông muốn nói lên điều gì. Bài ca tập thể lạ lùng của giáo chúng Thần long giáo sau đây khiến cho người ta nghĩ đến sự kiện Vệ binh đỏ ở Trung Quốc trong thời Cách mạng văn hóa :

*Bảo huấn của giáo chủ
Thời khắc ghi trong lòng
Lập công và thăng địch
Trưởng thọ với non sông*

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, âm nhạc xuất hiện khắp mọi nơi trên đất nước Trung Hoa rộng lớn. Trong *Lãnh Nguyệt Bảo Đao* (LNBD), ta nghe được tiếng hát vùng Đông - Triết Giang của tiểu anh hùng Hồ Phi. Trong *Độc Bá Quần Hùng* (DBQH), ta nghe được tiếng hát Y Tư Mỹ (Islam) - tiếng hát của những giáo chúng Hồi giáo - khởi nguyên từ *Khanda Kinh* (Kinh Coran), thể hiện khát vọng về cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, thương yêu con người dưới đêm trăng thanh, bên ánh lửa hồng giữa sa mạc Qua Bích (Gobi). Trong *Xạ Điêu Anh Hùng Truyền* (XDAHT), ta nghe được khúc sáo ma quái, nhiếp hồn của Đông tà Hoàng Dược Sư. Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, ta nghe được tiếng hát của dân tộc Miêu Cương của giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam Lam Phượng Hoàng. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, ta nghe được bài ca *Trâm Giang hùng* tráng trich từ tác phẩm dân

ca *Đào Hoa Phiên*, ca ngợi cái chết anh hùng của nhà yêu nước Sứ Các Bộ, người chịu hy sinh để dành lại đất nước trong bàn tay dị tộc. Nhưng không phải ai cũng có thể hát được khúc *Trầm Giang*. Di trên sông Liễu Giang giữa đêm mưa gió, cả mây chục người mà chỉ có Trần Cận Nam - Tông đường chủ của Thiên địa hội - và Ngô Lục Kỳ - Đường chủ Hồng Thuận đường của Thiên địa hội - mới đủ công lực cất lên tiếng hát át cả tiếng cuồng phong sập vù :

*Đầy lòng phẫn nộ ngò cùng ai
Giọt lệ già nua dạ ái hoài
Trong chốn cô thành mong cứu viện
Tàn quân quyết chiến luồng bi ai
Đoái trống có quốc long đau xót
Trung vây khôn nỗi vượt ra ngoài
Trường giang một giải ba ngàn dặm
Nở đê về tay kè khác loài ...*

Và :

*Non nước ngàn thu để tiếng truyền
Đau lòng huyết lè khấp Tây Xuyên ...*

Trong *Lục Mạch Thần Kiến Truyền* (LMTKT), ta nghe được tiếng hát bài ca *Hái Sen Ở Giang Nam* (*Giang Nam Khả Thái Liên*) hòa với tiếng đàn hồ cầm thánh thót của cô gái đẹp A Bích tại Yến tú ổ, Giang Nam :

*Giang Nam khả thái liên
Liên diệp hà diền diền
Ngu hý liên diệp đông
Ngu hý liên hiệp tây ...*

Tạm dịch là :

*Giang Nam ta hảy hai sen
Lá sen dày khít mọc chen thanh đồng
Cá đùa bên lá phía đông
Cá đùa bên là sen lồng phía tây ...*

Nhưng tiếng hát đẹp nhất, mang nặng tính chất triết lý nhất vẫn là tiếng hát của Tiểu Siêu, cô gái lai người Ba Tư. Tiểu Siêu là cô bé 16 tuổi, được mẹ là Đại Ý Ty đưa vào "năm vùng" trong Minh giáo Trung Quốc, len lỏi lên đỉnh Quang Minh để tìm cách đánh cắp bộ *Thần Công Đại Nã Di Tâm Phap*. Cô trở thành con hâu của giáo chủ Trương Võ Ky và thầm yêu trộm nhớ Trương Võ Ky. Nhưng cô đã tiên cảm được rằng mỗi tình đó không đi đến đâu, số phận của cô không biết trôi dạt về đâu. Nỗi uanical đó biểu hiện lên trong những khi hát cho giáo chủ Minh giáo Trương Võ Ky nghe. Lời ca nguyên là 1 trong 101 bài thơ của Nga Mạc (Omar Khayyam) - thi hào Ba Tư đã được Quách Mạt Nhược dịch qua tiếng Quan thoại. Triết lý trong lời ca là khát vọng cất nghĩa cho được những ván đề gần gũi nhất của con người : cuộc sống, tình yêu và cái chết :

*Lai nhu lưu thùy hè thê nhu phong
Bất tri hà xứ lai hè hà sở chung*

Tạm dịch là :

*Chợt đến nhu dòng nước chảy
Thoắt tan nhu gió qua mau
Chẳng biệt từ đâu mà đến
Cùng chẳng biệt về nơi đâu*

Bài ca này là một bài Thánh ca của Bài hòa giáo Ba Tư và tiếng hát cuối cùng là tiếng hát của Hán Ly trong con mè sang trước khi chết trên một hái đảo vùng Đông-Bắc Trung Quốc

Trong lịch sử văn minh Trung Quốc, không có biên giới giữa thi và ca. Trường phái thơ Đường đã dung nạp một cách tự nhiên âm nhạc vào thi ca, biến phong cách này trở thành truyền thống :

*Sở phong thanh dịch ly đình văn
Quán hương Tiêu Tương ngà hương Tân*

Hoặc :

*Khuông địch hà tu oán dương liêu
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan*

Kim Dung tiên sinh đã đưa âm nhạc vào tiểu thuyết đúng như truyền thống của Đường thi nhưng lãnh vực phản ánh của ông rộng hơn và mức độ phản ánh sâu sắc hơn. Âm nhạc đó hóa giải được tính chất đấu tranh gay gắt, phứa tạp của bản chất câu truyện võ hiệp. Nó làm nên cái hồn tính lâng mạn cho tiểu thuyết võ hiệp, đem lại chất hài hước vui nhộn cho tiểu thuyết võ hiệp. Nói là âm nhạc nhưng nó chính là võ công, là công phu, là y đạo, là vũ khí chiến đấu và đồng thời, là phương thức biểu lộ tình yêu. Ngay chính trong cách dung nạp này, Kim Dung đã chứng tỏ được rằng ông là bậc thầy trong lĩnh vực viết tiểu thuyết. Đọc Kim Dung và lắng nghe chất âm nhạc trong tiểu thuyết của Kim Dung, nhờ âm nhạc, người ta thấy được niềm tin, dù trong đau thương hay trong hạnh phúc.

Chương 8

**Hoa
trong tiểu thuyết
Kim Dung**

Văn chương tiểu thuyết, kể cả văn chương tiêu thụyết võ hiệp, luôn có những đoạn tả cảnh. Cảnh quan thiên nhiên hiện ra trong văn chương đã trở thành một thứ quy luật tất yếu, không thể thiếu được. Và chẳng, người Trung Quốc đã quan niệm “Vạn vật đồng nhát thế” mà con người cũng là một vật trong vạn vật cho nên con người không thể tự tách mình ra khỏi thiên nhiên, ra khỏi cảnh quan và môi trường sống. Văn chương tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng vậy. Con người trong tiểu thuyết của ông luôn luôn gắn liền với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên và hoạt động với thiên nhiên.

Nhưng vượt lên trên tất cả cung cách mô tả thiên nhiên, Kim Dung đã dành cho hoa nhiều cảm tình nhất. Hoa xuất hiện trong 11 bộ võ hiệp tiểu thuyết của ông như là biểu tượng cho 4 mùa. Hoa tiêu biểu cho chiều sâu trí tuệ và tâm hồn của người trồng hoa và chơi hoa. Hoa là sản phẩm đặc trưng của từng vùng đất, mà đất nước Trung Quốc vô cùng rộng lớn nên hoa cũng cực kỳ phong phú về chủng loại, đặc sắc về hình. Ở một chủng mực nào đó, ta có thể thấy Kim Dung đã thể hiện kiến thức của một nhà hoa học trong những bộ tiểu thuyết của mình.

Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, theo gót chân lảng du của vương tử Đoàn Dự, người nước Đại Lý; tác giả đưa chúng ta đi về vùng Giang Nam của nước Tống. Mùa xuân trên vùng Thái Hồ, Giang Nam ta bắt gặp hoa sen và hoa hồng láng khoe thắm sắc, thoang thoảng đưa hương trong gió. Rồi tác giả đưa chúng ta về Mạn Đà sơn trang của Vương phu nhân (gốc người Tiên Ty nước Đại Yên, đã nhập cư nước Tống), thương thực hoa trà. Đoàn lý luận về hoa trà của Đoàn Dự có thể coi là một chương hoa học kỳ thu trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*.

Hoa trà - tiếng Phạn gọi là hoa Mạn Đà La - là một loài hoa nổi tiếng được trồng phổ biến trên khắp vùng Vân Nam. Lúc bấy giờ, Vân Nam thuộc nước Đại Lý. Hoa trà trở thành quốc hoa của Đại Lý: Vân Nam có khí hậu ấm, mưa nhiều quanh năm, dân dã bình thường cũng biết trồng hoa trà để thường ngoan. Thế nhưng Vương phu nhân lại đem hoa trà Vân Nam (nước Đại Lý) về trồng ở vùng Giang Nam (nước Tống) mà lại trồng sai quy cách vì thiếu kinh nghiệm chăm sóc khiến cho cái gọi là Mạn Đà sơn trang của phu nhân dưới mắt Đoàn Dự chẳng đáng một đồng xu. Vốn ghét tính cách tàn bạo, ngang ngược của Vương phu nhân, Đoàn Dự đã thẳng thừng phê phán sự đốt nát của bà khi trồng trà: “*Tý như khóm trà hoa này chắc phu nhân cho là quý lắm? Cái lan can bên cạnh mới thực là đẹp*”. Khen như vậy khác nào khen quyền sách in đẹp mà nội dung rỗng tuếch. Nhưng kiến thức về hoa trà của Đoàn Dự khiêm Vương phu nhân vừa kinh hãi, vừa thẹn thùng. Chậu hoa mà phu nhân gọi là “*Ngũ sắc trà hoa*” (hoa trà 5 màu) thì Đoàn Dự gọi là “*Lạc đệ tú tài*” (tú tài thi hồng). Đoàn Dự cho biết loại hoa trà quý nhất có tên là “*Thập bát học sĩ*” (18 vị học sĩ) gồm 18 bông, màu sắc không bông nào giống bông nào (toàn hồng,

toàn trắng, toàn tía ... không được hỗn tạp), cùng nở một lúc và cùng tàn một giờ. Sau “*Thập bát học sĩ*” là loại trà “*Bát tiên quá hải*” (8 vị tiên qua biển) chỉ có một gốc, nở ra một lúc 8 bông với 8 màu khác nhau. Sau trà “*Bát tiên quá hải*” là loại trà “*Thát tiên nữ*” (7 vị nữ tiên) chỉ có 1 gốc, nở ra 7 bông. Sau trà “*Thát tiên nữ*” là loại trà “*Phong tràn tam hiệp*” (3 người hiệp khách sống đời gió bụi). chỉ có 1 gốc, nở đúng 3 bông. Loại “*Phong tràn tam hiệp*” có hạng chánh thì bông màu tia lớn nhất, tượng trưng cho Cầu Nhiêm Khách; bông màu trắng nhỏ hơn một chút, tượng trưng cho Lý Tịnh; bông màu hồng nhỏ nhất tượng trưng cho Hồng Phát Nữ. Nếu bông hồng mà lớn hơn bông trắng (tức Hồng Phát Nữ lớn hơn Lý Tịnh) thì loại trà “*Phong tràn tam hiệp*” chỉ đứng vào hạng phó, giá trị thua xa hạng chánh. Sau trà “*Phong tràn tam hiệp*” là trà “*Nhị Kiều*” gồm 2 bông, 1 lớn và 1 nhỏ, tượng trưng cho Đại Kiều và Tiểu Kiều - hai người đẹp danh tiếng đất Giang Đông thời Tam Quốc. “*Nhị Kiều*” phải thuần chất, hai bông phải có một sắc như nhau, nếu bông hồng có pha trắng hoặc bông trắng có pha hồng thì là hạng kém cỏi, không đáng để chơi !

Lý luận một hơi về 5 loại danh trà, Đoàn Dự mới kết luận chậu hoa của Vương phu nhân chỉ xứng đáng gọi là “*Lạc đê tú tài*” - vì nó gồm 17 bông, màu sắc pha tạp, to nhỏ không đều, nở sớm, nở muộn khác nhau y như 17 cậu đi thi kém người ta dù mọi thứ điểm nên phải hỏng thi (lạc đê). Vùng Cô Tô (Giang Nam) khen ngợi loại trà “*Mãn Nguyệt*” (trắng tròn). Đoàn Dự bác ngay ý kiến đó, lý luận rằng loại trà nở bông trắng có nhiều sắc tía hồng phơn phớt phải gọi tên là “*Ỷ Lan Kiều*” (Nàng Kiều thẹn thùng, dựa vào lan can). Trồng “*Ỷ Lan Kiều*” phải chọn nơi nửa kín nửa hở để xứng với câu thơ :

*E then ôm đan che nửa mặt
Ai kêu ai gọi cũng làm thinh*

Nếu đúng là loại trà "Mân nguyệt" thì bông phải có cánh trắng nõi lén những vân đen. Vân đen ấy tượng trưng cho cánh quế trên cung trăng. Còn nếu hoa có cánh trắng mà lán vân hồng thì phải được gọi là "Hồng trang tò lý" (có sắc trăng ở trong khuôn mặt hồng). Nếu hoa trà cánh trắng mà có những tia nhòe như tơ màu đỏ thì gọi là "Trà phả mỹ nhân kiết" (móng tay cao xước má người đẹp). Đoàn Dự thuyết như nước chảy : "Đã gọi là mỹ nhân thì phải thuần nhã ôn nhu. Còn kè khập mặt xây xát, tò ra đã bao phen cùng người đánh dám thì còn gọi mỹ nhân sao được". Câu lý luận về hoa đó đã làm Vương phu nhân nổi hung, tưởng là Đoàn Dự cố ý mạt sát mình. Bà ra lệnh cho gia nhân chặt tay, móc mắt, chặt chân Đoàn Dự nhưng rồi tiếc tài am hiểu về hoa của chàng; bà buộc Đoàn Dự phải đi trồng trà và tìm cho ra những giai phẩm về hoa như đã nói chỗ bà thường ngoan.

Viết đến đâu Kim Dung trích dẫn thơ ca đến đó :

*Xuân câu thùy động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Giòng xuân nước gọn hoa trà trắng
Non hạ mày vương trái vài hồng)*

Hoặc :

*Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mǎn lộ khai
(Quần xanh vóc ngọc như tùng gắp
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)*

Thật sự, Trung Quốc đã từng có tác phẩm **Điền Trung Trà Hoa Kỳ** nghiên cứu về hoa trà trong đó có đoạn : “*Đại Lý trà hoa tối giáp hải nội, chủng loại thất thập nhát, đại u mẫu đơn. Nhất vong nhuộm hóa tè vân cẩm, thước nhật chung hà*”. Xin tạm dịch : “Hoa trà nước Đại Lý đứng đầu thiên hạ, gồm 72 loại khác nhau, có loại lớn hơn cả hoa mẫu đơn, khiến ta đứng xa vẫn trông rõ rõ một góc trời như mây gấm hòa vào cho màu trắng ban mai thêm rực rỡ”. Thật ít có nhà văn đạt được kiến thức hoa học và vận dụng kiến thức ấy - vốn thuộc phạm vi sinh học - vào văn chương một cách nhuần nhuyễn như Kim Dung.

Dùng là Kim Dung đã đưa hoa vào tác phẩm văn chương võ hiệp của mình, dùng hình ảnh tươi đẹp của hoa để chế ngự bớt tính chất căng thẳng và đôi khi tàn nhẫn của thế giới võ hiệp. Hoa là biểu tượng cho một dạng công lực thượng thừa, kè luyện nội công đến mức cao siêu nhất được gọi là “Tam hoa tụ điểm”. Hoa được dùng để đặt tên cho các pho võ công : Niêm hoa chưởng, Niêm hoa chỉ của phái Thiếu Lâm, Thiên sơn chiết mai thủ của Hu Trúc phái Tiêu Dao; Lạc anh chưởng pháp của Hoàng Dược Sư ở Đào hoa đảo. Hoa trở thành mệnh lệnh tấn công như khi bang chúng Cái bang hát bài *Liên Hoa Lạc* (Cánh sen rơi) thì có nghĩa là họ kết Đà cầu trận để chống lại kẻ địch, bao vây kẻ địch. Hoa trở thành đòn thức, chiêu thế của người sử dụng võ công, và khi sử dụng, giới võ lâm phải thể hiện cho được yếu tính của đòn thức, chiêu thế mang tên hoa đó. Nhà sư Cửu Ma Tri nước Thổ Phồn khi đánh ra chiêu Niêm hoa vi tiêu trong Niêm hoa chỉ vẫn giữ được khuôn mặt tươi cười, tu thế ung dung của khái niệm niêm hoa (cánh hoa chưa mờ ra). Nhà sư Hu Trúc sử dụng Thiên Sơn chiết mai thủ với phong cách nhẹ nhàng, khuôn mặt trầm tĩnh đúng như người đang

bé cành mai trên núi Thiên Sơn mà kinh lực có thể làm tan bia, vỡ đá. Phái Thiếu Lâm có chiêu Hoa khai kiến Phật (Hoa nở thấy Phật) bó buộc đệ tử Thiếu Lâm chấp hai tay lên trước ngực, vừa hâm ý chào kính kẻ địch, vừa thể hiện đức Từ bi của nhà Phật: đầu nhau là phái đầu chứ không muốn giết hại lẫn nhau. Ta bắt gặp trong tiêu thuyết của Kim Dung những tên gọi Lạc hoa lưu thùy (hoa rụng nước trời), Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời), Liên hoa phát huyệt thủ (tư thế đánh vào trọng huyệt như phát cánh hoa sen), Hỗn điệp xuyên hoa (bướm len lỏi vào vườn hoa), Thiên nữ tán hoa (gái trời rắc hoa) ...

Hoa muôn đời là biểu tượng của người phụ nữ đẹp, là biểu tượng của cô gái trong trắng, thơ ngây. Kinh Thi có câu: "Xuất ước như xứ nữ" (mềm mại như gái trinh) và từ xuất ước cũng đồng thời là từ diễn tả đáng thanh lịch của ngàn hoa. Những nhân vật nữ của Kim Dung như Doanh Doanh, Nhạc Linh San, Nghi Lâm, Lam Phượng Hoàng trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* (TNGHK); Hoàng Dung, Quách Tường, Tiểu Long Nữ, Hân Tố Tố, Triệu Minh, Chu Chi Nhuật, Tiểu Siêu (trong *Thần Điêu Hiệp Lữ* - TDHL - và *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* - YTDLK) đều có "khuôn mặt đẹp như hoa nở, nụ cười tươi như hoa nở". Những cô gái trinh bạch, xinh đẹp ấy được gọi chung là *Hoàng hoa khuê nữ* (cô gái trong phòng khuê dịu dàng như hoa cúc) nhưng lĩnh vực hoạt động của họ không phải là phòng khuê nữa mà là giới giang hồ. Họ là hảo khách vô lâm rất biết yêu hoa: Vương phu nhân yêu hoa trà; Mộc Uyên Thanh yêu hoa mai côi (hoa hồng) và con người cô toát ra mùi hương tự nhiên của mai côi đến nỗi cô có ngoại hiệu là Hương Được Xoa (trong LMTKT); Lăng Sương Hoa, con gái của tri phủ Giang Lăng thành Lăng Thoái Tư yêu hoa cúc (trong LTQ).

Kẻ nào mạnh tâm chiêm đoạt trinh tiết người phụ nữ bị Kim Dung gọi là tên Thái hoa dâm tặc (giặc dâm chuyên hái hoa). Trong TNGHK có gã Giang dương đại đạo thái hoa dâm tặc vạn lý độc hành khoái dao Diên Bá Quang. Hắn gồm ghiếc đèn nỗi phụ nữ nhà lành cũng bị cha mẹ cầm không được gọi đèn tên hắn. Nhà sư Bát Giới đã trưng trị tội dâm dật của hắn bằng cách điểm vào trọng huyệt, xuyên một cặp tụ tiền (mũi tên nhỏ) vào bộ phận sinh dục để hắn không còn được phép "hái hoa" nữa. Ngoại hiệu của nhà sư là Bát Giới (không cầm cản chi hết) nhưng nhà sư buộc Diên Bá Quang phải cạo đầu lâm sư, đặt lại ngoại hiệu cho hắn là Bát Khà Bát Giới (không thể không cầm cản). Cách trưng trị kinh khủng như vậy là để nhằm bảo vệ đời hoa !

Hoa là biểu tượng của tình yêu lứa đôi, và đặc biệt trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, là biểu tượng của tình yêu chung thủy. Thời đài mươi, Vương phu nhân say mê Đoàn Chính Thuần, thất thân với y và sinh ra Vương Ngọc Yến. Đoàn Chính Thuần là Hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh, vua nước Đại Lý ; không thể cưới được Vương phu nhân. Tương tư tình lang, Vương phu nhân đem trả Đại Lý về trồng tại Giang Nam, lập nên cái gọi là Mạn Đà sơn trang (trong LMTKT). Còn trong LTQ, Kim Dung đã thực sự tạo cho hoa cúc một tâm hồn riêng khi ông xây dựng mối tình Đinh Diễn - Lăng Sương Hoa. Đinh Diễn luyện thành thần công *Thần Chiêu Kinh*, chỉ cần vươn tay ra chộp một cái là kẻ thù phải chết. Anh yêu tiểu thư Lăng Sương Hoa, con gái tri phủ Lăng Thoái Tư thành Giang Lăng, nên ẩn thân vào nhà tù thành Giang Lăng để ngày ngày được ngắm màu hoa cúc vàng trên cửa sổ do chính Lăng Sương Hoa chăm sóc. Lăng Sương Hoa ra sức chăm

bón hoa, giữ cho hoa tươi mài để tặng người yêu. Tình yêu lặng lẽ giữa người tù và cô tiểu thư diễn ra thật nên thơ nhưng cũng rất mạnh mẽ. Tri phủ Lăng Thái Tư biết được điều đó, lão cố tìm mọi cách giết Đinh Diên để chiếm đoạt bộ *Liên Thành Quyết* - một bí lục mô tả đường đi nước bước của một kho báu trị giá liên thành. Lão bức tử con gái, đặt cô vào quan tài rồi tâm thuỷ độc lên vỏ quan tài, chờ Đinh Diên sa bẫy. Quá nhiên một hôm Đinh Diên nhận ra rằng chậu hoa cúc trên cửa sổ của người tình đã héo úa. Biết rằng Lăng Sương Hoa đã gặp điều gì đó chẳng lành, Đinh Diên vược ngực, thâm nhập vào tư dinh Lăng Thoái Tư. Thấy tấm bài vị đế "Lăng Sương Hoa ái nữ chi linh vị" trên nắp quan tài, anh đau xót ôm lấy quan tài khóc rống lên và lập tức bị trúng độc. Đinh Diên chết, dặn dò lại nghĩa đệ là Dịch Vân phải hợp táng xương cốt của anh và Lăng Sương Hoa chung một nơi. Lăng Sương Hoa được chôn trong nghĩa địa phía tây thành Giang Lăng còn Đinh Diên thì chôn ở vùng Quan ngoại. Cuối truyện LTQ, chàng Dịch Vân mang bọc xương cốt của nghĩa huynh Đinh Diên từ ngàn dặm trở lại Giang Lăng, đào mà của Lăng tiểu thư lên và hợp táng hai người chung một hòm, hoàn thành lời hứa với Đinh Diên. Anh còn mua hoa cúc, cuốc đất chung quanh mộ rồi trồng cho hai người mây cum với ước mong hương hồn họ nhìn thấy bóng hoa và được sống lại với tình yêu cũ. LTQ có cái buồn và chất thơ lảng man xuyên suốt toát ra từ bóng hoa cúc vàng - mối tình của Đinh Diên và Lăng Sương Hoa.

Người yêu hoa thì rất quý hoa, xem hoa là bạn; còn kẻ ghét hoa thì rất giận hoa, xem hoa là thù địch. Đó là trường hợp của Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh bất học vô thuật, may mắn trở thành quan lớn triều Khang Hy trong *Lộc Đinh Ký* (LDK). Vua Khang Hy ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo

làm khâm sai đại thần, trở về quê quán thành Dương Châu xây dựng tòa Trung liệt từ. Nghe đồn Vị Tiêu Bảo là một thiếu niên, tướng gã là người có tài năng văn học, các quan ở Dương Châu bèn mời gã vào uống rượu ngâm thơ trong chùa Thiên Trí. Mùa ấy, hoa thuốc được đang nở mà thuốc được ở Dương Châu và chùa Thiên Trí là thứ hoa tươi đẹp nhất thiên hạ. Nhìn thấy thuốc được tươi hơn hòn. Vị Tiêu Bảo tức muôn sôi gan. Nguyên lai, lúc mới lên chín, mười tuổi, gã đã từng cùng bọn tiểu lưu manh thành Dương Châu đột nhập chùa Thiên Trí hái trộm hoa thuốc được. Một nhà sư nào đó đã rượt cả bọn chạy. Vị Tiêu Bảo nhỏ con, chạy chậm bị nhà sư nắm áo kéo lại, tát cho một cái. "Mối thù" ấy âm i mãi trong lòng gã nên khi quay về Dương Châu, thấy lại thuốc được đại đóa phô hồng khoe tia trong chùa Thiên Trí là gã nổi nóng. Gã đặt chuyện nói rằng vua Khang Hy đang nuôi bầy ngựa chiến và ra lệnh cho gã phải chặt hết thuốc được trong thiên hạ để làm thức ăn cho ngựa. Nghe câu nói đó, bá quan văn võ ở Dương Châu và các nhà sư trong chùa Thiên Trí đều vô mặt, kinh tâm. May mắn là viên tuân phủ Dương Châu học rộng, biết nhiều. Viên tuân phủ phái ninh Vị Tiêu Bảo rằng thuốc được là tượng trưng cho người đàn ông thành đạt, công danh hiển hách; rằng Vị Tiêu Bảo về Dương Châu đúng mùa thuốc được mẫn khai là điều tốt lành, ngày sau ăn thang quan tiền chức cao sang không biết bao nhiêu mà lường. Cho nên việc chặt thuốc được cho ngựa ăn là chuyện rất uống. Viên tuân phủ còn ngắt một đóa hoa thuốc được kinh cẩn gài lên mũ của khâm sai đại thần và chúc phúc. Quá nhiên lời nói khôn khéo đó của tuân phủ đã làm nguôi mối thù thuốc được của Vị Tiêu Bảo, cứu được ngàn hoa chùa Thiên Trí và thành Dương Châu !

Kiến thức về hoa của Kim Dung thật phong phú. Loại hoa gì, tinh nắng ra sao, nở mùa nào, có nhiều ở địa phương nào đều được ông lý giải một cách cặn kẽ. Mỗi mùa hoa, mang theo một loại hương khí. Hương khí là hậu quả của cây lá rụng xuống ao chàm, rồi bốc lên, tạo ra những dịch bệnh cho con người. Tháng ba âm lịch có Đào hoa chuông, tháng năm có Lựu hoa chuông, tháng tám có Phù dung chuông. Kim Dung cho biết người Trung Quốc vốn yêu hoa trà, coi hoa trà là một loài hoa quý cho nên không lấy tên hoa trà để gọi chuông khí.

Hoa làm đẹp thêm cho tác phẩm võ hiệp của Kim Dung, tạo nên chiều sâu cho tác phẩm. Hoa là nơi gửi gắm tâm tình con người. Chất thơ tự có trong hoa biến thành chất thơ cho tác phẩm. Đọc Kim Dung càng nhiều lần, ta càng khám phá ra thêm nhiều vẻ đẹp, càng nhận ra làn hương thuần nhã của hoa.

*Giòng xuân nước ngọt hoa trà trắng
Non hạ mây vương trái vải hồng*

Có người nói bóng hoa trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là hình ảnh của Hạ Mộng, người tình của ông. Hạ Mộng đã xa ông như lạc hoa lưu thủy. Và tiểu thuyết của ông giàu bóng hoa, hương hoa bởi Hạ Mộng vẫn sống trong trái tim ông.





Dương Qua (*Cô Thiên Lac*)

Tiểu Long Nữ (*Lý Nhược Đồng*)

Bộ **Thần Diêu Hiệp Lữ** (mới), sản xuất năm 1995

Chương 7

*Y học
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung*

Xưa nay, bệnh tật vốn gắn liền với đời sống con người. Khi có bệnh tật, con người phải nghĩ đến cách chữa bệnh để bảo vệ sự sống. Sử Ký Tư Mã Thiên đã từng ghi lại rằng Tần Thủy Hoàng rất sợ chết nên năm 221 trước Công nguyên, nhà vua đã sai bọn Tử Phúc ra Đông Hải tìm thuốc trường sinh bất lão. Câu chuyện ấy vị tất đã là sự thật nhưng khát vọng sống lâu, mạnh khoẻ chắc chắn là có thật, không chỉ với Tần Thủy Hoàng, với Trung Quốc mà còn là với toàn thể nhân loại. Trung Quốc là một đất nước có một nền y học cổ truyền rất thâm hậu và những hoạt động y học cổ truyền của đất nước này đã hình thành khái niệm Đông y. Hơn 1800 năm trước, danh y Hoa Đà đã có những công trình nghiên cứu y học thời danh, trong đó có nguyên tắc luyện khí công gọi là *Ngũ Thủ Khí Công*, mô phỏng chiêu thức hoạt động của cọp, gấu, nai, khỉ và chim hạc. Quan điểm cơ bản của Hoa Đà có thể tóm tắt là mô phỏng hoạt động của 5 động vật trên, hít làn không khí thanh lương vào phổi và nạp xuống Đan điền, được vận dụng vào từng bộ phận trên cơ thể, giúp con người khỏe mạnh. Võ học thấy rằng sức mạnh đó có thể dùng để chế ngự được kẻ khác. Truyện võ hiệp Kim Dung tràn đầy kiến thức y học.

Đọc truyện võ hiệp Kim Dung, người ta thường bắt gặp hai khái niệm nội công và ngoại công. Nội công là tiềm lực, sức mạnh bên trong của một hào khách giang hồ. Ngoại công là chiêu thức, quyền cước bên ngoài. Kẻ có nội công cao, theo Kim Dung, là kẻ hái một chiếc lá, bẻ một bóng hoa cũng có thể sát thương địch thủ. Kẻ có ngoại công cao thì *Thái dương huyệt gồ cao, khí vũ lộng tay chân, gân cốt nổi lên, các khớp xương kêu răng rắc*. Nội công là cái gốc, ngoại công là cái ngọn ; Luôn luôn, kẻ có nội công cao là kẻ hơn người. Trong 11 bộ tiểu thuyết, có trường hợp cá biệt Kim Dung để cho ngoại công thắng nội công. Đó là *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*. Nhạc Bát Quần, sư phụ Lệnh Hồ Xung, chương môn phái Hoa Sơn, theo phe Khi tông (lấy khi làm chủ). Y dạy Lệnh Hồ Xung rằng phải vận khí trước rồi mới phóng chiêu thức ra sau, mỗi chiêu thức đều có thước tắc, bộ vị nhất định. Khi Lệnh Hồ Xung tình cờ được gặp thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương, theo phe Kiếm tông (lấy kiếm thức làm chủ), đang ẩn cư trong hang núi Hoa Sơn thì Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung rằng chỉ cần kiếm chiêu liên miên bất tuyệt, đánh ra theo ý muốn của mình như trước chày mây trời đã đủ khắc chế được địch thủ. Lệnh Hồ Xung đã linh hội được phép sử *kiếm ý* (ý nghĩ đến đâu, kiếm phóng ra đến đó) chứ không sử kiếm chiêu và gọi đó là biện pháp “liệu địch tiên cơ” (ra tay, chiếm thời cơ trước kẻ địch). Và rõ ràng, phương pháp Kiếm tông đã thắng Kí tông : Lệnh Hồ Xung mất hết công lực vẫn đánh ra một chiêu, đâm mù mắt 15 tên địch thủ hung mạnh.

Các khái niệm nội công, ngoại công, chiêu thức - đầu tiên, là khái niệm của y học chứ không phải của võ học.

Trong mỗi bộ sách của mình, Kim Dung thường xây dựng một hoặc vài ba nhân vật thầy thuốc. Những thầy thuốc này được gọi rất trang trọng : danh y, thần y. Bên cạnh thứ thuốc cứu người, Kim Dung còn xây dựng những nhân vật chuyên đánh thốc độc, đầu độc kè khác. Quan điểm của ông rất mới lạ : thuốc độc cũng là một dạng thuốc cần thiết phải dùng đến. Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, người ta gặp Sát nhân danh y Bình Nhứt Chi. Cá ngoại hiệu và tên của con người này cũng rất lạ lùng : thầy thuốc nổi tiếng (danh y) nhưng cứu 1 người thì phải giết 1 người (sát nhân) và khi cứu hay giết người, đều chỉ dùng đến 1 ngón tay (bình nhứt chi). Bên cạnh Bình Nhứt Chi, TNGHK cũng có 1 độc vương. Đó là Lam Phượng Hoàng, cô gái Miêu Cương, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam (ngũ độc : rắn, rết, trùng, bò cạp, nhện). Tài năng của Bình Nhứt Chi hay đến nỗi mới bắt mạch Lệnh Hồ Xung, đã biết Hồ Xung được uống rượu và truyền máu của bọn Ngũ độc giáo ! Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, người ta gặp Thần y Tiết Mộ Hoa. Đối lập với Tiết Mộ Hoa chuyên cứu người là một tay độc vương dã sự chuyên đầu độc người. Đó là Tinh Tú hãi lão ma Đinh Xuân Thu, giáo chủ phái Tinh Tú. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, có hai danh y là Diệp Cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và vợ là Vương Nạn Cô. Hai vợ chồng kinh chống nhau bằng cách Hồ Thanh Ngưu chữa thương cho thân chủ ban ngày thì ban đêm, Vương Nạn Cô lén đến đầu độc cho thân chủ bệnh trở lại.

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung đã đề cập đến những phương pháp y học, biện pháp chữa bệnh lâm sàng mà ngày nay, nhân loại vẫn đang thực hiện. Trong cách *truyền máu*, Kim Dung đã mô tả phương pháp dùng đia hút máu để tiếp máu ấy qua cho người bệnh. Đó là đoạn Lam Phượng Hoàng cùng các nữ đệ tử Ngũ độc giáo tiếp máu cho Lệnh Hồ Xung

trong TNGHK. Chỉ có một điều đáng tiếc là y lý của Lam Phượng Hoàng còn non nớt nên đã đem máu thuần âm của phái nữ truyền vào cho một người bệnh dư khí âm hàn, khác nào sông Dương Tử và sông Hoàng Hà đã đầy ấp nước nay lại được tiếp thêm nước của hồ Bàn Dương, hồ Động Đinh vào nên hại càng thêm hại. Sách võ hiệp Kim Dung đã đề cập đến việc dùng thuốc. Thuốc cổ truyền của Trung Quốc gồm cao (thuốc dán), đơn (thuốc thang còn gọi là thang), huơn (thuốc viên), tán (thuốc bột). Những nhân vật của Kim Dung đã dùng thuốc cứu chữa cho bệnh nhân của mình : trong YTDLK, Trương Võ Ky ra toa, cắt thuốc thang cho Thường Ngộ Xuân; trong TNGHK, bọn bàng môn tả đạo ăn cắp thuốc cho Lệnh Hồ Xung lại bắt 8 vị thầy thuốc đến coi mạch cho chàng. Truyện võ hiệp Kim Dung cũng nói nhiều đến chuyên dùng nội công chữa thương cho những người bị chấn thương vì nội công. Trong trường hợp này, nội công của người thầy thuốc phải cao hơn hoặc tương đương với nội công của người bị thương thì động tác chữa thương mới thực hiện được. Thí dụ như Trương Võ Ky dùng Tiên thiên Cửu dương công chữa trị cho Trương Tam Phong, Hân Thiên Chính và bọn quần hào trên Quang Minh Đinh, Nhậm Võ Cương v.v. Bách hội huyệt truyền nội công chữa cho Đảo Thực Tiên, Bất Giới hòa thương trút công lực chữa trị cho Lệnh Hồ Xung.

Triết học Trung Quốc cổ phân biệt rất rõ khái niệm *Lưỡng nghi* (2 mặt âm và dương). *Lưỡng nghi* sinh tú tượng (thái dương, thái âm, thiều dương, thiều âm), tú tượng sinh bát quái (càn, khảm, chấn, tốn, cấn, ly, khôn, đoài). Võ công cũng như y học trong tiêu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng triệt để dựa trên nền tảng triết học ấy. Nội công dương cương và tinh năng dương cương hoàn toàn mâu thuẫn với nội

công âm nhu và tính năng âm nhu. Cho nên, bọn Tố Thiên Thu ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của Lão Đầu Tử dùng cho con gái là Tiểu DY để cứu chữa cho Lệnh Hồ Xung, bọn Lam Phượng Hoàng truyền máu các cô gái Miêu Cương cho Lệnh Hồ Xung là sai nguyên tắc y học (và cả triết học nữa). Chinh Bình Nhứt Chi khi cầm tay Lệnh Hồ Xung chấn mạch đã khám phá ra lập tức tình trạng pha trộn âm dương trong con người Lệnh Hồ Xung. Lão lại khám phá ra thêm rằng thân chủ của mình bạc nhược tinh thần, bị tình yêu hành hạ, bị rượu làm cho con người khô héo. Lão chửi toáng lên : “Mẹ cha nó ! Thật là nát bét đến năm bảy tông. Người thật là con người chẳng ra gì”. Nếu Lệnh Hồ Xung không phải là người yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, nếu không phải đích thân Nhậm Doanh Doanh mời lão đến chữa thương cho Lệnh Hồ Xung thì lão đã tạt cho Lệnh Hồ Xung mấy cái ra trò vì đã uống thuốc tào lao, nhận máu của bọn Lam Phượng Hoàng, mất hết nội công mà còn nát rượu và bạc nhược tinh thần vì gái !

Thế nhưng, thỉnh thoảng âm và dương cũng có thể hòa hợp nhau trong một con người. Đó là trường hợp của Thạch Phá Thiên trong *Hiệp Khách Hành*. Sau khi kết nghĩa kim lan với Trương Tam và Lý Tú của đảo Long Mộc, Thạch Phá Thiên cao hứng xin hai vị ca ca cho uống rượu. Trương Tam có hũ rượu dương cương, Lý Tú có hũ rượu âm nhu, suốt đời hai gã chỉ sợ uống nhầm một giọt trong hũ của người kia nên giữ hũ của mình rất thận trọng. Khi Thạch Phá Thiên nạp đủ hai thứ rượu vào người, hai lão yên chí thế nào thằng loli này cũng chết. Thế nhưng Thạch Phá Thiên đã ngộ được ký duyên trước đó, chẳng những không chết mà lại còn trở thành nhân vật giang hồ đệ nhất. Truyện của Kim Dung cũng mô tả tình trạng dùng lý trí chống lại cơn

khao khát tình dục. Người Trung Quốc gọi tác động tinh giao giữa nam nữ là âm dương hòa hợp. Chính vì vậy, để phá thanh danh của hoàng gia nước Đại Lý, Thanh bao khách Đoàn Diên Khánh đã buộc thế tử Đoàn Dự và cô bé Mộc Uyển Thanh (con tư sinh của Đoàn Chính Thuần, nghi là cùng cha khác mẹ của Đoàn Dự, uống một loại thuốc kích dục cực mạnh gọi là Âm dương hòa hợp tán. Mộc Uyển Thanh không đủ công lực, cơn khát khao tình dục nỗi lên nhưng Đoàn Dự vốn là người học đạo Nho, vẫn giữ được lý trí sáng suốt, không thể loạn luân với em gái.

Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã đề cập đến các động tác *chấn thương chỉnh hình*. Trong YTDLK, Dư Đại Nham của phái Võ Đang bị Phục ma kim cương chỉ đánh gãy hết các khớp xương, phải nằm thoi thóp 20 năm. Trương Võ Ky học được y thuật của Hồ Thanh Ngưu, xin phép Dư Đại Nam gỡ vỡ hết các khớp xương để dán thuốc cao chỉnh hình trở lại. YTDLK cũng nói đến một ca chấn thương sọ não rất lạ kỳ. Tống Thanh Thư mưu phản môn phái, bị tử sư thúc là Liên Châu dùng Thái cực quyền của phái Võ Đang đánh vỡ xương sọ. Trương Võ Ky nhận chữa bệnh cho bệnh nhân này. Anh điếm huyệt để gãy mè, cạo hết tóc Thanh Thư, ráp xương sọ lại rồi băng bó. Sau đó, Tống Thanh Thư chết vì bị Trương Tam Phong trừng trị nhưng sách võ hiệp vẫn còn để lại cho chúng ta một ca chữa chấn thương sọ não khá thú vị.

Thế nhưng, dù y học có tài giỏi đến đâu, y thuật có thâm hậu đến đâu, người ta vẫn phải đầu hàng những trường hợp bệnh cấp tính, đặc là bệnh vì trùng chất kịch độc. Trong trường hợp đó, Kim Dung sử dụng biện pháp cuối cùng : *chặt bỏ*. *Lộc Đỉnh Ký* có đoạn thuật lại chuyện bọn Lạt ma Tang Kết từ Tây Tạng xuống Trung Quốc, truy đuổi Cửu

Nạn sú thai và Vi Tiêu Bảo để lấy cho được bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Vi Tiêu Bảo chống không lại, đã nghĩ ra cách đấu độc Tang Kết bằng một chất kịch độc trong Hoàng cung Thanh triều mà y vẫn hằng mang theo bên người : Hóa thi phán. Y phun nước cho *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* ướt đi rồi rắc Hóa thi phán vào đó. Quyển kinh bị nhiễm độc : những ngón tay dùng để giờ các tờ kinh bị ướt đã nhanh chóng nhiễm độc, cụt đi và chảy thành nước vàng. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* có đoạn chia đảng Thần Nóng Tự Không Huyền bị rắn độc cắn, phải chặt bỏ cánh tay.

*Muốn ngăn nọc độc vào tim phổi
Tráng sĩ già gan chặt cẳng tay*
(Thơ Kim Dung)

Truyện võ hiệp của Kim Dung đề cập đến khá nhiều động tác *phong tỏa huyệt đạo*. Muốn phong tỏa huyệt đạo, người học võ phải hiểu được toàn bộ hệ thống huyệt đạo của con người, phải nhảy vào huyệt đạo bao nhiêu kinh lực mới đủ sức phong tỏa. Phong tỏa huyệt đạo nhằm khắc chế một địch thủ, nhằm chữa thương cho một người, giúp người đó tránh được cảm giác đau đớn hoặc giảm cảm giác đau đớn. Phong tỏa huyệt đạo còn nhằm ngăn chặn quá trình nhiễm độc, an tĩnh và trấn định thần kinh. Những nhân vật của Kim Dung đã sử dụng *thù pháp châm cứu* để phong tỏa huyệt đạo như vậy. Hồ Thanh Ngưu, Trương Vô Ky đã dùng gai, dùng tăm tre thay cho kim sắt, châm cứu cho bệnh nhân. Từ vị trí các huyệt đạo của y học, Kim Dung đã mô tả những đòn thế đánh vào các huyệt đạo để giải khai tình trạng bị phong tỏa, để gây những chấn thương trầm trọng cho địch thủ. Thí dụ huyệt Đan diền (dưới rốn, chính giữa bụng), huyệt Thái dương (hai bên-màng tang), huyệt Bách

hội (trên đỉnhi đâu) là những trọng huyệt. Đánh vào đúng những huyệt này có thể làm đối thủ chết hoặc bị thương nặng.

Tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung cũng đề cập đến động tác *đá thông huyệt đạo*, giúp người luyện võ thăng tiến công lực, đốt giai đoạn trong quá trình rèn luyện để đạt nhanh tới mức thượng thừa. Ông thường nói đến những nhân vật đã được đá thông hai trọng điểm Sinh Tử huyền quan. Đặc biệt, trong YTDLK, Trương Võ Ky mới 12 tuổi đã bị thương vì Huyền Minh chưởng, kinh lực âm nhu khiến con người rét lạnh, được Trương Tam Phong đem lên chùa Thiếu Lâm nhờ chữa trị. Nhà sư già hiệu Viên Chân đã dùng Cửu dương công của phái Thiếu Lâm để khắc chế khí âm Huyền Minh chưởng trong con người Võ Ky. Tuy nhiên, với bản tính ác độc, Viên Chân đồng thời giúp Võ Ky đá thông luôn 2 đường huyệt Nhâm Độc, mong cho khí âm hàn Huyền Minh chưởng tái phát, Trương Võ Ky có thể chết sớm !

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung cũng phác thảo những ca phẫu thuật hy hữu. Dao Thực Tiên bị kiếm đâm lồi ruột được Bình Nhất Chỉ khâu vết thương. Trương Võ Ky ở trên tuyết sơn mổ vết thương cho con vượn già, tìm ra được bộ *Cửu Dương Chân Kinh*. Các nhân vật của Kim Dung thường thông thạo cách băng bó, sát trùng, giữ vệ sinh cho những người bị ngoại thương.

Vượt xa những tác phẩm đương đại, Kim Dung hay đề cập đến cách *luyện độc* và *dùng độc* bởi vì thuốc độc cũng là thuốc ! Có kẻ tự nguyện luyện độc như Hân Ly trong YTDLK luyện môn Thiên thù tuyệt hộ thù bằng cách cho loài nhện chúa cực độc hút máu bàn tay của mình và truyền vào đôi tay mình chất kịch độc của nọc nhền nhện. Với cách luyện

này, nếu thành công, hơi thở của Hán Ly sẽ thơm như mùi hoa lan (?) và khi cô chộp vào một địch thủ nào, thì dấu địch thủ ấy có được sống đi chẳng nữa cũng không thể sinh con đẻ cái (tuyệt hộ) được. Du Thần Chi trong LMTKT đã bi băng tẩm trùng độc do nhà sư Tam Tinh mang từ Tây Vực về truyền hết chất âm hàn vào người. May mà hán không chết vì trước đó, hán đã học ... trật bộ *Dịch Cân Kinh* của chùa Thiếu Lâm khiến toàn bộ huyết đạo trong người đều đào lộn. Với nội công âm hàn, hán chỉ khẽ vồ vào địch thủ một chiêu cũng khiến cho địch thủ lên cơn rét và hóa thành nước đá ngay (!). Có luyện độc, tất phải có dùng độc. Một cách dùng độc khá hy hữu nhưng cũng rất mới lạ của cung Linh Thủ là cấy Sinh tử phù vào người đối thủ. Hư Trúc, dưới chân núi chùa Thiếu Lâm, đã dùng Bắc Minh chân khí hóa những giọt rượu của đệ tử tạt lên trong không gian thành những miếng băng nhỏ, cấy vào 3 trọng huyết của Đinh Xuân Thu, khắc chế lão ma đầu này phải quy thuận. Nói theo y học hiện đại, đó là phương pháp cấy một chất kháng nguyên vào người bệnh nhân và khi kháng nguyên phát tác thì bệnh nhân chỉ còn biết đến nỗi bị thuốc chữa trị. Trong *Lạc Đinh Ký*, những nhân vật dùng độc khá nhiều. Hài lão công dùng Hù cốt tán (thuốc bột làm nát xương dần dần) bỏ vào trà cho Vi Tiểu Bảo uống. Giáo chủ Hồng An Thông của Thần long giáo dùng Độc long dịch cắn hoàn cho bọn thuộc hạ uống. Giáo chủ Đông Phương Bất Bại của Ma giáo trong *Tiêu Ngao Giang Hồ Ký* lại cho bọn thuộc hạ uống Tam thi não thần dan. Tên thuốc thì rất hay nhưng đó là thuốc độc, uống vào phải trung thành (hoặc giả bộ trung thành) với người cho uống. Nếu có hành vi chống đối, tất không có thuốc giải, phải chịu nhận cái chết thảm thương. Kim Dung cũng mô tả những thủ pháp đánh độc được rất vi tế, đặc biệt là dạng thuốc bột. Thuốc độc

được bôi lên quan tài (trong *Liên Thành Quyết*), được phủ trong khăn măt, được hòa vào rượu, được trộn vào thức ăn, được rải bay trong gió ...

Công lực là tiềm lực võ thuật của từng cá nhân, không thể đem cho kẻ khác được. Nhưng tiểu thuyết gia Kim Dung cực kỳ lăng mạn : ông cứ cho các nhân vật của mình đem công lực cho kẻ khác. Chính vì vậy, Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Ma giáo, đã hút công lực của kẻ khác bằng thủ pháp Hấp tinh đại pháp làm công lực của chính mình. Đào Cốc lục tiên và Bát Giới hòa thượng đem công lực truyền cho Lệnh Hồ Xung. Đoàn Dự hút công lực của các đệ tử Huỳnh Mi Táng là Phá Tham, Phá Sân và Phá Si, biến tất cả thành những người võ công tàn phế. Càng lăng mạn hơn nữa, Kim Dung cho phép thủ pháp xóa hẳn công lực của một người khác, tu theo một môn phái khác để truyền công lực mới của một môn phái mới vào. Đó là chuyện Vô Nhai Tử xóa hết công lực phái Thiếu Lâm của Hư Trúc để đưa công lực của phái Tiêu Dao vào, biến nhà sư trở thành đại biểu của phái Tiêu Dao cung Linh Thủ, núi Phiêu Diêu !

Huyệt đạo trên cơ thể con người thường ở vào những vị trí cố định, ai cũng như ai. Nhưng với trí tưởng tượng phong phú của Kim Dung, theo tình huống đưa đẩy câu chuyện, ông đã để cho những nhân vật cá biệt của mình luyện tập sai phương pháp; huyệt đạo không còn ở đúng chỗ cũ nữa. Đó là trường hợp Du Thần Chi luyện trật *Dịch Cân Kinh* của chùa Thiếu Lâm. Đó cũng là trường hợp của Âu Dương Phong trong *Võ Lâm Ngũ Bá và Xạ Điêu Anh Hùng Truyền* luyện trật bài bản Hầm mô công (công phu con éch) đến nỗi suốt đời phải đi bằng tay, chúc đầu xuống đất !

Tiêu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng đề cập đến những vị thuốc mà thường là thuốc quý dùng trong y học. Đọc LMTKT, ta thật sự xúc động khi Tiêu Phong đánh nhầm A Tú, hối hận vì hành động thiếu anh hùng của mình, đã bồng cô ra vùng Đông Bắc Trung Quốc kiếm nhân sâm, tay gấu chữa bệnh cho cô. Tác phẩm của ông cũng từng đề cập đến Linh chi thảo hoặc Thiên niên tuyết liên tử (hạt sen ngàn năm trên đất tuyết) có giá trị hồi dương. Trong LMTKT, Đoàn Dự nuốt lộn hai con nhái đỏ gọi là Măng cỏ chu cấp mà trở thành người có nội công đệ nhất. Trong YTLK, Vô Ky ăn nhầm những con ếch xanh trong Bích hàn đậm mà sức đề kháng bệnh được phát huy, vượt qua nguy cơ chết vì Huyền Minh chưởng và hậu quả đả thông hai mạch Nhâm Độc của Viên Chân hòa thượng. Vì thuốc nằm trong toa thuốc. Tuy nhiên, có những toa thuốc mang ý nghĩa ẩn dụ một cách tuyệt vời mà các thầy lang bình thường chưa chắc khám phá được. Thiếu toa thuốc mà Hồ Thanh Ngưu y tiên viết cho Vô Ky : Phòng phong, Độc hoạt, Dương quy, Xuyên sơn giáp, mỗi thứ 9 chi. Cậu bé Trương Vô Ky 15 tuổi đọc toa thuốc này, hoàn toàn hoài nghi về cách ra toa bừa bãi với các vị thuốc phổ thông của Hồ Thanh Ngưu. Nhưng trí thông minh đã giúp cậu hiểu ra nghĩa ẩn dụ nằm trong những vị thuốc bình thường : nên coi chừng (Phòng phong), kiểm đường sống một mình (Độc hoạt), phải quay về chỗ cũ (Dương quy), bằng cách đi qua núi (Xuyên sơn giáp). Hồ Thanh Ngưu đang gặp lúc lâm nguy, muốn cứu Vô Ky nên ra một toa thuốc báo chàng trốn đi đúng vào canh 3 đêm nay ra khỏi Hồ Diệp cốc ngay !

Trong chương Tình Yêu Trong Truyền Võ Hiệp Kim Dung, tôi đã nhắc sơ lược đến hai chữ "tình yêu" khá lạ lùng của Kiến Ninh công chúa (trong LDK) và cặp Đông Phương

Bất Bai - Dương Liên Đình (trong TNGHK). Nếu nhìn dưới nhãn quan y học thì các nhân vật vừa nói ít nhiều đã bị chứng bệnh tâm thần và Kim Dung đã mô tả cho chúng ta (chứ không bình luận) về trạng thái bệnh lý của họ. Kiến Ninh công chúa, cô bé mới 14 tuổi, là một nhân vật bị chứng khô dâm (Masochisme). Chứng khô dâm được định nghĩa là “*trạng thái mà trong đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục qua sự đau đớn về thân xác*” (Perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur physique - Petit Larousse). Kiến Ninh công chúa chỉ thực sự tìm thấy khoái lạc khi thái giám già hiệu Vị Tiêu Bảo bóp cổ, đánh đập, lấy dao rạch, lấy dây quắt vào người cô trước khi chăn gối. Còn Đông Phương Bất Bai đã tự thiến bộ phận sinh dục để luyện Quỳ Hoa Bảo Điển (một tên gọi khác của Tịch Tà Kiếm Phổ) nên y thành ái nam ái nữ. Y chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục khi có Dương Liên Đình, một nhân vật tốt tướng đẹp trai, ăn mặc xa hoa như một nhà phú hào. Khi bị bốn cường địch là Nhậm Ngã Hành, Hướng Văn Thiên, Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung bao vây, y chỉ cần chống đỡ bằng một cây kim thêu mà đã đâm được Nhậm Ngã Hành mù một mắt. Phải đợi đến lúc Doanh Doanh hành hạ Dương Liên Đình, Đông Phương Bất Bai nhìn thấy và đau đớn, mới chịu thua và chết dưới tay sát thủ của Nhậm Ngã Hành.

Võ học luôn luôn kết hợp chặt chẽ với y học. Môn phái nào trong võ hiệp Kim Dung cũng biết dùng thuốc, chữa thương, nuôi náng và săn sóc người bị thương. Tất cả đều dựa trên y thuật cổ truyền của người Trung Quốc và do vậy, những điều mà Kim Dung diễn đạt đều có cơ sở khoa học. Thỉnh thoảng, trong vài bộ tiểu thuyết của ông cũng có những điều phi khoa học hoặc không được khoa học hiện

đại kiêm chứng như chuyện thay đổi công lực, đà thông Nhâm Dốc hai huyệt. Người ta có thể hoài nghi các già thuyết đó. Nhưng ai cầm được sự hư cấu, vốn là tinh thần và nguyên tắc của sáng tạo tiểu thuyết ? Ai cầm được nhà văn diễn đạt một cách lảng mạn, vượt ra ngoài quy luật thông thường của cuộc sống ? Một điều rõ ràng là Kim Dung chỉ viết tiểu thuyết chứ không hề viết sách nghiên cứu về y học Trung Quốc. Nhưng dù là nhà tiểu thuyết, rõ ràng là ông đã nghiên cứu kỹ lanh vực y học của dân tộc ông để dung nạp một cách hài hòa với lanh vực võ học , tạo ra những kiến thức y học phong phú cho tác phẩm và đem lại hứng thú cho người đọc. Kiến thức y học cũng như võ học ấy được xây dựng trên nền tảng kiến thức triết học Trung Quốc. Tất cả khởi đi với âm dương và cùng trở về trong cái lẽ huyền nhiệm của âm dương. Và chỉ ngay trong khía cạnh dung nạp y học, y thuật, y đạo vào trong tiểu thuyết, Kim Dung cũng xứng đáng được xưng tung là nhà văn bậc thầy của thiên hạ vì chưa có một nhà văn lớn nào trên thế giới, kể cả những tên tuổi đã nhận được giải Nobel văn chương, làm được công việc ấy như Kim Dung.



Chương 8

**Tình Yêu
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung**

Tuy tên gọi là tiểu thuyết võ hiệp nhưng bút
chất những tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung là
tình yêu lửa đói nồng thắm. Chính tình yêu đã
làm nên tính cách nhân bản và khiến cho hàng tỷ
người say mê tác phẩm của Kim Dung.

Một cách khái quát, Kim Dung đã xây dựng những cặp nhân vật hoặc những cụm nhân vật rồi tạo điều kiện cho họ gặp gỡ, hiểu biết và yêu nhau. Ông đã rất tinh tế để cho nhân vật chính phái yêu tà phái, bạch đạo yêu hắc đạo để tạo nên những mâu thuẫn chiêu dọc xuyên suốt chiều dài của tác phẩm và những mâu thuẫn chiêu sâu trong tâm hồn của từng nhân vật. Điều đặc biệt là những nhân vật nữ của ông thường rất đẹp, rất thông minh, xuất thân từ Ma giáo hoặc ít nhất cũng mang “một chút tà khí trong người”. Đó là những cặp và những cụm nhân vật Lệnh Hồ Xung - Nhậm Doanh Doanh (trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* - TNGHK), Trương Thúy Sơn - Hân Tô Tô; Trương Võ Ky - Triệu Minh - Chu Chỉ Nhược - Hân Ly - Tiêu Siêu (trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* - YTDLK); Kiều Phong - A Châu, Đoàn Dự - Vương Ngọc Yên, Mộc Uyển Thành - Chung Linh; Du Thần Chi - A Tử; Hư Trúc - Văn Nghi công chúa

(trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* - LMTKT); Thạch Phá Thiên - A Tú (trong *Hiệp Khách Hành* - HKH); Hồ Phi - Viên Tử Y (trong *Lãnh Nguyệt Bảo Đao* - LNBD); Quách Tĩnh - Hoàng Dung - Hoa Tranh công chúa, Dương Qua - Tiểu Long Nữ (trong *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện* - XDAHT) ...

Những mội tinh được Kim Dung dựng lên là những mội tinh thật trong sang và do vậy, thật đẹp. Tác phẩm Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đầu thời nhà Thanh (thế kỷ 17) trở về trước, khi mà tư duy phong kiến và nguyên tắc lễ giáo của đạo Nho đang giữ vai trò độc tôn chi phối toàn bộ những sinh hoạt xã hội. Cho nên, những nhân vật của Kim Dung yêu trọng sự cho phép của những tư duy và nguyên tắc ấy. Thế nhưng, tính chất lăng mạn - một thuộc tính không thể thiếu trong yêu đương - thì rất phong phú.

Những nhân vật của Kim Dung đã yêu theo phong cách của võ lâm. Trước hết, họ đánh nhau, sau đó hiểu nhau rồi mới yêu nhau. Hân Tô Tố, con gái của Bạch Mi ưng vương Hân Thiên Chính, một nữ ma đầu, đã dùng Kim dâu muỗi khống chế Trương Thúy Sơn của phái Võ Đang rồi sau đó mới yêu Trương Triệu Minh, đại quận chúa của Nhữ Nam Vương triều Nguyên, đã hùa cho Trương Vô Ky lọt xuống hầm sâu rồi sau đó mới yêu Vô Ky (YTDLK). Mộc Uyển Thành đã đánh cho vương tử Đoàn Dự nước Đại Lý thừa chét thiêu sống, sau đó mới nhận Đoàn Dự làm lang quân. Ở một chừng mực nào đó, các nhân vật này vượt qua hàng rào của nghi thức phong kiến và ràng buộc giáo điều của lễ giáo : họ tự quyết định tình yêu của mình và cảm thấy hạnh phúc khi được lựa chọn như vậy.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung mang tính phẫn đấu rất cao. Các nhân vật vượt lên trên hoàn cảnh, vượt qua những sự chống đối để bảo vệ tình yêu của mình. Trương Thúy Sơn cưới Hân Tô Tố, Trương Vô Ky bỏ hết sự nghiệp đi theo Triệu Minh, Nhậm Doanh Doanh lang thang qua ngàn trùng đê bảo vệ Lệnh Hồ Xung, A Châu vượt ngàn dặm ra Nhận Môn quan để chờ đợi Kiều Phong ... là những chuyện tình thật đẹp.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm Kim Dung luôn luôn kinh qua một quá trình hy sinh vô tận. Trương Thúy Sơn vì vợ mà tự tử khiến Hân Tô Tố cũng tự tử để giữ gìn danh tiết, xứng đáng với chồng. Triệu Minh từ bỏ cha và anh ruột để ra đi cùng Trương Vô Ky. Tiếu Siêu về Ba Tư, lên ngôi Thánh nữ Minh giáo mà lòng đau như cắt, cảm thấy cuộc đời hoàn toàn vô vị vì cô chỉ muốn suốt đời được hầu hạ cho Vô Ky thay áo, chải đầu. Nhậm Doanh Doanh cõng tình quân Lệnh Hồ Xung lên núi Thiếu Thất, chịu đòn cho phái Thiếu Lâm cầm tù mình đổi lấy lời hứa của Phương Chứng đại sư nhận chữa thương cho Lệnh Hồ Xung. Kim Dung đã thực sự biến tác phẩm võ hiệp của mình trở thành những bản tình ca tươi đẹp. Những bản tình ca ấy hóa giải được biên giới của chánh - tà, hắc - bạch, hận - thù. Chúng bành trướng cảm xúc cho người đọc khi đọc tác phẩm.

Kim Dung đã tạo ra được những nhân vật si tình kinh điển, những "giáo chủ" của đạo tình, hoặc là yêu, hoặc là chết. Vương tử Đoàn Dự suốt đời lênh đênh đi theo Vương Ngọc Yên chỉ để chờ lúc nàng nguy nan là ghé vai cõng nàng chạy trốn. Du Thần Chi chịu bịt chiếc lồng sắt vào đầu, làm một tên thiến sưu giúp vui cho A Tử chỉ để được ngắm khuôn mặt thiên kiều bá my nhưng tràn đầy ác độc của cô. Mỹ dao

vương Hồ Đật Chi say mê Trần Viên Viên, hầu thiếp của Bình Tây Vương Ngô Tam Quế đến nỗi chịu hóa thân thành một kè làm vườn, tưới rau trong mấy chục năm để được lén nhìn Trần. Truyện võ hiệp của Kim Dung đã xây dựng thành công những chàng si tình bậc nhất thiên hạ, xứng đáng đoạt huy chương vàng trong lịch sử tiểu thuyết cổ kim.

Người ta còn tìm thấy trong tác phẩm tiêu thuyết của ông những tình yêu ngang trái, rất người, thoát ra khỏi khuôn mẫu cho phép của lê giáo phong kiến Trung Quốc.. Đó là Tiểu Long Nữ sư phụ, một cô gái trong sáng bị kẻ tà dâm cưỡng bức, yêu say mê đồ đệ Dương Qua. Đó là Kỷ Hiểu Phù, vợ chưa cưới của Hân Lợi Hanh phái Võ Dang, đã yêu và thất thân với một ma đầu của Minh giáo là Dương Tiêu. Sinh ra đứa con gái, Hiểu Phù đã can đảm đặt tên cho con là Dương Bất Hối (không hối hận). Đó là Hồng phu nhân, vợ của giáo chủ Thần long giáo và A Kha, một thiếu nữ mất hết trinh tiết, đã trở thành vợ của Vị Tiểu Bảo.

Tiêu thuyết của Kim Dung cũng đặt ra những trường hợp sa đọa tình dục hết sức quái dị. Đó là Kiến Ninh công chúa, em gái vua Khang Hy, đã sa ngã với Vị Tiểu Bảo, một gã thái giám giả mạo, từ năm 14 tuổi. Kiến Ninh chỉ muốn được Vị Tiểu Bảo cột trói, đánh đập cho vỡ da tóe máu mới được thấy lạc thú của sự trao thân. Cá biệt, có trường hợp của Đông Phương Bất Bại, giáo chủ Ma giáo, luyện Tịch Tả Kiếm Phổ phải “dẫn đào tự cung” (tự thiến bộ sinh dục của mình), trở thành kè ái nam ái nữ, quan hệ “yêu đương” với gã bộ thuộc là Dương Liên Định. Khi xây dựng những nhân vật, những loại “tình yêu” này, ông đã nghiên cứu rất kỹ những biểu hiện của tính cuồng dâm và đồng tính luyến ái.

Trong 11 bộ sách của Kim Dung, có một nhân vật duy nhất không biết yêu là gì nhưng cuộc sống tình dục thì lại cực kỳ phong phú. Đó là Vi Tiểu Bảo. Xuất thân trong dòng dõi Lệ Xuân viện thành Dương Châu, quen với cảnh lá loi ong bướm của khách chơi và gái, Vi Tiểu Bảo mới 12 tuổi đã hình thành những khái niệm lờ mờ về chuyện nam nữ. Cho đến khi lên Bắc Kinh, làm đèn bá tước, Vi nghĩ rằng phụ nữ đơn giản là chỉ để làm việc ấy. Sang đất Nga, hắn đã dám mò đến cả công chúa Tô Phi Á (Tonia), Nhiếp chính Sa hoàng Nga La Tư ! Về Trung Quốc, hắn có một bầy vợ sáu nương hương trời : Hồng phu nhân, Phương Dỵ, Tăng Nhu, Mộc Kiếm Bình, A Kha, Song Nhi, Kiến Ninh công chúa ... Bầy vợ của hắn đẹp đến nỗi khi được đưa về Dương Châu, mẹ hắn đã thầm nghĩ : Voi cái "dàn" này mà lập nên một "viện" ở đất Dương Châu thì chẳng còn viện nào cạnh tranh nổi. Đôi với một nhân vật hạ cấp, lưu manh như Vi Tiểu Bảo, Kim Dung chỉ để cho hắn hưởng lạc thú của tình dục mà chẳng có tình yêu và chẳng biết đến tình yêu.

Tác phẩm của Kim Dung có những đoạn nói đến tình yêu thật đẹp. Những nhân vật của ông không bao giờ thoát ra miệng chữ yêu nhưng tình yêu của họ nồng nàn trong ánh mắt, trong hành động và trong trái tim. Đó là A Châu trả về Nhạn Môn quan chờ Kiều Phong để được suốt đời "theo đại gia cùng di săn chồn, đuổi thỏ". Đó là Tiêu Siêu chia tay với Trương Vô Ky trên biển "về Ba Tư, dừng nói lên ngôi Thánh nữ, đầu có làm đèn Nữ hoàng đi nữa mà ra công tử thì cuộc đời cũng rất vô vị". Đó là Nhậm Doanh Doanh bắn tin cho giới ma đầu trên giang hồ phải giết ngay Lệnh Hồ Xung vì "ta muốn người ở mãi bên ta để ta che, bảo vệ. Ta không muốn người phải chết trong tay những tên mạt hạng giang hồ". Đó là Triệu Minh với Trương Vô Ky :

"Lòng mày thiếp đã nhạt màu rồi. Công tử kẽ lại giúp cho thiếp đi". Những lời tỏ tình mang đầy tình chất ẩn dụ và biểu tượng như thế khiến tác phẩm vừa sâu, vừa không dung tục.

Một điểm khác cũng đáng bàn đến là trong tác phẩm của Kim Dung vẫn có những tình yêu trả ngụy. Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ gá ái nam ái nữ Lâm Bình Chi dặng kiếm cho được pho Tịch Tà Kiếm Phổ cho cha là Nhạc Bát Quần. Chu Chi Nhuược đánh lừa hứa hôn với Trương Vô Ky để đánh cắp bộ Cửu Âm Chân Kinh theo di huấn của sư phụ là Diệt Tuyệt sư thái. Nhưng tuổi trẻ của Nhạc Linh San, của Chu Chi Nhuược không nghĩ ra được sự trả ngụy ấy. Phần trả ngụy, âm mưu thuộc về sự xếp đặt của những người lớn, của thầy, của cha.

Đọc tác phẩm Kim Dung, người ta khám phá ra cái đẹp của tình yêu. So với những tác giả đồng thời, tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông trong sáng, lành mạnh. Thông qua tình yêu, ông giáo dục cho con người cái mỹ cảm về đạo đức. Nói rằng tác phẩm võ hiệp, thật ra chỉ là một cách nói. Chính tình yêu đã làm nên cái hồn, sự sống cho tiểu thuyết võ hiệp. Mỗi tác phẩm của ông ra đời trở thành một bức tranh điệp ngọt ngào cho tình yêu lứa đôi.





Quách Tường (*Lý Ý Hồng*)

trong *Thần Điêu Hiệp Lữ*, 1985

Chương 9

**Tình dục
trong
tiểu thuyết võ hiệp**
Kim Dung

Trong ngôn ngữ Trung Hoa, chữ dâm được viết với bộ thủy, có nghĩa là ham mê sắc dục quá độ. Dâm được coi là một cái gì đó rất tự nhiên đối với xã hội phong kiến Trung Quốc : vua được toàn quyền có nhiều phi tần, quan lại và nhà giàu có quyền cưới nhiều thê thiếp. Người phụ nữ trở thành món đồ chơi, phương tiện giải trí của người đàn ông. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung phản ánh về xã hội phong kiến Trung Quốc nhưng cái nhìn của ông đối với thói dâm đãng nói riêng và tình dục nói chung là một cái nhìn nghiêm túc và nghiêm khắc.

Tác phẩm Kim Dung xây dựng khá nhiều những nhân vật dâm đãng chuyên lợi dụng tình dục. Và ông đã dành những hình phạt nặng nề theo luật giang hồ để trừng trị những loại nhân vật đó.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, nhân vật dâm đãng là Điền Bá Quang. Hắn vừa là tên cướp, vừa là giặc dâm, khinh công rất giỏi và dao pháp rất nhanh. Hắn có ngoại hiệu đúng 14 chữ : Giang dương đại đạo, thái hoa dâm tặc, vạn lý độc hành khoái dao Điền Bá Quang. Nhà sư Bát Giới đã trừng trị hắn : xuyên hai mũi tụ tiễn vào bộ phận sinh dục và cho uống Đoạn trường tán - một loại thuốc độc - để

hắn khòi chạy nhanh và buộc hắn cạo đầu làm nhà sư với pháp danh Bát Khả Bát Giới (không thể không cảm nhận được). Chính nhờ hình phạt đó mà Diên Bá Quang bỏ được con đường tà dâm, trở thành người tử tế. Trong *Xạ Điều Anh Hùng Truyện*, nhân vật dâm đang là Âu Dương công tử. Hắn là cháu của Tây Độc Ân Dương Phong, từ Tây Vực xuống Trung Hoa, võ công cao cường, chuyên hăm hại lương gia phụ nữ. Da mặt hắn lúc nào cũng trắng bệ! Nhưng Âu Dương công tử tà mông vẫn chưa nguy hiểm bằng Doãn Chí Bình chính phái. Doãn Chí Bình là đệ tử hàng thứ 3 của phái Toàn Chân. Hắn đi ngang qua núi Chung Nam thì gặp ngay lúc Tiểu Long Nữ của phái Cổ Mộ đang thoát y để luyện võ công trong *Ngọc Nữ Chân Kinh*. Thế là hắn quên mất môn quy, điểm huyệt cổ gái, lấy chiếc áo đạo bào phủ lên mặt cô và đưa cô vào bụi rậm. Tiểu Long Nữ cứ ngỡ đó là Dương Qua, người học trò thân yêu của mình. Doãn Chí Bình ăn mắm mà Dương Qua khát nước!

Kim Dung nói về những hoạt động tình dục, điều mà người ta cho là dung tục, với một bút pháp tinh tế và trang nhã. Chính vì thế mà trong lần trở về thăm và nhận hòn Tiến sĩ danh dự đại học Bắc Kinh - đại nhã chi đường của Trung Quốc - vào tháng 1 - 1995, người ta đã mạnh dạn bàn đến cái nhã và cái tục và ca ngợi Kim Dung là một nhà văn thanh nhã từ văn phong đến nội dung. Khi nói đến những hoạt động tình dục, Kim Dung không bao giờ mô tả. Ông chỉ thuật lại bằng một vài câu ngắn gọn và dành phần suy nghĩ, đánh giá hành vi nhân vật cho độc giả.

Trong *Liên Thành Quyết*, Kim Dung xây dựng nhân vật Huyết Dao lão tổ từ Tây Tạng xuống như một nhân vật dâm ác hạng nhất. Suốt ba quyển đầu, cái nhìn của Kim Dung về nhân vật này rất nghiêm khắc, phản ánh quan

điểm dân tộc hẹp hòi của ông đối với những con người ngoài Hán tộc. Huyết Dao lão tổ nhận Địch Văn làm đệ tử. Mọi người gọi Địch Văn là tiểu dâm tặc. Nhưng hai thầy trò Địch Văn chẳng hề có một hành động dâm dật với ai, ngược lại Địch Văn còn là một chính nhân quân tử. Nếu Huyết Dao lão tổ là tên "giặc dâm" già nhất thì trong bộ *Hiệp Khách Hành*, Thạch Trung Ngọc lại là một gã giặc dâm trẻ nhất. Khi được gửi lên phái Thiên Sơn học, gã thiếu niên 15 tuổi đó đã có hành vi cưỡng bức cô bé A Tú, con của sư phụ mình khiến cô bé phải nhảy xuống lũng sâu để tự bảo vệ tiết sạch giá trong. Thạch Trung Ngọc có đưa em ruột rất giống mình là Thạch Phá Thién, thường chỉ được gọi với cái tên Cẩu Tạp Chung (chó lợn giống). Khi Cẩu Tạp Chung xuất hiện, mọi người trong phái Thiên Sơn đều tưởng cậu bé là Thạch Trung Ngọc nên muốn giết cậu. Chỉ có đôi mắt ngây thơ của A Tú mới nhìn ra được "vị đại ca hiền lành này không phải là tên tiểu tặc đó". Ấy vậy mà Cẩu Tạp Chung cũng bị mọi người chửi mắng trăm lần là "tiểu dâm tặc".

Nhưng trong 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, nhân vật dâm đãng số một phải thuộc về Vi Tiêu Bảo trong *Lực Định Ký*. Xuất thân trong kỵ viện thành Dương Châu, ngay từ tuổi thơ, Vi Tiêu Bảo đã thấy được những cảnh ong bướm là lối giữa đám làng chơi và các kỹ nữ. Cơ duyên đã đưa hắn lên Bắc Kinh, làm thái giám giả mạo trong cung nhà Thanh. Mới 13 tuổi đầu, hắn đã ôm Mộc Kiếm Bình, quân chúa Mộc Vương phủ Vân Nam và chót nhả với Phương Di, lớn hơn hắn 2 tuổi. 15 tuổi, hắn quan hệ thân xác với công chúa Kiến Ninh, 18 tuổi trôi giạt sang Nga, hắn quan hệ với công chúa Tô Phi Á (Sonyea), con gái Sa Hoàng ! Từ thái giám, hắn lên đế thống hoàng kỳ, khâm sai đại thần, bá tước rồi công tước. Trong lần đi công cán về thành Dương Châu, hắn quan hệ một hơi với 4 người phụ nữ : Tô Thuyên

(vợ của Hồng giáo chủ), A Kha (con gái Ngô Tam Quê và trai Viên Viên), Song Nhi (nữ tỳ), Tăng Nhu (một cô gái trong lực lượng kháng Thanh). Rồi hắn ăn ở luân với cả 4 người trên, lấy luôn cả Kiến Ninh, Phương Di, Mộc Kiếm Bình. Suốt đời Vi Tiểu Bảo, chỉ có tình dục, không hề biết đến tình yêu chân thật là gì. Kim Dung đã tước đoạt cái hạnh phúc được yêu của Vi Tiểu Bảo. Hắn trả lại Dương Châu thầm mẹ dẫn theo một đoàn thê thiếp, Vi Xuân Phương phải thầm khen con trai mình có mắt. Trong nhau giấu của một kỹ nữ hòi hưu, bà cho rằng với cái dàn gái này mà lập lên ở Dương Châu một kỹ viện thì những kỹ viện khác, trong đó có cái Lệ Xuân viện mà bà đã từng phục vụ,ắt phải sụp tiệm !

Trong tác phẩm Kim Dung, không thiếu những lời thoa mạ : dâm tặc, quan rùa đen, phuơng chó lộn giống. Ông đứng trên quan điểm của một nhà nhận bàn để nhận xét, đánh giá những hành vi tình dục của các nhân vật do mình tạo ra. Ông phán xét họ một cách nghiêm khắc - tất nhiên là với cái nghiêm khắc của một nhà văn chứ không phải một quan tòa. Ông để cho những nhân vật dâm đãng tự rước lấy sự trừng phạt công minh của cuộc sống, trừ nhân vật Vi Tiểu Bảo !

Cá biệt, có một môi trường mở đầu bằng hành vi cưỡng bức nhưng kết thúc bằng tình cảm tốt đẹp. Đó là Dương Tiêu (Quang minh sứ của Bát hòa giáo) đã bắt cóc và cưỡng bức Ký Hiếu Phù (đệ tử phái Nga My). Hiếu Phù sinh ra đứa con, đặt tên là Dương Bát Hối để tỏ ý không hề hối hận vì đã thất thân với Dương Tiêu. Diệt Tuyệt sư thái, sư phụ của Hiếu Phù, đã tìm giết Hiếu Phù. Dương Tiêu ở vậy nuôi con, không cưới vợ nữa để giữ mãi hình bóng của người phụ nữ từng là nạn nhân của anh ta.

Người ta thường nói : "Lửa gần rom lâu ngày cũng bén" để chỉ những quan hệ tắt yêu giữa nam và nữ trong những hoàn cảnh thuận lợi. Câu nói đầy tính ẩn dụ ấy không thể có trong tác phẩm Kim Dung. Nhiều lứa đôi trong tác phẩm của ông thương yêu nhau, sống với nhau một nơi nhưng trai vẫn giữ được phong độ của người quân tử, gái vẫn giữ được tiết sạch giá trong. Đó là Vô Ky với Triệu Minh - Chu Chi Nhược - Tiểu Siêu; Trương Thúy Sơn với Hân Tô Tô; Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh; Quách Tình với Hoàng Dung; Đoàn Dự với Mộc Uyển Thanh - Vương Ngọc Yên - Chung Linh; Hồ Phi với Viên Tử Y; Thạch Phá Thiên với A Tú; Dịch Văn với Thủy Phương; Kiều Phong với A Châu. Họ đều rất trẻ, sống giang hồ phiêu bạt nhưng vẫn tôn trọng chữ Lễ, biết yêu say đắm, có thèm khát nhưng không vượt quá giới hạn của tình yêu. Có những lứa đôi thành vợ thành chồng, có lứa đôi ly tán nhưng tựu trung; họ đã sống thật đẹp và yêu thật đẹp. Tôi cho rằng đây là một khía cạnh rất đạo đức trong tác phẩm Kim Dung. Nó đem lại cho người đọc - nhất là người đọc trẻ - những nhận thức đúng đắn về tình yêu và tình dục và giúp con người vươn lên để sống đúng nghĩa với khái niệm con người.



Chương 10

*Chất hài
trong
tiểu thuyết võ hiệp*

Kim Dung

Trước nay, văn học thế giới đã để lại cho chúng ta
nhiều tác phẩm của các bậc thầy hài hước. Đưa
nụ cười vào văn chương, tạo ra sự hứng thú cho người đọc
đã có từ những vở kịch của Molière (Pháp), Azit Neshin
(Thổ Nhĩ Kỳ), Slavemir Mrojek (Ba Lan). Và trong thời đại
chúng ta, tiếng cười có nhiều trong các tờ báo chuyên hài
hước, các tiểu phẩm trào phúng, châm biếm. Văn học Trung
Quốc cũng đã trước bạ tên tuổi của các bậc thầy cười : ông
Ngô Thừa Ân với siêu phẩm *Tây Du Ký*, Lỗ Tấn với tác
phẩm *A. Q Chinh Truyện*. Trên nền tảng cái cười Trung
Quốc, Kim Dung tiên sinh cũng đưa nụ cười vào văn chương
của ông, dù văn chương đó ở phạm trù văn chương kiêm
hiệp.

Những tình huống trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung
luôn luôn sôi động với tinh chất đấu tranh, bạo lực, mưu
toan, thủ đoạn. Vậy thì việc đưa tiếng cười vào trong những
tình huống này quả là một điều khó thực hiện nhất là giữ
làm sao cho chất cười đó không phá vỡ cái tổng thể của khái
niệm võ hiệp tiểu thuyết. Kim Dung đã làm được việc đó với
ngòi bút khéo léo của một bậc thầy và trong 11 bộ võ hiệp
tiểu thuyết của ông, chất hài hước đã được dàn trải khắp
các chương tạo ra niềm hứng thú cho độc giả.

Trong tác phẩm của ông, có những nhân vật khá hài hước về ngoại diện, tâm hồn thật trẻ thơ và hành sự rất tếu. Với bộ *Võ Lâm Ngũ Bá* và bộ *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện*, ta bắt gặp một nhân vật đáng yêu như vậy : Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông. Châu Bá Thông là nhân vật số 2 của phái Toàn Chân, sư đệ của Vương Trùng Dương, dưới tay có ca một đám sư điệt già nua cồ thụ nhưng tâm hồn ông vẫn là tâm hồn của một đứa bé ngày thơ, trong sáng. Ngay ngoại hiệu Lão Ngoan Đồng (ông già mà chơi như con nít) cũng đủ để mô tả đặc điểm tính cách nhân vật Châu Bá Thông. Theo sư huynh Vương Trùng Dương sang hoàng cung nước Đại Lý, Châu Bá Thông đã quan hệ tình dục với một cung phi của hoàng gia, đẻ ra một đứa con nhưng nuôi không được. Châu Bá Thông là một cao thủ, suốt đời chẳng biết sợ hãi ai nhưng mỗi khi nghe đến tên nàng cung phi đã lờ thắt thân với mình là ông ta chạy dài. Suốt đời Châu Bá Thông chuyên làm những việc cỗ quái. Ngay đến môn võ công ông tự suy nghĩ ra cũng có cái tên kỳ dị không kém : Song thủ hổ bác (hai tay vừa giúp nhau vừa đánh nhau). Đó là kết quả của một cách phân ý thật lý tưởng : tay trái vẽ hình vuông, tay phải vẽ hình tròn cùng một lúc, sao cho vuông ra vuông, tròn ra tròn. Chỉ có Châu Bá Thông là làm được việc ấy và luyện thành công kỹ thuật Song thủ hổ bác. Võ công ông ta đạt đến trình độ kinh người nhưng chẳng hề giết chóc ai, harm hại ai. Mỗi khi ông ta xuất hiện là tình huống trở nên vui nhộn.

Trong *Tiêu Ngộ Giang Hồ Ký*, ta gặp rất nhiều nhân vật hài hước. Đó là Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, một nhân vật được mô tả là “*lãng tử vô hạnh, thanh danh tàn tật*”. Phái Hoa Sơn nổi tiếng về sự nghiêm khắc giữ gìn thanh quy giới luật nhưng khi cao hứng lên, Lệnh Hồ Xung

sẵn sàng bỏ tất cả ra sau gáy. Anh đánh bạc với bọn du thủ, uống rượu xai quyền cùng anh em giang hồ hào sỹ, đánh cho bọn đệ tử Thanh Thành phải “thí cỏ hướng hậu bình sa lạc nhạn” (chóng đít ra sau tan tác như nhạn rơi bãi cát). Bị mụ ni - cô vợ của Bát Giới hòa thượng, má của ni cô Nghi Lâm - cạo đầu và suýt thiến bộ sinh dục vì từ chối tình yêu của Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã “trà thù” hết sức ngộ nghĩnh. Anh hướng dẫn cho Bát Giới đại sư cách điểm huyệt mụ, đưa mụ vào khách sạn và ... cởi quần áo mụ ra làm sao mụ còn chạy thoát khỏi tay Bát Giới, học được kinh nghiệm quái chiêu đó, Bát Giới đã quy xuống lạy Lệnh Hồ Xung, xưng tụng là Lệnh Hồ sư phụ, thậm chí là Lệnh Hồ gia già !

Bát Giới hòa thượng cũng là nhân vật bài hước số một. Lỡ yêu một ni cô, ông ta cũng cạo đầu đi tu. Nhưng quy luật của Phật giáo có ngũ giới cấm, trong đó có cấm tà dâm, mà mục đích của Bát Giới là đi tu để ăn ở cho được với người ni cô đó. Ông ta tự đặt cho mình ngoại hiệu là Bát Giới (chẳng cấm cản gì ráo), đã lấy được ni cô và để ra Nghi Lâm. Nghi Lâm cũng đi tu, làm ni cô của phái Hàng Sơn. Cô thầm yêu trộm nhớ Lệnh Hồ Xung, ân nhân đã cứu mình ra khỏi tay dâm tặc Diên Bá Quang. Thế là Bát Giới phải đi tìm Lệnh Hồ Xung, ép buộc anh làm nhà sư để cưới Nghi Lâm vì trên đời này “chỉ có ông sư là cưới được bà vài”. Đôi với Diên Bá Quang, Bát Giới trưng trí thẳng tay : cạo đầu buộc làm sư, đặt pháp hiệu là Bát Khả Bát Giới (không thể không cấm được), lại xuyên hai mũi tụ tiễn vào bộ phận sinh dục của Diên Bá Quang để hán khỏi gian dâm được với ai nữa, buộc Diên Bá Quang tôn Nghi Lâm làm sư phụ rồi buộc Diên Bá Quang làm mai “sư phụ” mình với Lệnh Hồ Xung.

Tuy nhiên, nói đến tiếng cười trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, người đọc vẫn nhớ đến Đào cốc lục tiên nhiều nhất. Đó là 6 anh em sinh ra cùng một lúc, tên thật là Đào Hoa Tiên, Đào Chi Tiên, Đào Diệp Tiên, Đào Thực Tiên, Đào Cán Tiên, Đào Cẩn Tiên. Họ gồm đủ hoa, nhánh, lá, cành, gốc, rễ nhưng bị cái tội hồ đồ, không phân biệt được ai là Lão Tam; ai là Lão Tứ ! Võ công cao cường, tâm ý tương thông, họ không sợ bất kỳ địch thủ nào trên đời. Suốt ngày họ đánh nhau, văng tục, cãi lộn. Mà cái kiêu cãi lộn của anh em nhà họ Đào cũng rất hoạt kê, càng cãi câu chuyện càng rối rắm. Nhìn dưới khía cạnh triết lý, Đào Cốc lục tiên chính là những nhà luận lý học hình thức (logique formelle) của phương Đông. Đào Cốc Lục Tiên mồm năm miệng mười, suốt ngày chỉ nói, nói và nói; đến vua nhà Tống cũng không cấm họ im miệng được. Nhưng có một người duy nhất có thể buộc họ câm miệng. Đó là Sát nhân danh y Bình Nhứt Chì. Bình Nhứt Chì có lệ cứu được một người là ra lệnh cho người đó hoặc anh em người đó đi giết một người khác. Trong một lần Đào Thực Tiên bị trọng thương, bọn ngũ tiên bèn khiêng đến cho Bình Nhứt Chì chữa nhưng miệng vẫn nói thiêng hó bách sát. Bình Nhứt Chì quát một tiếng im là năm lão im ngay bởi vì nếu không im, Bình Nhứt Chì sẽ buộc bọn ngũ tiên giết tên Đào Thực Tiên ! Khi Lệnh Hồ Xung được đưa lên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhứt Chì thú nhận rằng không thể chữa thương cho chàng được. Bọn Đào cốc lục tiên bèn trả thù, đặt ra câu hỏi : "Cứu một người thì giết một người. Nay không cứu được người thì giết ai ?" Chính cái luận lý học hình thức của bọn lục tiên đã khiến Bình Nhứt Chì tự suy nghĩ và cuối cùng, tự vận kinh mạch cho đứt, chết đi để xứng với ngoại hiệu Sát nhân danh y !

Lệnh Hồ Xung, Bát Giới hòa thượng, Bát Khả Bát Giới Điện Bá Quang, Đào cốc lục tiên là cái trực hài hước của

Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký. Chung quanh cái trục đó còn có nhiều nhân vật hài hước khác như Hướng Văn Thiên, Quang minh tà sứ của Triệu dương thần giáo; Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn phái Hành Sơn; bọn quần nị phái hàng sơn; bọn giang hồ thảo khấu 36 động 72 đảo... góp thêm tiếng cười cho tác phẩm. Vì thế, **Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký** tràn đầy tiếng cười lạc quan, ngay trong những tình huống bi thương nhất.

Chất hài hước trong kiếm hiệp Kim Dung thường xuất hiện trong những tình huống nghịch lý, thoát nhiên thì có vẻ kỳ quái nhưng đọc kỹ thấy thú vị vô cùng. Ta có thể tìm ra một hồi như vậy trong bộ **Hiệp Khách Hành**. Phái Tuyết Sơn có nội biến, bọn Liêu Tự Lệ, Thành Tự Học, Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiên bắt giam chưởng môn rồi quay ra đánh nhau để dành chức chưởng môn. Ai cũng tự khoe khoang võ công mình cao cường và họ đánh nhau với những chiêu thức độc ác nhất, tinh vi nhất. Giữa khung cảnh như vậy thì Trương Tam và Lý Tú, hai sứ giả của đảo Mộc Long đền phát thiếp mời chưởng môn phái Tuyết Sơn đi ăn Lạp bát cúc ngoài biển Đông. Mà “ăn lạp bát cúc” có nghĩa là ra đi không có ngày về. Cả bọn Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiên, Liêu Tự Lệ, Thành Tự Học sợ quá, chẳng ai muốn tranh cái chức chưởng môn nữa. Trương Tam và Lý Tú bó buộc bọn họ phải đấu võ cho phân thắng bại để xác định chưởng môn. Thế là anh nào anh nấy chỉ đấu cầu thua, thậm chí còn đưa tay chân của mình vào dao kiếm địch thủ để được bị thương và dĩ nhiên, càng bị thương nặng càng tốt. Trận đấu có kiếm bay, có máu chảy nhưng chất hài hước của bốn nhân vật cầu thua lại hóa giải được chất sắt máu kia và làm cho chưởng tiều thuyết cực kỳ sống động, thú vị.

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, có những nụ cười rất nóng và có những nụ cười rất lạnh. Cười nóng là cười ha hả, cười đau cả ruột, mọi người cùng cười kề cả độc giả. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm* mỗi khi Tinh Tú hái lão ma Đinh Xuân Thu và bon đê tử của lão xuất hiện thì tiếng cười nóng lại rộ lên. Ấy bởi vì với phái Tinh Tú, thói nịnh là một thứ võ công hàng đầu so với những thứ võ công khác trên đời. Đã có những tên đệ tử phái Tinh Tú đem sự phụ Đinh Xuân Thu của mình so sánh với Đức Khổng Tử và kết luận Đức Khổng Tử thua Đinh Xuân Thu vì Khổng Tử không có võ công. Giá mà Đức Khổng Tử sống dậy, đọc được những dòng này, chắc hẳn ngài cũng phải bắt cười khoan khoái. Ngược lại với cười nóng là cười lạnh, buồn mà cười, thương mà cười. Đó là mối tình của Du Thần Chi với A Tử. Đoàn A Tử là cô bé ác độc, đệ tử của Đinh Xuân Thu, bắt được Du Thần Chi để hành hạ cho thỏa tinh tàn bạo. Cô đã ra lệnh đánh Du Thần Chi thừa sống thiểu chết rồi nướng cái lồng sắt đỏ chụp vào đầu y, biến y thành thành tên Thiết sưu giải trí cho cô. Nhưng cái oán thay, ngay từ cái nhìn đầu tiên, Du Thần Chi đã say mê tấm dung nhan mỹ miều của A Tử. Hắn có thể hứng chịu cả trăm ngàn đau khổ để được nhìn thấy A Tử nở một nụ cười. Đôi mắt hắn long lên cảm nhận khi có ai hướng về phía A Tử một cái nhìn thiện cảm. Hắn có một pho võ công rất kỳ bí là Hán khí của Kim tần trùng độc làm nội công và đồ hình của *Dịch Cân Kinh* làm chiêu thức. Hắn đánh ai một chưởng thì người đó hóa thành băng tuyết ngay. A Tử đui hai mắt, không còn nhìn thấy gì trên đời. Thế là Du Thần Chi đi nhờ người ta tháo cái lồng sắt ra khỏi đầu mình và khuôn mặt của hắn trở thành khuôn mặt dị dạng của quỷ sứ. Hắn kiểm một cái khăn trùm đầu, tìm về với A Tử và tự đổi giọng nói, xung minh là Vương Tinh Thiên, chưởng môn phái Cực Lạc ! Rõ

rằng là khi có mặt A Tử, hắn đã đánh cho nhiều người thất diễn bát đảo nên A Tử hết lòng tin cậy. Chưởng môn phái Cực Lạc Vương Tinh Thiên dần có bé chu du giang hồ, khoe với cô rằng mình là kỳ nam tử, đẹp như Phan An, Tống Ngọc. Chính vì để bảo vệ bí mật cho những lời khoe khoang khoác lác đó, hắn đã phải nắn ni nhiều người khen hộ hàn anh tuấn, đẹp trai để vừa lòng A Tử. Cái hài hước khi xài dung cập nhân vật A Tử - Du Thần Chi của Kim Dung tràn đầy nước mắt, bao cười cũng được mà bảo khóc cũng không sai. Đó cũng là chất hài hước của Lỗ Tấn trong A Q Chính Truyện khi A Q được đưa ra pháp trường !

Dược cưới với những nhân vật của Kim Dung thật là một điều sang khoái. Cái sang khoái đó nằm trong những diễn tiến ngộ nghĩnh của câu chuyện, khiến người ta không tin cũng phải tin. Một thí dụ sinh động nhất là chuyện tuyển phu của công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ. Công chúa Văn Nghi đã từng bị Thiên Sơn Đồng Mỗ bắt, cởi trần truồng và đem vào hầm nước đá tối thui cho nằm cạnh nhà sư Hư Trúc. Mục đích của Đồng Mỗ là phá giới Hư Trúc và quả nhiên, nhà sư trẻ đã không thoát qua khỏi vòng tròn lụy. Lòng anh vừa đau khổ nhưng cũng vừa cảm thấy hạnh phúc. Vả suốt đời anh vẫn nhớ người trong mộng nhưng không biết nàng tên gì, ở đâu. Đúng một cái, nước Tây Hạ ra bắng chiêu phu cho công chúa Văn Nghi. Những thế lực chính trị cảm thấy đây là thời cơ để phục hưng nền quân sự của quốc gia vì kẻ nào làm phò mã nước Tây Hạ là kẻ đó có thể nắm thực quyền về quân đội. Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý buộc con là thế tử Đoàn Dự phải đi. Cô Tô Mộ Dung Phục cũng đi đến cầu hôn với hy vọng phục hưng binh lực nước Đại Yên. Hoặc Đô vương tử nước Thổ Lỗ Phồn cũng đến tranh thủ. Chỉ có chàng Hư Trúc là đi chơi, hoàn toàn không

nghỉ đến chuyện tuyển phu. Tất cả chương trình tuyển phu chỉ gồm có 3 câu : "Trên đời, người thích ai nhất ? Người ấy tên gì ? Ở đâu ?". Các vương tử, thái tử đều đáp xong. Đến lượt, người ta đưa cọt, đây Hư Trúc vào. Đáp câu thứ nhất, Hư Trúc bảo : "Trên đời ta chỉ thích nàng nhất". Câu thứ hai : "Tôi quá, ta không biết tên". Câu thứ ba : "Trong hầm nước đá". Và chỉ 3 câu đó, Hư Trúc tìm ra người tình nhân - Mộng Cô - của mình, trở thành phò mã nước Tây Hạ giữa sự ngạc nhiên của mọi người. Hóa ra, trò tuyển phu đó không phải là một đòn phép chính trị nhằm đối địch với ai cả. Đó chỉ là một cách để tìm ra người đàn ông mà công chúa đã từng yêu dấu và trao thân gởi phận.

Thế nhưng, không có tác phẩm nào tập trung cao độ tính hài hước bằng bộ *Lộc Đinh Ký*. Từ cách xây dựng nhân vật trung tâm đến tình huống diễn tiến câu chuyện, đến ngôn ngữ nhân vật, *Lộc Đinh Ký* là một bộ hài kịch lớn. Không chương nào của tác phẩm thiếu tiếng cười. Chuyện bắt đầu khi Vị Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh trong động diêm Lệ Xuân viện thành Dương Châu được Mao Thập Bát, một hảo khách giang hồ đem lên Bắc Kinh. Bằng thủ đoạn ma mẫn, Vị Tiểu Bảo đã giết được Tiều Quέ Tử thái giám, hóa thân làm Tiều Quέ Tử. Từ đó, hắn thân cận được với vua Khang Hy, trở thành bạn nhỏ của nhà vua, giúp vua giết được loạn thần Ngao Bái, gia nhập Thiên địa hội và hoạt động gián điệp. Hắn trở thành Chánh đô thống hoàng kỳ, phong tặng tước hiệu Ba Đồ Lỗ; Khâm sai đại thần di công cán Vân Nam; Tú hòn sứ; Bá tước; Nguyên soái cầm quân đánh phạt quân La Sát ! Công lao hắn lớn hơn bất kỳ một vị cố mệnh đại thần nào của triều Khang Hy. Để đạt được tột đỉnh vinh quang đó, hắn chỉ áp dụng hai thứ kinh nghiệm : một là kinh nghiệm sống trong động diêm và hai là những câu chuyện truyền kỳ trong bộ *Anh Liệt Truyện*.

mà hắn nghe được thư ở Dương Châu. Thông qua nhân vật Vi Tiểu Bảo, người ta nhận ra một định đê bất ngờ : "Trên đời này, kỵ viện và hoàng cung là hai nơi trú ngụ nhất". Đặc thù kinh nghiệm từ kỵ viện đến hoàng cung, Vi Tiểu Bảo trở thành nhân vật đệ nhất trú ngụ. Nhân vật trú ngụ ấy đã từng trở thành Hồi Minh hòa thượng, sư đệ của Hồi Thông, Phương trượng chùa Thiếu Lâm; rồi sau đó lại trở thành trụ trì chùa Thanh Lương trên Ngũ Đài Sơn ! Nhân vật ấy đủ sức "trị" tên đại Hán gian Ngô Tam Quế; trở thành cố vấn đặc biệt cho Sa hoàng Nga La Tư; thay mặt Khang Hy Hoàng đế quan hệ giao hảo với Mông Cổ và Tây Tạng.

Thế nhưng, nhân vật quan trọng ấy không biết chữ. Trong 3 chữ họ tên của mình, Vi Tiểu Bảo chỉ đọc được chữ Tiêu vì chữ này dễ nhận ra với 3 nét. Ấy thế mà bọn nhà văn có tên tuổi trong lịch sử văn học triều Thanh như Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng phục lăn phục lóc, hết lời ca ngợi. Nhân vật ấy đưa vào trong văn chương một mớ ngôn ngữ thỏa mạ bình dân, tục tĩu như *con mẹ nó, tổ bà quán rùa đen, phường chó đẻ*... Vi Tiểu Bảo "sáng tạo" ra những thuật ngữ mà chưa một thời đại nào người ta dám đem gán ghép cho những nhân vật cao quý trong xã hội phong kiến : công chúa Kiến Ninh được gọi là *con đực non*, thái hậu được gọi là *mụ diêm già*. Mớ ngôn ngữ ấy đã được "truyền bá". Trần Cận Nam, thầy của Vi Tiểu Bảo, cũng biết gọi thái hậu là "*mụ diêm già*". Vua Khang Hy cũng học thứ ngôn ngữ bình dân của Vi Tiểu Bảo mà mở miệng thỏa mạ "*con mẹ nó*". Chẳng những thế, nhà vua cũng sẵn sàng làm những việc làm hết sức "bình dân", chẳng ra thể thống một Đại Thanh Hoàng đế chút nào. Tôi cho rằng đoạn trích sau đây có thể nói lên chất hài hước cao độ của *Lộc Đỉnh Ký* :

"Sách Thánh hiền đọc nhiều quá, toàn những đoạn khó khăn. Đột nhiên, nhà vua được nghe những câu "Tôi bà nó", "Té ái vãi phản", tuy thô tục nhưng cũng thấy vui vui liền bắt chước nhưng chỉ khi nói với Vị Tiêu Bảo mới đưa ra. Hôm nay, nhà vua gặp phu hoàng, vừa hoan hỷ vừa bi thương, nhưng thân cận chưa được nửa giờ đã bị đẩy ra ngoài cửa chẳng biết từ nay còn có dịp nào gặp lại, trong lòng rất là khó chịu. May có Vị Tiêu Bảo nói năng thủ vị làm voi nỗi uất ức dì nhiêu. Khi bàn tới đại sự trừ phản dẹp loạn, ngài lại nỗi hùng tâm.

Nhà vua đứng dậy đi ra ngoài sân mẩy bước, hai tay bê mẩy hòn đá bày ra dưới đất, miệng nói :

- Hán quân có tú vuông, nào Đông vuông, nào Tây biên, nào Bắc biên, phải phân chia ra không thể để bọn chúng liên hiệp với nhau được. Lại còn Định Nam Vương Không Hữu Đức nhưng may thằng cha này chết rồi, chỉ để lại một đứa con gái thì cách đối phó chẳng khó khăn gì.

Nhà vua dứt lời, vung chân đá một hòn đá ra ngoài rồi nói tiếp :

- Cảnh Tinh Trung thần dũng hơn đời nhung lại là kè vỗ mitu nên chẳng có chi đáng ngại. Chi cần làm cho hắn không liên minh được với họ Trịnh ở Đài Loan là xong.

Nhà vua lại đá một hòn đá nữa đi rồi nói tiếp :

- Thương Khê Hỷ thì phu tử bất hòa. Giữa hai cha con hắn cũng thành thê nước lửa nhầm khuynh loát nhau, chắc chẳng làm nên trò trống gì.

Khối đá thù ba bị hất tung đi. Chỉ còn lại một khối đá lớn nhất. Nhà vua nhìn chằm chặp vào khối đá này, ngoogn xuýt thán.

Vì Tiêu Bảo cắt tiếng hỏi :

- Tâu Hoàng thượng ! Phải chăng đây là Ngũ Tam Quế ?

Vua Khang Hy gật đầu.

Vì Tiêu Bảo mắng liền :

- Thằng giặc thối tha này. Sao mì không chết đi khiên cho Đức Hoàng đế phải vì mì mà tốn thương cân não. Tâu Hoàng thượng ! Xin Hoàng thượng đái vào người hắn.

Vua Khang Hy cười ha hả, nỗi dạ trẻ thơ, vạch quần đái vào phiến đá.

Ngài cười nói :

- Người cũng đái vào đi.

Vì Tiêu Bảo cười rộ. Gã vừa đái vừa nói :

- Hồi sách này kêu bằng Vạn tuế gia cao sơn lưu thủy. Tiêu Quέ Tử ... Tiêu Quέ Tử ...

Gã chợt nhớ thầy đồ nói chuyện Tam Quốc có một hồi kêu bằng "Quan Vân Trường thủy yém thất quân" liền nói tiếp :

- "Tiêu Quέ Tử thủy yém thất quân"

Vua Khang Hy không nín được, lại cười ha hả. Ngài vừa thất quân lại vừa nói :

- Sau này mà ta bắt được tên giặc thời tha kia thật sự
thì sẽ đái hắn vào người hắn.

*Vì Tiểu Bảo thấy Tiểu Hoàng đe ra điều cấm hận Ngõ
Tam Quê thì trong bụng mùng thầm tự nhủ :*

- *Ta cùng bọn Mộc vương phủ đánh cuộc về vụ này.
Thế là phe mình ăn chắc đến quá nứa rồi.*"

Và gần như không có nhân vật nào trong *Lộc Đinh Ký* không có tính hài hước. Công chúa Kiến Ninh cũng biết chửi tục "Con mẹ nó, té đái vãi phân" và gây ra một hành động kinh thiên động địa mà không phải người phụ nữ nào cũng dám làm : lấy súng bắn nát bộ phận sinh dục của chồng chưa cưới. Hồi Thông đại sư, trụ trì chùa Thiếu Lâm, ca ngợi sư đệ của mình là Hồi Minh (tức Vị Tiểu Bảo) định lực cao cường khi đối đầu với bọn Cắt Nhĩ Đan vương tử mà chẳng biết Vị Tiểu Bảo sợ quá, thò cũng không nổi và đã đi tiểu ra đầy cả quần. Trừng Quang đại sư cầm đầu Thập bát La hán chùa Thiếu Lâm ngày thơ đến nổi nghe Vị Tiểu Bảo đi chơi kỹ viện (động điểm) cũng cho rằng kỹ viện là một "viện" tương đương với Đạt Ma viện của chùa Thiếu Lâm. Thậm chí khi Trừng Quang đại sư nghiên cứu võ công cũng phải nhờ Vị Tiểu Bảo chỉ điểm, hướng dẫn !

Có người cho rằng *Lộc Đinh Ký* là tác phẩm của thời đại chúng ta, Vị Tiểu Bảo là con người sống trong thời đại chúng ta. Tôi nghĩ là nhận định đó hết sức nghiêm túc và hợp lý. Với chất hài hước của *Lộc Đinh Ký*, thế kỷ 20 hiện thân rành rành trong tiểu thuyết võ hiệp, với những con người, những tình huống, những suy nghĩ của nó.

Không dễ đưa chất hài hước vào văn chương như đưa vào sân khấu hay thơ ca. Tôi đã đọc Kim Dung nhiều lần

trong đời. Vói Du Thân Chi trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, tôi nhò nước mắt. Vói Vi Tiêu Bảo trong *Lộc Đỉnh Ký*, tôi cười ha hả. Nhiều đêm, chợt tinh giác ngủ, nhớ đến Vi Tiêu Bảo, tôi bật cười một mình. Con người ngộ nghĩnh, thú vị, sống rất chân thật đó đã trở thành một biểu tượng hài hước của thế kỷ thứ 20 chứ không riêng gì trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung.

Trong hoàn cảnh đất nước chưa hòa bình, chiến tranh vẫn còn tiếp diễn nhiều nơi, lòng người hoang mang ly tán như xã hội miền Nam trước năm 1975, tác phẩm võ hiệp Kim Dung với những màn hài hước đặc sắc vụt trở nên phương tiện giải trí đắt giá. Tâm trạng chung của bạn đọc lúc đó là tìm ra một cái gì vui trong một đời sống có nhiều bế tắc và niềm bi thảm. Ta không thấy làm lạ khi người đọc đón nhận từng chương, từng hồi của tác phẩm Kim Dung đăng trên báo dưới dạng feuilleton. Tôi chưa nói đến giá trị văn học, giá trị tư tưởng, giáo dục. Chỉ một chức năng giải trí, văn chương Kim Dung đã đáp ứng đầy đủ cho người đọc. Hài hước trở thành một thang thuốc bổ, đem lại cho đời nụ cười ý vị.



Chương 11

*Ghen
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung*

Ghen (jalousie) là một tình cảm tự nhiên của con người, đặc biệt là ở phụ nữ. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tuy trọng tâm phản ánh về những sinh hoạt võ lâm, cũng đã có những nhân vật ghen tuông, tình huống ghen tuông thú vị. Nhận định về tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông mà không nhận định về cái ghen qua thật là một thiếu sót.

Một cách khái quát, Kim Dung dùng khái niệm rất cụ thể để nói về cái ghen. Ghen được gọi là *bình giám chua* hoặc là *ghè tương*. Còn các bình giám chua và ghè tương đó để bể trong tình huống nào, đổ bể ở đâu thì lại là chuyện khác.

Ở mức độ sơ cấp, người phụ nữ bày tỏ lòng ghen tuông một cách nhẹ nhàng, đôi khi không khỏi khiến độc giả buồn cười, thương hại. Đó là trường hợp Á bà bà (bà già câm) trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* Ký. Ở tuổi đôi mươi, bà đã xuất gia đi tu và là một nữ tu xinh đẹp. Có một chàng lăng tử giang hồ, cảm mến sắc đẹp đó, cứ theo tán tỉnh hoài. Và hắn cũng cạo đầu đi tu, tự đặt pháp hiệu cho mình là Bất Giới. Hắn cho rằng “chỉ có ông sư mới có thể yêu bà vài” (?).

Họ thành vợ chồng và sinh ra cô gái xinh đẹp Nghi Lâm. Một lần, Bát Giới đại sư nhìn thấy Ninh Trung Tắc, vợ của Nhạc Bát Quỷ. Ông ta lỡ miệng khen Ninh Trung Tắc đẹp, thế là Á bà bà nổi ghen vì “đã có vợ rồi, sao lại còn khen kẻ khác đẹp ?”. Bà ta bỏ luôn Bát Giới, vào phái Hằng Sơn già làm mụ già câm điếc, chuyên việc quét chùa, lau tượng trong 18 năm, báo hại Bát Giới đi tìm muôn chết !

Ở mức độ trung cấp, cái ghen bắt đầu có “bài bản” hơn. Đó là trường hợp ghen của Vệ Tú Nương trong *Hiệp Khách Hành*. Vệ Tú Nương thầm yêu trộm nhớ Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh chỉ yêu và cưới Mẫn Nhu. Họ sinh được 2 con trai giống nhau như đúc : Thạch Trung Ngọc và Thạch Phá Thiên. Thạch Phá Thiên mới 6 tháng tuổi thì bị ... mất tích. Ai bắt ? Chính là Vệ Tú Nương. Nàng đem cậu bé về hoang sơn dã linh ở Triết Giang nuôi nấng, đặt tên cho bé là Cầu Tạp Chùng (chó lợn giống) để mỗi khi lòng ghen tuông với hạnh phúc của Mẫn Nhu nổi lên, nàng kêu mấy tiếng Cầu Tạp Chùng cho đỡ buồn ! Cầu Tạp Chùng lớn lên, thành một chàng trai tuấn tú, hiền lành nhưng hoàn toàn dốt nát. Nhưng chính nhờ cái dốt nát đó mà chàng trở thành một con người đệ nhất võ công trong lịch sử võ học Trung Quốc, khác xa người anh ruột gian ác và tàn bạo Thạch Trung Ngọc. *Hiệp Khách Hành* - một bài thơ danh tiếng của Lý Bạch, đi vào tiểu thuyết Kim Dung, trở thành một bài thơ ca ngợi lòng dung cảm, đức hy sinh và tâm hồn trung hậu của chàng trai Cầu Tạp Chùng Thạch Phá Thiên.

Ở mức độ cao cấp, cái ghen được Kim Dung nâng lên thành những âm mưu, thủ đoạn cao cường. Đó là cái ghen của Chu Chi Nhược, chưởng môn phái Nga My trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* (Tù Khanh Phụng dịch là *Cô Gái Đồ Long*). Trương Vô Ky, giáo chủ Minh giáo (tức Báu hòa giáo),

nguồn gốc từ Ba Tư - lúc bấy giờ chưa gọi là Iran mà gọi là Perse) có 4 người bạn gái : Tiểu Siêu, Triệu Minh, Hân Ly và Chu Chi Nhược. Khi Tiểu Siêu về Ba Tư, Chu Chi Nhược nghĩ đến cách độc chiếm kiềm Ý thiêng, đao Đồ long và Trương Vô Ky. Trên hoang đảo, cô đánh thuốc độc cho mọi người mê man, lấy kiềm rách mạch và giết Hân Ly, trói Triệu Minh và bỏ lên một con thuyền lênh đênh trên biển để Triệu Minh chết đói. Trở về Trung thổ, Chu Chi Nhược lập tức tiến hành hôn lễ với Trương Vô Ky. Ngay trong lúc cô và Trương Vô Ky bái thiên địa thành vợ chồng thì Triệu Minh xuất hiện. Triệu Minh chỉ đưa ra một sợi tóc vàng của Tạ Tốn, thế là Trương Vô Ky bỏ hôn lễ và chạy theo Triệu Minh ngay. Đó là sợi tóc đặc biệt của Tạ Tốn. Chu Chi Nhược vừa thẹn, vừa sợ âm mưu của mình bại lộ, đã sử dụng một chiêu ác độc nhất trong Cửu âm bạch cốt trào, định đánh vỡ sọ Triệu Minh. Nhưng may mắn Triệu Minh chỉ bị thương ở bả vai. Và chính nhờ vết thương đó, Trương Vô Ky mới hiểu được rằng Chu Chi Nhược đã đánh cắp kiềm Ý thiêng và đao Đồ long của mình, đã luyện được Cửu âm bạch cốt trào giàu trong thân kiềm, đã bắt cóc Tạ Tốn, đã giết chết Hân Ly ...

Cái ghen tuông không chỉ có trong những bậc nữ lưu bình thường. Cái ghen trong bậc nữ lưu quý tộc còn ghê gớm hơn. Đó là trường hợp của Thư Bạch Phụng, người dân tộc Bài Di, vợ Đoàn Chính Thuần, vương phi nước Đại Lý và Vương phu nhân, người dân tộc Tiên Ty, nước Đại Yên, nhập cư nước Tống, tình nhân của Đoàn Chính Thuần. Thư Bạch Phụng là vương phi, ghen vì chồng đã có mình mà còn quan hệ ân ái với Tu la đao Tần Hồng Miên, Nguyễn Tình Trúc, Ôn Khang, Chung phu nhân và Vương phu nhân.. Thế là bà ta đem tám thân vương phi ngàn vàng cho một gã

án mà dơ dáy ân ái. "Mỗi tình" chớp nhoáng đó đã sinh ra vương tử Đoàn Dự, trên danh nghĩa là con của Đoàn Chính Thuần nhưng trong huyết thống là con của Đoàn Diên Khánh. Vương phu nhân ghen còn ghê gớm hơn. Hễ bất kỳ ai thuộc họ Đoàn nước Đại Lý lọt vào trong sơn trang của bà là bà ra lệnh giết rồi đưa thi thể vào Hoa phi phòng để chế biến làm phân bón hoa.

Tuy nhiên, cái hay của Kim Dung là không biến những tình huống ghen tuông trong tác phẩm của mình trở thành những vụ án hình sự có nhà tan, người chết. Những nhân vật của ông chỉ ghen như một cách bày tỏ thái độ; chẳng có ai chết cả. Trên kia, ta vừa nói Chu Chi Nhược giết Hân Ly, nhưng Hân Ly không chết. Những vết kiếm Chu Chi Nhược rạch vào mặt cô khiến cho độc tính của Thiên thù tuyệt hờ thù theo máu thoát ra ngoài và nhổ đó, cô mới ... sống lại được.

Đứng trên quan điểm hôn nhân của chế độ phong kiến, Kim Dung cho phép những nhân vật nam của mình có nhiều vợ, nhiều tình nhân. Đoàn Chính Thuần có 1 vợ và 5 tình nhân. Vi Tiểu Bảo trong *Lộc Đỉnh Ký* lại có đến 7 vợ : Tô Thuyên, A Kha, Song Nhi, Kiến Ninh công chúa, Phương Di, Mộc Kiếm Bình, Tăng Nhu và 1 tình nhân là công chúa Tô Phi Á (Sonya) của nước La Sát (nước Nga). Tuy nhiên, Kim Dung cũng đã để cho những nhân vật nữ của mình đấu tranh chống lại quan điểm đa thê sai trái đó. Một cách tích cực, ghen tuông được coi là một cách thể hiện phản ứng quan điểm đa thê. Những Á bà bà, Vệ Tử Nương, Thư Bạch Phung, Vương phu nhân là những con người đã phản ứng như vậy.

Quà thật đáng buồn nếu có những nhân vật (và ngay cả những người thật) không biết yêu và cũng chẳng biết ghen. Trong tiêu thuyết võ hiệp Kim Dung, người ta yêu tha thiết nhưng ghen tuông cũng cháy chòi lá! Rõ ràng, tuy lấy bối cảnh là xã hội phong kiến Trung Quốc nhưng tiêu thuyết võ hiệp Kim Dung lại đi sát cuộc đời bởi vì tâm tình trong đó là tâm tình của xã hội phương Đông hiện đại.



Chương 12

*Chát tho
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung*

Dưa thơ vào trong tiểu thuyết, cho tiểu thuyết có chất lãng mạn nhảm tạo thi hứng cho cá người viết lẫn người đọc là đặc điểm có hữu của 300 tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh. *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyệt Cần có trên vài trăm bài thơ và khi thực hiện phim *Hồng Lâu Mộng*, các nghệ sĩ Bắc Kinh đã biến những bài thơ này thành nhạc từ - một dạng nhạc phủ - được hát lên, làm giàu thêm chất liệu nghệ thuật cho tác phẩm điện ảnh. Nhà văn Kim Dung đã kế thừa phong cách đưa thơ vào tác phẩm tiểu thuyết như các nhà văn tiền bối mặc dù tiểu thuyết chương hồi của ông là tân văn tiểu thuyết. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung là một nhà thơ thực sự; ông đã viết cả vài trăm bài thơ, đặc biệt là thơ Thiền tông. Những bài thơ này chưa được in ra; người đời chỉ biết ông là nhà văn chứ chưa hề hiểu được ông còn là một nhà thơ. Chúng ta cũng lưu ý rằng ông nội Kim Dung đã từng làm tri huyện huyện Đơn Dương, Triết Giang và là một nhà thơ khá nổi tiếng cuối đời Thanh với thi tập *Hải Ninh Sát Thị Sao Thị*. Có lẽ âm vang của truyền thống tiểu thuyết Minh - Thanh, âm vang của truyền thống gia đình đã khiến Kim Dung

mạnh dạn đưa thơ vào tiểu thuyết võ hiệp, làm cho những tác phẩm văn xuôi của ông mèn mènh mang một màu thi ca lãng mạn, trữ tình.

Có những tác phẩm của Kim Dung lấy thơ làm nguồn cảm hứng chủ yếu. Đó là trường hợp bộ *Hiệp Khách Hành*, gồm 12 quyển. *Hiệp Khách Hành* là tựa đề một bài thơ dài của nhà thơ Lý Bạch, một trong Đường - Tống hát đại gia mà lịch sử văn học Trung Quốc rất đỗi tự hào. Thơ Lý Bạch có nhiều thể tài : Diễm ca (ca ngợi cái đẹp), Túy ca (viết trong lúc say), Biệt ca (viết lúc chia tay nhau), Biên tái ca (viết về cuộc đời chinh chiến), Tình ca (ca ngợi tình yêu), Hành ca (ca ngợi chuyện giang hồ mạo hiểm), ... *Hiệp Khách Hành* là một bài thơ ngũ ngôn, thuộc thể *Hành ca*, ca ngợi Ngụy Vô Kỵ, tức Tin Lãng Quân, công tử của nguyệt Ngụy và 2 hiệp khách - Hầu Doanh, người giữ cửa Di Môn cùng Chu Hợi, anh hàng thịt. Hai người đã có công giúp Tin Lãng Quân đưa quân sang cứu nước Triệu, bảo vệ Hàm Đan, chống lại quân Tần thời Chiến quốc.

*Triệu khách mạn hồ anh
Ngó cầu sương tuyết minh
Ngân yên chiêu bạch mã
Tập nạp nhu lưu tình ...*

Đi vào trong tiểu thuyết Kim Dung, cả bài thơ *Hiệp Khách Hành* vẫn được giữ nguyên nhưng nó không còn là một bài thơ nữa. Nó chính là một pho võ công mà ai có tấm lòng chon chất nhất, ít cơ tâm nhất mới nhận ra được. Con người đó là một chàng trai không hề biết chữ : Thạch Phá Thiên tức Cầu Tạp Chủng. Anh cóc cần bài thơ nói lên ý nghĩa gì, câu thơ biểu đạt điều gì.. Anh chỉ *nhin net chuz*. Ví dụ chữ *Hành* gồm 6 nét thì anh khám phá ra 6 thế võ tương

ứng với 6 nét đó chứ không cần biết *Hành* là đi hay chạy. Anh cứ lảng lặng khám phá tự dạng như thế cho đến chừ ruồi cũng và đặc thù một môn thần công, điều mà có những người bò ra mấy chục năm vẫn không khám phá được. Kim Dung gọi đó là *lối trước ý*.

Lục Mạch Thần Kiếm Truyện mènh mang một không khí lảng mạn, trữ tình của thơ. Đó là những câu thơ của Kim Dung làm ra để ca ngợi hoa trà, một quốc hoa của nước Đại Lý :

*Thanh quần ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mân lô khai
(Quần xanh, vóc ngọc tuồng quen mặt
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)*

Hoặc :

*Xuân câu thủy động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Giòng xuân nước gọn hoa trà trắng
Non hạ mây trời trái vải hồng).*

Đó là những câu thơ do chính Kim Dung làm ra nhưng được gắn vào cho những nhân vật của mình, để các nhân vật tỏ tình trước tình nhân. Thí dụ Trần Nam vương gia Đoàn Chính Thuần, một con người phong tình rất mực, thường “nói” với các tình nhân Vương phu nhân và Tu la đạo Tần Hồng Miên. Với Vương phu nhân, một người rất yêu hoa, Đoàn Chính Thuần đọc :

*Dưới khóm mẫu đơn dành bờ mạng
Chết làm quỳ sứ cùng oai phong*

Với Tân Hồng Miên, một người chuyên phóng Tu la
đao, Đoàn Chính Thuần chỉ “biên tập” hai chữ mấu đơn :

*Dưới lưỡi Tu la dành bờ mạng
Chết làm quý sứ cung oai phong*

Thi ca, từ phú không thể tách rời với thi pháp. Trong
những ngày sống chung với Nguyễn Tình Trúc, Đoàn Chính
Thuần đã chép tặng bà này bài Sầm Viên Xuân, một bài từ
danh tiếng :

*Sóng thu dường điểm mực
Tóc phượng rủ bên tai
Dung nhan tuấn nhã
Vẽ thiên nhiên càng ngắm càng tươi
Cách hoa nhìn bóng dáng
Vầng vặc ánh sao thưa
Ngòi tựa lan can ngắm
Mặt hồ gương phảng lặng nhu từ
... Bao giờ quên được
Hình ảnh lúc chia phôi
Khăn là uớt đầm
Ly biệt đôi dang giọt lệ rơi.*

Đoàn Chính Thuần là một vương gia phong nhã, có
riêng một thư pháp. Chính nhờ đó, Tiêu Phong đã đổi chiêu
nét chữ trên bài từ với nét chữ của một nhân vật ẩn danh
được gọi là “Thủ lĩnh đại ca” trong lá thư viết về chuyện giết
cha ông ngoài Nhận Môn Quan và biết Đoàn Chính Thuần
không phải là người chủ mưu vụ giết cha mình.

Thơ luôn luôn gắn liền với tình yêu, đặc biệt là những
mối tình dang dở. Gần như Kim Dung tôn trọng triệt để mô
thức đó.. Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Lệnh Hồ Xung

và Nhạc Linh San thương yêu nhau. Rồi một người thứ ba - Lâm Bình Chi - hiện ra và Nhạc Linh San say mê Lâm Bình Chi, phụ rẩy mối tình của Lệnh Hồ Xung. Nàng lấy Lâm Bình Chi khi Lâm Bình Chi đã tự thiến bộ phận sinh dục (dẫn dao tự cung) để luyện Tịch tà kiếm phò. Biết chồng mình không còn là đàn ông nữa, Nhạc Linh San đau đớn nhớ thương chàng Lệnh Hồ Xung. Cô đã đề lên trên tám bài thơ của danh sĩ Lý Thương Án, mượn thơ người để biểu đạt tâm trạng của mình :

*Nhớ xưa luyện ái Hán công tử
Xuong trắng thành tro hận chúa tan.*

Ngày Nhạc Linh San chết đi, Lệnh Hồ Xung trở về núi Hoa Sơn. Anh vào căn phòng riêng của Nhạc Linh San và đọc được hai câu thơ ấy, biết được tâm trạng Nhạc Linh San và cảm thấy thương yêu cô gái bất hạnh hơn bao giờ hết.

Cũng trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, ta đọc được những câu thơ bình dân khá nổi tiếng của người Trung Hoa. Gần như bọn giang hồ hào sỉ thường lấy những câu thơ này làm câu cửa miệng, đọc lên trong những tình huống thích hợp. Thí dụ khi chia tay nhau, họ đọc :

*Thanh sơn bích thùy
Hậu hội hữu kỳ
(Non xanh tro đá
Nước biếc vẫn đây
Còn ngày gặp gỡ)*

Thí dụ khi khuyên ai xuống tay giết một người, phản lại một môn phái, họ thường đọc hai câu thơ :

*Tiểu tượng phi quân tử
Vô độc bất trượng phu*

(Lượng nho chàng thánh người quân tử
Không độc sao nên đáng trượng phu)

Những câu thơ thông tục, đặt đúng vào vị trí trong ván cảnh, đã làm tác phẩm tăng thêm chất văn học.

Thơ luôn luôn gắn liền với kinh điển của các tôn giáo, bang hội. Trong kinh của Báu hòa giáo Ba Tư, có đến trên 100 bài thơ của Nga Mạc, đã được nhà thơ Quách Mạt Nhược dịch ra bản Quan thoại. Kim Dung đã khéo léo sử dụng một bài thơ ngắn nói về số phận con người, gắn bài thơ đó vào thân phận Tiểu Siêu, cô gái lai Ba Tư - Trung Hoa trong **Ỷ Thiên Đồ Long Ký**. Tiểu Siêu thương yêu Trương Vô Ky nhưng không hề nói lên lòng thương yêu đó. Cô chỉ vẫn thường hát cho anh nghe :

*Lai như lưu thủy hè, thê như phong
Bát tri hà xú lai hè, hà sở chung*

Chỉ có 17 chữ nhưng bài thơ cực kỳ hàm súc. Tôi xin tạm dịch :

*Chợt đến nhu dòng nước chảy
Rồi tàn nhu gió thoảng mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết tàn nơi đâu*

Cho đến khi Tiểu Siêu hôn Trương Vô Ky, từ biệt anh để trở về Ba Tư, Trương Vô Ky mới khám phá ra ý nghĩa của tình yêu nằm trong lời kinh Báu hòa giáo. Cuộc đời con

người ngẩn ngơ thì tình yêu cũng thế; cũng *Lai nhu lưu thùy hè, thê nhu phong* và *bất tri hà xú lai hè, hà sở chung*. Tôi cho đoạn Tiêu Siêu chia tay Trương Vô Ky trên biển là đoạn hay nhất, giàu chất thơ nhất trong cả 11 pho tiểu thuyết đồ sộ của Kim Dung.

Thơ chính là Đạo. Kim Dung muốn bạn đọc của mình nhận ra điều ấy. Ông đã để cho những nhân vật của mình xuất khẩu thành thơ, ngôn từ đơn giản nhưng ý tứ - cái Đạo bên trong - lại rất bao la, thâm diệu. Thí dụ như bài thơ của nhà sư Trí Quan đọc cho Kiều Phong nghe khi Kiều Phong lên núi Thiên Thai, chùa Chì Quán, yết kiến ông và hỏi thăm gốc gác của mình. Tự thâm tâm, Kiều Phong rất xấu hổ, rất đau đớn vì mình là người Khát Đan; mình không thuộc dân tộc Hán. Nhà sư Trí Quan đã giải quyết mối ưu tư nội tại của Kiều Phong bằng một bài thơ mang chất Thiền mènh mông :

*Khát Đan với Hán nhàn
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vĩnh nhục
Không hơn đám bụi trần*

Kim Dung đã đầy tiểu thuyết của mình đi đến bờ cõi bao la của triết học. Và tùy trình độ nhận thức, cảm thụ; các nhân vật của ông ngộ hay không ngộ vấn đề. Tất nhiên, thơ như thế này rất gần gũi với con người, không đến nỗi bí hiểm như những công án của Thiền tông.

Trong 11 pho tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, thơ Trung Hoa và thơ của chính Kim Dung xuất hiện đều đặn. Nó trung hòa với tính chất sát máu của cuộc đấu tranh chánh - tà, thể hiện cái hồn của văn học tiểu thuyết thương hồi

truyền thông. Nó kết hợp với thư pháp (phép viết chữ), hình thành nên những pho võ công cho phán quan bút, kiếm pháp, chuông pháp. Nó làm nên tố chất lãng mạn cho tình yêu, chất triết lý cho tôn giáo, chất trí tuệ cho đời sống. Đưa thơ vào truyện kiếm hiệp như ông quả là thủ pháp của một nhà văn cao cường. Có thể nói, Kim Dung đã vượt xa những bậc tiền bối của mình trong hệ tiêu thuyết chương hồi Minh-Thanh. Điều này cũng rất dễ hiểu bởi Kim Dung là một nhà thơ có tài và tài năng của ông thực sự phát triển rực rỡ khi người tình Hạ Mộng ra đi khỏi vòng tay ông.



nhà vua cũng là. Nếu bắt phải với nhau bao giờ cũng phải (điều gì) vì nó
tuyệt vời đến mức nào kia mà cho nó công cho báu như thế



Pa-nô phim *Thiên Long Bát Bộ*, 1985

Chương 13

***Ngôn ngữ bình dân
trong
văn chương
Kim Dung***

T^rước hết, ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ nghệ thuật. Tuy nhiên, không ai cấm nhà văn đưa hệ thống ngôn ngữ bình dân, đặc biệt là ngôn ngữ thô mạ, vào trong tác phẩm của mình. Có nhiều khi, một từ thô mạ thô thiển, thậm chí tục tĩu, nằm đúng vào ngữ cảnh của câu văn hoặc tình huống của chương hồi lại tạo ra được yếu tố nghệ thuật bất ngờ, thú vị cho văn chương.

Đọc văn chương Trung Hoa, chúng ta bắt gặp ngôn ngữ thô mạ gần như là yếu tố khá phổ biến, bàng bạc trong tác phẩm. Bộ tiểu thuyết sử thi *Tây Hán Chí* (Hán - Sở Tranh Hùng) có nhiều đoạn mô tả phương pháp thô mạ mà các tướng lính của Hán vương Lưu Bang và Tây Sở bá vương Hạng Vũ dùng để chửi bới lẫn nhau với mục đích chọc giận kẻ thù, buộc kẻ thù không chịu nhục được, phải mở cửa thành ra đánh. Gặp kẻ thù ngoan cố, chịu nhục giỏi, các tướng lính còn ra lệnh cho bọn mạ thù cởi truồng ra mà thô mạ. Trong *A.Q Chính Truyện*, Lỗ Tấn đã cho phép nhân vật A.Q của mình thực hiện phép “thắng lợi tinh thần”, thỉnh thoảng cũng thô mạ cụ Triệu, Vương râu xồm, Đôn oắt ty và Tây giá cầy : “Mày là cái thứ đồ gì. Con ông về sau còn hơn gấp mười lần mày” hoặc “Nó đánh mình như đánh

bó nó” Văn chương võ hiệp của Kim Dung cũng thế. Thế giới văn chương của ông là thế giới của bọn hào sĩ giang hồ; trong đó một nửa là băng môn tà đạo, bắt gà, trộm chó, cướp cua, giết người, lại bắt học võ thuật cho nên chuyện thỏa mạ đối với họ là chuyện cơm bữa.

Bộ *Hiệp Khách Hành* là bộ tiêu thuỷt có lối thoa mạ kỵ là nhất. Vệ Tử Nương thảm yêu Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh lại lấy Mẫn Nhu sinh ra được Thạch Trung Ngọc và Thạch Phá Thiên. Vệ Tử Nương bắt cóc Thạch Phá Thiên về vùng hoang sơn nuôi, đặt tên là Cầu Tạp Chung (Chó Lộn Giồng). Mỗi khi nghĩ đến tình địch, Vệ Tử Nương kêu tên Cầu Tạp Chung chửi mấy tiếng cho đỡ buồn. Đối với người đàn bà ghen tuông ghê gớm này, một nửa Thạch Phá Thiên có chất người của Thạch Thanh, một nửa còn lại có chất “chó má” của Mẫn Nhu ! Cậu bé phải mang cái tên Cầu Tạp Chung cho đến năm 20 tuổi mới biết được tên mình là Thạch Phá Thiên.

Bộ *Lục Mạch Thần Kiếm* cũng có một hệ thống ngôn ngữ thoa mạ phong phú. Một nhà sư trẻ Phật lực cao cường, kinh điển tinh thông, lòng dạ đoan chính như Hư Trúc cũng bị Thiên Sơn Đồng Mô cung Linh Thủu núi Phiêu Diểu thoa mạ là “xú hòa thượng, nhà sư chết chém, thầy chùa chết đâm”. Bọn “quần tiên” 36 đệ tử, 72 đảo là một phường băng môn tà đạo ô hợp; đàn ông thì tự xưng là “lão gia, lão tử”, đàn bà thì tự xưng là “lão nương”. Bọn đệ tử của Tinh Tú lão ma Dinh Xuân Thu tán tụng thầy : “Tinh Tú lão tiên thần thông quảng đại thiện hạ vô song. Lão gia đá một phát như trời long đất lở, vẩy tay một cái nhặt nguyệt lu mò” và đối với các phái khác, bọn họ coi chẳng ra gì. Thế nhưng khi Dinh Xuân Thu bị Hư Trúc đánh ngã, cả bọn lại nịnh Hư Trúc và quay ngược thoa mạ

Đinh Xuân Thu : “Ánh lửa đom đóm mà dám tranh sáng với mặt trời mặt trăng. Người là kè tiêu nhân gian tà, độc ác”. Kiều thoa mạ nhu vậy gây cho người đọc những nụ cười thú vị về thói nịnh, thói xu viêm phụ nhiệt. Mà không chỉ có bọn đàn ông mới thoa mạ. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, Kim Dung xây dựng một hình tượng phụ nữ kha độc đáo : nàng hoa khôi Ôn Khang, vợ của Mã Đại Nguyên. Người đàn bà đẹp này bình thường khép nép, nghiêm cẩn, rõ ra khi tượng của một thiêú phu khà kinh. Nhưng trước khi nàng ta chết, người đọc mới hiểu ra rằng nàng là kè dâm loạn với Đoàn Chính Thuần, Bạch Thế Kinh. Trước khi chết, Ôn Khang còn ráng thu hết tàn lực, thoa mạ Kiều Phong một hồi với mó ngón ngữ vừa tục tĩu vừa độc ác. Và càng thoa mạ, đôi mắt nàng càng sáng lên, gương mặt lại có vẻ cao hứng, phấn khởi !

Bọn quân hào 4 châu Tề, Lỗ, Dự, Ngạc trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* có trình độ thoa mạ cũng thuộc hàng thượng thừa. Chúng kết hợp với 6 anh em Dao Cốc lục tiên một giuộc, hẽ mở miệng ra là “con mẹ nó, mười tám đời tổ tôn quân rùa đen, phường đê tiện”. Đặc biệt, ngôn ngữ thoa mạ trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* được dùng như một thứ mật khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung, chưởng môn phái Háng Sơn, bị vây hãm trong hang động tối đen. Một bọn đệ tử Tung Sơn đã từng bị Lệnh Hồ Xung đánh cho đui mắt, tìm mọi cách để giết chàng. Khi phóng kiếm ra trong bóng tối, họ thường chửi : “Cút con bà mày đi”. Hóa ra, đó là mật khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung thoát chết nhờ biết học và dùng câu “Cút con bà mày đi”. Những kẻ khiếm thị kia cứ ngữ chàng là đồng bọn !

Nhưng không ở tác phẩm nào, ngôn ngữ thoa mạ được hệ thống hóa một cách tinh xảo và nâng cao thành ngôn

ngữ văn học lạt lùng như trong bộ *Lộc Đỉnh Ký*. Vị Tiêu Bảo xuất thân từ Lệ Xuân viện thành Dương Châu, 13 tuổi đã lình hội trọn vẹn mớ ngôn ngữ tục tiếu của khách làng chơi và đám kỹ nữ. Khi được vào trong cung nhà Thanh, hắn lại tu nghiệp thêm với bọn thái giám và thị vệ, trở thành một chuyên gia thỏa mạ hạng nhất. Hắn gọi tổng quản thái giám của nhà Thanh là "Hải lão con rùa", gọi thái hậu là "mụ điểm già", gọi công chúa Kiên Ninh là "con dươi non", gọi Bình Tây vương Ngô Tam Quế là "lão đại Hán gian", gọi phò mã Ngõ Úng Hùng là "tiểu Hán gian". Tiền quân ra biên giới Đông Bắc đánh nhau với nước Nga, hắn gọi quân Sa hoàng là "bọn quỉ Hồng mao". Bắt được một số hàng binh Nga, hắn buộc những người này phải ra trận làm mạ thủ, chửi bới viên tư lệnh quân Nga là Phi Diêu Da La, chọc giận cho quân Nga khai thành tiếp chiến. Tuy nhiên, hắn cực kỳ thắt vọng khi hàng binh Nga chỉ biết chửi "người là đồ heo, đồ chó". Hắn vỡ lẽ ra rằng về phương pháp thỏa mạ, người Trung Quốc cao cường hơn người Nga; nội dung phong phú hơn mà tiết tấu cũng nhịp nhàng hơn. Nghệ thuật chửi bới của Vị Tiêu Bảo xuất thân nhập hóa đến nỗi hai ông thầy của hắn cũng học theo mớ ngôn ngữ tào lao đó. Vua Khang Hy và Trần Cận Nam cũng theo cách chửi của Vị Tiêu Bảo, chửi tục. Chửi cho vui !

Văn chương là sự phản ánh cuộc sống xã hội nhất định trong một giai đoạn nhất định. Tiếu thuyết võ hiệp của Kim Dung nói về bọn hào sĩ giang hồ thời phong kiến. Mà cái mặt bằng văn hóa thời phong kiến của xã hội Trung Hoa quá thấp, là sản phẩm của một nền kinh tế nông nghiệp nhỏ và lạc hậu. Chính trong một xã hội như vậy, một nền kinh tế như vậy, một mặt bằng văn hóa như vậy thì việc đưa ngôn ngữ thỏa mạ vào miệng những nhân vật của mình

là một cái gì hết sức tự nhiên. Vân đê còn lại là ngôn ngữ thỏa mạ áy hiện ra trong ngữ cảnh nào, trong trường hợp nào. Kim Dung đã làm một chuyện hết sức tài hoa : viết được những bộ tiểu thuyết trường thiêng, giàu tính nghệ thuật bằng sự pha trộn ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân, trong đó có ngôn ngữ thỏa mạ. Ông sêng tác tiểu thuyết tại Hong Kong, Đài Loan nhưng văn chương Quan thoại trong tác phẩm của ông cực kỳ trong sáng và nghệ thuật; rất gần gũi với Quan thoại Trung Quốc. Tháng 1 - 1995, ông về Bắc Kinh diễn thuyết và nhận hàm Giáo sư danh dự Đại học Bắc Kinh; các học giả Trung Hoa đã ca ngợi cách thể hiện của Kim Dung, coi ông là nhà văn lớn của nền văn chương Quan thoại hiện đại. Kim Dung đã biết dung nạp cái nhã và cái tục, sử dụng cái tục để tạo ra cái nhã. Thủ pháp diệu đạc của ông là thủ pháp của nhà văn thượng thừa. Có lẽ vì thế mà hôm nay, 11 bộ tiểu thuyết với trên 200 cuốn dày 400 - 500 trang của ông đã được các nhà xuất bản Trung Hoa in lại và được bày bán, tràn trọng đón nhận trên toàn cõi Trung Hoa. Kim Dung có thêm cả tỷ độc giả chính thức.



Chương 14

**Những vụ án
tình báo gián điệp
trong
tiểu thuyết võ hiệp**

Kim Dung

Trước hết, khái niệm vụ án tình báo - gián điệp là khái niệm mờ mè của thời đại chúng ta. Tuy nhiên, như Kim Dung tiên sinh đã nói chuyện với báo giới Đài Loan ngày 18-4-1994 thì : “*Tiểu thuyết là viết cho người hiện đại đọc, kể cả tôi cũng hiện đại*”. Điều này có nghĩa là tất cả mọi khái niệm hiện đại đều có thể có trong tác phẩm võ hiệp của tiên sinh dù những tác phẩm ấy hư cấu về sinh hoạt của giới võ lâm, sống trước thời đại chúng ta trên 3 thế kỷ. Cho nên, chúng ta không ngại khi đề cập đến những vụ án tình báo - gián điệp trong tác phẩm của tiên sinh, và, điều này hoàn toàn tự nhiên không thể coi là khiên cưỡng.

Vụ án đơn giản nhất nhưng cũng lạ lùng nhất là vụ án đầu độc trong ***Liên Thành Quyết*** tức ***Tố Tâm Kiếm***. Đinh Điền là một hào khách võ lâm, thương yêu cô tiểu thư trong trắng, con gái một viên tri phủ. Viên tri phủ đầy tham vọng, muốn chiếm cho được bộ ***Liên Thành Quyết*** mô tả đường đi tìm một kho báu mà chưa ai khám phá nổi. Và hắn dùng con gái làm một miếng mồi, quyết “câu” cho được Đinh Điền. Đinh Điền nhớ người tình, đã tự đem thân mình làm một tên trọng phạm trong nhà lao của viên tri phủ. Đêm đêm, với bản linh kinh người, anh vượt lao lung đến thăm và nói chuyện với người yêu. Cô gái nhân hậu biết Đinh Điền yêu

hoa nên đặt trước cửa phòng mình một chậu hoa tươi để ngày ngày, Đinh Điển được nhìn thấy màu hoa. Thế rồi, một ngày kia Đinh Điển chợt khám phá ra chậu hoa đã tàn. Biết là có việc không lành xảy ra với người yêu, anh phá lệ tìm đến dinh tri phủ. Hóa ra cô tiểu thư đã chết. Người anh hùng ôm lấy quan tài khóc sướt mướt thì bị trúng độc. Té ra, viên tri phủ gian ác đã bức tử cô con gái xinh đẹp của mình. Hắn biết mình không địch lại Đinh Điển và thế nào Đinh Điển cũng đến ôm quan tài khóc nên đã bôi thuốc độc lên khắp quan tài, đầu độc và không chế Đinh Điển. Vụ án khá đơn giản nhưng mưu mô quả rất thâm hậu, thể hiện bản lĩnh, trình độ xây dựng chất “hình sự gián điệp” trong tác phẩm Kim Dung.

Mỗi bộ tác phẩm của Kim Dung thường có nhiều vụ án và các vụ án áy kêt hợp, ăn khớp với nhau một cách tài tình khiến người đọc không thể bỏ được tác phẩm, không thể bỏ được một chương một hồi nào. Xây dựng tác phẩm trên nền tảng những vụ án là một biệt tài của Kim Dung. Nhưng cái biệt tài cao nhất - theo tôi - là tiên sinh đã nắm tay người đọc đi từng bước, từng bước vào trong những pho sách đồ sộ của mình một cách tự nhiên đến nỗi khi đọc xong tác phẩm, ta mới khám phá ra mình đã đọc tiểu thuyết hình sự - gián điệp.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung xây dựng một nhân vật làm gián điệp rất tài tình. Đó là Lao Đức Nặc, đệ tử phái Tung Sơn được chưởng môn Tà Lãnh Thiên “cấy” vào năm vùng trong nội bộ phái Hoa Sơn để do thám những âm mưu của chưởng môn Nhạc Bất Quần. Lao Đức Nặc đã già nhưng vẫn gọi chàng thanh niên Lệnh Hồ Xung là đại sư huynh. Nước cờ của Tà Lãnh Thiên đã cao nhưng đòn phản gián của Nhạc Bất Quần lại cao hơn. Nhạc Bất Quần

nhận Lao Đức Nặc làm đệ tử và ra lệnh cho gã giám sát Lệnh Hồ Xung để tìm ra bộ *Tịch Tà Kiếm Phổ*. Thực sự bộ kiếm phô áy đã lọt vào tay Nhạc Bất Quần và Nhạc ung dung dẫn dao tự cung (tự thiến bộ phận sinh dục) để tu luyện, mong chờ một ngày trấn áp quân hùng 4 phái Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hăng Sơn để lên ngôi chưởng môn Ngũ nhạc kiêm phái. Nhạc Bất Quần còn chơi một trò độc chiêu khác : sao ra một bản *Tịch Tà Kiếm Phổ* giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc ăn cắp để đưa về cho Tà Lãnh Thiên. Tà Lãnh Thiên mắng mưu họ Nhạc, cùng ung dung luyện kiếm phô giả, mơ một ngày trấn áp Nhạc Bất Quần. Cho đến khi Nhạc Bất Quần chắc chắn mình đã đùi bắn lịnh, trong đại hội Ngũ nhạc kiêm phái, Nhạc Bất Quần đã đem kiếm pháp thật đấu với kiếm pháp giả của Tà Lãnh Thiên, đâm đui được đôi mắt địch thủ, lên làm minh chủ Ngũ nhạc !

Dòn phản gián của Nhạc Bất Quần cực kỳ tinh vi nhưng có một người khám phá ra được. Đó là Ninh Trung Tác, vợ Nhạc Bất Quần. Bà ngủ bên cạnh chồng, cảm thấy lạ lùng vì chồng xao lảng chuyện chán gối, mỗi sáng lại thấy râu chồng rụng trong chăn, nghe tiếng nói của chồng đổi âm sắc trở thành eo éo. Đó là những biểu hiện của một người đàn ông bị biến đổi phái tính. Bà biết chồng đã tự thiến để luyện *Tịch Tà Kiếm Phổ* của nhà Lâm Bình Chi truyền lại đồng thời còn vu cáo cho Lệnh Hồ Xung ăn cắp kiếm phô này. Bà khuyên chồng nên vứt chiếc áo cà sa chép bộ kiếm phô áy xuống khe núi Hoa Sơn. Chiều ý vợ, Nhạc Bất Quần đã làm hành động áy. Đến đây thì nhân vật gián điệp thứ hai xuất hiện. Đó là tên tiêu tú Lâm Bình Chi. Lâm Bình Chi nghĩ ngờ sư phụ đã ăn cắp được bộ kiếm phô của nhà mình và đêm nào, y cũng đến rình mò bên cạnh phòng ngủ của vợ chồng Nhạc Bất Quần. Khi Nhạc Bất Quần vứt chiếc áo cà

sa đi, y đã nhanh chóng chộp lấy được và cũng “đẫn dao tự cung” để nhanh chóng luyện *Tịch Tà Kiếm Phô*. Nhạc Bát Quân kiểm tra khe núi, không thấy chiếc áo cà sa đâu, bèn nghi ngờ chính Lâm Bình Chi đã lấy lại được kiếm phô. Lão đi tiếp một nước cờ khác rất cao : đem Nhạc Linh San gả cho Lâm Bình Chi làm vợ. Từ khi lấy vợ, Lâm Bình Chi vẫn ngủ riêng, Nhạc Linh San mang tiếng có chồng nhưng chưa hề biết đến chuyện mặn nồng chán gói. Nhạc Bát Quân thường hỏi con gái chuyện sinh hoạt ăn ở với chồng ra sao. Nhạc Linh San đành nói dối với cha rằng cuộc sống hứa đôi của cô rất hạnh phúc. Chính câu nói dối đó đã cứu được mạng của Lâm Bình Chi vì rằng nếu cô nói thật Lâm Bình Chi không hề chán gói với cô lần nào, Nhạc Bát Quân sẽ khám phá ra được ngay là chàng rể đã “đẫn dao tự cung” và sẽ giết Lâm Bình Chi trước khi Lâm có thể luyện thành công *Tịch Tà Kiếm Phô*.

Những mưu mô, diễn tiến của vụ án “*Tịch Tà Kiếm Phô*” được viết một cách hết sức tinh vi. Toàn bộ vụ án gián điệp - phản gián điệp này chỉ có thể được kiểm chứng rõ ràng khi Lệnh Hồ Xung phất tay vào nơi hạ bộ của “sư phụ” xác nhận thực sự là Nhạc Bát Quân không còn bộ phận sinh dục đàn ông nữa. Đến đó thì Lệnh Hồ Xung mới nhận ra được rằng con người mình kinh ái nhất trên đời - sư phụ Nhạc Bát Quân - chỉ là một ngụy quân tử, một kẻ đầy tham vọng và thủ đoạn gian manh.

Một vụ án thứ hai với một kịch bản thật tuyệt vời đưa độc giả đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác là vụ giải thoát Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triều dương thần giáo, bị giam giữ dưới đáy Tây Hồ. Hướng Văn Thiên, Quang Minh hữu sứ của Triều dương thần giáo, kết bạn anh em với Lệnh Hồ Xung. Hắn đặt tên mới cho Lệnh Hồ Xung là Phong Nghị

Trung. Hắn bọc theo trong người nào là bút thiệp, kiếm phổ và rù Phong Nhị Trung đì chơi ở Cô mai sơn trang, Tây Hồ. Đây là nơi trú ngụ của Giang Nam tú hữu gồm Hoàng Chung Công, Hắc Bạch Tử, Ngọc Bút Ông và Đan Thanh tiên sinh. Đến nơi, hắn khoe bút thiệp, kiếm pháp, và cả bản cầm phổ *Tiêu Ngạo Giang Hồ* của Lệnh Hồ Xung ra rồi đánh cuộc trong sơn trang này, không một ai đánh lại kiếm pháp của Phong Nhị Trung, truyền nhân của Phong Thanh Dương, sư tổ phái Hoa Sơn. Quá nhiên, cả Giang Nam tú hữu không địch lại Độc Cô cửu kiếm của Phong Nhị Trung. Hắn lật đật dẫn Phong Nhị Trung ra đì thì từ hữu cản lại và cho biết nơi đây còn có một kẻ khác đánh lại Phong Nhị Trung. Đến lúc đó Hướng Văn Thiên mới nhét vào tay của Lệnh Hồ Xung một vật gì tròn tròn, cứng cứng. Lệnh Hồ Xung một mình được tú hữu dẫn xuống địa lao dưới đáy Tây Hồ, nơi đang giam giữ một kẻ trọng phạm. Đến nơi, Lệnh Hồ Xung đưa vội cái vật kia cho người bị giam giữ trong địa lao và sau đó, hai người mới quyết đấu. Nhân vật ấy đã kéo Lệnh Hồ Xung vào trong nhà lao, dùng thần công khắc chế Lệnh Hồ Xung bất tỉnh, cởi quần áo và nón chụp đầu của Lệnh Hồ Xung để hóa trang rồi ung dung thoát ra khỏi địa lao sau khi đã nhốt Lệnh Hồ Xung lại. Người đó là giáo chủ Nhậm Ngã Hành và cái vật tròn tròn kia là một mũi cương ty nhằm cưa đứt xiềng khóa cho y. Hướng Văn Thiên đã dàn một kịch bản hoàn chỉnh vô tiền khoáng hậu để cứu giáo chủ. Sau đó, y cùng giáo chủ trở lại Cô mai sơn trang, trừng trị bọn Giang Nam tú hữu - một phe phản đồ của Triều dương thần giáo - và giải cứu Lệnh Hồ Xung ra khỏi trại giam dưới đáy Tây Hồ. Chất hình sự trong vụ án này thật đậm đặc nhưng rất hợp lý khiến ngay cả người đọc tinh tế nhất cũng không nhận ra được những âm mưu sâu sắc của Hướng Văn Thiên. Những chương này trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* còn hay hơn những pha tấn công vào trại

giam của bọn Mafia nhằm cứu các ông trùm ma túy ở Italia hay Colombia trong thời đại chúng ta.

Tác phẩm võ hiệp tiêu thuyết của Kim Dung cũng xây dựng những nhân vật nữ điệp viên xuất sắc mà một nhân vật tiêu biểu là Tiêu Siêu trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*. Tiêu Siêu nguyên là cô gái lai; cha là Hàn Thiên Bàng, người Trung Quốc, mẹ là Đại Ý Ty, người Ba Tư. Mẹ cô là Thánh nữ Bai hòa giáo Ba Tư nhận lệnh sang Trung Quốc “năm vùng” trong Minh giáo Trung Quốc để đánh cắp chân kinh *Càn Khôn Đại Mã Di Tâm Pháp*. Thế nhưng, bà đã yêu Hàn Thiên Bàng và vi phạm lời khấn nguyện của một Thánh nữ. Sợ bị bắt tội, bà tìm cách “cấy” con gái vào nội bộ Minh giáo Trung Quốc và bتان thân thì thay hình đổi dạng, làm một người phụ nữ xấu xí tên gọi là Kim Hoa bà bà. Tiêu Siêu đã đóng vai gián điệp một cách xuất sắc. Quang minh tả sử của Minh giáo Trung Quốc là Dương Tiêu bắt gặp cô bé 16 tuổi đang ngồi khóc trên sa mạc, thương tình đem cô về nuôi để hầu hạ cho con gái mình là Dương Bất Hối. Tiêu Siêu, trong vai một nữ tỳ xấu xí, đã khám phá ra con đường hầm dưới lòng Quang Minh Đinh, thường ra vào để tìm bản di cảo *Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp*. Dương Tiêu là một nhân vật tinh tế. Y biết cô bé này có âm mưu nhưng âm mưu ấy là gì thì y không rõ. Y đã dùng xích sắt xiềng chân Tiêu Siêu để mỗi khi cô đi đến đâu, tiếng leng keng vang lên đèn đó. Vụ án gián điệp của Tiêu Siêu sẽ không lộ bí mật nếu không có một ngày chia tay Trương Vô Ky, giáo chủ Minh giáo Trung Quốc. Cô đã tự thú nhận rằng mình “năm vùng” là để tìm kiếm tâm pháp. Nhưng vì tình yêu, cô hứa với Vô Ky rằng không bao giờ cô đem nội dung tâm pháp ấy truyền lại trên đất Ba Tư, rằng xa Vô Ky về Ba Tư làm giáo chủ Minh giáo Ba Tư cô cảm thấy cuộc đời cực kỳ vô vị.

Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* còn có một vụ án gián điệp rất lớn mà người thực hiện là Thành Khôn, sư phụ của Tạ Tôn. Ghen tức với sư huynh của mình là Dương Pha Thiện. Thành Khôn đã dụ dỗ và chiếm đoạt người vợ của sư huynh. Hắn thả phá tan nát Minh giáo Trung Quốc để thỏa mồi hận tình. Hắn uống rượu say, làm nhục và giết hại vợ con của đồ đệ mình là Tạ tôn, biến Tạ Tôn từ một kẻ có lương tri trở thành một kẻ cuồng sát. Rồi hắn trốn vào chùa Thiếu Lâm, giả dạng nhà sư với pháp danh Viên Chân. Hắn kích động cho phái Thiếu Lâm cầm đầu các bang phái giang hồ khác bao vây và tấn công Quang Minh Đinh để tiêu diệt Minh giáo - một lực lượng yêu nước, kháng Nguyên, và đặt sẵn thuốc nổ trên Quang Minh Đinh để tiêu diệt phái Thiếu Lâm và các bang phái kia. Có thể nói Thành Khôn (tức Viên Chân) là một gián điệp có nghiệp vụ số 1 trong những tay gián điệp mà Kim Dung xây dựng nên.

Tùy theo những thời gian khác nhau, căn cứ vào những sự kiện lịch sử có thật, tác giả Kim Dung xây dựng những vụ án trên cơ sở các cuộc đấu tranh, khuynh loát lẫn nhau giữa các thế lực thù địch, các quốc gia lân cận Trung Quốc. Những vụ án như vậy kéo dài qua 30, 40 năm, diễn biến theo suốt chiều dài cuốn truyện. Và ở đây, nổi bật lên tài năng gây dựng, bố trí nhân vật của Kim Dung tiền sinh.

Lục Mạch Thần Kiếm là một bộ truyện lấy bối cảnh lịch sử là triều đại nhà Tống, Trung Quốc. Khi bắt đầu, người đọc bắt gặp một hình ảnh của đại sư Cưu Ma Trí, có võ công tuyệt luân, người nước Thổ Phồn, xuống nước Đại Lý gây hấn với các vị sư chùa Thiên Long (trong đó có Đoàn Chính Minh, hoàng đế Đại Lý). Dánh không lại Lục mạch thần kiếm của vương tử Đại Lý Đoàn Dự, Cưu Ma Trí đã bắt cóc Đoàn Dự đưa về Giang Nam (Trung Quốc), nói là

đè té sòng trước mộ người bạn thân là Mô Dung Bác. Thế nhưng, Mô Dung Bác là ai?

Mô Dung Bác thuộc giống Tiên Ty, nguyên là hậu duệ của nước Đại Yên đã bị nhà Tống tuyệt diệt. Canh cánh bên lòng giặc mộng phục hồi đế hiệu Đại Yên, Mô Dung Bác giả vờ chết nhưng thực ra, ông ta lén vào chùa Thiếu Lâm để học trộm 72 thần công của phái Thiếu Lâm. Từ suy nghĩ phải làm cho thiên hạ đại loạn mới có thời cơ khôi phục nước Đại Yên, Mô Dung Bác phao tin rằng quân nước Khát Đan (Đại Liêu) sắp đưa cao thủ tấn công qua Nhạn Môn Quan của nhà Đại Tống. Quân hùng yêu nước Trung Quốc phong thanh được tin ấy, đã vội vàng cử Huyền Tú phuơng trượng chùa Thiếu Lâm làm thủ lĩnh, ra Nhạn Môn Quan mai phục. Ở đây, họ đã tàn sát nhầm gia đình của Tiêu Viễn Sơn thuộc giống họ hoàng tộc Khát Đan. Trước khi nhảy xuống vực sâu tự vận, Tiêu Viễn Sơn liệng đứa con trai mình lên cho những người Trung Nguyên vì không nỡ để con chết theo mình. Huyền Tú đưa đứa bé ấy về gởi ông bà Kiều Tam Hòe nuôi dưỡng. Lớn lên, đứa bé ấy trở thành Kiều Phong, bang chúa Cái bang Trung Quốc. Thế rồi có âm mưu tố cáo Kiều Phong là người Khát Đan khiến ông phải bỏ ngôi vị bang chúa ra đi. Trở về bên kia ái Nhạn Môn Quan, Kiều Phong trở thành Nam viện đại vương của Khát Đan, đóng tại Yên Kinh, bị hoàng đế của Khát Đan buộc phải tiến công xuống phương Nam để tiêu diệt Tống Thần Tôn (Triệu Hú). Thế nhưng, Tiêu Viễn Sơn không chết, ông ta cũng giả làm một nhà sư vào “nằm vùng” trong chùa Thiếu Lâm. Biết con mình đang lâm nguy, Tiêu Viễn Sơn ám trợ cho con. Ông ra tay giết chết Huyền Khổ đại sư (sư phụ của Kiều Phong), giết vợ chồng Kiều Tam Hòe và một số nhân vật khác có liên quan đến vụ án Nhạn Môn Quan

ngày trước. Khuôn mặt Kiều Phong giống y như Tiêu Viễn Sơn cho nên những kẽ chung kiên được những vụ giết người áy cùi ngòi chính Kiều Phong đã xuống tay để trả thù cho vụ mất ngôi bang chia. Tiêu Viễn Sơn nằm vùng trong chùa Thiếu Lâm và khám phá được vụ quan hệ tình ái giữa Huyền Tử và Diệp Nhị Nương. Ông bắt cóc đứa con của họ - Hư Trúc - rồi đem đứa bé áy bỏ lên chùa Thiếu Lâm. Hư Trúc lớn lên, làm sư, lưu lạc lên Thiên Sơn trở thành cung chủ cung Linh Thủu, ăn ở với công chúa nước Tây Hạ và trở thành phò mã nước Tây Hạ.

Kiều Phong (tức Tiêu Phong), Hư Trúc, Đoàn Dự kết nghĩa anh em, trở thành cái trực chính nắm quyền bính 3 nước Khát Đan, Tây Hạ và Đại Lý. Đến lúc đó, Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung Bác mới xuất hiện, khoa trương thành tích "nằm vùng" trong chùa Thiếu Lâm. Tiêu Viễn Sơn đã hạ Huyền Tử không phải bằng võ công mà bằng chính câu chuyện Huyền Tử có con với Diệp Nhị Nương, phạm vào sắc giới. Huyền Tử và Diệp Nhị Nương phải tự tử trước mắt mọi người. Còn Mộ Dung Bác? Ông ta thực sự thất vọng về người con của mình - Cô Tô Mộ Dung Phục. Ông ta đã làm tất cả để phục hưng một nước Đại Yên, kể cả ám mưu ly gián Tống - Liêu, câu kết với Thổ Phồn... Nhưng cuối cùng, tất cả đã trở về con số không. Nghe theo lời dạy của nhà sư già trong Tàng kinh các chùa Thiếu Lâm, ông ta đã cùng Tiêu Viễn Sơn xuống tóc quy y, từ chối những tham vọng đênh cuồng. Giác mộng của Cô Tô Mộ Dung Phục cũng tan thành mây khói. Anh ta mất đi tình yêu của Vương Ngọc Yên, phụ rầy những người đã theo mình để dựng lại nước Đại Yên. Cuối cùng, anh ta phát điên và chỉ còn làm hoàng đế với bọn trẻ chán trâu trong xóm.

Nhưng không tác phẩm nào qua mặt được *Lộc Đỉnh Ký* về tính chất tình báo - gián điệp. Câu chuyện khởi đầu của *Lộc Đỉnh Ký* là vụ án ván tự ngục khi gã nho sĩ Ngô Chí Vinh tham danh hám lợi, đã làm tờ bẩm về triều đình Mãn Thanh - lúc bấy giờ do Ngao Báu nắm quyền binh - những âm mưu chống đối triều đình của các nhà nho chân chính như Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng thể hiện trong bộ *Minh Sử*. Thế là Ngao Báu đã bắt rất nhiều nhà văn đời Thanh hạ ngục, trong đó, toàn thể đàn ông nhà họ Trang bị giết. Ngô Chí Vinh là kiều mẫu của một thứ Hán gian, về sau được bổ làm quan tri phủ ở Dương châu, đã bị Vi Tiểu Bảo cùng bọn nhà văn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng dựng ván tự già, vu hãm vào tội quan hệ phản loạn với bọn Ngô Tam Quê tại Vân Nam để chống Khang Hy, bị đem về cho con cháu nhà họ Trang lóc thịt, moi gan té lě.

Nhưng những âm mưu, thủ đoạn gián điệp - tình báo rõ rệt nhất trong *Lộc Đỉnh Ký* tập trung chung quanh bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, một bộ kinh Phật bình thường gồm 42 chương, được người Trung Quốc dùng đọc hàng ngày. Khi Bát kỳ của Mãn Châu tiến quân vào Bắc Kinh tiêu diệt nhà Minh, người Mãn Châu thu tóm toàn bộ của cải trân châu quý của Minh triều đem giấu vào một nơi bí mật ở Lộc Đỉnh Sơn thuộc Đông Bắc Trung Quốc, cạnh giòng sông Hắc Long Giang (mà tiếng Hán gọi là Oa Tập Sơn và Mộc Nhi Hà). Tuy chiếm được Trung Quốc nhưng người Mãn Châu vẫn nghĩ rằng họ khó mà có thể cai trị được Trung Quốc. Vì thế, Thuận Trị hoàng đế đã vẽ một bản đồ về nơi chôn giấu bảo vật, giảng giải rằng đó là đất phát tích long mạch của triều Thanh rồi cắt nhỏ bản đồ đó ra chia thành 8 phần bỏ vào bìa của 8 tập *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* khác nhau, ở ngoài bài bọc 8 màu trắng, xanh, đỏ, đen, vàng, tím,

lam, hồng đồng với màu cờ của Bát kỳ và giao cho 8 thủ lĩnh của Bát kỳ giữ gìn. Thuận Trị xuất gia di tu ở Ngũ Đài Sơn vì buồn chán nỗi tinh trong cung cảm nhưng vẫn dặn Khang Hy hoàng đế rằng : “*Nếu sau này không nắm giữ được thiên hạ thi ta ở đâu nên quay về nơi đó*”. Khang Hy lên ngôi trong thuở thiếu niên nhưng ông là một vị vua thông minh, sáng suốt, có hùng tài đại lược. Ông đã cai trị Trung Quốc với một trái tim nhân hậu và thực tâm muôn chuộc lại những lỗi lầm của người Mân Châu khi tiến quân vào Trung Quốc. Chính vì vậy, Khang Hy là nhà vua dị tộc đầu tiên ở ngôi lâu nhất - 60 năm - trong lịch sử 37 thế kỷ phong kiến Trung Quốc (1662-1722) và sau đó là cháu của ông - Kiên Long - cũng ở ngôi được 60 năm (1736-1796). Tất cả những âm mưu chống triều Thanh đều tập trung vào việc tìm kiếm và chiếm đoạt 8 pho *Tứ Tháp Nhị Chương Kinh*. Đầu tiên là Thiên địa hội , một tổ chức yêu nước do Trần Cận Nam (tức Trần Vinh Hoa) làm Tổng đường chúa, “cây” Vi Tiểu Bảo vào hoạt động gián điệp cạnh vua Khang Hy. Tiếp theo là bọn Mộc Kiếm Anh, con cháu của Mộc vương phủ ở Vân Nam; bọn Cửu Nạn sư thái (con gái của vua Sùng Trinh triều Minh); bọn Thần long giáo, một giáo phái thân Nga La Tư ở quần đảo Liêu Đông; bọn Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng; bọn Cát Nhì Đan vương tử ở Mông Cổ hoặc “cây” người năm vùng, hoặc thực hiện những âm mưu bắt cóc để tranh đoạt bộ kinh.

Thế nhưng, âm mưu thâm độc nhất vẫn là âm mưu của Tam phiên, gồm Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung muốn chia quyền lực với Khang Hy mà kẻ đứng đầu là Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế đã từng cầm quân thời Sùng Trinh chống lại người Mân Châu, được phong tước vương, trấn tại Sơn Hải Quan, sau đó đầu hàng quân Mân

Châu, quay lại bức tử Sùng Trinh. Khang Hy phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây vương, trấn thủ Vân Nam nhưng trong thâm tâm, Khang Hy vẫn muốn triệt hạ Ngô Tam Quế vì biết trước sau gì, Ngô Tam Quế cũng tạo phản.

Chính trong những điều kiện lịch sử cụ thể như vậy, Kim Dung tiên sinh đã để cho nhà vua thiếu niên mạnh dạn sử dụng một gã tiểu lưu manh ở thành Dương Châu, lọt vào cung làm giá thái giám với một sơ yếu lý lịch hết sức hồ đồ, trở thành một “điệp viên hai mang” nhằm chống lại những âm mưu thù địch. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, Vi Tiểu Bảo trở thành một điệp viên xuất sắc, tiến hành công tác do thám, tình báo khá chuẩn xác : bảo vệ được Thuận Trị hoàng đế, khám phá ra âm mưu liên kết giữa Ngô Tam Quế - Cát Nhì Đan - Tang Kết, khám phá ra sự thỏa hiệp của Thần long giáo và Nga La Tư, thúc đẩy cho việc tạo phản của Ngô Tam Quế sớm hình thành, ăn cắp được đủ 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, vô hiệu hóa âm mưu của Thần long giáo trong nội cung ... Vua Khang Hy được xây dựng thành một nhà phản gián xuất sắc : đưa Phong Tế Trung vào nắm vùng nội bộ Thiên địa hội theo dõi hoạt động của thầy trò Trần Cận Nam - Vi Tiểu Bảo, phái Vi Tiểu Bảo đi công cán Ngũ Đại Sơn bảo vệ Thuận Trị hoàng đế, phái Vi Tiểu Bảo đi Vân Nam do thám Ngô Tam Quế. Trên mặt trận chính trị, Khang Hy tiến hành những đòn phép ngoại giao ngoạn mục : gả Kiến Ninh công chúa làm vợ Ngô Ứng Hùng để giả vờ cầu thân với Ngô Tam Quế, hòa hoãn với lực lượng chống đối ở Đài Loan của con cháu Trịnh Thành Công, phong Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng làm Tạng Kết Hoạt Phật, phong Cát Nhì Đan ở Mông Cổ danh hiệu Chuẩn Cát Nhì Hán. Trong công tác nội trị, Khang Hy nghe theo lời vua cha dặn dò “vĩnh bất gia phú” (mãi mãi không tăng thuế), cho xây dựng

"Trung liệt tử" thờ những người Hán yêu nước tại Dương Châu, tha thuế cho dân Dương Châu 3 năm, chuẩn bị binh lực đánh Ngô Tam Quế, thăm dò ý kiến bọn trọng thần trong triều định rõ biết những ai dốc hạ trung trinh với mình. Khang Hy trở thành một nhà tình báo chiến lược dày kinh nghiệm. Ngay việc học tiếng Mông Cổ, tiếng Tây Tạng, sử dụng hai người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vong vào việc chế tạo đại bác, sử dụng hàng tướng Thi Lang của Đài Loan vào chức vụ Đô đốc hải quân đã nói lên tầm nhìn cao thâm viễn lự của ông vua trẻ này. Kết quả của công tác tình báo - phản gián đó là nhà vua đã dẹp yên được loạn Ngô Tam Quế, triệt tiêu được thế lực của Cảnh Tinh Trung và Thượng Khả Hỷ, bình định được đảo Đài Loan, phá hỏng âm mưu của Thiên địa hội, đánh dẹp được bọn Thần long giáo, biến Tây Tạng, Thổ Phồn và Mông Cổ thành chư hầu triều Thanh, tiến hành thương thuyết với Nga La Tư qua hòa ước Hắc Long Giang để phân định biên giới hai nước Trung - Nga.

Bên cạnh những vụ án lớn xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, *Lộc Ðịnh Ký* còn có những vụ án tình báo - gián điệp khác khá thú vị. Thần long giáo "cây" được Mao Đông Châu vào cung già Thái hậu để đánh cắp *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Thái giám Hải lão công biết được âm mưu đó, âm thầm theo dõi. Để thử coi phán đoán của mình có đúng hay không, lão đã dạy cho Vi Tiểu Bảo quyền thuật của phái Không Động để đấu với vua Khang Hy (dưới tên Tiểu Huyền Tử), như cho Mao Đông Châu (đang làm già thái hậu) đem quyền thuật của Thần long đào dạy cho vua Khang Hy chống lại Vi Tiểu Bảo. Hải lão công cũng biết rõ Vi Tiểu Bảo không phải là tên Tiểu Quế Tử, thái giám đã hùa hạ mình nhưng lão vẫn giả vờ gọi hắn là Tiểu Quế Tử, dùng hắn vào mục

tiêu do thám cho lão. Tuy nhiên, áp dụng thủ pháp sát nhân diệt khẩu, lão cũng đã thận trọng đầu độc cho Vi Tiêu Bảo chết dần chết mòn. Nhân vật Hải lão công đã được Kim Dung tiên sinh xây dựng một cách hoàn chỉnh, có phong cách của một nhà tinh bao lớn dù đã bị đui hai mắt. Vua Khang Hy cũng là một nhân vật tiến hành các điệp vụ rất hay, đầy tinh khoa học. Để có người bảo vệ cho cha mình là Thuận Trị hiên tu ở Ngũ Đài Sơn dù sức chống lại bọn Tây Tạng và Mông Cổ, nhà vua đã sắc phong Vi Tiêu Bảo lên làm sư chùa Thiếu Lâm, trở thành sư đệ của Hồi Thông. Rồi từ đó, nhà vua lại ra lệnh cho Hồi Minh về làm trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn, lại đem theo bọn Thập bát La Hán chùa Thiếu Lâm làm tay chân cho Hồi Minh đại sư (tức Vi Tiêu Bảo). Điệp vụ đó quả thật kín đáo và cao cường, khiến độc giả bất ngờ một cách thú vị. Học theo cách của Khang Hy, Vi Tiêu Bảo cũng tiến hành một số điệp vụ nho nhỏ, thành công ngoài sức tưởng tượng của y. Đó là điệp vụ truy bắt Ngô Ung Hùng; điệp vụ yểm trợ công chúa Tô Phi Á (Tonya) ly gián bọn Hòa thương thù với bọn cổ mệnh đại thần để giành lại chính quyền ở Nga La Tư; điệp vụ chống lại bọn Thần long giáo.

Trong tác phẩm của Kim Dung cũng có những pha y hệt tình huống của đời tình báo - gián điệp : tự tử bằng độc dược để bảo vệ bí mật; cho thuốc hạ uống độc dược để khống chế báo đảm lòng trung thành; giết người bịt miệng; thủ tiêu xác người để phi tang; dựng nên băng chứng giả mạo để đánh lạc hướng điều tra hoặc vu hãm kẻ khác; dùng tiền bạc hoặc mỹ sắc để mua chuộc những kẻ hoạt động cho hàng ngũ địch, trừng phạt những kẻ không trung thành ... Những nhân vật hoạt động tình báo - gián điệp trong tác phẩm của Kim Dung tiên sinh cũng có những câu nói lóng, những

động tác theo quy ước để giúp họ nhận ra nhau, ngăn ngừa những kẻ nội gián. Kim Dung vượt qua những tác giả truyện võ hiệp đồng đại với ông, tạo ra trong tác phẩm của mình những tình huống bí mật, sự kiện bí mật, nhân vật bí mật. Kẻ thảng trong truyện võ hiệp của ông không chỉ là những người có võ công cao cường, nắm thiên binh vạn mã trong tay mà còn là những điệp viên biết đánh đòn cắn nǎo, biết tung lừa kè thù, biến thù thành bạn. Đó là trường hợp “điệp viên” Vi Tiểu Bảo thuyết công chúa Tô Phi Á giành lại chính quyền ở Nga, thuyết Tang Kết ở Tây Tạng và Cát Nhĩ Đan của Mông Cổ thuần phục triều Thanh.

Tất nhiên, những vụ án tình báo - gián điệp trong phạm vi tiểu thuyết là sản phẩm của sự hư cấu. Tuy nhiên, như tôi đã giới thiệu khái quát trong “Phong cách xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung”, tiểu thuyết võ hiệp của ông hư cấu trên cơ sở thực tế của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Vì thế, một số vụ án tình báo - gián điệp trong tiểu thuyết võ hiệp của ông là những sự kiện có thật. Khang Hy chuẩn bị binh lực chống cuộc bạo loạn của Bình Tây vương Ngô Tam Quế là có thực. Khang Hy sử dụng những hàng tướng của Đài Loan để đánh vào đảo Đài Loan là có thực. Tang Kết, Cát Nhĩ Đan là có thực. Còn “điệp viên” Vi Tiểu Bảo và những điệp vụ thần sầu quy khốc của y là sản phẩm của hư cấu, khó mà kiểm chứng được.

Người ta đã từng say mê những Corman Doyle, những James Bond của Âu Mỹ. Người ta đã từng biết đến những điệp viên quốc tế như Mata Hari, Nikos Kazanski. Nay thì qua tác phẩm Kim Dung, người ta lại gặp những điệp viên siêu hạng có Vi Tiểu Bảo, Phong Tê Trung, Lao Đức Nặc, Tiểu Siêu, Lâm Bình Chi, Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bát ...

Người ta cũng gặp các nhà tình báo, phản gián chiến lược cố Khang Hy, Hải lão công, Nhạc Bát Quần. Âm mưu và thủ đoạn. Đối sách và chiến thuật. Liệu pháp và hành động. Tất cả đều nhằm tạo nên chất hấp dẫn cho câu chuyện, những câu chuyện rất đồ sộ nhưng cũng rất mạch lạc, hợp lý. Ở khía cạnh này, Kim Dung là bậc thầy trong loại truyện vụ án mặc dù những bộ sách của ông vẫn được gọi là võ hiệp tiểu thuyết.





Thần Điêu Hiệp Lữ, 1985

Lưu Đức Hoa vai Dương Qua

Trần Ngọc Liên vai Tiểu Long Nữ

Chương 15

**Số phận
những bộ sách
trong
tác phẩm võ hiệp
*Kim Dung***

Trước khi là một nhà văn viết tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là nhà văn hóa. Và là một nhà văn hóa cho nên ông rất chú trọng đến các vấn đề văn hóa, đặc biệt là các vấn đề về thế giới sách. Ông đã dành cho sách một vị trí khá quan trọng, không phải chỉ trong những bài viết trên tờ *Minh Báo* mà còn ngay trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp vốn đầy tính đấu tranh của giới võ lâm. Ta có thể tìm trong thế giới võ hiệp của ông một thế giới 'è sách và số phận của những bộ sách đó cũng đầy sóng gió như số phận những nhân vật chính trong tác phẩm của ông.

Một cách khái quát, Kim Dung có cách gọi tên sách rất phong phú. Sách được gọi là *Thư*. Thí dụ như bộ *Võ Mục Di Thư* của Nhạc Phi tức Nhạc Võ Mục được giấu trong bao đao *Đô long* (*Ỷ Thiên Đồ Long Ký*); bộ *Minh Thư* *Tập Lược* của Cố Viêm Võ và Tra Y Hoàng (*Lộc Đỉnh Ký*). Sách được gọi là *Phổ*. Thí dụ như *Tịch Tà Kiếm Phổ* của nhà họ

Lâm ở Phúc Châu (*Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*) hay *Cầm Phổ* và *Tiêu Phổ*, hai tác phẩm âm nhạc làm nên khúc hợp tấu *Tiêu Ngạo Giang Hồ*. Sách được gọi là *Kinh*. Thí dụ như *Thần Chiêu Kinh* của Đinh Diên trong *Liên Thành Quyết*; *Luc Mạch Thần Kiếm Kinh* của chùa Thiên Long và *Dịch Cân Kinh* của phái Thiếu Lâm trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyền*; *Tú Thập Nhị Chương Kinh* của Bát kỳ triều Thanh trong *Lộc Đinh Ký*; *Được Vương Kinh* trong *Lãnh Nguyệt Bảo Đao*. Sách được gọi là *Điển*. Thí dụ như *Quỳ Hoa Bảo Điển* trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*. Sách được gọi là *Lục*. Thí dụ như bộ *Tử Hả Bí Lục* cũng trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*. Sách được gọi là *Tâm Pháp*. Thí dụ bộ *Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp* trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*. Sách được gọi là *Ký*. Thí dụ *Minh Giáo Lưu Truyền Trung Thố Ký* của Dương Tiêu viết về quá trình hình thành Báu hóa giáo (Minh giáo) trên đất nước Trung Quốc trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*.

Những bộ sách mà Kim Dung đề cập tới được ghi chép với nhiều dạng văn tự khác nhau trên những phương tiện khác nhau. *Vũ Mục Di Thư*, *Cửu Âm Chân Kinh*, *Cầm Phổ*, *Tiêu Phổ* chép bằng chữ Hán (văn ngôn) trên những tờ giấy mỏng vàng khè. *Lục Mạch Thần Kiếm Kinh* chép bằng chữ Hán, có đờ hình hướng dẫn trên lụa quý. *Tịch Tà Kiếm Phổ* lại chép trên chiếc áo cà sa. *Dịch Cân Kinh* chép bằng tiếng Phạn (Sanskrit), trên giấy. *Thiết Bàn Thần Công* của Nhậm Ngã Hành truyền cho Lệnh Hồ Xung lại chép trên sét. Võ công phái *Tiêu Dao* lại chép trên đá. *Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp* được chép bằng tiếng Ba Tư trên da dê. Võ công của Minh giáo Ba Tư lại được chép trên 8 tấm gọi là *Thánh hòa* lệnh dài ngắn khác nhau, xương không ra xương, ngà

không ra ngã bằng chữ Ba Tư. Nói cách khác, những bộ sách mà Kim Dung đề cập đến khá phong phú về văn tự, về vật liệu lamination. Ngay cả cách chép sách cũng lạ : phải vân chỉ công vào đầu ngón tay để khắc chữ trên sắt, trên đá; phải đem Thánh hóa lệnh nhúng một lớp sáp rồi viết chữ lên lớp sáp và dùng cương toan (acide-không nói rõ là thứ gì) đồ theo những chữ đã viết mới ra tự dạng trên Thánh hóa lệnh.

Sách đã lạ, cách đọc sách cũng lạ hơn. Lệnh Hồ Xung sẽ không đọc được *Thiết Bàn Thần Công Ký* của Nhậm Ngã Hành nếu không cởi trần truồng ra nằm trên tấm sắt cho những chữ khắc trên đó hằn lên da thịt. Trương Vô Ky sẽ không hiểu được võ công trên Thánh hóa lệnh nếu như Bao Thủ Vương của Ba Tư không bị đánh Thánh hóa lệnh trúng vào má cho chữ hằn lên để Tiểu Siêu đọc và dịch ra chữ Hán cho Vô Ky nghe. Vô Ky cũng không thể hiểu tấm da dê là *Cần Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp* nếu Tiểu Siêu không trích máu ngón tay nhỏ vào cho chữ hiện ra. Du Thần Chi đọc được *Dịch Cân Kinh* và lanh hồn được yêu quyết của kinh chỉ khi nào cúi đầu xuống đất, chống chân lên trời. Tự trung, những bộ sách trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo nhiều điều bí ẩn khó tả, có người cầm nó trong tay nhưng chẳng biết được giá trị; có người thoảng qua một cách tình cờ và tìm được giá trị liên thành - chiều sâu chưa đựng trong bộ sách.

Số phận của những bộ sách được Kim Dung hư cấu trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông đã thực sự cuốn hút người đọc, đưa người đọc đi vào một thế giới tiểu thuyết vừa siêu thực nhưng cũng rất hiện thực. Có những bộ sách trở thành tựa đề luôn cho tác phẩm. Đó là trường hợp *Cầm*

Phổ và *Tiêu Phổ*, hai bản nhạc hợp thành tấu khúc *Tiêu Ngạo Giang Hồ*, đã khiến cho Kim Dung chọn luôn tựa sách của mình là *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*. Đó là tác phẩm hợp soạn của hai con người thanh nhã : Lưu Chính Phong, cao thủ phái Hành Sơn phe bạch đạo và Khúc Dương, trưởng lão của Triều dương thần giáo, phe hắc đạo. Xưa nay, người ta vẫn sống theo công thức : hắc bạch không thể hòa, chính tà không thể gặp. Cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương đều muôn chứng minh rằng khúc *Tiêu Ngạo Giang Hồ* của họ có thể hóa giải những biên giới của chia rẽ và hận thù. Kết quả là cả Phong lẫn Khúc đều bị hại bởi những con người tự xưng là danh môn chính phái. Bộ sách được truyền cho Lệnh Hồ Xung, phái Hoa Sơn. Lệnh Hồ Xung mang nó trong người, gặp phải không biết bao nhiêu điều đau khổ : bị sư môn nghi ngờ đã ăn cắp *Tịch Tà Kiếm Phổ*, bị Nhạc Linh San phụ bạc mối tình đầu, bị đuổi ra khỏi phái Hoa Sơn. Nhưng cũng chính *Tiêu Ngạo Giang Hồ* đã đưa chàng lảng tú vô hạnh này gặp được một ngọc nữ : Doanh Doanh, đại tiểu thư của giáo chủ Triều dương thần giáo Nhậm Ngã Hành. Họ yêu thương nhau, đến với nhau, hóa giải được biên giới chính tà, hợp tấu cầm tiêu trong bộ *Tiêu Ngạo Giang Hồ* đi đến chỗ tâm linh-tương thức - điều mà hai vị tiền bối Lưu Chính Phong và Khúc Dương không thể làm được.

Bộ sách thứ hai được nhắc đến trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* là *Tịch Tà Kiếm Phổ* (quyển sách về đường kiếm chuyên trị những bọn tà đạo) tương truyền là của giòng họ Lâm. Lâm Viên Đồ xuất thân tiêu sứ, có kiếm phổ này, bèn “dẫn dao tự cung” (phải tự thiến bộ phận sinh dục) để luyện. Kiếm pháp Tịch tà quá đỗi ác độc, ông ta chép lại vào áo cà sa, di tu và dặn con cháu không được dờ ra coi. Con ông là Lâm Chán Nam võ công tầm thường, bị phái Thanh Thành

của Du Thương Hải tấn công nhằm tranh đoạt *Tịch Tà Kiếm Phổ* mà không đánh trả được. Kẻ đoạt được pho kiếm phổ này là chưởng môn Hoa Sơn Nhạc Bát Quần. Một mặt Nhạc tự thiến để luyện kiếm; một mặt Nhạc vu cáo cho học trò là Lệnh Hồ Xung đã ăn cắp *Tịch Tà Kiếm Phổ*. Khi Nhạc luyện xong, vứt áo cà sa đi thì Lâm Bình Chi, con trai Lâm Chấn Nam, lấy được và cũng tự thiến để luyện. Nhạc Bát Quần già con gái là Linh San cho Lâm Bình Chi và thường xuyên theo dõi xem con gái có hạnh phúc chấn gối hay không. Lâm Bình Chi đã "tự cung" thì làm sao có thể chấn gối được. Nhưng Nhạc Linh San đã cứu mạng Lâm Bình Chi: cô trả lời rằng Lâm đối với cô rất tốt. Nhạc Bát Quần tin lời đó mới tha mạng Lâm Bình Chi. Lệnh Hồ Xung đã dùng kiếm pháp của phái Hoa Sơn đánh bại kiếm pháp Tịch tà. *Tịch Tà Kiếm Phổ* đã khiến ba con người thân bại danh liệt: Nhạc Bát Quần, Lâm Bình Chi và Tà Lãnh Thiên, chưởng môn phái Tung Sơn. Đúng ra, phải gọi nó là Tà môn kiếm phồ.

Những pho sách mà Kim Dung đề cập đến trong tác phẩm của ông có khi là sản phẩm tưởng tượng, cũng có khi là sản phẩm thực tế được lồng vào cốt truyện. *Vũ Mục Di Thư* trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, *Dịch Cân Kinh* trong *Lục Mạch Thần Kiếm*; *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* và *Minh Thư Tập Lược* trong *Lộc Đỉnh Ký* là những tác phẩm có thực trong lịch sử văn hóa Trung Hoa. Dù là sản phẩm hư cấu hay sản phẩm thực tế, Kim Dung đã khoác cho những bộ sách của mình một hành tung kỳ bí, một số phận oái oăm, khiến người đọc càng cảm thấy thú vị. Thi dụ bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* - một bộ kinh Phật thông thường mà mọi người Trung Hoa đều có thể biết, trong *Lộc Đỉnh Ký*. Bất kỳ nước Măń Châu tiền công Trung Quốc, tiêu diệt nhà Minh. Dời vua thứ nhất của nhà Thanh là Thuận Trị

giao cho Bát kỳ 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, mỗi cuốn có bìa sách đúng như màu cờ của Bát kỳ : Bạch kỳ bìa trắng, Hắc kỳ bìa đen, Hồng kỳ bìa đỏ, Thanh kỳ bìa xanh... Tám quyển kinh có gì đặc biệt ? Có. Thuận Trị đã cắt nhỏ một bản đồ khu vực Oa Tập Sơn (tiếng Mãn Châu, dịch ra tiếng Trung Quốc là Lộc Đỉnh Sơn) rồi chia các miếng vải đã cắt vào trong bìa sách, chia cho Bát kỳ. Thuận Trị dặn con cháu : “Nếu không giữ được thiên hạ (tức đất Trung Quốc - ghi chú của người viết) thì ta ở đâu hãy trở về nơi đó”. Có ít nhất 5 thế lực tìm mọi cách để cướp cho được bí mật trong 8 quyển *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Đó là Khang Hy, con vua Thuận Trị. Đó là con gái vua Sùng Trinh triều Minh, muốn trả thù cho cha. Đó là bọn Thần long giáo, một giáo phái bí mật thông đồng với người La Sát (Nước Nga La Tư). Đó là Thiên địa hội, một tổ chức chống triều đình Khang Hy do Trần Vinh Hoa làm Tông lý. Và đó là Ngô Tam Quê, phản thần của triều Minh, được nhà Thanh phong cho tước Bình Tây Vương, trấn vùng Vân Nam. Mỗi thế lực tin rằng bản đồ giấu trong 8 bìa sách có một bí mật riêng. Khang Hy muốn có để đột đi, bảo vệ long mạch của tổ tiên tại Hắc Long Giang, Lộc Đỉnh Sơn miền Đông Bắc Trung Quốc. Con gái vua Sùng Trinh Chu Hồng Anh và Thiên địa hội muốn phá được long mạch của nhà Thanh nhằm đuổi người Mãn Châu ra khỏi Trung Quốc. Thần long giáo tin rằng bản đồ vẽ kho vàng... Cuối cùng, 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* lọt hết vào tay Vi Tiểu Bảo, một gã già thái giám dốt nát, không biết viết tên mình thế nào trừ chữ Tiêu (3 nét). Vì Tiểu Bảo lấy hết các mảnh vải nhỏ sai nử tợ là Song Nhi kết lại thành một bản đồ hoàn chỉnh. Hắn giặt bản đồ trong mình còn các pho *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* được may bìa lại để biếu cho vua Khang Hy, Trần Cận Nam (thầy Vi Tiểu Bảo) và công chúa Hồng Anh (cũng là thầy Vi Tiểu Bảo)!

Một số nhân vật của Kim Dung là nhà văn nên đi đâu, họ cũng mang sách theo. Sách trở thành vũ khí trong khi chiến đấu chống kẻ thù, tranh biện với kẻ khác. Nhân vật Chu Đan Thần, trong Tứ ấn của nước Đại Lý, có nhiệm vụ bảo vệ Trần Nam vương Đoàn Chính Thuần, đi đâu cũng cầm theo các tập thơ của Lý Bạch và Đỗ Phủ. Trước khi chiến đấu, Chu hay ngâm thơ ! Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, Chu nhiều khi đã bàn luận thơ ca với Đoàn Dự, con Đoàn Chính Thuần. Nhân vật Tuân Tân trong nhóm Hảm Cốc Bát hữu ra trận thường lục túi, đem sách ra... đấu võ miệng. Trong trận đấu chống nhà sư Huyền Thông chùa Thiếu Lâm, Tuân Tân đã đem đủ các sách *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử* ra chát vấn Huyền Thông. Huyền Thông vẫn mặc kệ, đánh trả. Sực nhớ ra rằng nhà sư không đọc sách đạo Nho, Tuân Tân đổi sang trích dẫn kinh điển đạo Phật. Y đọc lên câu : "Biển khổ mênh mông, quay đầu lại là thấy bờ" khiến Huyền Thông chợt ngừng trận đấu. Nhà sư đã ngộ Thiền cơ trong câu kinh đó và đứng tim, viên tịch tại chỗ với nụ cười thư thái giải thoát trên môi.

Sách của Kim Dung đã đề cập đến trong truyện vô hiếp đương nhiên là sách quý, giá trị không biết bao nhiêu mà lường. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, nhà sư Giác Viễn trước khi chết, đọc một vài đoạn thuộc lòng trong bộ *Cửu Dương Chân Kinh*. Quách Tường học lóm vài câu mà có thể dựng nên phái Nga My; Trương Quân Bảo học lóm vài câu mà có thể dựng nên phái Võ Đang. Bọn Đoàn Khắc Tây, Tiêu Tương Tử ăn cắp bộ sách này của chùa Thiếu Lâm, rạch bụng con vượn ra mà nhét vào. Trước khi chết, chúng dì ngôn lại cho Hà Túc Đạo ở núi Côn Luân là "Kinh để trong hầu". Hà Túc Đạo nghe gà hóa cuốc, nói lại với phái Thiếu Lâm là "Kinh để trong đầu" ! Chỉ sau này, Trương Vô

Ký giải phẫu cho con vuợn già mới tìm ra bộ sách tràn quý của chùa Thiếu Lâm.

Sách quý nên việc bảo quản cũng rất công phu. Những nơi chứa sách được gọi là Tàng kinh lâu, Tàng kinh các, có quy định rất nghiêm nhặt, cấm người lai vãng. Càng cấm nên sách càng gọi tri tò mò. Từ đó xuất hiện những kè ăn cắp sách. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, nhà sư Ba La Tinh từ Ấn Độ sang chùa Thiếu Lâm, Trung Quốc, ăn cắp sách và bị nhốt. Tiêu Viễn Sơn, quan lớn của nước Khát Đan, muốn trả thù cho vợ cũng già cao đầu làm sư vào Tàng kinh các phái Thiếu Lâm đọc lén võ kinh và học võ công Trung Quốc. Một Dung Bác, người hoàng tộc nước Đại Yên giống Tiên Ty cũng già bộ trá tú, cao đầu làm sư, vào chùa Thiếu Lâm năm vùng đọc hết 72 quyển võ kinh của Thiếu Lâm, nuôi mộng trung hưng nước Đại Yên.

Những nhân vật của Kim Dung thường có trí nhớ tuyệt vời. Cô Vương Ngọc Yên đọc thuộc lòng các sách võ trong thiên hạ, trở thành nhân vật ai cũng hâm mộ. Vương Tử Đoàn Dự coi qua bộ *Lục Mạch Thần Kiếm Kinh* một lần tại chùa Thiên Long mà tâm đã lãnh hội trọn vẹn. Trong 11 bộ tiểu thuyết, chỉ có một nhân vật của Kim Dung ghét sách thậm tệ, thấy quyển sách và chữ nghĩa là mát hoa đầu vàng. Đó là Vi Tiểu Bảo, Lộc Đỉnh công của triều Khang Hy. Vốn hán chi thích chơi gái, đánh bạc, uống rượu, nói tục và dốt đặc can mai. Ấy thế mà trời lại trao cho hán 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* !

Sách chiếm một vai trò lớn trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp. Kim Dung đưa các bộ sách vào, tạo cho tác phẩm của mình những tình tiết hấp dẫn, những mâu thuẫn lật tung. Ở

chứng mực nào đó, sách làm nên chất văn hóa cho tác phẩm
võ hiệp tiêu thuyết vốn nặng về âm mưu, thủ đoạn, sự tranh
đấu, sự giết chóc. Chỉ ngay trong khía cạnh đưa sách vào
tiêu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là một bậc thầy trong văn
chương tiêu thuyết hiện đại.



Chương 18

**Lược khảo về các
tôn giáo, bang hội
trong
tiểu thuyết võ hiệp**
Kim Dung

Dọc tác phẩm văn học Tây phương, ta cảm nhận được những tư tưởng của đạo Thiên Chúa. Cá biệt, trong một vài tác phẩm như *Những Con Chim Ân Minh Chờ Chết*, những tư tưởng và sinh hoạt của đạo Thiên Chúa trở thành độc tôn. Văn học phản ánh các hình thái sinh hoạt xã hội và một trong những hình thái gần gũi nhất của văn học chính là tôn giáo. Chính vì thế, khi Kim Dung tiên sinh chọn loại tác phẩm võ hiệp để sáng tác, ông tất yếu phải đưa vào tác phẩm của mình những sinh hoạt tôn giáo, bang hội. Dù không sống trong xã hội phong kiến nhưng những tác phẩm võ hiệp của ông đã phản ánh một cách khá sinh động xã hội phong kiến Trung Quốc, khi mà các thế lực phong kiến tập quyền chưa đủ mạnh để diệt hết các thứ bang môn tả đạo, các đảng cướp cát cứ một phương, các thế lực tiến bộ đối kháng với các triều đại phong kiến. Vả cháng, khi mà khoa học chưa ra đời, thì niềm tin của con người đặt vào thần quyền rất mạnh. Chính vì thế, tác phẩm võ hiệp Kim Dung luôn luôn gắn liền với sinh hoạt và tư tưởng các tôn giáo bang hội.

Đối với các tôn giáo, Kim Dung đã tỏ ra hết sức ưu ái và kính trọng đạo Phật. Đạo Phật xuất hiện trong tác phẩm của ông với hình ảnh của các nhà sư phái Thiếu Lâm và tu tượng Phật giáo được ông mến mộ nhất là tu tướng Thiên tông, một trong 10 tông phái Phật giáo. Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung, người ta biết đến đạo Phật qua hình ảnh ngôi chùa Thiếu Lâm đặt tại tỉnh Hồ Nam, Tung Sơn Thiếu Lâm Tự. Dưới ngòi bút tài tình của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm chân chính là những hiệp sĩ chuyên hành hiệp cứu đời, giúp người, luôn xả thân vì đại nghĩa, chống các thế lực ngoại xâm của Khát Đan, Kim Quốc, Mông Cổ, Tây Hạ để bảo vệ dân tộc Trung Quốc và bờ cõi Trung Quốc. Thông qua ngòi bút của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm đã được thần thánh hóa về cuộc đời và võ công, luôn có mặt trong những tình huống nguy kịch nhất và trở thành biểu tượng tươi đẹp của võ lâm Trung Quốc. Ông thường dành những cụm từ “*Núi Thái sơn, sao Bắc đẩu*” khi nói về phái Thiếu Lâm. Những nhà sư trong tác phẩm Kim Dung có vai vế, thứ tự hồi hởi, pháp danh được gọi theo từng đời, mỗi đời là một chữ riêng biệt : Độ - Độ Ách, Độ Nạn, Độ Kiếp; Viên : Viên Chân, Viên Tâm, Viên Âm, Viên Thành; Phá : Phá Tham, Phá Sân, Phá Si... Đó là những người đức cao trọng vọng, thầm nhuần Phật pháp và thanh quy giới luật của nhà chùa, say mê tu luyện võ công gồm 72 tuyệt kỹ được gọi là Thất thập nhị huyền công. Hình bóng những chiếc tảng bào màu vàng, màu xám, màu nâu luôn luôn xuất hiện trong tác phẩm Kim Dung, từ Thiểm Tây tới Cam Túc, từ Vân Nam tới Triết Giang, từ Nhạn Môn Quan tới Sơn Hải Quan. Các nhà sư Thiếu Lâm không hiếu chiến, không đa sát, luôn luôn tôn trọng chữ Từ bi, mở đường phương tiện cho kẻ thù địch. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* hay *Tiêu Ngạo Giang Hồ*

Ký: giữa chôn đao kiêm hung hiêm, các nhà sư đạt đạo vẫn ung dung ngồi tọa thiền thuyết *Phap Hoa Kinh, Kim Cang Kinh, Niêm Hoa Kinh...*

Trong tiêu thuyết của Kim Dung cũng có một hình thái Phật giáo khác được xem là bàng môn tà đạo. Đó là đạo Phật của các nhà sư Thiên Trúc, Thô Phòn, Tây Tạng, Mông Cổ mang xuống Trung Quốc. Đó là giáo chủ Huyết đao môn của Mật tông Tây Tạng (trong *Liên Thành Quyết*), Ba La Tinh và Triết La Tinh người Ấn Độ (trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*), Cưu Ma Trí (trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*). Do hạn chế của quan điểm dân tộc, Kim Dung đã xây dựng những nhân vật nhà sư ngoại nhập này như những người tàn ác, cung ăn cắp võ công bí lục, hâm hiếp gái tors, phá hoại nền hòa bình của Trung Hoa. Phái sư áo đỏ của Mật tông Tây Tạng bị Kim Dung xem nhẹ nhất. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, họ là những người âm mưu đánh vào Ngũ Đài Sơn để bắt vua Thuận Trị làm áp lực chính trị với Khang Hy. Những Lạt Ma cao cả của Tây Tạng như Đạt Lai Hoạt Phật, Ban Thiền Hoạt Phật và Tang Kêt Hoạt Phật cũng bị Kim Dung xem là không đúng đắn.

Phái Võ Đang do Trương Tam Phong (Trương Quân Báo) sáng lập, là một môn phái tiêu biểu của tư tưởng Lão Trang tức Đạo gia. Căn cứ trên chủ trương “vô vi thanh tịnh” của Đạo gia, phái Võ Đang là một võ phái “vô vi nhi vô bất vi” (không làm nhưng không có gì là không làm). Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* và trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung đã dành nhiều tình cảm đặc biệt cho các đạo gia của phái Võ Đang. Dưới ngòi bút của Kim Dung, những đạo sĩ hay đệ tử tục gia của Võ Đang là những con người luôn luôn hành hiệp trượng nghĩa, tề khốn phò nguy, yêu nước

nồng nàn. Một nhân vật tiêu biểu cho Đạo gia Võ Đang là Trương Tam Phong, được tác giả gọi một cách kính trọng là Chân nhân. Võ công Võ Đang đặt nền tảng trên nguyên lý âm dương, là một dạng võ công huyền môn chánh tông. Một số công phu của Võ Đang hiện còn được lưu truyền đến bây giờ như Thái cực quyền, Thái cực kiếm pháp, khinh công Thé vân tung. Nếu võ công Thiếu Lâm chú trọng dương cương, nhanh mạnh thì võ công Võ Đang chú trọng âm nhu, uyển chuyển thư thái. "*Nặng như Thái sơn nhưng cũng nhẹ như lông chim*" - đó là nguyên tắc luyện tập cơ bản của đệ tử Võ Đang.

Phái Nga My - do Quách Tường, con gái của Quách Tĩnh sáng lập - là một nhánh khác của Phật giáo Trung Quốc. Bản thân Quách Tường có ngoại hiệu là Tiểu Đông Tà, nên dù lập ra một chính phái, cũng ăn chay niệm Phật và đệ tử chủ yếu là nữ ni xuất gia, phái Nga My vẫn mang một chút tà môn trong căn bản võ công. *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* xây dựng một chương môn Diệt Tuyệt su thái và chỉ cái tên thôi, ta đã hình dung ra được mức độ khốc liệt của bà chương môn này: diệt hết, không chừa một ai. Trong thực tế, Nga My là tên một ngôi chùa danh tiếng của Trung Quốc, hình thành gần 1.000 năm, là nơi tu hành của nhiều sư nữ đạo cao đức trọng.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung xây dựng 5 môn phái chuyên sử kiếm, gọi là Ngũ nhạc kiếm phái, lấy tên theo 5 hòn núi: Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn, và Hàng Sơn. Trong 5 phái, chỉ có phái Hàng Sơn là theo Phật giáo, gồm toàn nữ ni cầm đầu, đệ tử có nữ ni, có cả tục gia. Vì toàn là nữ cho nên kiếm pháp Hàng Sơn khác hẳn kiếm pháp 4 phái kia, chiêu thức uyển chuyển, tư thế

mỹ lệ, ứng theo nguyên lý “miền lý tàng châm” (trong cái gỏi bông có chứa cây kim nhọn); hễ kẻ địch đánh càng mạnh thì càng bị nguy hiểm nhiều.

Kim Dung xếp những môn phái trên đây vào “danh môn chính phái”. Nói đến danh môn chính phái tất phải nói đến bàng môn tà đạo. Vậy, bàng môn tà đạo trong tác phẩm của ông gồm những môn phái nào?

Trước hết, người ta bắt gặp khái niệm Ma giáo được nhắc đi nhắc lại trong nhiều tác phẩm. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, chữ Ma giáo được nhiều hào khách giang hồ gán cho Minh giáo Trung Quốc, một chi nhánh của Bá hỏa giáo Ba Tư. Nguyên Bá hỏa giáo Ba Tư phát tích từ Ba Tư (Perse), thờ ngọn lửa thánh. Tên gọi của đạo này phiên âm ra Quan thoại là Ni Na giáo, rồi từ âm Na, người Trung Quốc gọi luôn ra âm Ma, thành ra Ma giáo. Sử Trung Quốc chép vào thời Võ Hậu nhà Đường, người Ba Tư là Hốt Đa Đán đã cầm quyền *Tam Tôn Kinh* từ Ba Tư di về Trung Quốc và đến triều kiến Võ Hậu. Trong tác phẩm *Minh Giáo Lưu Truyền Trung Thổ Ký* của Dương Tiêu, một hộ pháp giáo vương của Minh giáo, thì ngày Minh giáo truyền vào Trung Quốc được xác định là 22 tháng 6 Đường Đại Lịch tam niên.. Nhà Đường thấy Bá hỏa giáo là một tôn giáo đúng đắn, lại có kinh điển tư tưởng hàn hoi nên cho phép Bá hỏa giáo lập chùa, quy tụ tín đồ. Kinh đô Lạc Dương có ngôi chùa Bá hỏa giáo đầu tiên, gọi là Đại Vân Quang Minh Tự; sau đó chùa được xây dựng nhiều thêm ở Thái Nguyên, Hồng Châu, Kim Châu, Việt Châu. Năm thứ ba đời Hậu Xương, nghe lời sàm tấu của một số quan lại, nhà vua ra lệnh giết hại những tín đồ Minh giáo. Minh giáo phải rút vào bí mật. Trong cuộc chiến đấu gian nan, người Minh giáo

vẫn ăn chay, cữ rượu và một lòng thờ phượng thánh Minh Tôn. Từ đó, Minh giáo đứng hẳn về phía dân nghèo, khơi nghĩa chống những thế lực phong kiến. Vào thời vua Tuyễn Hòa (Bắc Tông), giáo chủ Phương Liệp khởi nghĩa chống bọn tham quan ở Việt Châu, tên tuổi nổi ngang hàng với Tống Giang. Vào thời vua Kiến Điện, Vương Tôn Thạch lãnh đạo tín đồ và nông dân, trí thức khởi nghĩa tại Tín Châu; Dư Ngũ Bà khởi nghĩa ở Từ Châu (Thiệu Hưng); Trương Tam Thương khởi nghĩa ở Quảng Đông. Khi quân Nguyên xâm lăng Trung Quốc, tín đồ Minh giáo tập trung lên Quang Minh Đinh vùng sa mạc Gobi, lập tổng đàn khởi nghĩa kháng Nguyên. Đệ tử Minh giáo là Chu Nguyên Chương thống lãnh đại binh về Hồ Bắc, chiếm được vùng đất rộng, đánh ra Hoài Tử, đuổi được quân Nguyên. Chu Nguyên Chương lên ngôi, nhờ mình là đệ tử Minh giáo nên đặt đế hiệu là Minh Thành Tổ. Từ đó, nhà Minh ra đời.

Như vậy, Minh giáo không phải là bàng môn tả đạo mà là một môn phái yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa. Những nhân vật Trương Võ Ky, Vi Nhất Tiếu, Hán Thiên Chinh ... là những nhân vật của tiểu thuyết. Nhưng Chu Nguyên Chương, Từ Dụt, Thường Ngộ Xuân, Dương Tiêu lãnh đạo tín đồ Minh giáo là những anh hùng có thật trong lịch sử Trung Quốc. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, ta còn gặp một tà giáo khác là Bạch mi giáo. Bạch mi giáo hoạt động trên vùng sông Trường Giang, thờ hàng lồng mày trắng, thủ đoạn rất tàn độc. Nhưng trong cuộc khởi nghĩa kháng Nguyên, anh hùng Bạch mi giáo đã về quy thuận dưới trướng Minh giáo, trở thành những con người có công, xa hẳn những chủ trương tàn độc cũ.

Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Ma giáo cũng được nhắc đến với tên gọi là Triệu dương thần giáo. Đây là một giáo phái tương tự do Kim Dung đặt ra, hành động rất tàn độc, có một lối nịnh vê tiền khoáng hậu. Giáo chủ của Triệu dương thần giáo được xưng là "Thánh giáo chủ". Trong *Lộc Đỉnh Ký*, cũng có một giáo phái tương tự là Thần long giáo. Giáo phái này thờ rắn (địa long) và từ địa long, người ta tôn xưng thành thần long. Thần long giáo kết hợp với Nga La Tư, định dâng 3 tỉnh miền Đông Bắc Trung Quốc cho Nga và để đổi lại, người Nga giúp họ đem binh chống lại triều đình nhà Thanh do Khang Hy lãnh đạo.

Nếu trong các phái, phái Thiếu Lâm đứng đầu thì bên các bang hội, Cái bang là bang tiêu biểu. Trong truyện võ hiệp Kim Dung, hình ảnh quân hùng Cái bang luôn luôn hiện diện bên cạnh các nhà sư Thiếu Lâm. 11 tác phẩm của Kim Dung đã dành nhiều chương hồi nói về Cái bang, bang quy tụ những người ăn mày nhưng giàu lòng yêu nước, chuyên hành hiệp trượng nghĩa, té khốn phò nguy. Tác phẩm Kim Dung đã để lại cho đời những huyền thoại đẹp về các bang chúa Cái bang như Hồng Thất Công (*Võ Lâm Ngũ Bá và Xạ Điêu Anh Hùng Truyện*), Hoàng Dung (*Thần Điêu Hiệp Lữ*), Tiêu Phong (*Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*). Bạn đọc tiểu thuyết võ hiệp có thể nhận ra được tấm lòng ưu ái của tác giả dành cho giới ăn mày khổ rách áo ôm, đầu đường xó chợ. Các nhân vật Cái bang ăn nói đơn giản, đi xin nhưng không bao giờ ăn cắp, hành động tinh tế và tư duy bén nhạy như bất kỳ một con người có học nào. Cái bang xuất hiện trong tiểu thuyết Kim Dung với thứ bậc hẫn hỉ : một túi là mối gia nhập, tám túi là lên trường lão, có bài ca *Liên Hoa Lạc* (Hoa sen rụng) làm dấu hiệu liên kết tấn công kẻ địch, có Đà cầu trận vây hãm kẻ địch, có Đà cầu

bóng pháp làm bảo vật trấn bang. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, Kim Dung có đề cập đến hai chi của Cái bang : chi Ô y (áo dơi) và chi Thanh y (áo sach). Những trưởng lão của Thanh y cũng đeo nhẫn vàng, ăn mặc xa hoa như phú thương, dùng tiền như nước. Thuyết này nghe rất mới lạ.

Trong tiêu thuyết Kim Dung, có một số bang khác cũng được nhắc đến như Thần Nông bang, Cự kình bang, Mao sơn bang, Hải sa bang ... Đại đế, đây là những bang nhỏ, cát cứ ở một vùng nhất định, có những hoạt động đi ra ngoài sự kiểm soát của chính quyền phong kiến địa phương và hành vi của họ thường là hành vi tàn ác. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, Thần Nông bang là một bang chuyên dùng thuốc độc, cát cứ vùng núi Vô Lượng. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*; Cự kình bang; Hải sa bang và Mao sơn bang là 3 bang hoạt động trên vùng sòng biển, hành vi cơ bản là giết người cướp của. Cự kình bang cát cứ sông Trường Giang, Hải sa bang cát cứ vùng Quảng Tây, Mao sơn bang cát cứ vùng Thiểm Bắc. Tuy nhiên, những hành vi tàn độc của 3 bang này không qua mặt nổi bật bọn Bạch mì giảo !

Đặc biệt, trong 11 bộ tiêu thuyết, Kim Dung chỉ đề cập đến 1 hội. Đó là Thiên địa hội, một tổ chức chính trị - quân sự có tầm ảnh hưởng lớn, có tổ chức quy mô gồm toàn người Hán, hoạt động chống lại triều đình Khang Hy. Thiên địa hội là một tổ chức có thật do Trần Cận Nam tức Trần Vinh Hoa làm Tông đàn chủ, đóng tại Đài Loan, thế lực bành trướng ra khắp 12 tỉnh thành Trung Quốc. Trần Cận Nam là một nhân vật có thật, làm quân sư cho Trịnh Thành Công, người cầm đầu đảo Đài Loan, chống lại triều đình Khang Hy. Trần Cận Nam vốn là một nhà văn làm chính trị nhưng khi xây dựng ông thành nhân vật tiêu thuyết, Kim Dung đã

tạo nên một Trần Cận Nam văn võ toàn tài, đầy đủ bản lĩnh, diều hành một cách khoa học những hoạt động quân sự và tinh bao gián điệp nhằm chống lại người Mân Châu. Hoạt động quân sự và tinh bao của Thiên địa hội trong lịch sử triều Thanh là có thực. Nhưng tài trí của Khang Hy và những tư duy chiến lược của ông vua Mân Châu này dù súc vỏ hiệu hóa các lực lượng thù địch trong đó có lực lượng Thiên địa hội. Trần Cận Nam bị con thứ của Đài Loan vương Trịnh Thành Công là Trịnh Khắc Sản giết vì nghi kỵ ông có lòng phản nghịch. Tổ chức Thiên địa hội tan rã, lớp bị triều đình Khang Hy bắt, lớp bỏ trốn tha phương mai danh ẩn tích. Tuy nhiên, Thiên địa hội đã để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng người đọc *Lộc Đỉnh Ký* bởi vì họ là tổ chức tiêu biểu cho lực lượng yêu nước phán Thanh phục Minh, giác mơ lớn của mọi người Trung Quốc trong thế kỷ 17. Chính từ những hoạt động của Thiên địa hội mà một số hội đoàn chính trị chống nhà Thanh sau này cũng mô phỏng cách hoạt động ấy. Một thí dụ cụ thể là Hồng hoa hội, hoạt động chống lại triều vua Hàm Phong.

Một cách khái quát, khi xây dựng những tôn giáo, môn phái, bang hội trong truyện võ hiệp, Kim Dung đã hé mở cho ta thấy sự tôn trọng quan điểm "tam giáo đồng nguyên" của ông. Phật giáo có Thiếu Lâm, Nga My, Hăng Sơn. Dao giáo theo tư duy Lão Trang có Võ Đang, Tiêu Dao, Thiên Sơn. Nho giáo có Thiên địa hội, một tổ chức nhập thể và nhập thế. Tác giả Kim Dung cũng đồng thời tôn trọng những tư tưởng tôn giáo ngoại nhập. Ngoài tình cảm dành cho Bái hóa giáo Ba Tư, Ông còn nhắc tới Hồi giáo (trong *Độc Bá Quân Hùng*), Thiên Chúa giáo (thông qua 2 nhân vật người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng trong *Lộc Đỉnh Ký*) với những tình cảm chân thật, nhận định

trung thực về bản chất lương thiện của các tôn giáo. Ông cũng tỏ ra tôn trọng những tình cảm khác của dân tộc Trung Quốc khi đưa ra một số bang phái khác dù hoạt động của họ khi tà khi chính, chẳng đứng hẳn về mặt hệ tư tưởng nào như các phái Lao Sơn, Không Động, Thanh Thành ...

Tất cả các tôn giáo, bang hội được xây dựng trong tác phẩm Kim Dung đều có người tà, kẻ chánh, người xấu, kẻ tốt. Cò người đưa ra luận điểm cho rằng Kim Dung muốn dung hòa, trộn lẫn hai thái cực của chính và tà, của thiện và ác. Tôi cho rằng đó là một nhận định mang tính vỡ đoán. Thực ra, tác giả Kim Dung đã tìm cái Thiện trong cái Ác, đã tìm người chính nhân quân tử trong cái dư luận về tiêu nhân đê tiện, đã tìm chất ngọc con người trong mớ hỗn độn của xã hội lẫn lộn trắng đen. Và ông đã tìm thấy, đã phân biệt cho chúng ta thấy. Những nhân vật đức cao trọng vọng như Nhạc Bất Quần, như Cam Lâm Huệ thất tinh Thang Bá, như Thích Trưởng Phát, như Vạn Khuê của cái gọi là chính phái là những kẻ thủ đoạn, lưu manh và tất yếu phải nhận sự trừng phạt. Những con người xuất thân từ bàng môn tà đạo, từ tà phái như Điền Bá Quang, Bát Giới, Tô Thiên Thu, Lão Đầu Tử, Trương Tam, Lý Tử, ... là những chính nhân quân tử, những con người trung thực. Hành động phân biệt chính tà không thể bị lầm lẫn với hành động dung hòa chính tà. Tác giả muốn cho chúng ta hiểu rõ hơn về chính và tà và đừng nhận định chính tà, thiện ác theo những quan điểm đơn điệu, công thức.

Đọc Kim Dung, ta thấy được một hiện tượng sinh động của xã hội phong kiến Trung Quốc từ thế kỷ 17 trở về trước: sự cát cứ của các thế lực chính trị và quân sự giữa lòng xã hội phong kiến. Gần như bang phái nào cũng đứng ngoài

vong pháp luật, kẻ cà chùa Thiếu Lâm ! Họ có cách thực hiện công lý riêng của họ : dùng võ công để tê khôn phò nguy, giải quyết việc đòn, thực hiện công bằng xã hội trước lán dao mũi kiếm. Họ không hề tôn trọng chính quyền phong kiến. Trên cái nhìn này, ta có thể thấy được truyện Kim Dung như là một bản điều tra xã hội học về xã hội Trung Quốc cũ. Có thể nói chính những bất công của cuộc đời đã “đặt hàng” cho võ học phát triển, cho những bang phái ra đời để thực hiện một thứ “luật” khác : luật giang hồ.

Khi nghiên cứu về những tư tưởng trong triết học Đông phương, người ta mới chỉ ngừng lại ở phạm trù lý thuyết. Vả chăng tư tưởng triết học là cái gì hết sức trừu tượng. Nhưng khi đọc tác phẩm võ hiệp, thông qua các tôn giáo được đề cập đến, người ta rất dễ nhận ra các lý thuyết trừu tượng đó đã được cụ thể hóa qua phạm trù thực hành. Nói chuyên *Kim Cương Kinh* chưa chắc ta đã tam đắc. Nhưng từ *Kim Cương Kinh*, đã được các nhà sư Thiếu Lâm luyện thành *Kim cương chi*, có kình lực tan bia vỡ đá, có thể dùng ngón tay viết chữ và vẽ bàn cờ lên đá được thì người ta vẫn dễ lý hội khái niệm “kim cương” hơn. Cũng thế, thật khó hình dung ra khái niệm “Tiêu Dao Du” trong tác phẩm *Nam Hoa Kinh* đã được hình tượng hóa thành nhân vật Vô Nhại Tử, chương môn phái Tiêu Dao, giỏi đánh cờ, đánh đàn, võ nghệ, y thuật địa lý, lại có thuật “trụ nhan” làm khuôn mặt tươi vui trẻ mãi không già, sống giữa đời hiên thực với một trái tim lảng mạn, lấy chuyện vui chơi nâm hồ, bốn biển làm vui, không hệ lụy đến cuộc đời thì người ta biết ngay “Tiêu dao” là gì. Nói cách khác, Kim Dung đã chuyển một hệ thống tư tưởng triết học lý thuyết sang hệ thống triết học thực hành, một dạng triết học Đông phương gần gũi với mọi người, mọi trình độ nhưng không

hè dung tục và thô thiển thông qua việc xây dựng các võ phái trong tác phẩm của mình.

Yếu tố sau cùng cũng khá thú vị là thông qua một vài thế võ, cách vận công, cách tự vệ, các nhân vật của Kim Dung có thể bộc lộ ra môn phái, sư thừa của mình. Ngay đến trong cách khám nghiệm vết thương, người ta cũng nhận ra được vết thương đó do loại võ công, vũ khí nào gây nên và quy trách nhiệm. Dư Đại Nham bị đánh vỡ hết các khớp xương; võ công đó chỉ có thể là Kim cương chi của phái Thiếu Lâm. Gia đình Lâm Bình Chi bị giết oan hết, mặt người nào cũng hiện lên nụ cười quái dị vì trái tim bị vỡ dù lòng ngực không có dấu hiệu chấn thương bên ngoài. Võ công đó chỉ có thể là Tối tâm chưởng của phái Thanh Thành. Nói cách khác, thông qua võ công, thông qua vết thương, người ta có thể xác định được tôn giáo, bang phái nào đã ra tay hành động.

Chính trên những chi tiết thú vị như thế mà truyện kiếm hiệp của Kim Dung vượt xa các tác giả đương đại về mặt tri thức. Và cũng chính nhờ những chi tiết đó, người đọc kiếm hiệp có thể phân biệt được chính tác của Kim Dung với một ngụy tác của một người nào đó, cũng ký tên là Kim Dung !





Xạ Điêu Anh Hùng Truyện, 1984

Hoàng Nhật Hoa vai Quách Tinh

Ông Mỹ Linh vai Hoàng Dung

Chương 17

**“Thời trang”
trong
tiểu thuyết võ hiệp
*Kim Dung***

Thời trang là khái niệm xuất hiện trong thời đại của chúng ta. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc ngày xưa không thể có khái niệm thời trang, đơn giản là vì thời ấy chưa hề có người mẫu với những kiểu áo quần mẫu được đưa lên sân khấu biểu diễn cho đông đảo quần chúng mò phỏng theo đó mà may mặc. Tuy nhiên, “ăn theo thuở, ở theo thời”, từ ngàn xưa, nhân loại đã biết cách ăn mặc để thích nghi môi trường sống; việc ăn mặc trở thành một nhu cầu phổ quát ở mọi nơi và vào mọi thời đối với mọi dân tộc. Tác phẩm tiêu thuyết Kim Dung cũng không thoát ra khỏi quy luật phổ quát đó. Căn cứ vào cách ông miêu tả cách ăn mặc của những nhân vật trong 11 bộ tiêu thuyết võ hiệp, ta có thể nhận định về khái niệm “thời trang” như là một thực tế có thật trong các tác phẩm đó.

Có những hình thái thời trang tập thể được nhà văn Kim Dung miêu tả sát với thực tế vì nó bắt nguồn từ những những quy luật của các bang hội, tôn giáo, bang phái của võ lâm Trung Quốc. Đó là những hình thái thời trang mang tính bô buộc và tuyệt đối.

Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, Kim Dung miêu tả giáo chúng Minh giáo (Báu hỏa giáo - Pyrolatrie) luôn luôn mặc bộ áo dài trắng, ngực áo trái và tâ áo bên phải có thêu một ngọn lửa đỏ. Ngọn lửa đó chính là Thánh hỏa, biểu tượng có từ Báu hỏa giáo Ba Tư. Khi đem đạo truyền sang đất Trung Quốc, Hốt Đa Đán đổi tên Báu hỏa giáo thành ra Minh giáo, gọi tên các chùa là Đại Văn Quang Minh Tự. Trong Hán văn, chữ Minh, gồm chữ Nhật kết hợp với chữ Nguyệt. Minh có nghĩa là sáng như mặt trời, mặt trăng và sáng là yếu tính của ngọn lửa. Chính vì thế mà một đệ tử của Minh giáo là Chu Nguyên Chương khởi nghĩa chống quân Nguyên thành công, lên ngôi lấy đế hiệu là Minh Thành Tổ, gọi triều đại của mình là nhà Minh.

Trong 11 bộ tiểu thuyết của Kim Dung thì đã có 10 bộ ông nhắc đến các vị sư chùa Thiếu Lâm, thuộc ngọn Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. "Thời trang" của các nhà sư rất dễ nhận ra : ngày lễ các vị đại sư tiền bối mặc tăng y đại hồng; ngày thường mặc cà sa màu vàng, những lớp đệ tử nhò hòn mặc tăng y màu xám hoặc nâu. Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, có những đoạn Kim Dung đề cập đến phái Thanh Thành ở vùng Tứ Xuyên xuống Phúc Châu hoạt động. Họ mặc một màu áo xanh, và đặc biệt nhất là luôn luôn đội khăn trắng trên đầu. Kim Dung thật tinh tế khi đưa ra chiếc khăn trắng ở đây. Đất Tứ Xuyên nguyên thuộc về đất Thục của Lưu Bị thời Tam Quốc. Không Minh là quân sự của nhà Tây Hán, được nhân dân Ba Thục kính trọng như thần minh. Khi ông chết đi, cả một giải Ba Thục đều để tang. Tục lệ ấy kéo dài qua 17 thế kỷ và cho đến nay, người Tứ Xuyên ra đường vẫn còn quấn khăn trắng !

Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, Kim Dung nhắc tới quân nữ cung Linh Thủ, núi Phiêu Diêu. Đây là

vùng giáp giới sa mạc Qua Bích (Gobi). Họ mặc áo trường màu xanh lục, cưỡi lạc đà. Lối trang phục đó giúp họ dễ nhận ra nhau trên sa mạc chỉ có một màu cát vàng mènh mòng. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, ta lại gặp Thần long giáo. Một tà giáo vùng vịnh Cao Ly. Thần long giáo chia làm Ngũ kỳ (5 sắc cờ); mỗi kỳ có một màu áo riêng: Thanh long mặc áo xanh, Hắc long mặc áo đen, Xích long mặc áo đỏ, Bạch long mặc áo trắng và Hoàng long mặc áo vàng.

Nếu thời trang tập thể mang tính bó buộc, quy luật thì thời trang ca nhân lại hệt sức linh hoạt, tự do, đặc biệt là ở những nhân vật nữ. Nhân vật nữ trung hào kiệt của Kim Dung luôn luôn có nhu cầu làm đẹp và tham chí, nhu cầu đó rất cao.

Có những nhân vật nữ chỉ thích một màu áo quần và màu sắc ấy làm nên tính cách độc đáo của từng người, khiến ta không thể làm người này với người khác. Trong *Thần Diêu Hiệp Nữ*, Tiểu Long Nữ chỉ mặc một màu toàn trắng. Võ công của cô học được từ phái Cô Mộ là Ngọc nữ kiêm pháp, thuần về âm nhu. Cô lâm trận, đối địch với những kẻ thù hung bạo mà người ta cứ ngỡ là cô đang múa bởi màu áo trắng và những tư thức võ công nhuần nhuyễn, dịu dàng, mỹ lệ. Ngược lại Mộc Uyển Thanh trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* lại chỉ mặc một màu quần áo đen tuyển và bịt mặt cũng bằng khăn đen. Người cô tiết ra một mùi hương tự nhiên man mác như hoa mai côi (hoa hồng) nên giang hồ tôn xưng cô là Hương dược xoa. Tuy gọi "dược xoa" (xấu như quỷ sứ) nhưng thực sự, Mộc Uyển Thanh là một người đẹp trong những người đẹp nhất của *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*.

Khá nhiều trường hợp, màu áo quần của các nhân vật nữ làm thành tên gọi của nhân vật ấy. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, Đoàn A Châu chỉ mặc một màu đỏ, Đoàn A Tử chỉ mặc một màu tía, A Bích chỉ mặc một màu xanh biếc, màu xanh của vùng sông nước Giang Nam. Trong *Lãnh Nguyệt Bảo Dao*, tiểu anh hùng Hồ Phi có một cô bạn gái 16 tuổi cực kỳ thông minh. Cô mặc màu áo tía, tự xưng họ Viên và Hồ Phi cứ gọi cô là Viên Tử Y (cô Viên áo tía). A Châu, A Tử, A Bích, Viên Tử Y từ màu sắc áo quần đã trở thành tên nhân vật.

Thời trang làm nên chức vụ, vai vế của nhân vật. Trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, có nhân vật Đại Ý Ty, cô gái Ba Tư xinh đẹp. Cô gia nhập Minh giáo Trung Quốc, lập được công lớn, đứng đầu tư đại hộ giáo pháp vương của Minh giáo. Cô mặc áo tía nên được tôn xưng là Tử sam long vương (vua rồng áo tía). Lần lượt đứng sau cô là Thanh đực phúc vương (vua đực cánh xanh), Bạch mì ưng vương (vua ó mày bạc) và Kim mao sư vương (vua sư tử lông vàng). Như vậy thứ tự ở đây là Tử, Thanh, Bạch, Kim. Chiếc áo tim của nàng Đại Ý Ty đã làm nên chức vụ.

Các nhân vật nữ của Kim Dung rất chú trọng việc chăm chút vẻ đẹp. Minh Minh Đặc Mục Nhĩ, cô gái Mông Cổ, nhập cư vào nước Tống, đổi Tống danh là Triệu Minh, luôn luôn xuất hiện trước người tình Trương Vô Ky với áo khoác ngoài cổ da điêu, phía trong là trường bào băng gấm. Triệu Minh là một kiểu mẫu phụ nữ lý tưởng với nhan sắc đẹp như hoa nở, trí thông minh mẫn tuệ cực kỳ và ứng xử mọi tình huống một cách nhanh nhẹn. Đọc *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, không một độc giả nào có thể chê trách được Triệu Minh. Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung xây dựng một nhân vật nữ cực kỳ "hiện đại" so với cả ngàn nhân vật

nữ khác. Đó là Lam Phượng Hoàng, người dân tộc Miêu Cương vùng Vân Nam, giáo chủ của Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng Lệnh Hồ Xung là người trai phong lưu, cô đã vượt mấy ngàn dặm từ Vân Nam về Hoàng Hà để tương kiến. Lam Phượng Hoàng mặc chiếc áo hoa sặc sỡ, mùi hương sục nức, dám ôm cổ Lệnh Hồ Xung hôn lên má trước mặt mọi người, dám vén váy mình lên đặt con đia vào hút máu mình để truyền máu vào cho Lệnh Hồ Xung. Hành động tự nhiên đó đã làm cho kiêm khách Giang Phi Hồng buồn tình mà tự vẫn.

Những người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không hề muốn lên sân khấu, chưa hề biết biếu diễn thời trang. Cá biệt, có một người muốn biếu diễn thời trang mà người đi dự không thèm để mắt đến, giận dỗi nên đã gày thành một vụ huyết án động trời. Đó là nàng Ôn Khang trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*. Ôn Khang là vợ của Mã Đại Nguyên. Mã Đại Nguyên là một anh hùng hào hán, Phó bang chúa Cái bang của Kiều Phong. Trong vụ Bách hoa đại hội, Ôn Khang mặc bộ đồ lụa đẹp nhất, đứng bên cạnh chậu thực dược. Người già, người trẻ đi ngang đó đều nhìn nàng, tim đập rộn ràng vì không ngờ có một phụ nữ đẹp như thế. Duy chỉ có một người không nhìn đến nàng. Đó là Kiều Phong. Giận vì nhan sắc của mình không được hâm mộ, Ôn Khang xúi chồng tố cáo Kiều Phong là người Khát Đan. Mã Đại Nguyên không nghe lời, Ôn Khang âm mưu cùng Bạch Thế Kính giết chồng bằng một thế Tòa hâu cầm nã thủ rồi vu cáo cho Kiều Phong đã giết chồng mình để bịt miệng. Quả nhiên, Kiều Phong mất ngài Bang chúa Cái bang Trung Quốc. Sự trả thù của siêu người mẫu Ôn Khang quả thật siêu việt !

May mắn thay, đó chỉ là một trường hợp cá biệt. Nhan sắc của người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không bị đem ra bán đứng, tên tuổi của họ không bị đem ra kinh doanh, nhân phẩm của họ được tác giả bảo vệ cẩn mật. Tri thông minh, lòng tự trọng và nhan sắc trời ban cho họ đã giúp họ gặp được những chàng trai như ý, những mối tình tươi đẹp, trong sáng và chung thủy. Viên Tử Y với Hồ Phì, Hân Tố Tố với Trương Thúy Sơn, Trương Vô Ky với Triệu Minh, Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh, Tiểu Long Nữ với Dương Quá, Vương Ngọc Yến với Đoàn Dự... là những lứa đôi thật đẹp. Ở một nghĩa hết sức biếu tượng, những lứa đôi đó góp phần làm nên khái niệm anh hùng và giai nhân, giác mơ lý tưởng của văn học nghệ thuật ngày xưa và cả hôm nay.



nhưng không quên được tên tuổi của cô.



Quách Tịnh (*Trương Trí Lâm*),

Hoàng Dung (*Chu Nhân*)

trong bộ **Xạ Điêu Anh Hùng Truyện**

Chương 18

**Những
nhân vật quái dị
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung**

Khai niệm nhân vật quái dị không phải là khai niệm do chúng tôi tạo ra mà là một khai niệm nằm trong văn chương tiểu thuyết của Kim Dung tiên sinh. Văn chương của ông thường có các cụm từ “trông lão thật là quái dị” hoặc “khuôn mặt của gã thật là quái dị”. Tuy viết như thế nhưng khai niệm quái dị không ngừng lại ở chỗ mô tả ngoại hình, động tác. Khai niệm quái dị đi vào chiều sâu nhân cách của các nhân vật, chủ yếu đưa ra những cách sống, cách tư duy khác đời và lầm khi, đi ngược lại cái lẽ thường của cuộc sống.

Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, ta bắt gặp nhân vật quái dị tiêu biểu là Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Thân danh là chương môn của phái Hành Sơn, Mạc Đại luôn luôn ăn mặc rách rưới như một gã Cái bang, chơi một cây dao cầm (hồ cầm) cũ kỹ và miệng luôn hát bài *Tiêu Tương Dạ Vũ* (mưa đêm trên bến Tiêu Tương). Thế nhưng, trong đáy cây dao cầm của tiên sinh có dấu một cây kiếm

lưỡi mỏng như lá lúa, rất lợi hại. Mạc Đại được xưng tụng là “cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm” (trong đàn có dấu một cây kiếm, và khi múa kiếm thì lại phát ra tiếng đàn). Khi tiên sinh rút kiếm ra khỏi cây đàn, vận công vào thân cây kiếm khiến kiếm khi phóng ra veo vén nơi đầu mũi. Với “Hành Sơn vân tụ thập tam thức”, chưa có một địch thủ nào thoát khỏi tay Mạc Đại tiên sinh. Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Mạc Đại chỉ xuất hiện ra ba đoạn, cộng lại không quá mươi trang sách nhưng đã gây được ấn tượng mạnh mẽ và chiếm được cảm tình nồng thắm nơi người đọc. Đoạn thứ nhất, Mạc Đại hiện ra đúng lúc, múa kiếm giết chết Đại tung dương thủ Phí Bân của phái Thái Sơn để cứu sư đệ của mình là Lưu Chính Phong cùng Khúc Dương (trưởng lão Ma giáo), Khúc Phi Yên (con gái của Khúc Dương), Lệnh Hồ Xung (đệ tử Hoa Sơn) và Nghi Lâm (đệ tử Hàng Sơn). Giết xong Phí Bân, tiên sinh đứt kiếm vào đàn, ung dung ra đi, giọng đàn dao cầm lại ngân lên khúc tình tang *Tiêu Tương Dạ Vũ*. Đoạn thứ hai, tiên sinh bất ngờ xuất hiện trong tiều quán dưới chân núi Hành Sơn, bất ngờ rút kiếm chém đứt tiên 9 chiếc chén chung trên bàn nhậu mà những giang hồ hảo thủ ngồi quanh không thể hiểu được tiên sinh đã rút kiếm ra và thu kiếm về lúc nào. Đoạn thứ ba, Mạc Đại hiện ra giữa đêm khuya bên bến sông Trường Giang, trách cứ Lệnh Hồ Xung là gã vong tình, không lo đi lên chùa Thiếu Lâm cứu người yêu mình là Nhậm Doanh Doanh mà cứ bo bo đi theo bầy nữ đệ tử của phái Hàng Sơn. Lời trách cứ của tiên sinh làm Lệnh Hồ Xung toát mồ hôi. Mạc Đại đã khoát tay hối Lệnh Hồ Xung ra đi và chính tiên sinh nhận nhiệm vụ bảo toàn cho bọn nữ ni Hàng Sơn về núi.

Con người quái dị ấy thoạt ẩn thoạt hiện, mang phong cách của một đạo gia Lão Trang, ung dung tiêu sái giữa

cuộc đời. Duy có tiếng đàn và điệu ca *Tiêu Tương Dạ Vũ* của tiên sinh luôn luôn tràn nặng nỗi u buồn, chưa thoát khỏi vòng hụt hụt của cuộc sống, như dòng nước có đi mà không bao giờ có lại. Mạc Đại là hình ảnh tiêu biểu của một thứ trích tiên bị dọa.

Tuy nhiên, trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, không phải chỉ có duy nhất nhân vật Mạc Đại là quái dị. Người ta còn tìm thấy được một gã Tô Thiên Thu, con người đầy mình mưu kế, vẫn vô song toàn nhưng lại ăn mặc như một anh đỗ nghèo kiết xác, đã ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của người bạn thân là Lão Đầu Tử nhằm pha rượu cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Người ta còn tìm thấy một gã Lão Đầu Tử lùn tịt như trái dưa, vô công cao cường, khì cười khì khóc, hợp cùng Tô Thiên Thu thành ra cặp nhân vật Hoàng Hà Lão Tồ. Chính lão Đầu Tử rất cảm nhận Lệnh Hồ Xung đã “nuốt” mất 8 viên thuốc bửu bối nhằm cứu mạng con gái mình nhưng khi biết được Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, lão đã tự vả má mình ra cho vọt máu vỡ da. Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, một nhân vật quái dị khác cũng gây ấn tượng không kém là Bình Nhứt Chỉ đại phu, nổi danh Sát nhân danh y, chuyên chẩn bệnh bằng một ngón tay (nhứt chỉ) và hễ cứu một người là giết một người. Không cứu được Lệnh Hồ Xung, lão đã tự vận kinh mạch cho đứt tuyệt để bảo vệ ngoại hiệu Sát nhân danh y. Nhe đến bốn chữ Đông Phương Bất Bại (không bao giờ thua), người đọc cứ ngỡ đây là một vị anh hùng hào hán. Không, gã giáo chủ này chỉ là một người lai cái, đã tự thiến bộ phận sinh dục của mình để luyện Quỳ Hoa Bảo Diên, đã quan hệ đồng tính luyến ái với một thủ hạ lân cận là Dương Liên Định. Tuy nhiên, vô công của Đông Phương Bất Bại cực kỳ cao cường. Gã đã chống trả lại 4 kẻ đại địch là Nhậm Ngã

Hành, Nhậm Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung và Hướng Vân Thiên chỉ với một mũi kim thêu ! Nhậm Doanh Doanh đã dùng đến một đòn phép tệ hại nhất : hành hạ “người tình” Dương Liên Đình để phân tâm Đông Phương Bất Bại, giúp cha mình giết chết Đông Phương Bát Bại. Nhưng nhân vật quái dị được người đọc yêu mến nhất trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* vẫn là Phong Thanh Dương, sư thúc của Nhạc Bát Quần, phái Hoa Sơn. Phong Thanh Dương là đại biểu của phe kiêm tông (lấy kiêm làm chủ) trong khi Nhạc Bát Quần là đại biểu của phe khí tông (lấy nội công làm chủ). Chính Phong Thanh Dương đã máng Nhạc Bát Quần là kè xuân tài (có tài mà ngu), biến những kè tài năng như đệ tử Lệnh Hồ Xung thành ra ngựa gỗ, trâu đá. Phong Thanh Dương truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung 9 thế kiếm của Độc Cô Cầu Bại với một câu quyết duy nhất “sử kiếm liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trời, nghĩ đến đâu là kiếm tới đó để chiếm tiên cơ, đẩy kè địch vào thế phải thủ”. Toàn bộ lý thuyết của Phong Thanh Dương là “lấy vô chiêu thắng hữu chiêu và lấy công làm thủ”. Lệnh Hồ Xung đã học được bài học quý giá đó từ thái sư thúc tổ, trở thành kè đối nghịch với sư phụ Nhạc Bát Quần, hạ Nhạc Bát Quần và môn Tịch Tà Kiếm Phổ của họ Nhạc, trở thành kiếm sĩ đệ nhất giang hồ. Phong Thanh Dương minh giàu như con hạc, sắc mặt diêu linh tiều tụy, chỉ xuất hiện hai lần mà danh tiếng của Phong đã làm quắn hùng chấn động.

Nhân vật quái dị đến đâu cũng là con người nên vẫn mang theo những đặc điểm, yếu tính của con người. Thế nhưng, khác hơn con người nói chung, nhân vật quái dị suy nghĩ, sống và động theo ý mình và thông thường sự suy nghĩ, sống và hành động đó lại vượt ra những khuôn sáo bó buộc của lương tâm, luật pháp, đạo đức. Nó gây ra một sự

kinh ngạc và thàm chi, là sự kinh sợ cho người đọc. Một hình tượng tiêu biểu cho motif này là nàng Ôn thị, vợ của Phó bang chúa Cái bang Mã Đại Nguyên trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*. Tác giả Kim Dung chỉ để cho Ôn thị xuất hiện hai lần trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*. Lần thứ nhất với vẻ nhu mì và đau thương của một vị vong nhân (đàn bà mới góa chồng), lần thứ hai với toàn bộ phong cách dâm đãng và man rợ của một người mắc chứng cuồng dâm. Hai hình tượng đối lập trong một con người có nhan sắc tuyệt vời thật khiến cho người ta kinh sợ đến cà dựng tóc gáy lên.

Mọi chuyện bắt đầu từ Bách hoa đại hội, Ôn thị theo chồng là Mã Đại Nguyên, Phó bang chúa Cái bang, đi dự hội hoa xuân này. Nhan sắc tươi đẹp của người phụ nữ này đã làm cho hàng ngàn anh hùng hảo hán kinh ngạc, thán phục. Nhưng có một người không để ý tới tấm nhan sắc đó. Người đó là Bang chúa Cái bang Kiều Phong. Thật ra, Kiều Phong không hề coi thường vẻ đẹp phụ nữ; ông chỉ nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, cần phải giữ đúng lề. Thế nhưng điều đó đã làm Ôn thị căm thù và lập tâm sẽ hại Kiều Phong để ông thân bại danh liệt. Nàng ta dựng lên một nghi án, cáo giác rằng chồng nàng biết Kiều Phong là giòng giống man rợ Khiết Đan nên Kiều Phong đã giết chồng nàng để bịt miệng. Trong rừng hạnh ngoài thành Vô Tích, Ôn thị đã xuất hiện trong tư thế một người đàn bà đang chịu tang chồng, tiết lộ thân thế Khất Đan của Kiều Phong đã làm quần hùng Cái bang kinh tâm. Họ trở mặt khinh miệt ông, coi ông là kẻ thù. Kiều Phong phải đau đớn rời bỏ chức vụ, ra đi.

Kiều Phong sẽ không bao giờ hiểu được động cơ nào đã đưa Ôn thị đến việc vu cáo mình giết Mã Đại Nguyên, người bạn mà ông rất yêu mến, nếu không có một đêm ông rượt theo dấu vết Đoàn Chính Thuần và tận mắt chứng kiến tần kịch man rợ tại nhà Ôn thị. Hóa ra, Ôn thị là người tình cũ của Đoàn Chính Thuần; họ đã quan hệ thân xác với nhau và trong cơn say đắm Đoàn Chính Thuần đã thề rằng nếu ông phụ Ôn thị, thân thể sẽ bị lóc thành từng miếng thịt. Gặp lại Đoàn Chính Thuần, Ôn thị vui vẻ mở tiệc rượu cùng Đoàn Chính Thuần ăn uống đùa giỡn rồi bỏ thuốc mê vào rượu đầu độc Đoàn Chính Thuần. Ôn thị trói Đoàn Chính Thuần lại, nhắc lại lời thề xưa và há miệng cắn từng miếng thịt của tình lang ! Chính trong dịp này, Ôn thị đã tiết lộ cho Đoàn Chính Thuần biết rằng mụ đã hăm hại Kiều Phong; rằng người giết Mã Đại Nguyên - chồng mụ - không ai khác hơn là Bạch Thế Kinh, chấp pháp trưởng lão Cái bang và là một tình lang khác của mụ; và rằng Bạch Thế Kinh đã nhại theo chiêu thức Tòe hầu cầm nã thủ của Kiều Phong để bóp nát yết hầu Mã Đại Nguyên, dễ dàng thực hiện âm mưu vu cáo !

Ôn thị là một nhân vật nữ vô cùng quái dị trong suốt 11 bộ kiếm hiệp tiêu thuyết Kim Dung. Trong văn học thế giới, chưa thấy có một nhân vật nữ nào đáng nể như nàng Ôn thị. Phải chăng, đó chỉ là sản phẩm thuần túy hư cấu của trí tưởng tượng, trên đời này không hề có một phụ nữ như vậy ?

Nhưng *Lục Mạch Thần Kiếm* Truyện không chỉ có Ôn thị mà còn có Trần Nam vương phi Thư Bạch Phụng, vợ chánh thất của Đoàn Chính Thuần, cũng quái dị không kém. Thân danh là Vương phi của nước Đại Lý, Thư Bạch Phụng

đã khám phá ra chồng mình ngoại tình với nhiều phụ nữ khác. Vậy là bà ta trả thù và cách trả thù cũng khá độc đáo : cho một gã án xin rách rưới, hôi hám ăn nằm với mình. Lần ăn nằm đó đã sinh ra một anh thê tử bảnh trai, một nhà nho trẻ lăng mạn, si tình. Đó là Đoàn Dự. Gã án này do bản đó là ai ? Chính là Đoàn Diến Khánh, nhân vật đại biểu của hoàng gia nước Đại Lý, tranh chấp ngai vàng không được, đã để quyền lực cầm đầu nước Đại Lý lọt vào tay Đoàn Chính Minh, anh ruột của Đoàn Chính Thuần. Kim Dung để cho Đoàn Dự lưu lạc giang hồ, yêu một lúc ba cô gái Mộc Uyên Thanh, Chung Linh, Vương Ngọc Yên; toàn là những người con tự sinh của Đoàn Chính Thuần. Cho đến khi chàng trai tuyệt vọng vì khám phá ra rằng mình đang yêu những cô em cùng cha khác mẹ thì Trần Nam Vương phi mới kề tai con mà tiết lộ rằng chàng không phải là con của Đoàn Chính Thuần mà là con của Đoàn Diến Khánh ! Một bà vương phi có ngoại hiệu là Ngọc diện Quan Âm mà lăng mạn và liều mạng đến thế thì thôi !

Nhân vật quái dị tuy sống rất khác đời nhưng lại sống rất nguy hiểm. Đối với họ, cái vỏ luân lý, đạo đức của đạo Nho không cứng lắm, có thể phá vỡ để thoát ra được để sống đúng như lòng mình muôn sống. Trong *Xạ Điều Anh Hùng Truyện*, bất kỳ người anh hùng hào kiệt nào cũng lên án mối tình Tiểu Long Nữ - Dương Quá vì nàng Tiểu Long Nữ là sự phụ mà chàng Dương Quá là đồ đệ. Nho học và cà võ học Trung Quốc chưa hề cho phép một đứa học trò trai được yêu và lấy cô giáo của mình. Kim Dung lăng mạn và cách mạng hơn : ông cho phép họ thương yêu nhau và vượt xa hơn một chút, ông cứ để cho Tiểu Long Nữ mất trinh vì một gã đệ tử hạng bét của phái Toàn Chân. Mất trinh thì mất, Dương Quá chỉ biết yêu cô giáo của mình là Tiểu Long Nữ

và ngược lại, trong đôi mắt của Tiểu Long Nữ chỉ có chàng Dương Qua mà thôi. Họ dắt tay nhau đi đâu khi thành Tương Dương bị quân Mông Cổ bao vây? Chính tác giả cũng không biết điều đó. Tình yêu đã đưa họ đi thật xa, xa loài người, xa cuộc đời. Tiểu Long Nữ bỏ đi và Dương Qua tìm kiếm. Và rồi cô bé Quách Tường cũng bỏ đi tìm Dương Qua.

Có thể kể ra hàng trăm nhân vật quái dị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Họ tạo ra đặc điểm riêng cho tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tạo nên “phong cách quái dị” đặc đáo đên nỗi, khi cầm lên một tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp in bằng tiếng Quan thoại cùng ký tên tác giả Kim Dung mà chẳng có “phong cách quái dị” này, ta có thể nói ngay đó là tác phẩm ngụy tạo (ngụy tác).

Văn là người. Tư Mã Thiên đau niêm đau của kẻ sĩ bị cung hình, ráng sống để viết nên bộ *Sử Ký* đồ sộ, trở thành viên pháp quan toàn quyền phê phán lịch sử một cách nghiêm khắc và nghiêm túc. Khuất Bình đau niêm đau của kẻ cô trung bị phù bạc mà viết lên *Ly Tao* rồi tìm cái chết trên dòng sông Mịch La, để lại cho đời những câu phú ngâm ngùi khôn tả. Lỗ Tấn sinh ra và lớn lên trong giai đoạn lịch sử đau thương nhất của Trung Quốc, không thể khóc nổi nữa dành phải đi tìm nụ cười ra nước mắt trong *A.Q Chính Truyện*. Kim Dung xuất thân từ một gia đình có ông nội làm quan dưới triều vua Quang Tự, đã lớn lên và từ bỏ Hoa lục ra đảo Đài Loan, đã chứng kiến được những tác hại của tư duy giáo điều và chủ nghĩa công thức sơ lược nên ông đã làm người lội ngược dòng nước. Phương pháp luận của triết học là đưa ra một chính đề, phán biện lại thành một phản đề để đi đến một hợp đề khả dĩ chấp nhận. Qua những nhân vật quái dị, Kim Dung đã đưa ra những phản đề và phản

hợp để được ông giao lại cho người đọc, để người đọc tự nhận ra.

Rõ ràng là anh hùng - tiểu nhân, chính phái - tà phái, trinh tiết - bát trinh, kiêm tông - khí tông; vương đạo - bá đạo, cao quý - đê tiện, ôn nhu - dâm dăng ... là những mặt đối lập khốc liệt. Nào ai đúng, nào ai sai? Người đọc hãy tự lý giải. Kim Dung chỉ dẫn dù chúng ta thấy như vậy nhưng không hẳn là như vậy. Thế thôi.



Chương 19

**Bọn hào sĩ
giang hồ ăn tết**

Khai niệm “hào sĩ giang hồ” là một khái niệm khá đặc biệt mà người ta chỉ tìm thấy trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. *Hán - Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh định nghĩa hào sĩ là “những người có thể mạnh hơn người”. Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, từ “giang hồ” (sông hồ) mang một ý nghĩa hết sức tượng trưng để chỉ những cuộc đời lèn lênh, trôi giat; những con người chuyên sống bằng đường đao mũi kiếm, đứng trên và đứng ngoài quy định vương pháp của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Họ hình thành một giới : giới võ lâm. Tính theo âm lịch, người Trung Quốc ăn 12 cái tết (tiết) trong năm : Nguyên đán (1 tháng giêng), Khai hạ (7 tháng giêng), Nguyên tiêu (15 tháng giêng), Hân thực (3 tháng ba, Thanh minh tháng ba), Đoan ngũ (5 tháng năm), Trung nguyên (15 tháng bảy), Trung thu (15 tháng tám), Trung cửu (Trung dương - 9 tháng chín), Trung thập (10 tháng mười), Hạ nguyên (15 tháng mười), Táo quân (23 tháng chạp). Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những hán tử thô hào, bồng bột, lăng mạn - nói theo ngôn ngữ Kim Dung, cũng “ăn tết” quanh năm.

"*Gió xuân đầm ấm
Ngan liều xanh tươi
Hoa phô sắc thắm
Hương nức lòng người*

Tiết trời vào buổi dương xuân, ánh dương quang sáng lạn khắp miền Nam". Đoạn văn ngắn trên đây của Kim Dung, bản dịch của Hàn Giang Nhạn, mở đầu cho tác phẩm **Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký**, với những nét phác rất đơn giản, giới thiệu cho chúng ta thấy khung cảnh mùa xuân ở Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, miền Nam Trung Quốc. Trong khung cảnh đó, chàng trai Lâm Bình Chi của Phước Oai tiêu cục cao hứng dẫn một bọn tiêu sư đi săn rồi vào quán bên đường uống rượu, gây ra cuộc áu đả với bọn phái Thanh Thành để rồi vướng vào những cuộc đấu tranh đẫm máu trong suốt chiều dài cuốn truyện.

Án tết không gì vui bằng rượu. Rượu của Trung Quốc vốn rất phong phú về nguyên vật liệu, về cách chưng cất và về tên gọi : Thiệu Hưng Trạng nguyên hồng, Thiệu Hưng Nữ nhì hồng, Trúc diệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo mỹ tửu, Hầu nhì tửu, Bồ đào tửu, Cao lương tửu, Ngũ tiên tửu, Phản Dương tửu... kể cả Phục đặc gia tửu (rượu Vodka). Bọn hào sĩ giang hồ cứ thế mà uống, uống xong rồi tuốt kiếm giương đao nói chuyện phái quấy với nhau. Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang trong **Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký**, đấu với nhau trí mạng trên Túy tiên lâu ngoại thành Hành Sơn để rồi trở thành bạn của nhau cũng là qua chén rượu. Biết Lệnh Hồ Xung quý rượu hơn tính mạng, bọn hào sĩ giang hồ các bang, các đảo, các động tổ chức cuộc họp mặt ăn tết trên gò Ngũ Bá Cương để lấy lòng chàng và lấy lòng Nhậm Doanh Doanh, ý trung nhân của chàng. Ngũ Bá Cương thuộc về hạ lưu sông Hoàng Hà, giáp giới Hạ Trạch,

Dinh Đào; phía Tây tới địa giới tỉnh Hà Nam, là nơi thuận tiện cho quân hùng 4 châu Tề, Lễ, Dụ, Ngạc tụ hội. Bọn hào sĩ giang hồ 4 châu ăn cắp thuốc và bắt thày thuốc về chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung; mang theo những bò khô, bò quay (?), đùi gà và cá chục loại rượu đủ cho 3000 người ăn để tiếp đãi chàng. Tất cả chỉ nhằm một mục đích : được bái yết tôn dung Lệnh Hồ Xung. Họ “*ăn mặc kỳ dị, mặt mày dữ tợn*”, chuyên ăn những miếng thịt to, uống những bát rượu lớn, tướng đâu chẳng biết sợ trời sợ đất là gì. Thế nhưng, nghe tiếng đàn tình tang của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh nói lên, cả 3000 con người vứt chén bô tô hè nhau trốn sạch !

Gần như cuộc sống của giới võ lâm trong tác phẩm tiêu thuyết Kim Dung chẳng thấy ai làm nghề nghiệp gì, nhưng họ lại có vàng, có bạc quanh năm ăn uống no say. Khi Doanh Doanh ban lệnh buộc bọn hào sĩ giang hồ phải tìm cách giết Lệnh Hồ Xung thì bọn Lão Đầu Tử, Tô Thiên Thu và Kế Vô Khà Thi vẫn tuân lệnh. Nhưng vốn đầu kiém không lại Lệnh Hồ Xung, cả bọn 40 người nguyện dùng rượu ngon đồ cho Lệnh Hồ Xung say đến chết ! Họ lý luận : “*Cái đó kêu bằng dùng sức không được thì dùng trí*” (?). Rồi từ 40 người, họ về bè kết phái lên đến 2000 người, bao Lệnh Hồ Xung làm Minh chủ, trống rong cờ mở tiến lên chùa Thiếu Lâm vào rằm tháng chạp để giải cứu Nhậm Doanh Doanh. Đến bất kỳ nơi đây, bọn hào sĩ giang hồ cùng “*ăn tết*” thủng nồi trôi rẽ tới đó.

Có lẽ căn bệnh ăn nhiều uống l้า là căn bệnh phổ quát của con người. Biết làm sao được ? Cuộc sống ngắn ngủi có 100 năm, lại sẵn rượu ngon nhắm tốt, không uống không ăn hóa ra cô phụ tâm lòng của cuộc đời dành cho mình l้า sao ? Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung lại là những nhân vật tự nhiên chủ nghĩa, hễ có là ăn là uống ỳ

xèo như ngày tết, không cần biết thức đó do ai làm ra và làm cho ai. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, có một đoạn tao ngộ khá vui : bọn Tân gia trại ở Hà Sóc vô tình chạm mặt bọn phái Thanh Thành ở Tứ Xuyên trong Thính hương tịnh xá của Đoàn A Châu tại Giang Nam. Mục đích chung của họ là tìm Mộ Dung Phục để trả thù. Trong khi, bọn đệ tử Thanh Thành ăn chay, ngồi trơ như gỗ đá thì bọn Tân gia trại lại nhậu nhẹt tung bừng. Chúng lấy hết những rượu hoa nhài, Mai quế lộ, Mai hoa lộ do A Châu chúng cất ra uống; lại buốt lão Cố - đầu bếp của A Châu phải xào nấu thức nhám cho chúng thưởng thức. Để trả thù, lão Cố vừa nấu nướng vừa xì mùi, khạc nhỏ dờm rái vào thức ăn, "phục vụ" cho chúng vị anh hùng Tân gia trại !

Nếu hình thái ăn tết tập thể có vẻ lúi xùi, lộn xộn thì hình thái ăn tết cá nhân lại có vẻ đàng hoàng, trật tự hơn. Chúng ta có thể tìm gặp trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* hình ảnh của một người ngồi nhậu trên Tùng hạc lâu, thành Vô Tích, đất Giang Nâm : "Một đại hán ngồi đâu mê tây, hai mắt sáng như điện, thân thể cao lớn, trạc ngoài 30 tuổi, phục sức có vẻ so sài mộc mạc, mặt vuông chử điện, tướng mạo không tuấn tú nhưng oai phong lẫm liệt". Đó là Kiều Phong, bang chúa Cái bang Trung Quốc. Anh ta mời Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý đổi ẩm với một mâm thịt bò chín, một bát canh lớn và ba hò rượu to, mỗi hò mươi cân, mỗi cân tương đương 600 gram, vị chì khoảng 18 lít. Cả hai cưa đôi số rượu đó, tính ra mỗi người uống được 40 bát, tương đương 9 lit. Chắc chắn là tác giả có thổi phồng con số này để khắc họa đậm nét thêm 2 hình tượng anh hùng của giới võ lâm thời nhà Tống.

Ở chừng mực nào đó, việc đổi ẩm của giới võ lâm thể hiện được những nét văn hóa nhất định, không phi văn hóa

và tự nhiên chủ nghĩa như việc loạn ấm của quân hào. Ta có thể tìm ra được những biểu hiện văn hóa như vậy trong cuộc gặp gỡ giữa Kiều Phong và Công Dã Càn, trang chủ Huyền sương trang trên Vọng giang lâu ở thành Giang Âm, thượng lưu sông Trường Giang. Kiều Phong và Công Dã Càn, mỗi người bưng một bát rượu đầy, thách đấu với nhau 3 chương. Qua 2 chương đầu, Công Dã Càn còn giữ được bát rượu trong tay. Qua chương thứ 3, anh ta không chịu nổi được sức mạnh của Kiều Phong, đành để rơi bát rượu. Không hẹn vì mình thua Kiều Phong, Công Dã Càn chỉ than : "Tiếc quá, thực uống bát rượu ngon". Qua câu nói đó, Kiều Phong đánh giá Công Dã Càn là một anh hùng chân chính, một hào hán tử.

Trong 5 cách uống rượu (âm) : độc âm, đói âm, cộng âm, quân âm và loạn âm thì cách loạn âm là lộn xộn, lảng xăng nhất. Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những người ít học, lại vân vông đệ nhất, vô vông đệ nhị, ai cũng tự cảm thấy mình là bậc anh hùng, là con người siêu việt. Khi cả bọn họp mặt nhau lại, khó khăn lắm mới bầu ra được người thống lĩnh. Khô thay, người thống lĩnh đó tài trí và võ công chưa chắc đã hơn ai, lại không qua một trường huấn luyện chỉ huy nào nên đội ngũ được thống lĩnh vốn đã ô hợp lại càng thêm xộc xech. Trường hợp của Ô Lão Đại thống lĩnh bọn quân tiên 36 động, 72 đảo gồm mấy ngàn người, tấn công lên núi Phiêu Diểu, cung Linh Thủu chống Thiên Sơn Đồng Mỗ trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* là như vậy. Bọn hào sĩ giang hồ này tự xưng là "tiên" nhưng thực ra chỉ là một đám ăn hại dai nát, vô nghệ đã tảo lao mà đầu óc lại nồng choèn. "Quần tiên" lên được tới cung Linh Thủu không thu được thắng lợi gì ngoài việc ăn uống thả dàn và phóng uế bừa bãi. Vũ "ăn tết" đó khiến cho cung Linh Thủu xú khí ngắt trời xanh.

Gần như ai cũng công nhận rằng người Trung Quốc có kỹ thuật chế biến món ăn tinh vi, khoa học, xảo diệu và cầu kỳ nhất. Đọc *Lộc Đỉnh Ký*, chúng ta biết được có trên 100 món hạt dưa, trên 100 món bánh mứt ăn chơi và ca ngán món thức ăn mặn. Nhân vật được quyền ăn ngon nhất trong *Lộc Đỉnh Ký* là nhà vua Khang Hy. Tuy nhiên, đúng như định đê Kim Dung đã rút ra : “Ở trên đời, hoàng cung và kỵ viện là hai nơi trá nguy nhất” cho nên trong cái ăn vẫn có những điều trá nguy buồn cười. Trên nguyên tắc, đồ ăn thức uống nào ngon nhất, bở nhất thì được dâng lên vua. Bọn trù phòng (đầu bếp) và bọn thái giám thường hợp đồng mua thực phẩm từ nhà thầu bên ngoài đưa vào hoàng cung để chế biến. Tuy nhiên, cũng như muôn đời, cuộc sống vốn tồn tại cái gọi là tham nhũng mà trong kỹ thuật tham nhũng, bọn thái giám chính là tổ sư bồ đề. Cho nên, bất kỳ món thực phẩm nào đưa vào hoàng cung đều có ươn thui đi nữa mà kèm theo được chút tiền lót tay thì món ấy mới xứng đê dâng lên nhà vua và các hậu, phi; món nào dù có tươi ngon đến mấy mà thiếu tiền lót tay cũng trở thành ươn thối. Con heo được nuôi bằng những được vật trân quý như đậu hoàng, nhân sâm, hoa điêu, phục linh, có tên là Đậu hoàng nhân sâm trứ, Hoa điêu phục linh trứ được bọn quan hùng Thiên địa hội làm sẵn, nhét người vào trong đó để đưa đến cho tổng thái giám Vi Tiếu Bảo (người của Thiên địa hội làm nội tuyến trong hoàng cung). Bọn chúng già vờ quên đưa tiền lót tay đê Vi Tiếu Bảo chửi toáng lên, buộc đưa heo về phòng mình khám nghiệm và cứu người ra. Những món thịt heo trân quý như vậy ít khi đến miệng Khang Hy. Nó dùng làm thức dưa cay cho quý vị thái giám, trù phòng và thị vệ dưới quyền Vi Tiếu Bảo. Ngay cả quan hùng Thiên địa hội cũng được “ăn theo” nhiều món khoái khẩu mà chỉ có trong hoàng cung mới nấu nướng được. Cho nên, quanh năm suốt tháng,

nhưng ai đi theo Vị Tiêu Bảo đều được ăn tết. Họ “ăn tết” từ hoàng cung ra đến quanh thành Bắc kinh, từ Bắc Kinh đến Vân Nam, từ Vân Nam đến Dương Châu, từ Dương Châu đến biên giới Trung - Nga ở vùng Hắc Long Giang. Kiến thức về văn hóa thì Vị Tiêu Bảo không có lấy một xu nhưng kiến thức về đánh bạc bìp, làm tiền và nhất là ăn uống thì Vị Tiêu Bảo là nhân vật siêu hạng.

Trong 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành nhiều trang nói về các đồ ăn thức uống, cách chế biến, cách dùng. Có lẽ chủ nghĩa dân tộc cũng hằn sâu vào những trang sách này của ông : ông không che giấu được niềm tự hào khi nói về nghệ thuật ăn uống của người Trung Quốc, và đối với những đồ ăn thức uống của các dân tộc khác, ông thường chê là hù lậu. Và cũng có lẽ do âm vang lịch sử về nỗi thống khổ của dân tộc trong những năm Bát quốc liên quân tấn công triều Thanh, cuộc xâm lược của phát-xít Nhật vào vùng Đông Bắc, những tao loạn trong quá trình đấu tranh Quốc - Cộng đã khiến cho hàng triệu người Trung Quốc đói rét lầm than nên Kim Dung đã hào phóng để cho bọn hào sĩ giang hồ trong tác phẩm võ hiệp của mình ăn tết thoái mái, không nhầm ngày tết vẫn tiêu yến, đại yến như thường. Họ đi đâu là được ăn nhậu no say tới đó mặc dầu hiếm thấy họ có nghề nghiệp, tiền bạc. Bọn hào sĩ giang hồ chỉ có được cái miệng rộng và cái dạ dày to. Hoặc giả đó cũng có thể là một mơ ước nhân bản của Kim Dung : mơ ước về một nền văn minh phồn thực tự nhiên. Ông mong đồng bào của mình suốt đời được ăn ngon mặc đẹp. Mà suy cho cùng, nếu được thành thạo ăn tết quanh năm thì loài người quả là hạnh phúc.

Chương 20

***Kiều Phong -
Khát vọng của tự do***

Trong 12 bộ võ hiệp tiêu thuyết của Kim Dung, tôi yêu nhất bộ *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*. Trong 795 nhân vật của *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, tôi yêu nhất nhân vật Tiêu Phong (tức Kiều Phong), người anh hùng Khiết Đan. Và trong cả chục ngàn nhân vật do Kim Dung dựng lên, tôi chọn Kiều Phong như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng.

Văn chương tiêu thuyết không phải là văn chương báo chí. Một tác phẩm tiêu thuyết ra đời là nhằm gởi đến người đọc một thông điệp. Cái thông điệp ấy có thể hiện ra trong ngôn ngữ văn chương. Cái thông điệp ấy đôi khi ẩn tàng đâu đó trong tác phẩm đến nỗi một người đọc với thái độ lơ là của khách qua đường không thể nhận ra nó. “Ý tại ngôn ngoại” luôn luôn là một thực tế trong sáng tạo văn học. Tôi yêu tác phẩm Kim Dung vì yêu tố “Ý tại ngôn ngoại” phong phú. Tất cả tư duy của những nhân vật lớn trong tác phẩm Kim Dung đều tập trung vào 3 định đề : cuộc sống, tình yêu và cái chết. Kiều Phong là một nhân vật lớn như vậy.

Tác giả Kim Dung không vội vàng dày Kiều Phong ra đầu truyện. Không. Trong 5 cuốn đầu của *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, ta chỉ gặp hình ảnh của một anh nho sinh trẻ Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, một tay dài gai si tinh bị bắt cóc đưa từ Đại Lý xuống Giang Nam. Phải đợi đến cuốn thứ 6, theo gót chân du tử của Đoàn Dự, ta mới bắt gặp một "*Hán tử thô hào, mặt vuông tai lớn*", tuổi trạc 30, đôi mắt sắc như dao, ngồi uống rượu chịu trên tưu lâu bên thành Vô Tích. Thoáng nhìn nhân vật đó, Đoàn Dự đã nhận định : "*Hán tử này nhất định là tráng sĩ của đất Yên, Triệu. Miệt Giang Nam quyết không thể có được nhân vật như thế này*". Nhận định ban đầu của nho sinh trẻ thật chuẩn xác. Con người thô hào ấy chính là Kiều Phong, bang chúa của Cái bang.

Kiều Phong đang độ 30 tuổi, cái tuổi phát triển rực rỡ nhất của đời người; lại làm bang chúa Cái bang, một bang hội lớn nhất võ lâm Trung Quốc. Với cương vị đó, gã hán tử mặt vuông tai lớn phải hành động rất cẩn trọng, rất chín chắn vì một quyết định, nhận định vội vàng của ông sẽ dẫn đến sai lầm, liên hệ đến mối nguy vong của hàng triệu hào khách võ lâm Trung Quốc. Ngay đến khi ra đòn đánh nhau với kẻ địch, Kiều Phong cũng tính toán sao cho chỉ đánh một đòn mà không chế được ngay đối thủ. Phía trong con người thô hào ấy ẩn tàng một bộ óc thông minh và những tính toán chuẩn xác.

Người anh hùng Kiều Phong luôn luôn tự hào mình thuộc dòng dõi Hán tộc. Làm bang chúa Cái bang, ông chỉ có một mơ ước : tiêu diệt quân xâm lăng Khiết Đan mà ông thường gọi bằng cái tên khinh bỉ "bọn Liêu cẩu", chống lại quân Tây Hạ, giữ gìn hòa bình cho người Hán, bảo vệ sự trọn vẹn của võ lâm Trung Hoa. Và chính niềm mơ ước đó ă

trở thành bí kíp trong đời Kiều Phong.

Một nhóm đệ tử Cái bang, dưới sự chỉ huy của Thập phương tú tài Toàn Quang Thanh và Ôn thị, vợ của phó bang chúa Mã Đại Nguyên (đã chết), nổi lên chống lại Kiều Phong. Toàn Quang Thanh chống Kiều Phong chỉ để leo lên cái ghế quyền lực. Ôn thị chống Kiều Phong chỉ để trả thù. Võn mụ là một phụ nữ lảng lơi, lại bị chứng bạo dâm. Mụ đã có chồng nhưng vẫn quan hệ tình dục với Đoàn Chính Thuần, em ruột vua nước Đại Lý rồi lại quan hệ tình dục với Bạch Thế Kinh, chấp pháp trưởng lão của Cái bang. Trong một lần đi dự Bách hoa đại hội, ai cũng dòm ngó đến tấm nhan sắc tươi đẹp của Ôn thị. Duy chỉ có Kiều Phong nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, phải giữ lễ nghi. Ông chỉ ngó sơ Ôn thị một cái rồi thôi. Thái độ hững hờ đó làm cho Ôn thị nổi giận và thề sẽ trả thù. Mụ quan hệ tình dục với Bạch Thế Kinh và chính Bạch Thế Kinh đã xuống tay giết phó bang chúa Mã Đại Nguyên bằng một thê Tỏa hầu cầm nã thủ (thê vỡ bóp vỡ yết hầu). Và mụ vu cáo chính Kiều Phong đã giết Mã Đại Nguyên vì Mã Đại Nguyên biết rõ Kiều Phong không phải thuộc dòng Hán tộc mà chính là người Khất Đan.

Sự thật, Kiều Phong đúng là người Khất Đan nhưng câu chuyện ấy đã trôi qua 30 năm, chẳng ai muốn nhắc đến nữa, bởi Kiều Phong đã được Hán - hóa từ thể chất đến tâm hồn. Ban đầu thì Kiều Phong cho rằng đó chỉ là lời vu cáo thiếu bằng chứng. Nhưng khi nhận chứng chính - nhà sư Trí Quan - xuất hiện và xác nhận, ông đành phải rời bỏ chức vụ bang chúa Cái bang ra đi và cảm thấy nhục nhã vì mình mang dòng máu Khất Đan. Cuộc sống đây đưa khiến ông làm quen và kết bạn với A Châu, một cô gái Trung Quốc dịu dàng. A Châu trở thành tình yêu, lẽ sống, người bạn tri

âm của Kiều Phong. Khi ra Nhạn Môn Quan xác định lại lai lịch của mình, Kiều Phong mới biết được rằng mình vốn họ Tiêu - Tiêu Phong, rằng mình đã từng chống lại tổ tiên, dân tộc mình. Tuy nhiên, cái mặc cảm dòng máu Khát Đan thấp hèn và gian ác chưa phai trong con người Tiêu Phong. A Châu phải khuyên ông : "Làm người Khát Đan thì có gì là xấu xa ? Làm người Trung Quốc thì có gì là cao quý ? Người Khát Đan hay người Trung Quốc thì vẫn có kẻ tốt, người xấu, đại gia buôn phiền làm chi". Chính lời nói đó giúp Tiêu Phong nhận ra quan điểm dân tộc hẹp hòi của mình bấy lâu nay. Và sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Tiêu Phong chính là sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung.

Như ta đã biết, người Trung Quốc ngày xưa coi những dân tộc các nơi là bốn loại rợ (tú di). Cái nhìn của họ đối với Mông, Tạng, Hồi, Mán, Khát Đan, Tây Hạ rất khinh bỉ. Trong *Độc Bá Quản Hùng* hay trong *Liên Thành Quyết*, Kim Dung đã không dấu được cái nhìn khinh bỉ đó. Chỉ có trong *Lục Mạch Thần Kiếm* Truyện, ông mới xác nhận rằng người Khát Đan, người Nữ Chân, người Tây Hạ là những giống loài bình đẳng như bao giống loài khác. Khát vọng tự do của Kiều Phong thể hiện rất rõ khi ông bàn với A Châu rằng làm xong vài việc ở Trung Quốc, ông sẽ đưa nàng về bên kia Nhạn Môn Quan săn chồn đuổi thỏ, sống đời ưng dung khoái hoạt. Thế nhưng, một bi kịch khác xảy ra với đời ông làm tiêu tan khát vọng ấy : ông lỡ xuống tay đánh chết A Châu, đánh chết tình yêu và nguồn sống của chính mình. A Châu có một cô em cực kỳ gian ngoan ác độc là A Tử, đệ tử của Tinh Tú lão ma Đinh Xuân Thu. Khi A Châu chết, nàng nhờ ông chăm sóc, bảo hộ cho A Tử. Từ đó, bên cạnh một Tiêu Phong thăng thần anh hùng lại có thêm một A Tử lưu manh giáo hoạt; cả hai đi kèm nhau như bóng với hình. Cuộc đời thật lắm nỗi hoạ kệ !

Dung là Kiều Phong đã đưa A Tử về bên kia Nhạn Môn Quan, săn chồn đuổi thỏ và chữa bệnh cho cô. Ông kết bạn với Hoàn Nhan A Cốt Đá, thuộc bộ lạc Nữ Chân, miền Đông Bắc Trung Quốc, người dân tộc Mân Châu. Trong một chuyên đi dã ngoại, Kiều Phong cứu được một nhân vật đặc biệt. Nhân vật ấy là Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ. Hoàng đế thật sự hạnh phúc khi khám phá ra được một con người Khất Đan anh hùng lâm liệt như Tiêu Phong. Ông nhận Tiêu Phong làm anh em kết nghĩa và phong cho Tiêu Phong chức Nam viện đại vương, cai quản toàn bộ binh lực Đại Liêu. Thế là từ một hán tử thô hào, một tên Liêu cẩu man rợ, Tiêu Phong thoát trở thành nguyễn soái, nắm trong tay sức mạnh quân sự của một vương quốc khả dĩ đối địch với triều Tống.

Hơn ai hết, A Tử là người đầu tiên khuyên Tiêu Phong đưa quân qua Nhạn Môn Quan, làm cò hết bọn Cái bang cùng bọn quân hào Trung Quốc. Tiêu Phong đã cảnh cáo A Tử về suy nghĩ tàn bạo đó. Ông vẫn nhớ ơn người Trung Quốc, nơi ông đã lớn lên, được học hành, trở thành con người. Và ông chủ trương không gây hấn với Trung Quốc, sống hòa bình cho trάm họ an cư lạc nghiệp. Ông nghiêm cấm thuộc hạ không được cướp bóc tài vật, bắt gái tơ từ đất Trung Quốc đưa về.

Nhưng Gia Luật Hồng Cơ thì không nghĩ thế. Gia Luật Hồng Cơ tin rằng binh lực nước Liêu đủ sức vượt qua Nhạn Môn Quan, đánh vào Lạc Dương để bắt sống tên hôn quân Triệu Hú (Tống Thần Tôn). Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu Phong tiến đánh Trung Quốc.

Nhận lệnh hành quân, Tiêu Phong quyết đoán thật nhanh: không thể lấy nỗi đau của hai nước Tống - Liêu,

không thể lấy sinh mạng của hàng triệu quân sĩ để làm náu thang hạnh phúc cho mình và để thoả mãn khát vọng trả thù của Gia Luật Hồng Cơ. Và chẳng ông là người khát vọng tự do, không hề thiết tha đến quyền lực. Cách tử chối hay nhất của ông là treo ấn trả lại cho Đại Liêu hoàng đế và cùng A Tử trốn đi. Mưu kế ấy của Tiêu Phong bị Gia Luật Hồng Cơ khám phá được. Hồng Cơ ra lệnh bắt Tiêu Phong giam giữ. Nguồn tin Tiêu Phong bị bắt giữ vì chống lệnh hành quân, mưu cầu hòa bình cho trăm họ đã khiến quân hùng Trung Quốc nhận ra được bản chất thật thà, trung hậu, tốt đẹp của Tiêu Phong. Họ huy động lực lượng Cái bang, cung Linh Thúy núi Phiêu Diểu và nước Đại Lý vượt qua Nhạn Môn Quan để giải thoát cho Tiêu Phong. Họ đưa ông về đến Nhạn Môn Quan thì cửa thành không mở vì truy binh Khát Đan đã áp sát chân thành. Hư Trúc và Đoàn Dự bắt sống Gia Luật Hồng Cơ trước trận và buộc Hồng Cơ chuộc mạng bằng một lời hứa vĩnh viễn không bao giờ đưa quân Liêu qua xâm lăng Trung Quốc. Hồng Cơ đã long trọng hứa lời hứa đó. Nhận được lời hứa của nhà vua, Kiều Phong coi là một hạnh phúc. Ông đã sử dụng quyền tự do cuối cùng của mình : tự tử trước Nhạn Môn Quan để tạ tội với Gia Luật Hồng Cơ.

Cuộc sống bao la, đất đai vạn dặm nhưng Tiêu Phong không tìm ra được chỗ để quay về. Về với Trung Quốc ư ? Ông chỉ là một tên chó Liêu mọi rợ. Về với Liêu Quốc ư ? Ông chỉ là bè tôi bất trung, đã chống lệnh vua lại làm cho nhà vua mất mặt trước ba quân. Về mặt tinh thần, A Châu chết rồi, tâm hồn ông không còn nơi nương tựa nữa. Đoàn Dự có thể yêu một lúc năm, sáu người thiếu nữ nhưng Kiều Phong chỉ yêu có mỗi một A Châu. Còn quyền lực, chức vụ, danh vọng không phải là nơi nương tựa. Kiều Phong đi tìm tự do. Ông dành chọn giải pháp cuối cùng - tự tử - để hoàn

thành khát vọng tự do của chính mình. Ở chừng mực nào đó, cái chết của Kiều Phong là biểu hiện của chủ nghĩa hủ vô cực đoan nhưng nếu ta đi cùng với ông trong suốt *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* của Kim Dung thì ta mới thấy được giải pháp đó là con đường tất yếu.

A Tú đui mù đã dành bồng láy Kiều Phong và cùng với ông rót xuống vực sâu muôn trượng. Mấy mươi năm trước, cha ông đã bồng mẹ ông nhảy xuống nơi ấy. Mấy mươi năm sau, một cô bé gọi ông là tỷ phu (anh rể) bồng ông nhảy xuống. Sự trùng hợp của lịch sử sao mà bi thương đến vậy !

Tiêu Phong tức Kiều Phong là một nhân vật sống nhất trong những nhân vật sống, là một nhân vật có vấn đề nhất trong những nhân vật có vấn đề của Kim Dung. Có thể nói Kim Dung rất thành công khi xây dựng nhân vật Tiêu Phong - người anh hùng Khất Đan trong sáng, tiêu biểu cho những cái đẹp của con người. Và rõ ràng, Kim Dung nói với chúng ta rằng cái đẹp nhất khó có thể tồn tại giữa đời lăng xăng bát nháo này. Cái đẹp nhất phải chết. Chỉ còn lại trên đời cái tầm thường vớ vẩn, những loài cỏ đuôi chó, những điều không đẹp mấy.

Hoặc già, giải quyết cho cái đẹp nhất chết đi cũng là một cách hướng con người luôn nuôi khát vọng đi tìm cái đẹp ?



Chương 21

*Khóc lên,
hỡi Nghi Lâm !*

Nghi Lâm là pháp danh của một nhân vật nữ, một nữ ni nhỏ tuổi thuộc phái Hằng Sơn trong tác phẩm *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký* của Kim Dung. Nhân vật này là hình tượng biếu tượng của những bi kịch cuộc đời và bởi vì cô quá trẻ, quá trong sáng cho nên bi kịch càng tăng thêm chất ngậm ngùi, đau đớn.

Cho đến năm 18 tuổi, Nghi Lâm trở thành một nữ ni xinh đẹp nhất của phái Hằng Sơn. Trong lớp áo nâu sồng của đời nữ ni, cô vẫn có một khuôn mặt sáng như trăng rằm, một đôi mắt xanh như nước hồ thu. Nghi Lâm chỉ biết cha mình là một hòa thượng - Bất Giới đại sư; còn mẹ mình là ai thì đó là điều cô không hề biết. Thật sự, mẹ cô vẫn hàng ngày sống bên cạnh cô. Giận cha cô khen một người phụ nữ khác xinh đẹp, mẹ cô lặng lẽ bỏ đi, vào chùa Hằng Sơn làm một Á bà bà (hà già câm điếc), chuyên lau tượng, quét chùa. Bà vẫn theo dõi những bước tiến của Nghi Lâm trên con đường Phật học cũng như đời sống nhưng bà không hề mở miệng nói với Nghi Lâm một lời. Nghi Lâm lớn lên trong chùa Hằng Sơn, thuộc lau kính điền, học được một

chút kiêm pháp. Trong lòng cô chỉ biết có Đức Bồ Tát, thanh quy giới luật nhà Phật. Lớn lên đến 18 tuổi, cô chưa hề gặp mặt một người đàn ông nào ngoài cha cô; chưa biết mùi phấn son, chưa nhìn thấy một màu áo đẹp; chưa có một nụ cười ..

Cá tai họa và hanh phúc đền với cô nữ ni xinh đẹp ấy trong một lần cô xuống núi Hằng Sơn, cùng sư phụ và các ban đồng môn đi dự lễ rửa tay gác kiêm của Lưu Chỉnh Phong phái Hành Sơn. Sau một lần trượt chân vì đường trơn, Nghi Lâm ngừng lại bên suối và rửa tay. Cô đã bị tên dâm tặc Diên Bá Quang bắt giữ và đưa vào hang động định giờ trò cưỡng bức. Không nỡ để cho một nữ ni trong sáng như ngọc bị phá hoại danh tiết, tác giả Kim Dung đã để cho Lệnh Hồ Xung, đại sư huynh của phái Hoa Sơn, xuất hiện cứu Nghi Lâm. Kiêm pháp của Lệnh Hồ Xung hoàn toàn không địch nổi phép khoái dao của Diên Bá Quang. Lệnh Hồ Xung bị dâm cả trăm vết thương, người không còn một chút huyết sắc. Nhưng vốn là người mau chân lẹ miệng, hắn đã đánh vô miệng với Diên Bá Quang và cuối cùng đạt được chiến thắng, buộc Diên Bá Quang làm đệ tử của Nghi Lâm. Diên Bá Quang nhục nhã bỏ đi; Lệnh Hồ Xung bị bọn La Nhàn Kiệt phái Thành Thành đâm một nhát kiếm chí mạng. Nghi Lâm lạc mất Lệnh Hồ Xung từ đó.

Để cứu Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã đặt chuyện nói những điều vu khoát: gấp ni cô là xúi quấy, đánh bạc tất phải thua, uống rượu cũng chẳng thú vị gì. Cô bé nhẹ dạ vôn tin những điều vớ vẩn đó nhưng tự thàm tâm, cô đã mơ hồ nhận ra một điều: trên đời này, người mà cô mong gặp lại nhất vẫn là gã lăng tử Lệnh Hồ Xung của phái Hoa Sơn. Cô mắc nợ anh một món ơn cứu tử và giá như cô có thể chết đi để Lệnh Hồ Xung sống sót trở về, cô cũng sẵn sàng xả

thân. Cho nên, khi Khúc Phi Yên báo tin Lệnh Hồ Xung còn sống và đưa Nghi Lâm vào một động điểm dưới núi Hành Sơn thì cô nữ ni trong như ngọc đó đã sẵn sàng vứt bỏ mọi thứ mòn quy, cùng đi với Khúc Phi Yên.

Cuộc sống oái oăm đã đưa một cô nữ ni dấn thân vào động điểm, nằm trên chiếc giường xa hoa tráng lệ mà khách làng chơi vẫn hay đến nằm với các cô kỹ nữ. Nhưng cũng chính nhờ vậy mà Nghi Lâm đã cứu mạng được ân nhân Lệnh Hồ Xung, công anh ra giữa vùng hoang sơn dã linh không có một vết chân người, chăm sóc cho anh thưa lành vết thương. Qua câu chuyện của Lệnh Hồ Xung, Nghi Lâm biết rằng anh ta đang quyền luyến cô tiểu sư muội Nhạc Linh San. Thế nhưng, trong tâm hồn cô nữ ni 18 tuổi đã nảy ra một tình cảm mới lạ, vừa có vẻ tội lỗi trước Đức Bồ Tát, lại vừa gây cho cô những xúc động dịu dàng. Nghi Lâm hoảng sợ trước tình cảm mới lạ ấy. Trong đêm sao sáng, nhìn những ánh sao băng, cô đã cởi dài áo ra và cột dài áo lại để mong hoàn thành ước nguyện để rồi sợ hãi ngay chính với ước nguyện của mình. Trọn đời Nghi Lâm chưa hề ăn cắp của ai một vật gì. Thế nhưng, vì tính mạng của Lệnh Hồ Xung, cô đã hai lần đi ăn cắp đưa và mỗi lần như vậy, trong cô lại nổi lên một trăn bão lòng dữ dội. Cô biết rằng vì Lệnh Hồ Xung, cô có thể làm tất cả mọi sự trên đời. Vàng, cô đã yêu chàng Lệnh Hồ Xung, một tình yêu ban đầu nồng nàn đau đớn, một tình yêu không nói được nên lời vì lời khấn trọn đời hiến dâng cho đường tu, một tình yêu vô vọng vì Lệnh Hồ Xung đã có Nhạc Linh San.

Họ xa nhau từ đó. Nghi Lâm trở về Hằng Sơn, ngày đêm tụng kinh niệm Phật, mong sao Phật pháp có thể hóa giải được ma chướng trong lòng mình. Nhưng càng tu niệm, thể xác cô càng vô vàn. Bất Giới hòa thượng nhận ra tấm

lòng đau khổ của con gái. Ông buộc Diên Bá Quang bằng mọi cách phải lên núi Hoa Sơn bắt cho được Lệnh Hồ Xung về thành hôn với Nghi Lâm. Diên Bá Quang làm không được điều ấy, ông đích thân ra đi, cũng không được nốt.

Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, bỏ đi lưu lạc giang hồ. Trong ngõ trúc thành Lạc Dương, anh tình cờ kể cho Nhậm Doanh Doanh nghe hết về mối tình si của mình và những đau thương, oan ức mà anh phải gánh chịu vì những người hẹp hòi, ích kỷ. Nhậm Doanh Doanh chính là Thành cô của Triều dương thần giáo. Cô nhận ra nơi chàng trai một tình yêu mãnh liệt. Và cô si tình chàng trai Lệnh Hồ Xung bởi dưới mắt cô, một chàng trai không chung tình với quá khứ thì cũng chàng có thể chung tình với hiện tại và tương lai. Họ trở thành một đôi bạn bôn天涯 giang hồ, thương yêu nhau say đắm và đã trao nhau những lời hẹn thề kết tóc se tơ. Ở một nơi lặng lẽ trong chùa Hàng Sơn, Nghi Lâm nhận được những thông tin đó. Nàng vừa mừng cho Lệnh Hồ Xung có được một tình yêu mới, vừa tự đau khổ cho mối tình hao huyền của mình. Nàng thường dắt tay Á bà bà dẫn ra chỗ kín đáo của Hàng Sơn biệt viện tâm sự; và, mỗi lần như thế, nàng thường khẽ gọi tên Lệnh Hồ Xung. Nàng chàng hay đau Á bà bà là mẹ ruột của mình.

Lệnh Hồ Xung trở về Hàng Sơn và nhận trách nhiệm lên làm trưởng môn phái Hàng Sơn. Nghi Lâm trở thành đệ tử của anh. Anh lấy làm lạ vì cô thường ít nhìn mặt anh, thường tỏ ra lạnh nhạt khi anh hỏi han đến. Anh có biết đâu trong cái vỏ lạnh nhạt kia là cả một trời yêu say đắm; mà tiếng kinh cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho anh ngày xưa do Nghi Lâm niệm lên cầu nguyện cho anh thoát qua những cơn nguy hiểm chính là biểu hiện của tình yêu ấy. Anh nhận ra vẻ tiêu tụy vô vận của cô tiểu

sư muội Nghi Lâm. Nhưng trước Nghi Lâm, anh có Nhạc Linh San; sau Nhạc Linh San, anh có Nhậm Doanh Doanh. Anh chỉ xem Nghi Lâm như người bạn, người em bé nhò mà anh phải có bốn phận bảo vệ, che chở, dạy dỗ. Nhưng chàng có nghĩa gì khi tình yêu không nói được thành lời. Tác giả Kim Dung đã tạo cơ hội cho Lệnh Hồ Xung nghe được tiếng lòng trung thực của Nghi Lâm. Một lần, anh hóa trang làm Á bà bà và Nghi Lâm đến nắm tay anh, kéo anh đi lên Hàng Sơn biệt viện. Nơi đây, cô nhắc lại những hình bóng cũ, những kỷ niệm xưa giữa cô và Lệnh Hồ Xung cho "Á bà bà" nghe và cuối cùng, cô khe khẽ gọi tên anh. Mỗi tình cảm của cô tiêu sụ muội khiến Lệnh Hồ Xung vừa choáng váng, vừa thương cảm, vừa hổ thẹn. Trong đêm thanh vắng, anh nhận ra tất cả sự thật; lòng đau thương vì thấy Nghi Lâm võ ván, tiêu tụy trong mối tình si hoàn toàn không có đoạn kết.

Nghi Lâm đi đâu, về đâu? Trong khúc cuối của *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, chính tác giả Kim Dung cũng chẳng dám nói đến kết thúc của mối tình si ấy. Ông bỏ lửng số phận của Nghi Lâm, giờ vò như không biết đến nữa khi để cho Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh cưới nhau, cùng hợp tấu cầm - tiêu khúc nhạc *Tiêu Ngạo Giang Hồ*. Tiêu sụ muội Nghi Lâm với mối tình đơn phương rát rào như sóng Trường Giang chẳng được ai nhắc đến nữa. Nhưng tôi biết những giọt nước mắt lặng lẽ ấy của người ni cô thánh thiện đêm đêm vẫn rơi trên gối trong căn phòng nhỏ ở chùa Hàng Sơn.

Ôi, giá như Nghi Lâm bé bỏng được nắm tay Lệnh Hồ Xung một lần, được khóc với anh một lần để bày tỏ tình yêu của mình và lòng kính sợ Đức Bồ Tát đã không cho phép cô được nói gì với anh; giá như cô được nói với anh một lời chia tay, một câu chúc hạnh phúc thì tâm hồn cô đã khác hơn một

chút. Dàng này, suốt đời có mang nặng mối tình cảm và tàn
úu dung nhan xuân thì lặng lẽ trong chùa Hàng Sơn !

Khi xây dựng nhân vật Nghi Lâm, Kim Dung đã xây
dựng một nhân vật bi kịch ấy nằm ngay trong tuổi trẻ, tuổi
mới biết yêu. Ông có bất công không khi đem toàn bộ bi kịch
trút lên đôi vai nhô bé và tám hồn trong sáng của Nghi Lâm
tiểu sư muội ? Có đây. Có người cho Nghi Lâm là vang bóng
của Hạ Mông, một mối tình u ám trong đời Kim Dung. Điều
đó đơn giản là một suy luận. Tôi chỉ mong một điều : nếu có
những Nghi Lâm đích thực trên đời thì hãy để cho họ được
khóc lên, khóc to một lần. Hạnh phúc, ở một chừng mực nào
đó, nằm trong tiếng khóc, trong giọt nước mắt tuôn rơi.





Một cảnh trong *Tuyết Sơn Phi Hồ*

Lương Triều Vỹ vai tiêu anh hùng Hồ Phi

Chương 22

Kiem luận

Trong chiến tranh cổ điển, kiếm (gươm) là một vũ khí tiện lợi nhất. Tuy không cùng học một loại bình thư nhưng các dân tộc đã biết chung một kinh nghiệm chiến tranh : dùng kiếm để đánh gần và dùng cung để bắn xa. Lịch sử chiến tranh của nhân loại cho biết kiếm được rèn ở thành Bagdad (lúc bấy giờ thuộc Ba Tư - Perse) là loại kiếm danh tiếng nhất, có kỹ thuật rèn cao cường nhất. Và đây là những lưỡi đà kiếm, có hình cong hìn lưỡi liềm. Kiếm trong truyện võ hiệp Kim Dung cũng không dí ra khỏi kinh nghiệm ấy. Kiếm quan trọng đến nỗi nhiều khi, những tác phẩm võ hiệp của ông được người đời gọi là truyện kiếm hiệp - truyện về những người hành hiệp cứu đời bằng lưỡi kiếm.

Có những tác phẩm của ông đã khắc họa vai trò cao cả của lưỡi kiếm. Đó là trường hợp bộ **Ỷ Thiên Đồ Long Ký**. Trong 5 chữ, thì đã có hai chữ Ỷ thiên là tên gọi của một thanh kiếm báu mà theo tác giả, được đúc bằng thép nguyên chất pha lẫn platin và trong thân kiếm có cất dấu một pho bảo lục : bộ **Cửu Âm Chân Kinh**. **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** cũng là một tác phẩm đồ sộ nói về cây kiếm với những phái

sử dụng kiếm gọi là Ngũ nhạc kiếm phái : Thái Sơn, Hành Sơn, Tung Sơn, Hoa Sơn, Hàng Sơn. Bộ *Liên Thành Quyết* là một bộ tiêu thuyết viết về một pho kiếm pháp mà bài kiếm quyết là một bài thơ; thầy đã cố dạy sai cho học trò để che dấu lời hướng dẫn đi tìm một kho báu lớn có giá trị liên thành. Ngoài ra, trong 11 bộ tiêu thuyết, luôn luôn xuất hiện người sử kiếm (kiếm sĩ) và kiếm sĩ luôn luôn nhiều hơn những bọn hào sĩ giang hồ sử dụng những loại vũ khí khác.

Về mặt chất liệu làm kiếm, Kim Dung nói đến loại kiếm sắt, kiếm gỗ, kiếm vàng và kiếm pha hợp kim. Kiếm thông thường là kiếm sắt nhưng Kim Dung lại thường đề cập đến một loại sắt thép đặc biệt rất bền, chém sắt như chém bùn. Trương Tam Phong, tức Trương Quân Bảo, dùng một cây kiếm gỗ hành hiệp gọi là Chân võ, thành danh và trở thành tổ sư phái Võ Đang. Bọn thầy thuốc như Hồ Thanh Ngưu, Bình Nhứt Chỉ có cây đoản kiếm bằng vàng, chắc là để dùng trong khi mổ xé. Đặc biệt, kiếm Ý thiêng như đã nói là một hợp kim gồm thép và platin và phải dùng đao Đô long chém thì cả dao với kiếm mới cùng gãy. Bọn đệ tử Minh giáo kiếm được thanh kiếm Ý thiêng gãy, đã dùng kỹ thuật luyện kim đặc biệt của Ba Tư để ráp kiếm lại và trong động tác ráp nỗi quyết định, còn thêm cả máu người vào. Chi tiết này thật hoang đường nhưng cực kỳ thú vị, không khỏi khiến bạn đọc nghĩ đến huyền thoại hai thanh kiếm thời Chiến Quốc : Can tương và Mạc gia (còn gọi là Mạc Tà).

Về tính chất, truyện võ hiệp Kim Dung đề cập đến hai loại kiếm : cương kiếm (kiếm rắn) và nhu kiếm (kiếm mềm). Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chưởng môn Hành Sơn, có cây kiếm mỏng như lá lúa, rút ra cầm tay thì mềm oặt nhưng khi vận công

vào thì lưỡi kiếm giương thẳng ra và khi chiến đấu thì kiếm khai pháo ra đầu mũi kiếm. Về hình thể, Kim Dung phân ra trường kiếm (kiếm dài) và đoán kiếm (kiếm ngắn). Những nhân vật sử dụng đoán kiếm trong tác phẩm của ông thường là những người có gia số võ công đặc biệt, chuyên đánh cận chiến, chân tay rất linh hoạt. Kiếm bình thường thì thân thẳng. Cá biệt, trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung mô tả nhân vật Tái Bác minh đà Mộc Cao Phong, một người gù như lạc đà (minh đà) vì có bướu trên lưng; y sử một cây đà kiếm cong cong hình lưỡi liềm. Đúng là đà nhân đà kiếm! Thanh kiếm đặc biệt của Mộc Cao Phong nhắc chúng ta nhớ lại hình ảnh những lưỡi kiếm cong của các đội quân Á Rập trên sa mạc trong những phim nói về khu vực châu Phi.

Kiếm là một loại vũ khí cá nhân nên thường thường bợn bào sì sứ đơn kiếm. Tuy nhiên, cũng có những người chuyên đánh song kiếm. Lại có những cặp anh em, vợ chồng, bạn bè đồng môn sử đơn kiếm nhưng chuyên đánh đôi thành song kiếm hợp bích. Có lối đánh kiếm tập thể kết làm kiếm trận. Triết học Đông phương đã đi vào bài bản kiếm pháp với Lưỡng nghi kiếm pháp, trong đó hai người cùng đánh: một người theo chính Lưỡng nghi, một người theo phản Lưỡng nghi. Có chính có phản mới thành hợp bích chẳng khác nào có thèse, có antithèse mới ra được synthèse trong triết học Hy lạp.

Về nguyên tắc sử kiếm, Kim Dung đưa ra kiếm tông và khí tông. Kiếm tông chú trọng kiếm chiêu, ra đòn liên miên bất tuyệt để thủ thắng. Khí tông chú trọng nội công, cho rằng nội công cao cường là chỉ đánh một vài chiêu là có thể triệt hạ địch thủ. Đây chính là sự mâu thuẫn trong nội bộ phái Hoa Sơn, khiến phái này tương tranh đến nỗi gần

tuyệt diệt. Để có thể sử kiếm, người ta phải học kiếm pháp. Kiếm pháp được hiểu là nguyên tắc hướng dẫn sử một đường kiếm chuyên môn của một phái hay một nhà (gia). Kiếm pháp được cụ thể hóa thành một bài ca và người kiếm sĩ phải học thuộc lòng từng câu, từng chữ. Những câu ca ấy được chép lại trên lụa, trên vải, trên giấy, trên da dê thì được gọi là kiếm phẩy. Kiếm phẩy chia ra từng chiêu, từng thức; mỗi chiêu thức có nhiều cách biến hóa linh động. Kim Dung đã thực sự đưa người đọc đi vào một thế giới mộng mơ thú vị khi ông đề cập đến những Thái Sơn thập bát bàn, Hành Sơn thập tam thức và lý giải Lưỡng nghi kiếm pháp có 64 thế. Tại sao lại 64? Ấy là vì Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái(quẻ); trong mỗi quái có 8 lần biến hóa, 8 lần 8 thành 64 thế. Đó là chính Lưỡng. Thế còn phần Lưỡng nghi? Phần Lưỡng nghi là đánh ngược lại những qui tắc của chính Lưỡng nghi, tạo ra một âm một dương, một trên một dưới, một trái một phải, một trước một sau... Thủ tướng tượng một đối thủ phải đấu với một cặp song kiếm Lưỡng nghi! Kim Dung chỉ đặt vấn đề và chúng ta tưởng tượng.

Trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung nói đến một thứ kiếm pháp lâng mạn hơn : Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền lại cho Lệnh Hồ Xung. Đây vốn là kiếm pháp của Độc Cô Cầu Bai, chỉ gồm có 9 thức : Tống quyết thức, Phá kiếm thức, Phá khí thức, Phá thương thức, Phá chưởng thức, Phá tiên thức, Phá đao thức, Phá tiền thức và Phá côn thức. Với 9 thức đó, Độc Cô Cầu Bai đánh thắng tất cả các địch thủ khiến cho không ai còn dám đến đánh kiếm với ông. Ông rơi vào cô đơn (Độc Cô), chỉ mong được thua một lần (Cầu Bai) mà không ai có thể khiến ông thua được, cuối cùng chết đi trong lặng lẽ! Phong Thanh

Dương cát nghĩa : Độc Cô cùu kiếm đánh theo kiếm ý, nghĩ đến đâu là đánh đến đó, muốn đánh thế nào cũng được, chỉ có công chư không bao giờ quay về thù. Hề đích đánh 100 chiêu, ta đánh 101 chiêu; đích đánh 1000 chiêu, ta đánh 1001 chiêu; liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trời. Lệnh Hồ Xung nghe được thứ kiếm pháp như vậy, anh ta mừng như điên vì tâm tính anh ta vốn lâng mạn. Và trận ra oai đầu tiên của Độc Cô cùu kiếm vừa khiến Lệnh hồ Xung, vừa khiến chúng ta kinh hãi : Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, chỉ sử một chiêu Phá khí thức, đã đâm mù mắt 15 tên ác đồ của phái Tung Sơn !

Kiếm nằm trong vỏ là biểu hiện của hòa bình; kiếm rút ra khỏi vỏ là biểu hiện của đấu tranh. Thậm chí với Diệt Tuyệt sư thái, chương môn phái Nga Mi trong *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, mỗi khi rút kiếm Ỷ thiên ra, kiếm không dính máu là chưa đút vào vỏ. Rút kiếm ra khỏi vỏ, người ta thường bắt kiếm quyết : mũi kiếm hướng lên trời, mũi kiếm chỉ xuống đất, mũi kiếm chỉ ra phía trước, thân kiếm hành ngang người ... Chiêu đầu tiên của những người nhò tuổi khi đấu với người trưởng thượng phải là chiêu thi lễ: hai tay đưa thẳng kiếm lên khỏi đầu là Vạn nhạc triều tôn; hai tay nắm lấy đốc kiếm, cả người và kiếm cùng cuộn tới trước là Đồng tử bái Quan Âm.

Sử kiếm là cả một nghệ thuật. Dương Qua và Tiểu Long Nữ trong *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện* sử Ngọc nữ kiếm pháp một cách uyển chuyển, mỹ lệ như một cặp múa đôi. Tả Tú Mục, chương môn phái Vô Lượng trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* sử kiếm chém con rắn đang cuốn lấy người học trò, rắn đứt đôi mà da học trò vẫn không xé rách. Ninh Trung Tác của phái Hoa Sơn sử thế kiếm quyết định

dâm vào người học trò là Lệnh Hồ Xung, kiếm vừa chạm đến da, đã chuyển kinh lực dâm thẳng thành kinh lực bè ngang, khiến thanh kiếm gãy thành chín mảnh rơi xuống choang choảng. Trong đường kiếm còn có cả tình yêu đôi lứa. Nhạc Linh San cùng Lệnh Hồ Xung thầm yêu nhau, đã lên cha mẹ luyện môn Xung - Linh kiếm pháp, khi múa lên đôi mắt mờ màng, đôi lòng ấm áp. Vì họ còn rất trẻ nên nghịch ngợm, chép ra chiêu nhí từ ngã hoạt (người chết ta sống), tính toán kỹ luồng lực dao, bộ vị, phương hướng sao cho dâm ra một lần hai đầu mũi kiếm phái đính vào nhau, hai thân kiếm nối thành một đường thẳng.

Những kiếm chiêu trong truyện võ hiệp Kim Dung được ông đặt tên rất hay: Thuận thủy thời chu (theo nước đẩy thuyền), Lăng tử hồi đầu (người trai ra đi đã quay đầu lại), Thương tùng nghênh khách (tùng xanh đón khách), Trường Giang tam điệp lăng (ba đợt sóng trên sông Trường Giang)... Đôi khi, có những chiêu kiếm phát quá nhanh, máu không kịp chảy. Trong *Lộc Đỉnh Ký* có nhân vật Phùng Tích Phạm mang ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết (một đường kiếm không chảy máu). Nói thì vậy nhưng khi Phùng Tích Phạm đánh Song Nhi, người hầu của Vi Tiểu Bảo, đâm cô một kiếm, máu vẫn chảy ra như thường. Cho nên Vi Tiểu Bảo gọi gièu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu). Có những chiêu phi kiếm, phóng kiếm bay trong không gian để giết địch thủ. Có những chiêu hoán thủ kiếm: kiếm đang cầm tay phải, đột ngột đổi qua cầm tay trái.

Người ý có kiếm trong tay chưa chắc đã thủ thắng. Tiêu anh hùng Hồ Phi trong *Lãnh Nguyệt Bảo Dao* học được phép Không thủ đoạt bạch nhận, chuyên dùng tay

không đoạt kiếm kè khác. Lệnh Hồ Xung có chiêu dùng ngón tay búng vào sóng kiếm đối phương cho kiếm văng đi. Nhậm Ngã Hành phát Phách không chưởng, chưởng lực đủ sức đánh oán thanh kiếm của địch thủ. Những kiểu mô tả vừa có cơ sở thực tế, vừa không tưởng khiến ta cảm thấy thú vị.

Nhưng thú vị nhất có lẽ vẫn là những trận đấu kiếm mà không có kiếm, không dùng kiếm. Vương tử Đại Lý Đoàn Dự đã học được Lục mạch thần kiếm của chùa Thiên Long, nước Đại Lý, dùng kinh lực của nội công phát ra 6 ngón tay theo 6 đường thiếu dương, thiếu âm, thiếu xung, trung xung, thiếu trạch. Kiếm khí của anh ta đã đánh cho Mộ Dung Phục tơi tả, hoảng hốt trước hàng vạn đôi mắt quần hùng tụ tập tại chùa Thiếu Lâm. Hai trận đấu kiếm kỳ lạ nhất là hai trận đấu giữa Lệnh Hồ Xung và Xung Hu đạo trưởng, chưởng môn phái Võ Đang. Lần thứ nhất, dưới chân núi Võ Đang, Lệnh Hồ Xung và Xung Hu đứng cách nhau cả chục bước, chỉ lấy mắt mà nhìn tuyệt đạo của nhau. Ấy vậy mà Xung Hu chịu thua. Lần thứ hai, trong chùa Thiếu Lâm, Lệnh Hồ Xung và Xung Hu đã rút kiếm ra nhưng Xung Hu chỉ đứng xa Lệnh Hồ Xung và nghỉ ngơi, cuối cùng chịu thua. Ấy là vì cả hai chỉ đấu kiếm ý chứ không đấu kiếm chiêu.

Kiếm là vũ khí nhưng những kiếm sĩ không lạm dụng kiếm chiêu để giết người. Đọc văn Kim Dung, ta thường thấy những cụm từ “điểm tới là thối”, “đù phán thắng bại”. Người ta dùng kiếm để họp bạn và những lần gặp gỡ như vậy được gọi là “luận kiếm”. Người lõi tay dùng kiếm giết người không khỏi có điều hối hận, đau khổ. Cho nên, đã có những kiếm sĩ của Kim Dung bê kiếm bên trời (thiên nhai

chiết kiếm), đã có những người “tửa tay gác kiếm”. Lại có những người treo kiếm lên không dùng tới, đấu kiếm trong cây đàn, để kiếm hoài trong vỏ không rút ra được nữa. Hà Túc Đạo trong *Ý Thiên Đồ Long Ký* tự xưng là tam thánh : Cầm thánh, Kỳ thánh, Kiếm thánh nhưng cuối cuộc đời, anh ta quay về định Kinh Thần Phong ngoài núi Côn Luân xa xôi vạn dặm, treo cây kiếm lên và lặng lẽ nhớ đến cô bé Quách Tường 16 tuổi. Đã có một lần, Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm chống ba kẻ địch, vừa phóng chỉ vào cây đàn để dưới đất, đàn cho Quách Tường nghe một cầm tấu khúc mới nhất. Quách Tường nghe tiếng đàn và đỏ mặt lên, biết Hà Túc Đạo viết khúc cầm phô này để tặng cho mình. Họ chỉ gặp nhau một lần ngắn ngủi trong rừng chùa Thiếu Lâm và xa nhau một đời. Lâm sao mà cuộc đấu kiếm hung hiểm lại có thể cùng diễn ra một lúc với cung đàn thanh thoát, trữ tình ? Mặc kệ, Kim Dung cứ viết. Ông đúng là nhà văn lăng mạn, lăng mạn ngay trong đường dao mũi kiếm. Và vì vậy trong tác phẩm võ hiệp của ông, ngay những loại kiếm pháp, kiếm trận hung hán nhất vẫn luôn luôn lấp lánh những khúc tình ca.





Cảnh trong *Liên Thành Quyết*

Chương 23

Đao luận

Cứng như kiếm, dao là vũ khí chiến tranh cổ điển. Tuy nhiên, dao đứng đầu trong 4 thứ vũ khí : dao, thương, kiếm, kích.

Có trường hợp, dao hình thành nên tác phẩm tiêu thuyết võ hiệp Kim Dung. Trong ký ức của tôi, vẫn còn in đậm nét người thiếu niên tiều anh hùng Hồ Phi, cưỡi con ngựa trắng, cầm cây đơn dao với sở học bài Hồ gia dao pháp từ đất Sơn Đông đi về Trung Nguyên tìm cho ra kẻ thù đã giết cha mình. Đó là nội dung bộ *Lãnh Nguyệt Bảo Dao*, còn gọi là *Thần Dao Hồ Đại Đồm*. Câu truyện về Hồ Phi như một huyền thoại thật đẹp : tìm thấy kẻ thù rồi, Hồ Phi vẫn giơ cao lưỡi bảo dao lóng lánh dưới bóng trăng lạn, không nỡ chém xuống. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình là một người chính nhân quân tử - Đã biến thiên hạ vô địch thù kim diện Phật Miêu Nhân Phương. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình có lý do để giết cha mình ngày trước. *Lãnh Nguyệt Bảo Dao* kết thúc một cách đột ngột, lơ lửng; mènh mang tình nhân ái, đức bao dung; trở thành bài ca thật đẹp của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông. Trong bộ *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*, hai chữ Đồ long là tên gọi của lưỡi bảo dao mà

mọi bang hội, vô phái giang hồ đời Nguyên thèm khát. Tại sao thế ? Ngoài kha năng chém sắt như chém bùn, bao dao Đồ long còn mang trong thân nó một pho binh thư tương truyền là của Nhạc Phi - danh tướng chống quân Kim dời Tống - để lại. Đó là bộ *Vũ Mục Di Thư*. Chính quân hùng Minh giáo đã tìm thấy pho di thư này, và với những bài ban chiến tranh của Nhạc Vũ Mục, họ đã tìm được lối thoát khi quân hùng Trung Nguyên bị quân Mông Cổ vây hãm, tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc Trung Hoa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của nhà Nguyên. Đồ long (giết rồng) thực sự không nói về tinh năng của lưỡi dao. Rồng đây chính là Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Người làm ra cây dao Đồ long có khát vọng cao xa : mong người yêu nước đời sau lấy được binh thư, đầy được quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, giết được vua nhà Nguyên để trả hòn cho trăm họ Hán tộc. Lưỡi dao Đồ long chính là biểu tượng của bài ca yêu nước mà mọi dân tộc bị áp bức, bóc lột đều mong có được.

Lưỡi dao còn khá phổ biến trong 9 bộ tiểu thuyết võ hiệp khác của Kim Dung. Có 3 cách đánh dao: đơn dao, song dao và phi dao. Đơn dao là phép đánh dao của một người. Song dao hay song dao hợp bích là phép đánh dao của hai người cùng học một thầy, một sách liên kết để chống địch thủ. Phi dao là loại dao cực ngắn, không dùng để đánh mà để phóng vào địch thủ. Để phóng được phi dao, khách giang hồ phải deo bao tay băng sắt, gọi là thiết sam hay thiết bô sam. Những nhân vật sử dao trong tác phẩm Kim Dung thường là nhân vật tay chân linh hoạt, cơ trí hơn người. *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* xây dựng nhân vật Diên Bá Quang, tay cầm ngọn đơn dao, ngày chân đi ngàn dặm, nổi danh vạn lý độc hành với 13 đường khoái dao linh hoạt như gió táp, mưa sa. Chính Lệnh Hồ Xung đã có dịp đánh và nhớ lại phương pháp khoái dao của Diên Bá Quang. Chi

trong một hơi thở, hắn đã đánh ra 13 thế khoái dao gồm đông, tây, nam, bắc, tiền, hau, tả, hữu, thượng, hạ, tung, hoành rồi đà dao dừng lại, vững như núi Thái Sơn. Hắn đánh nhanh đến nỗi Lệnh Hồ Xung nín thở và khi sư nương của Lệnh Hồ Xung là Ninh Trung Tắc có gắng biểu hiện lại đường khoái dao đó, Lệnh Hồ Xung chỉ lắc đầu. Bè dùng kiếm, kiếm nhẹ hơn dao, đáng lẽ là đánh nhanh hơn dao. Nhưng đường kiếm mỏ phông phép khoái dao của bà còn chậm nhiều so với dao pháp của Diên Bá Quang. Về sau này, Lệnh Hồ Xung học được phép Độc Cô cùu kiếm do Phong Thanh Dương truyền cho. Anh đem kiếm pháp này dùng vào cách đánh dao; cây dao của anh là vũ khí đoạt được từ tay cầu quan Ngô Thiên Đức. Anh đã cứu phái Hàng Sơn bằng cây dao đánh theo kiếm pháp, nội công mạnh đến nỗi chưa kịp rút vò dao ra khỏi lưỡi, phóng dao tới, dao khí đủ giết chết kè thù. Cây dao của Ngô Thiên Đức là một cây dao cán dài (vì tướng quân thì phải đi ngựa). Lệnh Hồ Xung kẹp dao trong nách, chia cán ra phía sau, lấy cán dao làm vũ khí diem huyệt. Trận chiến cứu phái Hàng Sơn trong hang Long Tuyền chú kiếm cốc là trận chiến mà thắng lợi thuộc về lưỡi dao rì sét của tham tướng Ngô Thiên Đức.

Cũng trong *Tiêu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung giới thiệu cho độc giả một lưỡi dao ròm đời. Đó là dao Vương Nguyên Bá, ông ngoại của Lâm Bình Chi, một nhà giàu bậc nhất thành Lạc Dương, lấy biểu trưng là lưỡi dao bằng vàng. Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, theo chân phái Hoa Sơn đến nhà này ăn báo cô mây bữa. Các con của Vương Nguyên Bá vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp Tịch Tả Kiếm Phổ của dòng họ Lâm, dùng cầm nã thủ bê trật hai khớp tay của Lệnh Hồ Xung, lục trong người anh lấy ra bản cầm phổ *Tiêu Ngạo Giang Hồ* mà chúng cho là kiếm pháp. Trước nỗi

oan của học trò, bà Ninh Trung Tắc đã đề nghị nhà họ Vương cùng đi đến ngõ Lục trúc, thành Lạc Dương nhờ Lục Trúc Ông xem thử đây là cầm phổ hay kiếm phổ. Và cơ duyên này đã run rủi Lệnh Hồ Xung gặp được Thánh cô Nhậm Doanh Doanh. Chính hôm tiễn Lệnh Hồ Xung ra đi, Lục Trúc Ông cũng ra một chiêu cầm nã thủ bè trật 4 khớp xương tay của hai người con Kim Dao Vương Nguyên Bá, trùng tri tội hồn láo với Lệnh Hồ Xung ngày trước.

Trong *Hiệp Khách Hành*, lưỡi dao lại nhuốm một màu hài hước thú vị và màu hài hước đó được Kim Dung diễn đạt một cách diễm tinh lạ lùng. Đó là lưỡi dao của Thạch Phá Thiên. Sứ bà bà giận chồng là Bạch công, chưởng môn phái Tuyết Sơn, và cậu con trai Bạch Vạn Kiếm. Bà bỏ nhà ra đi, dẫn theo cô cháu nội A Tú mới 14 tuổi. A Tú gặp Thạch Phá Thiên, cả hai kết làm đôi bạn nhỏ. Để trùng trị chồng, Sứ bà bà lập ra một phái - phái Thái Dương; sáng tạo ra đường dao pháp mới - Thái Dương dao pháp. Thủ hồi, phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà gặp phái Thái Dương (mặt trời) thì số phận Tuyết Sơn sẽ ra sao? Trong khi con ruột của bà tên là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra 10.000 thế kiếm) thì bà nhận Thạch Phá Thiên làm đệ tử truyền nhân, đặt tên là Sứ Úc Dao (đánh ra 100.000 thế dao) và dạy cho Thạch Phá Thiên những chiêu thức dao pháp hoàn toàn là khắc tinh của Tuyết Sơn kiếm pháp. Chàng thiếu niên 15 tuổi chăm chỉ học hành, càng học càng giỏi nhưng chẳng hề hiểu rõ ý đồ của sư phụ. Riêng Bạch A Tú thì hiểu tất cả. Cô biết bà nội mình đang muốn triệt hạ ông nội và cha của mình. Thủ hồi, 10.000 thế kiếm mà phái chồng đỡ với 100.000 thế dao thì số phận Bạch Vạn Kiếm sẽ ra sao? Cho nên, A Tú đã qui xuống trước mặt Thạch Phá Thiên, xin chàng thiếu niên ngày sau nhiều dung cho ông nội và cha. Giữa cô bé và Thạch Phá

Thiên đã có một chút tình cảm nhẹ nhàng vượt qua tình bạn đơn thuần. Thạch Phá Thiên qui người bạn nhỏ, hứa với cô sẽ không bao giờ sử ức dao của Thái Dương đao pháp để phá bạch vạn kiềm của Tuyết Sơn kiếm pháp; rằng anh sẽ không bao giờ làm hại ông nội và ba cô. Và về sau, anh đã nói kết được những tâm hồn lạc lõng của phái Tuyết Sơn. đem hạnh phúc đoàn tụ về cho họ. Lưỡi dao của anh chẳng giết ai cả, chỉ nhằm cứu người, giúp đời.

Dao gắn liền với triết lý phương Đông. Trong võ hiệp Kim Dung, có Lưỡng nghi đao pháp, Lục hợp đao pháp, Ngũ hổ đoạn môn đao, Ngũ hành bát quái đao, Âm dương đao... Những khái niệm triết học gắn liền với đường đao cụ thể, buộc con người sử đao ít nhất cũng phải có một vũ trụ quan, một nhân sinh quan để hiểu mình đang làm gì, phục vụ lợi ích nào.

Dao gắn liền với tình yêu đôi lứa. Hồ Phi cầm đơn đao đi từ đất Sơn Đông sang Trung Nguyên, gặp gỡ Viên Tử Y. Cả hai đang tuổi vào đời, tình bạn cực kỳ thâm thiết, tình yêu chỉ mới chớm nở. Họ cùng đi, cùng ăn, cùng ở gần nhau trong ngôi cổ miếu, trong quán lương đình nhưng vẫn giữ lòng trong sạch, không gợn chút bùn nhơ. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, Mỹ dao vương Hồ Dật Chi là một nhân vật nức tiếng giang hồ, đao pháp tinh kỳ, khuôn mặt đàn ông đẹp như ngọc. Hồ Dật Chi say mê một người phụ nữ: Trần Viên Viên. Trần Viên Viên là hoa hậu trong làng kỹ nữ, từng là thư thiếp của vua Sùng Trinh cuối đời Minh mạt. Lý Sám nổi loạn đánh Sùng Trinh, cướp được Trần Viên Viên. Ngô Tam Quế phản Sùng Trinh, ép Sùng Trinh tự tử, đánh đuổi được Lý Sám, Trần Viên Viên thành vợ hờ của Ngô Tam Quế. Khi sang Vân Nam nhận chức Bình Tây vương của Khang Hy ban tặng, Ngô Tam Quế đã đưa Trần Viên Viên đi theo,

cho Viên Viên ở và tu hành trong một ngôi chùa nhỏ ngoại ô thành Côn Minh. Viên Viên dồn hết cả lòng, hát Viên Viên *Khúc giải bày tâm trạng hồng nhan tròn nổi của mình*. Mỹ dao vương Hồ Dật Chi say mê nhan sắc đó, tình nguyện bỏ lưỡi dao giang hồ, trở về nơi Trần Viên Viên tu hành, làm một người quét rác trồng hoa để được nghe Viên Viên hát. Trong cuộc đời phục thị cho người đẹp, Mỹ dao vương nghe được chừng ba, bốn chục câu. Lòng say đắm nhan sắc cõi Hồ Dật Chi đã mấy ai trên đời có được.

Lưỡi dao gắn liền với tâm lòng nhân ái, tha thứ cho con người. *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* thuật chuyện bang chúng Cái bang tụ tập chống lại bang chúa Kiều Phong, phạm tội khi sư diệt tổ, phải lấy pháp dao ra hành hình. Nhưng bang qui của Cái Bang cũng có điều luật qui định bang chúa có quyền tự đồ máu mình để cauộc tội cho thuộc hạ. Kiều Phong đã làm việc đó vì ông vốn thương yêu thuộc hạ. Ông tự lấy dao đâm vào da thịt mình, xóa hết tội lỗi cho những kẻ đã mưu phản ông. Câu chuyện làm ta nhớ đến tích Phật tổ tự cắt thịt mình cho chim ó ăn để cứu lấy con thỏ vô tội.

Dao gắn liền với những cuộc chiến tranh giữ nước. *Lộc Đỉnh Ký* thuật lại chuyện quân dân đào Đài Loan tiến hành cuộc chiến tranh chống sự xâm lược của liên quân Hà Lan và Bồ Đào Nha - tiếng Trung Quốc gọi chung là Hồng mao quỷ. Trước hỏa khí cực kỳ lợi hại của người Tây dương, người Trung Quốc đã tổ chức những đội đằng bài quân : toán trước dùng ván gỗ dầu quấn rơm che khít để chắn súng đạn, toán sau chuyên sử đoàn dao và đánh theo Địa đường dao pháp, chém vào hạ bàn (chân cẳng) của địch. Kết quả là người Đài Loan đã đáy lui được những đợt tấn công của liên quân Tây dương. Học được kinh nghiệm đó, khi sang biên giới Trung

- Nga đánh nhau với quân Nga - mà người Trung Quốc gọi là quân La Sát - tư lệnh Vi Tiểu Bảo đã tổ chức những toán Thanh binh chuyên đánh Địa đường đao, tấn công chém chân ngựa của kỵ binh Kha Tát Khắc (Cosaque). Vi Tiểu Bảo bao cáo : "chém được mấy ngàn cặp chân lông lá" để ai hiếu sao thì hiếu vì chân ngựa có lông mà chân của chiến sĩ kỵ binh Cosaque cũng có lông !

Đao là vũ khí để đấu tranh, để giết người. Nhưng trong truyện võ hiệp Kim Dung, ít có ai bị giết, bị thương bằng dao. Kim Dung nhiều lần nhắc lại câu trong kinh Phật : "Buông lưỡi dao đồ tê xuống sẽ thành Phật". Nhiều nhân vật đã ngộ ra câu nói ấy, trong đó có cả Kim mao sư vương Tạ Tốn, một nhân vật tàn độc trong bộ *Ỷ Thiên Đồ Long Ký*.

Trong tâm hồn tôi vẫn lắp lánh lưỡi dao nhân ái của tiều anh hùng Hồ Phi. Anh không nỡ chém lưỡi dao của mình xuống thân thể của kẻ thù Miêu Nhân Phượng. Dưới bóng trăng lạnh, lưỡi dao lắp lánh và dừng lại ở khoảng không. Người đọc thở phào nhẹ nhõm, nhận ra được sự thắng lợi của lòng nhân ái, của đức bao dung. *Lãnh Nguyệt Bảo Dao* đúng là một tác phẩm tiêu thuyết lạ lùng, khắc họa hình tượng lưỡi dao vừa đẹp, vừa thơ mộng. Hồ Phi - con trai của Hồ Nhứt Dao - đã làm một việc mà cha mình chưa làm được . tha thứ cho kẻ thù và biểu dương chính nghĩa của đường dao hành hiệp, cứu người.



Chương 24

Vi Tiêu Bảo ở đâu ?

Căn nhảm lười là một chuyên mục tương đối mới trên tờ TTC. Mấy anh nghịch ngợm trong tòa soạn thấy tôi ham giốn, giao chuyên mục này cho tôi rồi buộc tôi “cắn” lung tung mặc dầu tôi chưa hề được cắn lười ai. Cái đó kêu bằng vì nhân dân mà cắn (?). Năm hết, Tết đến; tôi xin “cắn” anh chàng Vi Tiêu Bảo, một nhân vật hài hước ngộ nghĩnh, dễ thương trong *Lộc Đỉnh Ký* của Kim Dung. Cái này kêu bằng “cắn” đỡ buồn, mua vui cho bạn đọc, như mình cắn hạt dưa vậy.

Vì Tiêu Bảo sinh ra trong viện Lệ Xuân, một động điểm ở thành Dương Châu, Trung Hoa, vào cuối đời Thuận Trị, đầu đời Khang Hy nhà Thanh. Mẹ của Vi Tiêu Bảo - bà Vi Xuân Phương - bang giao rộng rãi trên mức tình cảm với anh em Hán, Mông, Mãn, Tạng, Hồi; chẳng nhớ rõ bồ thằng bé là ai, dành lấy họ mẹ làm họ cho con. Vi Tiêu Bảo không học nên không biết chữ. Khả năng văn hóa của ngài là nhận ra được chữ Nhất (1 nét), chữ Nhị (2 nét), chữ Tam(3 nét),

chữ Tiêu (trong tên của ngài - 3 nét) và chữ thập (1 nét ngang, 1 nét số). Ngài có được các sở trường : chửi tục lưu loát, hát thuộc lòng bài *Thập Bát Mô* "Một ta sờ... Hai ta sờ... Ba ta sờ... Sở đúng cái đùi của nàng" và nhớ được một mớ tuồng tích, có sự trong Anh Liệt Truyện.

Cuộc sống chộn rộn, ngài theo tráng sĩ Mao Thập Bát trốn lên Bắc Kinh, lọt được vào cung nhà Thanh. Nơi đây, ngài giết thái giám Tiêu Quέ Tử rồi tự xưng là Tiêu Quέ Tử, hóa thành tên thái giám giá hiệu. Ngài trốn vào trù phòng ăn vụng, tình cờ làm quen và kết bạn với vua Khang Hy (hơn ngài 2 tuổi). Đến 15 tuổi, ngài tàng túi với em gái nhà vua là công chúa Kiến Ninh, dám chửi nàng là "con đực non", chửi thái hậu (giá) là "mụ điếm giá". Trên cơ sở những kiến thức lưu manh đặc thù được tại thành Dương Châu cộng với những kiến thức tu nghiệp được về ngành trá ngụy học trong hoàng cung, ngài xứng đáng là nhân vật đệ nhất trá ngụy. Nhờ ném tàn hương giết được quyền thần Ngao Bá, ngài được vua phong phó đô thống hoàng kỳ, tước hiệu Ba Đồ Lỗ. Cơ duyên đưa đẩy, ngài may mắn gặp được tổng đàn chúa Thiên địa hội Trần Cận Nam, được ông thu làm đệ tử và được phong chức hương chủ thanh mộc đường. Đây là một tổ chức chống nhà Thanh, khôi phục nhà Minh. Vì Tiểu Bảo trở thành giàn điệp hai mang, hoạt động giàn điệp một cách xuất sắc, phục vụ cho cả Thanh triều và Thiên địa hội !

Vua Khang Hy đã nhìn thấy chiêu sâu văn hóa của Vi Tiểu Bảo : không bao giờ nói đúng 4 chữ Nghiêm, Thuần, Vũ, Thang; không bao giờ nhớ được câu thành ngữ "thủ khẩu nhu bình". Tuy nhiên, vừa ghét bọn quan lại cầu an xôi thịt,

vừa mến thằng bé ngộ nghĩnh, miệng trơn như mỡ; nhà vua lần lượt phong cho ngài các chức chánh đô thống hoàng kỳ, tổng quản thái giám, khâm sai đại thần công cán Vân Nam, tử hồn sứ, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm (tỉnh Hồ Nam), chánh trụ trì chùa Thanh Lương (Ngũ Đài Sơn), khâm sai xây dựng Trung liệt từ Dương Châu, tư lệnh mặt trận thủy chiến đánh Thần long giáo, Lộc Đỉnh công, tư lệnh mặt trận đánh quân La Sát (người Nga) ở biên giới Trung-Nga, đại sứ đặc nhiệm toàn quyền đàm phán Trung - Nga. Đảm nhiệm những chức vụ cao cả đó, ngài hoàn thành được một số công việc, có khi nghiêm chỉnh, có khi tào lao : ép buộc Ngô Tam Quế tạo phản, cứu mạng được nhiều anh hùng Thiên địa hội, bắt phò mã Ngô Ứng Hùng, gia nhập Thần long giáo, ngủ được với 7 phụ nữ Trung Quốc và 1 phụ nữ Nga, bảo vệ sinh mạng cựu hoàng Thuận Trị, khám phá âm mưu nàn vùng của già thái hậu thuộc Thần long giáo, bình trị những âm mưu tao phản của Mông Cổ và Tây Tạng, bắt được cầu quan Hán gian Ngô Chí Vinh, hòa giải mối xung đột Trung - Nga, đánh gãy chết Trịnh Khắc Sản - lãnh đạo của thầy mình... Công lao của Vi Tiêu Bảo lớn hơn bất kỳ công lao nào của các vị cố mệnh đại thần Mãn Châu.

Nghệ thuật làm quan của Vi Tiêu Bảo rất đơn giản : chửi tục luôn mồm, dùng tiền mua chuộc lòng trung thành của kẻ dưới, tặng quà hậu hý cho đồng liêu và sẵn sàng đòi kẻ khác đưa tiền. Qua thăm Ngô Tam Quế, ngài nói một câu là kiếm được ba trăm vạn lượng vàng. Trịnh Khắc Sản dám yêu A Kha của ngài; ngài bắt đánh cho một trận té đai vài phân, bắt lấy máu viết lên vài vần tự thiêu một trăm vạn lượng. Ngài là nhân vật đầu tiên dùng nữ vệ sĩ; là nhà tu

(già) làm phó trù trì một chùa danh tiếng mà dám đánh bạc, chọc gái; là viên tướng duy nhất dù tiêu và bảo quản thuỷ nước đó vào thành trì của người Nga. Tuy ngài không biết chữ nhưng vẫn nói khoác rằng mình học được văn tự cổ nòng nọc, vô vê một vài tiếng Nga như "Tử mạn cơ" là giết chết đi, "Phục đặc gia tửu" là rượu Vodka, "Hà thư ni khắc" là món thịt nướng, nhưng vẫn tự hào là minh tinh thông tiếng La Sát (?). Khi đại sứ Nga qua Bắc Kinh trình quốc thư, ngài nhận nhiệm vụ phiên dịch. Đại sứ đọc, ngài dịch lưu loát: "Văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thương sinh trách bị, thọ dù thiêng hè..." Hóa ra, đó là những câu nịnh bợ của Thần long giáo mà ngài lờ thuộc, không định dáng gì đến quốc thư của Sa hoàng. Thế nhưng, vua Khang Hy vẫn mặt rồng hờ hờ, cười nói mè ly! Bọn quan triều Thanh bái phục Vị đại soái không biết đâu mà kể! Cuối cùng, dù có đứa giặc đến mấy, Kim Dung cũng phải cho nhân vật Vị Tiếu Bảo của mình đi trốn cùng với 7 mụ vợ hương trời sắc nước Tô Thuyên, A Kha, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu, Song Nhi và Kiến Ninh công chúa. Trước đây bọn họ đã về Dương Châu, bà Vị Xuân Phương nhìn đòn dâu tươi tốt, thầm khen con có mắt tinh đời; nếu gã lập nên một viện thì toàn thể các viện ở Dương Châu sẽ sụp tiệm. Nay, chắc Vị Tiếu Bảo không dám về Dương Châu vì sợ vua Khang Hy truy nã. Ngay đến trùm cưới Kim Dung cũng chẳng biết nhân vật của mình trốn đi đâu. Viết truyện cưới như vậy quả thật thế gian đệ nhất, bọn hậu sinh ở TTC xin ngã nón kính chào cụ. Ba trăm năm đã trôi qua, tất nhiên ta cũng chẳng nắm rõ hậu duệ của Vị lão gia. Thế nhưng, ở đâu có bia ôm, động diếm; ở đâu có tham nhũng,

có dùng tiền mua chuộc kẻ dưới người trên; ở đâu có chủ
tục “con mẹ nó, tổ bà mười tám đời quân rùa đen, phường
chó đè”; ở đâu có nịnh bợ; ở đâu có kẻ thù nhận “chữ nghĩa
biết ta nhưng ta chẳng biết nó” thì ở đó có tinh thần Vi Tiểu
Báo được lưu truyền.



Phụ lục 1

***Giā Biệt
Cõi Giang Hồ***

Trích : Liên Thành Quyết

Liên Thành Quyết túc Tô Tâm Kiếm là 1 trong 11 bộ võ hiệp tiêu thuyết của Kim Dung, ít người Việt Nam biết đến.

Chuyen ke ve chàng Dịch Văn, một thanh niên trong sáng, sống giữa một đời nhiều trái nguy nhưng vẫn giữ được phẩm chất của một khach giang hồ nghĩa hiệp. Sau khi khám phá ra bộ mặt thật của sư phu minh là Thích Trưởng Phát và của những người đồng môn với sư phu minh, chàng đã không bị giết bởi lòng tham như bao người khác. Hoàn thành tâm nguyện của Đinh Điền, một người anh em kết nghĩa đã qua đời hằng mong được chôn chung một nơi với người tình cũ là tiểu thư Lăng Sương Hoa. Dịch Văn đã trọn lời hứa rồi bỏng một chau bể mỏ cốt - con của Thích Phương, đi về núi Nga My, vùng Quan Ngoại, định án cư. Ở đây, một cô gái trong trang hết long thương yêu anh đã đến trước, chờ anh. Chương cuối cùng là một chương thể hiện rất cao kỹ thuật tiểu thuyết của Kim Dung vì nó khai quát hóa được toàn bộ sự kiện đã xảy ra ở 8 quyển trước của bộ Liên Thành Quyết, đồng thời mở ra cho chúng ta một chân trời mới: cái hậu ngọt ngào và lẳng lặng trong tiểu thuyết phương Đông.

Dịch Văn nhảy qua tường vào đèn thư phòng nhà họ Vạn. Lúc đó, trời đã gần sáng; dưới ánh sáng của vùng trăng sắp lặn, chàng thấy một người nằm dưới đất, hình như là Thích Phương. Dịch Văn hoảng hốt, vội lấy đá lửa đánh lên. Mây sao, trên ghế vẫn còn một cây bạch lạp. Dưới ánh đèn sáng, chàng thấy người Thích Phương đầm đìa những máu, bụng hốc còn cầm một cây đoán dao.

Trên thân Thích Phương còn đầy gạch đá, vách tường
bị khoét một lỗ lớn. Cha con họ Vạn đã khuất bóng rồi.

Dịch Văn khẽ nâng Thích Phương, ôm vào lòng và gọi :

- Sư muội, sư muội ơi !

Chàng nổi giận đến toàn thân run rẩy, âm thanh như
cơ hồ lạc hồn đi. Dưa tay sờ mặt Thích Phương, chàng cảm
thấy còn chút hơi ấm và mũi nàng còn chút hơi thở dù rất
nhẹ. Tâm thần chàng ổn định lại được một chút :

- Sư muội ơi !

Nghe tiếng Dịch Văn gọi, Thích Phương từ từ mở mắt
ra, miệng nở nụ cười khẽ héo :

- Sư ca... Tiều muội... xin lỗi sư ca.

Dịch Văn ngắn lại :

- Sư muội đừng nói nữa. Ta đến cứu sư muội đây.

Rồi chàng nhẹ nhàng đặt Không Tâm Thái, con cùa
Thích Phương và Vạn Khuê, sang một bên; tay trái ôm lấy
người Thích Phương; tay phải nắm cán cây đoàn dao toan
rút ra. Nhưng chàng liếc nhìn xuống phía dưới, thấy lưỡi
đoàn dao cắm quá sâu vào bụng nàng, nếu rút dao ra nàng
sẽ chết ngay nên chàng đành dừng tay lại. Nhất thời, chàng
biết phải làm sao, Dịch Văn hỏi :

- Sư muội ! Tại sao ? Tại sao ? Ai đã hại sư muội ra
nồng nỗi này ?

Thích Phương gương cười đáp :

- Sư ca... Người đời nói là một đêm vợ chồng... Chao ôi... Thời, tiểu muội không nói nữa... Xin sư ca đừng trách... Tiểu muội không nỡ nhẫn tâm, đã đê Vạn Khuê đi rồi. Hắn.. Hắn..

Dịch Văn nghiên rắng nói :

- Chính gã... Gã quay lại dâm hiền muội một dao phai không ?

Thích Phương cười đau khổ, không nói.

Dịch Văn lòng đau như cắt, bất lực nhìn sinh mạng của Thích Phương chỉ còn trong giây lát. Vạn Khuê đã dâm nàng một dao hiểm ác như thế, vô luận thế nào cũng không thể cứu nàng được rồi. Lòng căm thù Vạn Khuê đột nhiên trỗi dậy :

- Muội tử... cuối cùng chỉ yêu chồng mà thôi. Than ôi, muội tử thà chịu nhận cái chết để cứu gã.

Thích Phương nói :

- Sư ca ơi, sư ca trách như vậy là không đúng đâu. Tiểu muội chỉ vì Không Tâm Thái... Bọn phụ nữ đều như nhau thôi.

Dịch Văn yên lặng, một lúc sau mới lên tiếng nói :

- Tên tặc tử ấy... hắn đi đâu vậy ?

Ánh mắt Thích Phương đã bấn loạn, lời nói của nàng trở nên hồ đồ :

- Trong sơn động có một đôi bướm bay qua bay lại.
Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài. Sư ca ơi, nhìn đi, hãy nhìn đi !
Một con là sư ca, còn một con là tiểu muội. Chúng ta như
đôi bướm ấy, vĩnh viễn không bao giờ chia lìa nhau. Sư ca
nghĩ xem có tốt không nào ?

Hơi thở nàng yếu dần, yếu dần rồi tắt hẳn.

Dịch Vân một tay ẵm Không Tâm Thái, một tay ôm thi thể Thích Phương, từ trong nhà họ Vạn bước ra. Chàng định tâm sẽ dùng lửa đốt sạch cái sào huyệt chó má này nhưng lại đổi ý :

- Đầu ngôi nhà này có cháy đi nữa, cha con họ Vạn chắc chắn cũng không quay lại. Ta muốn phục thù cho sư muội, cứ để ngôi nhà lại đó.

Dịch Vân chạy đến một khu vườn hoang mà năm nào Dinh Diên đã chết ở đó. Dưới gốc mai, chàng đào một cái huyệt rồi đặt xác Thích Phương vào và lắp lại. Chàng giữ lại thanh đoàn dao mà Vạn Khuê dùng để giết Thích Phương, thề nhất định sẽ dùng nó để lấy mạng cha con nhà họ Vạn. Chàng đau lòng quá đến nỗi khóc không ra nước mắt, tự trách mình :

- Vì sao trước đây ta không đánh chết cha con quân ác tặc này để bây giờ chúng giết hại sư muội của ta ?

Không Tâm Thái kêu khóc luôn miệng, khiến chàng thêm phiền não. Rảo bước ra phía ngoài thành Giang Lăng, chàng tìm được một nhà nông phu, đưa ra mười nén bạc, nhờ người nông phu chăm sóc dùm Không Tâm Thái. Mọi

chuyện xong xuôi, chàng bỏ công đèn phục trước nhà họ Vạn, nửa tháng trôi qua mà vẫn không thấy tống tích của bọn chúng. Thật kỳ lạ, đến cả bọn đồ đệ của Vạn gia trang như Bốc Giáp, Lô Pháp, Phùng Thần, Trầm Thành cũng chẳng thấy có ma nào xuất hiện. Tỳ bộc nhà họ Vạn đã tan tác cả rồi !

Trong thành Giang Lăng bỗng có nhiều nhân vật võ lâm từ khắp nơi tụ tập về. Một đêm nọ, Dịch Vân nghe được mấy gá nói chuyện :

- Liên Thành Quyết Kiếm nguyên là có trong bộ *Đường Thi Tuyển Tập*. Hình như đầu tiên là bốn chữ “Giang Lăng thành nam” thì phải.

- Đúng rồi ! Mấy hôm nay, ngọn gió tìm báu vật thổi người đến đây không ít. Chỉ tiếc là không biết 4 chữ sau là gì thôi.

- Thế thì là 4 chữ gì ? Bạn ta cũng chỉ biết được 4 chữ “Giang Lăng thành nam” mà thôi.

- Ha ha ! Hèn chi mấy ngày hôm nay, trong tiệm sách người đến mua *Đường Thi Tuyển Tập* nườm nượp. Sáng nay, tiệm sách không mở cửa nữa, có lẽ là sách đã bán hết sạch rồi. Nghe nói mỗi quyển giá 5 nén bạc cũ cũng có người đòi mua cho bằng được.

- Người biết giá sách như vậy, chắc là người mua được rồi ?

Dịch Vân thầm nghĩ :

- Liên Thành Quyết Kiếm có thể đã truyền ra ngoài.

Nhưng ai truyền đi ? Đúng là cha con nhà họ Vạn rồi. Vạn Chân Sơn biết trước, muôn đi tìm kho báu, bọn đồ đệ của hắn nghe lóm được, cũng bỏ đi sạch. Chính vì vậy, người biết càng lúc càng nhiều.

Chàng nghĩ đến năm nào, khi năm trong nhà lao ở phủ Giang Lăng cùng đại ca Đinh Điền, nhiều nhà hào sĩ giang hồ cũng phong thanh mà đến, nhất thiết đòi đánh chém Đinh Điền mới nghe. Ôi, việc của Đinh đại ca ta chưa làm xong mà việc ấy so với mối thù của ta thì

Cha của Lăng tiều thư hiện là Giang Lăng tri phủ. Chàng tìm đến tiệm bán mèo bia lớn nhất thành Giang Lăng dò hỏi mới hay mèo phần của Lăng tiều thư nằm ở phía đông Giang Lăng, trên một sơn đảo cách thành 12 dặm. Dịch Vân mua nhang đèn, vàng mã rồi đi ra cửa đông, không bao lâu đã tìm thấy mèo phần. Bia mèo viết 7 chữ : "Ái nữ Lăng Sương Hoa chi mèo". Dịch Vân đọc thấy 7 chữ đó thì bật cười :

- Ha ha. Ái nữ, ái nữ ! Người đã thương yêu con gái đến như vậy sao ?

Trước mèo không hoa, cũng chàng có cày. Nhưng sinh thời, Lăng tiều thư thích nhất là hoa tươi mà lão Giang Lăng tri phủ kia lại không trồng được một cụm hoa ở đây. Dịch Vân lại nghĩ đến Thích Phương và Đinh Điền, không cầm được nước mắt. Áo của chàng trước đã ướt đầm dòng lệ khóc Thích Phương thì bây giờ lại đầm giòng lệ mới khi đứng trước mèo Lăng Sương Hoa. Vùng phụ cận của sơn đảo không có nhà cửa, cũng chẳng có ai qua lại. Nhưng ban ngày, Dịch Vân không tiện đào mèo, phải chờ đến ban đêm. Đã từng trải qua những năm tháng đau thương, Dịch Vân không phải là người dễ dàng đau lòng, dễ dàng rơi lệ. Nhưng

dưới ánh trăng âm đạm, khi đào đến lớp áo quan, sực nhớ đến Ðinh đại ca cũng vì cỗ quan tài này trúng độc mà chết, chàng không cầm được nước mắt.

Tri phủ Lăng Thoái Tư đã từng bôi chất Kim phá tuẫn hoa kịch độc ở phía ngoài quan tài để đầu độc Ðinh đại ca. Tuy ngày đó đã lâu lăm rồi nhưng Ðịch Vân không dám mạo hiểm dùng tay không. Chàng bèn rút thanh huyết dao, nhẹ nhẹ nạy nắp áo quan ra.

Nắp áo quan được đẩy ra, Ðịch Vân kêu lên một tiếng kinh ngạc. Chàng nhìn thấy hai xương cẳng tay của Lăng tiêu thư đưa lên cao. Có lẽ nào khi xác của Lăng tiêu thư được nhập quan, hai tay lại đưa lên cao như vậy? Thật là kỳ lạ. Trong quan tài không có áo liệm, Lăng tiêu thư chỉ được mặc một chiếc áo mỏng.

Địch Vân thầm khấn nguyện :

- Ðinh đại ca ! Lăng tiêu thư ! Khi hai vị còn sống không thể kết thành phu phụ thì tâm nguyện sau khi chết được đồng tang cuối cùng cũng đã hoàn thành. Đại ca và tiêu thư có linh thiêng chắc cũng ngậm cười nơi chín suối.

Nguyện xong, chàng cởi cái bọc đeo trên lưng xuống, mở ra rồi lấy tro xương của Ðinh Điền rái đều lên hài cốt của Lăng tiêu thư. Chàng quỳ xuống, cung kính lạy bốn lạy rồi nâng nắp quan tài lên, định dậy lại. Hốt nhiên, dưới ánh trăng tà, Ðịch Vân thấy bên trong nắp áo quan có mấy chữ viết mờ mờ, bèn ghé mắt tới gần để xem. Đó là mấy chữ viết xiêu vẹo : “Ðinh lang ! Ðinh lang ! Nguyễn xin kiếp sau, đòi ta được làm vợ chồng”. Ðịch Vân lạnh cả người, ngồi phết

xuống đất. Mấy chữ này hình như được khắc bằng móng tay. Chàng nghĩ ngợi một lát rồi chợt hiểu : Lăng tiêu thư bị phụ thân chôn sống, lúc đặt vào quan tài, nàng hoàn toàn chưa chết. Mấy chữ này do chính móng tay của nàng khắc lên. Vì vậy, đến lúc chết, tay nàng mới giờ cao như thế. Trong thiên hạ lại có thể có một người cha lòng lang dạ thú như Lăng Thoái Tư tri phủ như vậy sao ? Đinh đại ca của ta cuối cùng cũng không khuất phục mà Lăng tiêu thư cuối cùng cũng không phụ đại ca. Phụ thân nàng càng đợi chờ càng thêm hận nén mới hạ độc như thế.

Chàng lại nghĩ :

- Lăng tri phủ phát giác ra chuyện Đinh đại ca vượt ngục, biết rằng nhất định đại ca sẽ tìm lão để thanh toán. Cho nên lão mới bồi lén quan tài Lăng tiêu thư chất kịch độc Kim phá tuân hoa để đầu độc đại ca. Lòng dạ lão càng độc gấp trăm lần Kim phá tuân hoa vậy.

Nhin kỹ nắp áo quan, chàng lại thấy mỗi bên có hai hàng chữ : "Năm mươi mốt, ba mươi ba, hai mươi sáu ...", Dịch Vân nghĩ :

- Phải rồi, cho đến khi chết, Lăng tiêu thư vẫn tâm nguyện được cùng Đinh đại ca hợp táng. Nàng đem bí mật của Liên Thành Kiêm Quyết tặng cho người nào giúp cho họ được chôn chung một mộ nên đã ghi lại như thế này đây. Sư phụ Thích Trường Phát của ta vốn dĩ đã bị kiềm phòm làm cho sư muội đau khổ, khiến cho cha con Vạn Chán Sơn đánh mất bước tương lai. Ta chỉ biết bí mật của kiềm phòm do vạy mà thân danh cũng phải mai một. Nào hay, Lăng tiêu thư ghi lại nơi này.

Chàng lặng lẽ chúc cáo :

- Lăng cô nương, cô thật là người giữ chữ tín. Đa tạ tấm lòng của cô. Dịch Vân dù có bị đốt cháy thành tro cũng phải giúp hai người được bên nhau vĩnh viễn. Nay chỉ còn mối thù lớn phải trả là phải giết cho được cha con nhà họ Van và phụ thân của cô, vàng bạc châu báu đổi với tại hạ chỉ là cát bụi.

Cáo xong, chàng nàng nắp quan tài lên nhưng lại nảy ra ý nghĩ :

- Đúng quá ! Cha con họ Vạn không biết lúc này tránh tránh nơi nào, chỉ sợ suốt đời này ta cũng khó tìm ra chúng. Chỉ bằng ta đem bí mật này của kho báu viết trước mắt mọi người ; bọn Vạn Chấn Sơn thế nào cũng mò tới xem. Cha con hắn dù có thận trọng đến đâu cũng không thoát khỏi sự quyền rũ của kho báu.

Chàng mở nắp áo quan ra, học lại thật kỹ những chữ mà Lăng tiểu thư đã viết rồi mới đóng nắp lại như cũ và lấp đất lên mộ phần. Như vậy, tâm nguyện của Đinh đại ca và Lăng cô nương đã hoàn thành. Dịch Vân dự định phục thù xong, sẽ đến lại nơi này trồng mấy trâm cây hoa cúc - loại hoa mà cả hai người thích nhất. Tốt nhất là để tìm được loại cúc nổi tiếng Xuân thủy bích phà mới trồng.

Hai ngày sau, khi trời vừa sáng, trên bức tường thành phía nam thành Giang Lăng, đột nhiên xuất hiện 3 hàng chữ, mỗi chữ lớn hơn một thước, đứng từ xa vẫn có thể đọc được : "Tứ ngũ thập nhất, tam thập tam, nhị thập bát, ..." Điều kỳ lạ nhất là những chữ này cao hơn mặt đất trên hai

trương, trong thành Giang Lăng e rằng chưa có cây nào cao đến như vậy để có thể trèo lên viết chữ, trừ phi kẻ nào đó buông dây từ trên cao xuống mà viết.

Cách chân tường thành hơn 10 trượng, Dịch Văn già làm một gã khiêu hóa, ngồi lặng lẽ quan sát. Người ra kè vào cửa nam thành nhộn nhịp nên chì vài giờ sau, trên các đường phố, trong các quán trà, đã thấy có nhiều nhóm to nhỏ bàn luận, cũng có những người đến tận thành để xem. Nhưng ngoại trừ cách viết khác thường còn mấy chữ này chàng có gì lạ nên mọi người xôn xao một lúc rồi cũng bỏ đi. Họ đều cầm trên tay cuốn *Đường Thi Tuyển Tập* và sao chép lại mấy chữ đó, mặt đăm chiêu suy nghĩ.

Dịch Văn thấy họ quả là một bọn mê muội. Khi đã không biết thứ tự các chiêu thức của Liên Thành Kiếm Quyết thì dấu trong tay có *Đường Thi Tuyển Tập* và đọc được những chữ trên tường cũng vô dụng mà thôi. Trên đời này chỉ có 3 người biết được các bí mật đó : Vạn Chấn Sơn, Ngôn Đạt Bình và Thích Trường Phát.

Đang mải suy nghĩ, một lát sau, chàng thấy Lỗ Giáp đến, cùng với 3 người khác nhò to bàn bạc. Từ xa, Dịch Văn không nghe bọn chúng nói gì, chỉ thấy 3 người nói xong, quay vào thành. Một lúc sau, chúng trở ra lại, đều đã cải trang. Một gã già làm người bán trái cây, một gã già làm người bán rau, một gã già làm phu khuân vác. Cả 3 người dưới chân tường thành, chăm chú nhìn các khách qua lại.

Dịch Văn biết được bụng dạ chúng : chúng đang chờ Vạn Chấn Sơn đến. Chúng không thấu hiểu hết những bí mật nhưng chỉ cần bám theo Vạn Chấn Sơn là có thể tìm ra

được kho tàng. Đương nhiên, gặp lại sư phu là một điều nguy hiểm nhưng bọn chúng muôn phát tài, còn có coi nguy hiểm ra chi.

Bốn chữ đầu của Liên Thành Kiếm Phổ đã truyền đi : “Bốn - năm mươi mốt, ba mươi ba, hai mươi tám” là Giang Lăng thành nam.

Song phía sau đó còn tiếp theo một dây chữ số, kể xuân ngốc nhất cũng phải hiểu được còn nhiều bí mật trong kiếm phô.

Người đến ngồi dưới chân thành càng lúc càng đông, có người hóa trang, có người không. Dịch Vân đêm được tất cả 78 người. Chẳng bao lâu, Bộc Viên và Phùng Thần cũng đến. Hai sư huynh đệ không hiểu tại sao cha con họ Vạn chưa xuất hiện nhưng sau cùng cũng ngồi xuống.

Dợi đến trưa, vẫn không thấy cha con Vạn Chán Sơn. Dợi đến gần tối cũng chẳng thấy. Nhiều người nóng tính, ngoác miệng ra mà thông thảm cha con họ Vạn.

Trời đã khuya, một bóng người dáng vẻ như thầy đồ, tay cầm nghiên mực, giấy, bút, nghiêng đầu đứng chép những chữ trên tường thành. Một gã đại hán đang bức mình mà không có chỗ phát tiết, nắm lấy người đỗ quát lớn :

- Tại sao người chép những chữ đó ?

Vị tiên sinh ấy đáp :

- Ta có việc dùng đến, người hỏi làm chi ?

Đại hán kia quát tiếp :

- Người chịu nói hay không ? Ta phải đánh cho người
mày quyền ...

Điền sinh sơ hãi, lắp bắp :

- Người ta.... người ta.... bao tôi làm.

- Ai ?

- Là một lão tiên sinh. Vạn Chán Sơn, Vạn lão tiên
sinh.

Vạn Chán Sơn ! Ba tiếng này vừa thoát ra, đám đông
cùng ô lên một lượt. Dịch Vân thực sự vui mừng, trong cái
vui có pha một chút thù hận và đau đớn. Vì tiên sinh kia cả
sợ, chân cao chân thấp chạy về hướng đông. Hơn 100 người
chạy theo sau. Vạn Chán Sơn không đến, tất nhiên phải đi
tìm vì chỉ có lão mới hiểu rõ bí mật bên trong. Mọi người
cùng ý vào người đông thể mạnh chắc chắn sẽ buộc được lão
chỉ ra chỗ dấu kho báu.

Địch Vân cũng có mặt trong đám đông, nghĩ thầm :

- Vạn Chán Sơn là một tên giặc già cực kỳ giáo hoại,
quyết không dễ dàng lộ diện cho người khác nhận ra được.
Chắc chắn màn kịch này có âm mưu gì đây.

Lúc này, những người rời cửa nam thành đã khá xa.
Chàng quay lại nhìn về hướng tường thành, chợt thấy bóng
một người trên tường thành lướt qua, nhám hướng tây mà
chạy.

Địch Vân nghĩ bụng :

- Cả một đoàn người đuổi theo, nhất định lão đồ gần kia không thoát đâu được. Nếu họ tìm được Vạn Chán Sơn thì tuyệt nhiên không thể rời xa lão tặc ấy. Giang Lăng thành rộng lớn thế này, tìm ra cha con họ Vạn quả thật khó khăn. Nếu cứ chạy loạn lên như thế này cũng chẳng được việc gì. Hà tất ta phải theo bọn họ.

Chàng dừng lại, ăn mình sau một gốc cây rồi đại triển khinh công, xoay người chạy theo hướng tây, trong chốc lát đã đuổi kịp theo bóng người kia. Khinh công của gã cũng thuộc loại thượng thừa nhưng so với chàng hãy còn kém xa. Hắn không phát giác ra có người đuổi theo phía sau nên cứ cắm đầu cắm cổ chạy. Chạy đến trước một gian phòng nhỏ, hắn đẩy cửa bước vào. Dịch Vân đứng đợi ở bên ngoài, giây lát đã thấy ánh đèn hắt ra từ cửa sổ.

Chàng nép mình ngoài cửa sổ, nhìn qua rèm, chỉ thấy trong phòng có một lão già đang ngồi quay lưng ra ngoài. Lão đang mở một cuốn sách, chỉ thoáng nhìn qua Dịch Vân cũng đã biết đó là Đường Thi Tuyển Tập. Những ngày gần đây, quyển sách này được lưu hành rộng rãi tại thành Giang Lăng. Có lẽ lão chưa thoát khỏi vòng tròn lụy nên cũng có một quyền như vậy. Chàng thấy lão cầm cây bút cùn, viết lên một tờ giấy vàng ệch mấy chữ "Giang Lăng thành nam" và lâm bẩm :

- 1, 5; 1, 6; 1,5; 1,6 ... chữ thứ 18.

Rồi lão viết lên giấy chữ "Thiên".

Dịch Vân hết sức kinh ngạc, nghĩ thầm :

- Lão này có thể tìm ra chữ "Thiên" trong Đường thi, dù biết lão cũng rõ về Liên Thành Kiếm Pháp.

Cứ theo dáng ngồi thi lão không phải là Vạn Chán Sơn. Lão mặc một chiếc áo màu xám, cũng chẳng rõ là thân phận gì trong nhà. Lão lục lọi một lúc, bấm đốt ngón tay tính toán lại viết ra một chữ, tất cả được 26 chữ. Dịch Văn ráp từng chữ lại, đọc tam thành câu : "Tây thiên Ninh tự, đại diện Phật tượng hướng di kiền thành mô bái thông linh chúc cáo Như Lai từ phước vãng sinh cực lạc"

Lão già giận dữ, vứt bút xuống ghê, nói :

- Nào là hướng chi kiền thành mô bái thông linh chúc cáo, lai cái gì là Như Lai từ phước vãng sinh cực lạc. Chẳng lẽ xúi lão già đi gặp Thập điện Diêm vương ?

Dịch Văn nghe giọng nói rất quen, đang nghĩ xem đó là ai, khi người lão quay mặt lại, Dịch Văn suýt kêu lên thành tiếng. Hóa ra đó là nhị sư bá Ngôn Đạt Bình. Hèn gì mà lão biết được các kiếm chiêu. Đây lại là bí mật gì nữa ? Lão vốn là người hý lệng mà. Trong lòng chàng nổi lên một trận cười thầm :

- Chỉ vì câu nói của người thích đùa giỡn mà có biết bao nhiêu người hao tâm tổn trí, có kẻ còn giết sư phụ, hại đồng môn.

Ngôn Đạt Bình lại cười lớn :

- Ha ha ! Bảo ta hướng chi kiền thành mô bái thông linh chúc cáo Như Lai. Tổ mẹ nó, thứ tượng bùn đắp gỗ tạc. Từ phước hay chàng từ phước vốn ở ta. Ha ha, con bà nó. Còn bảo lão từ vãng sinh cực lạc ư ? Bọn ta đã hợp dao giết sư phụ, sư huynh với ta người tranh kẻ đoạt chàng qua là để vãng sinh cực lạc ư ? Trong thành Giang Lăng này, mấy

trăm anh hùng hao han tranh qua, giành lại cùng vì câu vãng sinh cực lạc. Ha ha, quà là nực cười !

Tiếng cười của gã cực kỳ thê lương, âm đậm. Ngôn Đạt Bình cầm tờ giấy xé tan tùng mành. Dịch Vân nghĩ đến số phận mình từng hứng chịu biết bao đau thương. Thích Phương chết cũng chính vì bí mật của Liên Thành Quyết Kiêm ma bí mật ấy lại nằm trong mấy lời nói dừa. Chàng muốn mở miệng cười theo sư bá.

Ngôn Đạt Bình hướng mặt nhìn ra cửa sổ, tự hồ như đang nhìn thấy được cái gì. Lão lẩm bẩm :

- Đến nước này, ta cũng nên tới Thiên Ninh tự xem sao. Phía tây thành Giang Lăng đúng là có ngôi cổ tự.

Nói xong, lão tắt đèn, bước ra, vận khinh công đi về hướng tây.

Địch Vân nghĩ :

- Ta đi tìm Vạn Chấn Sơn, sao lại theo chân sư bá ? Nhưng sư bá vốn dĩ đang đi tìm kho báu, vậy trước cứ theo sư bá đã.

Đi chưa đầy nửa giờ, Ngôn Đạt Bình đã đi đến chùa Thiên Ninh. Lão đứng bên ngoài nghe ngóng một lúc, lại đảo quanh một vòng rồi mới đẩy cửa bước vào.

Thiên Ninh tự hoang phế đã lâu. Ngôn Đạt Bình tiến vào, trên tay cầm một cây đuốc, nhìn thấy cây bạch lạp trên thần đài như vừa có ai mới đốt, lão đưa tay sờ thử. Quả nhiên có người vừa ở đây. Ngôn Đạt Bình sinh nghi, né

được, bước ra ngoài kiểm soát. Đột nhiên, lão cảm thấy sau lưng đau đớn kịch liệt. Thì ra, lão đã bị một lưỡi dao bén ngót cắm vào lưng, chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi ngã vật xuống.

Dịch Văn nấp sau cánh cửa, thấy Ngôn Đạt Bình bị ám toán mà không kịp ra tay cứu giúp. Kẻ sát nhân là ai? Trong bóng tối, chàng chỉ nghe được tiếng cười lạnh lùng, âm thanh thật đáng sợ nhưng cũng rất quen thuộc. Bỗng nhiên, trong miếu sáng hắt lên rồi một người cầm bạch lạp đi vào. Hóa ra là sư phụ Thích Trường Phát. Dịch Văn muôn kêu lên một tiếng.

Thích Trường Phát đá một cước vào thi thể Ngôn Đạt Bình, rút trường kiếm ra khỏi người lão rồi chém liên tiếp nhiều nhát nữa. Thì hành xong thủ đoạn, lão cười lạnh lùng, nói :

- Nhị sư ca! Sư ca cũng tìm được bí mật của kiêm phô phải không? Ha ha! Giang Lăng thành nam biên tây, Thiền Ninh tự đại diện Phật tượng hướng chi thành mồ bái, thông linh chúc cáo. Sư ca, trong kiêm phô có nói : "Như Lai tú phúc vãng sinh cực lạc". Sư ca chẳng phải là đang vãng sinh cực lạc sao?

Lão quay sang ngầm nghĩa khuôn mặt từ bi của tượng Phật Như Lai. Mặt lão đầy nét tàn bạo, nói tiếp :

- Xú Phật. Con bà nó! Dám đùa làm lão tử uống phi cà dời, đau khổ đến vậy!

Lão tung người nhảy lên thàn đán, giơ trường kiếm chém 3 nhát vào bụng tượng. Tượng Phật đập bằng đất mà

khi chém vào lại phát ra tiếng loảng xoảng. Thích Trưởng Phát nghe được âm thanh đó, chém thêm mấy nhát rồi cầm đèn tiến lại gần để xem. Ở những chỗ bị kiếm chém sâu vào hiện ra ánh kim quang chói lọi. Thích Trưởng Phát đưa tay moi những chỗ bị kiếm chém thì thấy bên trong tượng đầy cá vàng. Không nén nổi, lão sung sướng reo lên :

- Đại kim Phật. Toàn là vàng ! Toàn là vàng !

Tượng Phật cao khoảng 3 trượng, nếu như toàn thân bằng vàng ít ra cũng đèn 5, 6 vạn cân. Đó chẳng phải là đại bảo tàng ư ?

Lão mừng đến phát điên. Nghĩ ngợi một chút, lão đi ra phía sau lưng tượng Phật, giơ kiếm đâm vào, cảm thấy như có một cái cửa bí mật. Lão ra sức chém mạnh, đứt xung quanh cửa bí mật rơi xuống ào ào. Thì ra, cách cửa cũng bằng vàng. Thích Trưởng Phát đưa mũi kiếm vào kẽ hở, nạy cánh cửa ấy mà tim lão đập thình thịch. Cắc một cái, thanh kiếm gãy ngang, lão tiếp tục dùng nửa thanh còn lại đẽ nạy. Cánh cửa từ từ bật ra. Thích Trưởng Phát vứt kiếm, đưa tay vào cửa bí mật mò thử, vừa gio đèn lên xem, thấy trong lòng pho tượng chưa biết bao nhiêu là châu báu sáng ngời. Lão nuốt nước bọt, định thò tay vào lấy châu ngọc ra, đột nhiên thấy đòn khê rung động. Biết có điều khác lạ, lão lập tức nhảy xuống nhưng khi chân vừa chạm đất đã thấy bụng đau nhói. Thì ra lão đã bị điểm huyệt đạo rồi. Lão rên lên một tiếng và ngã lăn ra đất.

Dưới thân đòn hiện ra một người, ngoeo đầu cười nhạt :

- Thích sư đệ, người tìm được nơi này, lão nhị cũng tìm

được nói này. Tại sao không nghĩ đại sư huynh cũng tìm được ?

Vạn Chán Sơn.

Thích Trường Phát tìm ra được bảo tàng là do lão tinh tế hơn người, không thể ngờ khi gặp được châu báu như thế này lại có thêm Vạn Chán Sơn. Lão uất ức nói :

- Lần thứ nhất người giết ta mà ta không chết. Không ngờ cuối cùng ta cũng chết vê tay người.

Vạn Chán Sơn vô cùng đắc ý :

- Ta cũng lấy làm lạ. Thích sư đệ, người bị bao kín trong giáp tường, làm sao có thể sống lại được ?

Thích Trường Phát nhảm mắt không đáp.

Vạn Chán Sơn tiếp :

- Người không nói, tướng ta không đoán ra được sao ?

Thích Trường Phát nhổ một bãi nước miếng vào mặt Vạn Chán Sơn. Vạn Chán Sơn nghiêng người tránh được, cười nói :

- Lão tam, người muốn chết ư ?

Trên mặt Thích Trường Phát lộ vẻ hoảng sợ :

- Tốt. Ta hôm nay cũng nói rõ cho người biết. Con gái ta trộm kiếng phổ của ta giàu trong hang động. Người đã biết nó là người tốt, đã là người nhà của họ Vạn sao cha con ngươi nỡ hạ độc thủ ? Người đem lại cho ta niềm hạnh phúc

như vậy sao ?

Vạn Chấn Sơn cười độc ác :

- Ủ phài, ta sẽ cho ngươi hạnh phúc đó. Nhưng không thể cho ngươi chết một cách dễ dàng. Háo sư đệ ! Người ra đi nhẹ nhàng nhé !

Lão đưa thanh trường kiếm lên nhắm vào đầu Thích Trường Phát mà bồ xuống. Dột nhiên, một luồng hòng quang lóe lên, cánh tay phải của Vạn Chấn Sơn rơi xuống đất. Chinh Dịch Vân đã dùng huyết dao cứu mạng Thích Trường Phát.

Chàng đỡ Thích Trường Phát dậy, gọi :

- Sư phụ ! Sư phụ ! Sư phụ có sao không ?

Thích Trường Phát ngây dại một lúc mới nhận ra Dịch Vân :

- Vân Vân nhị đây ư ?

Dịch Vân cách biệt sư phụ đã lâu, mới nghe lại được hai tiếng Vân nhị đã không cầm được bi thương.

- Thưa sư phụ, đúng là Vân nhị.

Thích Trường Phát hỏi :

- Con đã thấy hết mọi chuyện ở nơi này ?

Dịch Vân gật đầu đáp :

- Sư phụ ơi ! Sư muội ... sư muội đã ...

Vạn Chấn Sơn bị chặt đứt một cánh tay, toan tìm đường chạy ra khỏi miếu. Thích Trưởng Phát chặn lão lại, đâm một nhát. Vạn Chấn Sơn kêu lên một tiếng, chết ngay tại chỗ.

Thích Trưởng Phát nhìn hai thi thể của hai sư huynh, từ tốn nói :

- Văn nhi, con đã đến kịp thời, cứu được sư phụ. Ủa, bên đó có ai vậy ? Phương nhi phải không ?

Nghe đến hai tiếng "Phương nhi", tâm thần Dịch Vân chấn động, quay đầu nhìn lại nhưng không thấy ai. Trong lúc chàng đang kinh ngạc thì bất ngờ cảm thấy sau lưng đau nhức bèn xoay tay lại, chụp lấy cổ tay người tập kích. Chàng thấy mình chụp đúng cổ tay sư phụ. Dịch Vân rất chán nản :

- Sư phụ ... Đệ tử đã phạm tội gì mà sư phụ lại muôn ra tay ?

Đến lúc đó, chàng mới nhớ ra sư phụ vừa dùng kiếm đâm mình, nếu không có bảo y hộ thân, chắc chắn đã mất mạng rồi.

Thích Trưởng Phát bị nắm cổ tay, không xuất chiêu được nữa, nổi giận nói :

- Người... Người học được võ công cao minh, còn coi sư phụ ra gì nữa. Hãy giết ta đi ! Giết ta đi !

Dịch Vân lập tức buông tay :

- Con làm sao dám giết sư phụ ?

Thích Trường Phát nói tiếp :

- Đây là một pho tượng chưa đầy vàng. Người không muốn chiếm lấy làm của riêng sao ? Ta không giết người, người cũng sẽ giết ta.

Giọng nói lão ô ô, đầy tham vọng, nghe không ra tiếng người.

Dịch Văn nghiêng đầu, lui vài bước, bụng nghĩ :

- Sư phụ muốn giết ta chỉ để độc chiếm tượng Phật vàng ?

Trong nhất thời, chàng làm sao biết được chính Thích Trường Phát vì cùa cái có thể giết sư phụ, giết sư huynh, hoài nghi con gái của mình. Thế thì tại sao lão không dám giết đô đệ. Chàng nhớ đến lời dặn của Đinh Diễn : "Sư phụ của người có ngoại hiệu là Thiết tòe hoành giang (sợi xích giang ngang sông) khiến người ta lén không được, xuống chǎng cho. Thế thì việc gì lão không dám làm ?". Nghĩ đến đó, chàng lui thêm một bước, nói :

- Sư phụ. Con không muốn chia tượng Phật vàng của sư phụ đâu. Sư phụ cứ thu hướng một mình đi.

Chàng không thể hiểu được một người không còn thân nhân, đến con gái cũng không màng thì thừa hưởng một kho báu lớn có giá trị để làm gì ?

Thích Trường Phát không tin vào lỗ tai của mình, nghĩ bụng :

- Trên đời này có người nào thấy nhiều vàng bạc châu

báu như vậy mà chẳng động lòng? Gã tiều từ Dịch Vân này nhất định có quỷ kẽ gì đây.

Lão chịu hết nổi, nói lớn:

- Người lấy bao nhiêu khói? Đây là một pho Hoàng kim đại Phật, trong bụng tượng toàn là châu báu. Người có quỷ kẽ gì? Tại sao người lại không muốn lấy?

Dịch Vân không trả lời, định bước ra khỏi miếu bỗng nghe tiếng bước chân nhiều người đang đi tới. Chàng nhảy vọt lên nóc nhà, nghe ngóng, chỉ thấy hơn 100 người cầm đuốc, ỉ ới gọi nhau chạy vào tòa cổ miếu. Dịch Vân đã định bò đi, bỗng dừng nghe có tiếng gọi tên Vạn Khuê, vội dừng bước. Chàng phải phục thù cho Thích Phương.

Đám người ồn ào tranh nhau vào miếu. Dịch Vân nhìn thấy rõ ràng Vạn Khuê bị mấy gã đại hán khác dẫn đi nhưng trên người hắn lại mặc y phục của một tên tú tài nghèo. Nguyên lại, hắn đã cài trang thành một anh thây đổ, cố ý nhử cho bọn hào sĩ giang hồ ở bên tường thành bắt đê Vạn Chấn Sơn được ứng dụng đến Thiên Ninh tự tìm kho báu. Nhưng dưới sự tra cứu của đám đông, cuối cùng hắn đành phải lộ thân phận. Bọn người này buộc hắn phải đưa họ đến Thiên Ninh tự.

Thích Trưởng Phát nghe tiếng người vào, vội vàng nhảy lên thần đàn, định chụp lấy mó chầu báu lộ ra nơi vết chém của tượng Phật giấu đi. Song đã chậm rồi, bọn mới vào đã nhìn thấy lão đứng trên thần đàn. Dưới ánh sáng của mấy chục cây đuốc, ngôi miếu sáng như ban ngày. Mọi người nhìn thấy chầu ngọc, cùng ô lén một tiếng rồi tranh nhau

cướp. Cùng lúc đó, mọi người đều nhìn ra cánh cửa bí mật sau lưng tượng, bèn thò tay vào lấy vỏ số châu báu khác. Châu báu tiếng đồng, từng đồng, người này tranh cướp trên tay kẻ khác.

Đột nhiên, ngoài cửa miếu có tiếng hô lớn; rồi cửa miếu mở rộng ra. Bọn binh lính tiến vào:

- Tri phủ đại nhân đến. Các người không được loạn động.

Theo sau bọn lính là một người mặc quan phục, ngang nhiên bước vào. Lão chính là Giang Lăng tri phủ Lăng Thoái Tư. Lão có tai mắt trong thành, ngoài thành rất đông. Trong đám giang hồ hào sỉ đến đây cũng có bọn tay chân của lão. Nghe được tin đã tìm ra kho báu, lão vội đưa quân tới. Nhưng bọn giang hồ hào sỉ đã nhìn thấy châu báu thì còn lý gì đến tri phủ với tri huyện. Đối với chúng, châu báu mới chính là sinh mạng.

Dưới đất đầy châu ngọc, bảo thạch, bạch ngọc, san hô, phi thúy. Thuộc hạ Lăng Thoái Tư sao lại không biết cướp giật? Đường đường là tri phủ đại nhân, Lăng Thoái Tư cũng chịu không nổi, ôm một đồng vào lòng. Ai cũng muốn đoạt được báu vật nên đã có người đánh nhau chảy máu, có người chết.

Nhưng trong số người giành được nhiều châu báu đột nhiên có một gã ngã trên tượng Phật ôm lấy thân tượng mà kêu la. Lại thêm một người khác đập mạnh đầu mình vào tượng.

Dịch Văn cảm thấy hết sức kỳ quái :

- Tại sao lại như vậy ? Chà lẽ của cái làm cho thân tri bạn này mê muội ? Nếu vậy cũng không nên hổ đồ như thế.

Quả nhiên là bọn chúng đã phát điên, mặt đờ ngầu, cắn xé lung tung như dã thú, miệng ngâm đầy chau báu.

Dịch Văn bỗng nhiên hiểu ra : số chau báu này đã được tẩm độc được cực mạnh. Năm đó, hoàng đế sợ kho tàng của mình bị bọn ngụy binh chiếm đoạt, vì vậy đã lấy thuốc độc tẩm vào chau báu. Chàng nghĩ đến chuyện cứu sư phụ rồi tự trách mình không kịp ra tay ...

*

* *

Dịch Văn trồng trước mộ Đinh Diển và Lăng Tiếu thư mấy trâm cùm hoa cúc. Chàng không muốn thuê người, cứ tự tay làm lấy. Chàng vốn dĩ đã làm ruộng, đâu có lạ chỉ chuyện đất đai, giống má. Có điều, trước đây chàng chỉ trồng hẫu bi, rau quả, ít khi trồng hoa... Chàng quyết tâm rời bỏ chốn giang hồ gió tanh mưa máu đầy những trả nợ.

Rời xa đất Kinh Châu, Dịch Văn ầm Không Tâm Thái, để cho ngựa đi thong thả. Chàng sẽ không bao giờ quay trở lại chốn giang hồ hỗn tạp. Chàng muốn đi tìm lại người xưa dưới chân núi Nga My hoang vu tĩnh mịch. Không Tâm Thái cần có người nuôi dưỡng. Mùa đông Tuyết ở núi Nga My đã bắt đầu rơi nhiều rồi. Sắp tới sơn động này trước, từ

xa xa, Ðịch Vân đã nhìn thấy một cô gái đứng đó. Người ấy chính là Thùy Sinh.

Nàng cười rạng rỡ, chạy như bay về phía Ðịch Vân miệng gọi ríu rít :

- Đại ca, tiêu muội đợi đại ca lâu biết bao nhiêu. Tiêu muội biết rằng thế nào đại ca cũng trở lại.

*Nguyên tác : Liên Thành Quyết
Người dịch : Phạm Hoàng Oanh*



Phụ lục 2

*Nhạn Môn Quan
Bi Tráng*

*Trong Lục Mạch Thần Kiếm Truyền, có lẽ không
chương nào cảm động và đầy những tình tiết bất ngờ như
chương Nhan Môn Quan Bí Tráng sau đây. Tiêu Phong
người nước Khát Đan, bỏ chức vụ bang chúa Cai bang ra
đi. Ông cứu được hoàng đế Khát Đan là Gia Luật Hồng
Cơ, kết nghĩa huynh đệ với nhà vua và được phong làm
Nam viên đại vương. Ông còn có hai người em kết nghĩa
khác là Đoàn Dụ (hoàng đế Đại Lý) và Hư Trúc (cung chủ
cung Linh Thủu, núi Phiêu Diều).*

*Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu Phong đem quân
tấn công nhà Đại Tống. Nghị đến cảnh trâm họ hai nước
Tống - Liêu lâm than, Tiêu Phong đã chống lệnh hành
quân, bị bắt nhốt. Đoàn Dụ, Hư Trúc và những quân hung
Trung Quốc đã cứu được ông, đưa về đến ài Nhạn Môn
Quan nhưng người Tống không chịu mở cửa ài khi truy
binh của nước Liêu đã áp sát chân thành.*

Gia Luật Hồng Cơ giữ cây bảo đao cao lên làm hiệu.
Quân sĩ bên Liêu trận ngừng tung hô, im lặng
như tờ. Hồng Cơ hạ bảo đao nói :

– Tiêu Phong hiền đệ ! Hiền đệ đã hứa dẫn quân ta
qua ài mà sao chẳng thấy mở cửa ài ra ?

Nhà vua vừa mới nói xong, trên cửa ài đã có người
thông dịch lại tiếng Hán cho quan chỉ huy Trương tướng
quân nghe. Quân Tống rất tức tối, chỉ xuống mặt Tiêu Phong
mà thóa mạ àm ĝ. Tiêu Phong biết Gia Luật Hồng Cơ muốn

ly gián minh với người Tống. Bàn tám nhà vua chỉ muôn cho quân Tống không mở cửa ải.

Ông xuống ngựa, khom lưng nói :

– Tâu bệ hạ ! Tiêu Phong này đã chịu ơn dày, lại khiến cho bệ hạ nhọc lòng đến đây. Tôi của thần thật đáng muôn thắc !

Đột nhiên, có hai bóng người nhảy đến chỗ Gia Luật Hồng Cơ nhanh như chớp. Đó chính là Hư Trúc và Đoàn Dự. Cả hai nhận thấy trong hoàn cảnh này, chỉ còn cách bắt cóc Liêu để để ra điều kiện uy hiếp thì mới giữ cho mọi người còn được may mắn sống sót. Bỗng, một tiếng quát vang lên. Ba trăm quân Liêu cầm mộc đưa lên tạo ra một bức tường che chắn cho Gia Luật Hồng Cơ. Đội trường mâu, đội dao thủ đứng chen trước đội cầm mộc. Hư Trúc đã học hết chân truyền của Thiên Sơn Đồng Mô và Lý Thu Thủy, lại học được võ công kỳ ảo trong thạch thất cung Linh Thủ. Võ công của chàng đã đạt đến chỗ tùy tâm như ý. Còn Đoàn Dự đã hút được hết nội lực của Cửu Ma Trí. Ngoài ra, chàng còn có phép Lăng Ba vi bộ thì bọn Liêu binh làm sao ngăn chặn chàng cho nổi.

Liêu binh vung binh khí lên, đâm chém loạn xạ. Hư Trúc giờ cầm nã thủ pháp, nắm từng tê ném ngược vào phía quân Liêu. Chàng tiến gần đến chỗ Gia Luật Hồng Cơ. Thót nhiên, có hai tướng Liêu vỗ ngựa xông ra, vung thương đâm vào Hư Trúc. Hư Trúc đê khí nhảy lên cao rồi hạ xuống ngay chỗ Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ vung bảo đao, chém vào chân chàng. Hư Trúc vươn tay nắm súng đao rồi chụp ngay vào huyệt Mạch môn bên cổ tay mặt của Hồng Cơ. Đoàn Dự đã luồn qua khói đám quân binh, chụp được cánh

tay trai của nhà vua. Hai chàng kéo Hồng Cơ rời xuống khỏi ngựa, hô to một tiếng rồi lôi Hồng Cơ chạy về phía trước.

Liêu binh kinh hái, la hét vang dội nhưng thấy nhà vua đã bị không chế đều không biết làm sao để giải cứu. Vài tên liều mạng xông vào nhưng đều bị Hư Trúc và Đoàn Dự vung cước đá văng đi.

Hư Trúc, Đoàn Dự bắt cóc được Liêu để bèn cà mừng. Thế nhưng, bỗng dung Tiêu Phong nhảy bổ tới, vung chưởng đánh vào hai người. Cả hai hoảng hốt, phải buông Hồng Cơ, vung tay lên đón đỡ kình lực mãnh lực của hai phát chưởng. Bốn chưởng giao nhau, kình phong rất rạt. Tiêu Phong thừa thế, cứu được Gia Luật Hồng Cơ.

Mọi người ở hai bên mặt trận Tống - Liêu đều ào ào nhào tới. Bên Liêu định cướp lại hoàng đế, bên Tống định cứu ứng cho ba anh em Hư Trúc, Đoàn Dự, Tiêu Phong. Tiêu Phong vận trung khí đầy rẫy, nói lớn :

- Xin liệt vị im lặng. Tại hạ có một chút chuyện trình cùng Đại Liêu hoàng đế.

Mọi người lập tức đứng im tại chỗ. Sau phút ngỡ ngàng, Hư Trúc cùng Đoàn Dự bèn vòng ra đứng sau lưng Gia Luật Hồng Cơ, phòng y chạy trốn đồng thời ngăn cản những tên Liêu binh liều mạng cứu vua.

Sắc mặt Gia Luật Hồng Cơ tái nhợt. Y nghĩ bụng :

- Tinh thảng cha Tiêu Phong này vốn nóng nảy. Hắn đã bị mình giam trong cũi nhốt sư tử, bây giờ chắc chắn hắn sẽ báo thù, khó có thể dung tha cho mình.

Bóng nghe Tiêu Phong nói :

– Tâu bệ hạ ! Hai người này là anh em kết nghĩa của tiều thần. Cúi xin bệ hạ bình tâm. Nhị đệ là Hư Trúc, chủ nhẫn Linh Thủ cung. Tam đệ là Đoàn Dự, người nước Đại Lý. Tiều thần đã trình tâu chuyện này lên bệ hạ rồi.

Gia Luật Hồng Cơ đăng hắng một tiếng rồi nói :

– Tiếng đồn quá danh bất hư truyền.

Tiêu Phong nói :

– Tiều thần xin để bệ hạ trả về bản tận. Kính mong bệ hạ khoan thứ cho.

Hồng Cơ hỏi :

– Các ngươi muốn gì ?

Tiêu Phong nói :

– Hai vị hiền đệ của tiều thần đã bắt được bệ hạ. Bệ hạ phải theo tập tục người Khất Đan chúng ta, đem đồ chuộc mới xong.

Hồng Cơ nhẫn tí, hỏi :

– Các ngươi đòi chuộc thứ gì ?

Tiêu Phong đáp :

– Tiều thần thay mặt hai hiền đệ, dám mong bệ hạ hứa cho một lời.

Hồng Cơ hỏi :

- Lời gì ?

Tiêu Phong đáp :

- Kính mong bệ hạ lập tức ra lệnh triệt binh và không cho một tên Liêu binh nào vượt biên giới, xâm phạm vào đất Tống nữa.

Đoàn Dự nghe đại ca nói, mừng rỡ nghẹt bụng :

- Quân Liêu đã không qua được đất Đại Tống thì tất nhiên không thể xâm phạm vào đất Đại Lý của ta được nữa.

Chàng lên tiếng :

- Nếu hoàng đế thuận tình hứa cho như vậy thì bọn tiểu đệ thà ra ngay.

Rồi quay sang hỏi Hư Trúc :

- Nhị caơi ! Nhị ca muốn hoàng đế Liêu quốc chuộc mạng bằng cái gì ?

Hư Trúc đáp :

- Tiêu huynh cũng chỉ mong ngài hứa cho một lời như vậy.

Gia Luật Hồng Cơ xám xanh cả mặt :

- Các ngươi dám bức bách trẫm ư ? Nếu trẫm không thuận thì sao ?

Tiêu Phong nói :

- Thì thưa bệ hạ, ngọc đá cũng hóa ra tro bụi. Ngày

trước khi kết giao nghĩa kín lan, tiêu thân đã nguyện cùng chết với bệ hạ một ngày.

Hồng Cơ kinh hãi nghĩ thầm :

– Thằng cha Tiêu Phong này rất lớn mật, ăn nói như định đóng cột. Mình mà không theo ý hắn, chắc chết như chọi.

Nhà vua nổi lên một tràng cười rộ :

– Cái mạng của trẫm có thể đem đổi mấy chục năm hòa bình cho cả hai nước. Thế thì chắc chắn là quý lắm ?

Tiêu Phong đáp :

– Bệ hạ là thiên tử Đại Liêu. Thời gian này còn có cái gì quý hơn ?

Gia Luật Hồng Cơ quay đầu nhìn về bàn trận, thấy tướng sĩ của mình đứng quá xa, không sao giải cứu được cho mình. Nhà vua tính toán nặng nhẹ, liền rút ra một mũi Lang nha tiễn (tên chó sói), bè đôi rồi liêng xuống đất :

– Ta chấp thuận.

Tiêu Phong nói :

– Xin đa tạ bệ hạ.

Gia Luật Hồng Cơ giơ cao cây bảo đao, dõng dạc nói :

– Tam quân Đại Liêu hãy lắng nghe trẫm ra chỉ dụ. Từ nay, hai nước Liêu - Tống giao hảo huynh đệ, ta lập tức thu binh bãi chiến. Trong suốt đời trẫm còn trị vì, cầm không

cho một anh em nào vượt biển qua xâm phạm đất nhà Đại Tông.

Tiêu Phong kinh cần nghiêng mình :

– Tiêu thần xin tiên bệ hạ về ban trận.

Hồng Cơ vừa phẫn hận, vừa xấu hổ. Nhưng nhà vua không thể to ra khiếp nhược trước mặt Tiêu Phong. Ngài trán tinh, từ từ quay về ban trận. Mày chục tên thân binh chạy đến đón tiếp. Đôi chân nhà vua **loạng choạng** chỉ muốn ngã ngồi ra đất, hai tay run rẩy, mồ hôi đầm đìa. Liêu binh thấy hoàng đế trở về bình yên, tung hô vạn tuế.

Quân Tông đứng trên ái Nhạn Môn Quan và quần hào Trung Nguyên nghe Liêu đế hạ lệnh bãi binh đều reo hò. Mọi người biết rằng người Khất Đan rất giữ chữ tín, khi hai nước đã giao ước, họ không bao giờ vi phạm. Gia Luật Hồng Cơ nhìn vào mặt tướng sĩ của mình, thấy mắt họ long lanh nỗi mừng vui, bất giác nghẹt bụng :

– Hóa ra, quân sĩ của ta cũng chẳng thích Nam chinh. Nếu minh đánh, chưa chắc đã thủ thắng được.

Nhà vua quay lại nhìn Tiêu Phong, thấy ông vẫn đứng ngay như tượng gỗ. Ngài nói :

– Tiêu đại vương ! Người đã lập được công to với nhà Đại Tông, chắc chắn sẽ được phong tặng hậu hĩ thôi.

Tiêu Phong dōng dạc trả lời :

– Tâu bệ hạ, tiều thần là người Khất Đan, lại mang tội lớn là đã bức bách bệ hạ. Tiều thần không còn măt mũi nào

sóng trên cuộc đời này nữa, chỉ biết lấy cái chết để đèn ơ và xin bệ hạ tha thứ cho.

Ông cúi xuống lagem hai khúc Láng nhà tiền gầy lên. vận hết công lực đâm mạnh vào trái tim mình.

Gia Luật Hồng Cơ kinh hãi la lớn :

- Chao ôi !

Hư Trúc và Đoàn Dự cung đồng thanh kêu lên :

- Đại ca ! Đại ca !

Nhưng hai đoạn tên đã cắm đúng vào trái tim, Tiêu Phong đã chết rồi. Hư Trúc và Đoàn Dự nằm xuống, khóc rống ! Bang chúng Cái bang và quần hào Trung Nguyên cũng quỳ xuống, vái lạy.

Trên trời xanh, tiếng chim chót riu rít. Một đàn hòng nhạn từ phương Bắc bay về phương Nam, vượt qua giữa hai bức tường thành Nhện Môn Quan rồi xa hút. Vó ngựa vang lên, hàng vạn binh lính Liêu quốc vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn thi thể Tiêu Phong. Quân Liêu đi xa dần, tiếng vó ngựa như tiếng sấm, vang vọng sau những dãy núi xanh xanh.

A Từ quỳ xuống, ôm lấy thi thể Tiêu Phong nói nhẹ nhàng :

- Tỷ phu ơi ! Từ nay, tiểu muội vĩnh viễn ở bên tỷ phu. Tâm nguyện của tiểu muội như vậy là trọn rồi.

Nàng ôm lấy xác Tiêu Phong, băng băng chạy về phía trước. Bỗng nhiên, nàng cảm thấy hong chén rời thân hình nàng và Tiêu Phong cùng rơi xuống khoang sâu vô tận. Đây hang mây phủ mờ mịt.

Dàn hồng nhạn vẫn tự do bay qua bức tường thành Nhạn Môn Quan.

Nguyên tác : Lục Mạch Thần Kiếm Truyện

Người dịch : Vũ Đức Sao Biển

(Nguyệt san Lao Động Xã Hội - 1995)

Phụ lục 3

Thánh Sú Nữ

Trích : Ý Thiên Đồ Long Ký

Tóm lược những chương trước : Đại Ý Ty, thánh sứ nữ của Minh giáo (Báu hòa giáo) Ba Tư, sang Trung Quốc vào cuối thời Nguyên, lây một người Trung Quốc và sinh ra con gái là Tiêu Siêu. Tiêu Siêu được mẹ đưa vào "nấm rung" trong nốt bỏ Minh giáo Trung Quốc để đánh cắp bá châm kinh. Nhưng Tiêu Siêu đã đem lòng yêu thương Trương Vô Ky. Minh giáo Ba Tư đưa người sang Trung Quốc bắt Đại Ý Ty vì bà đã phản bội lời thề, không còn là thánh sứ nữa. Tiêu Siêu phải nhận lỗi về Ba Tư lên ngôi giáo chủ để cứu mẹ. Cô dành chia biệt mỗi tình đầu với Trương Vô Ky.

Trương Vô Ky vừa lau khô mồ hôi mẩy thì cửa khoang thuyền sập mở và một cô gái bước vào. Nàng chính là Tiêu Siêu. Tiêu Siêu cầm một bộ quần áo ngắn và một chiếc áo dài :

- Thưa Trương công tử, tiểu nữ xin được phục thị thay áo.

Vô Ky nghe lòng xúc động tràn trề :

- Tiêu Siêu cô nương ! Bây giờ, cô đã trở thành giáo chủ của Minh giáo Ba Tư rồi. Ta chỉ là hàng bột thuộc của cô nương mà thôi. Sao cô còn vào đây phục thị ta làm gì nữa.

Tiêu Siêu năn nỉ :

- Công tử ơi, đây là lần sau cùng, xin cho tiểu nữ được hầu hạ công tử. Ngày mai, tiểu nữ về Ba Tư rồi, công tử ở lại

Trung Quốc, xa cách ngàn trùng biết làm sao còn được thấy nhau. Lúc ấy, tiểu nữ có mơ ước được hầu hạ công tử một lần thôi cũng chưa được nào.

Giọng Tiêu Siêu run run. Vô Ky cảm động, đành phải để yên cho nàng thay áo như mọi khi. Thay áo xong, nàng lại chải tóc Vô Ky, nước mắt tuôn rơi từng giọt. Vô Ky dang tay ra ôm lấy nàng. Tiêu Siêu khẽ kêu lên một tiếng, người run run bần bật. Vô Ky hôn lên má nàng, thì thầm :

— Tiêu Siêu muội tử ! Trước đây, ta thầm trách muội tử định lừa ta nhưng không ngờ tấm lòng muội tử lại dịu dàng như vậy.

Tiêu Siêu úp mặt vào ngực chàng :

— Công tử ơi, tiểu nữ đã có lừa dối công tử thật. Má má của tiểu nữ nguyên là thánh sứ nữ của tổng giáo Ba Tư, nhận lệnh giáo chủ sang Trung Quốc để làm việc thiện rồi mới quay về Ba Tư lên ngôi giáo chủ. Thật không ngờ má má lại thương yêu gia gia, kết hôn với gia gia và phản lại lời thề với tổng giáo. Má má tự biết mình nặng tội nên đã truyền thiết chí lại cho tiểu nữ và ra lệnh cho tiểu nữ thâm nhập vào Quang Minh Đinh để đánh cắp chánh kinh. Lòng tiểu nữ lúc nào cũng hổ thẹn nhưng tiểu nữ đã nguyện không bao giờ trở về Ba Tư để lên ngôi giáo chủ Minh giáo nữa. Tiểu nữ chỉ mong được phục thị cho công tử, suốt đời ... không xa công tử, có phải tiểu nữ đã từng nói như vậy không ?

Vô Ky lặng gật đầu, ôm nàng lên và hôn nàng say đắm. Tiêu Siêu vẫn dịu dàng để cho chàng hôn. Hạnh phúc trộn lẫn với niềm đau khiến nước mắt nàng tuôn chảy. Nàng thỏ thẻ :

– Tiểu nữ đã thuộc lòng Cảnh khôn đại nã di tâm pháp nhưng xin hứa không khi nào dùng nó để chống lại công tử đâu. Thực ra, trong lần cuối cùng hôm nay, tiểu nữ mới dám thổ lộ điều này.

– Ta biết rồi, muội muội đừng nói nữa.

– Không, hãy cho tiểu nữ nói. Ngay từ lúc còn là con bé, tiểu nữ đã nhận ra hình như má má có điều gì lo buồn, bất an. Sau đó, má má cải trang thành một bà già xấu xí để che lấp cái vẻ yêu kiều xinh đẹp đi. Má má lại cầm không cho tiểu nữ được thân cận với chàng trai nào. Bà đưa tiểu nữ đi xa nhờ một gia đình khác nuôi nấng, vài năm mới ghé thăm một lần. Tiểu nữ không hiểu được mảnh lực nào đã khiến má má kết hôn với gia gia. Nhưng công tử ơi, bây giờ thì tiểu nữ đã hiểu. Nếu đôi ta không được sống bên nhau thì đừng nói làm giáo chủ, dẫu cho tiểu nữ có lên ngôi vị nữ hoàng Ba Tư đi nữa thì cuộc đời vẫn vô vị.

Má nàng ửng hồng như hoa đào. Nàng khóc nức nở, nước mắt ướt đẫm cả ngực áo Vô Ky. Bỗng nhiên bên ngoài có tiếng gọi lớn của Đại Ý Ty :

– Siêu nhi, nếu con không chê ngự nổi tình yêu thì rất có hại cho Trương công tử đó.

Tiểu Siêu giật mình, buông Vô Ky ra, đứng dậy :

– Xin công tử quên tiểu nữ đi, đừng nhớ thương gì nữa. Hân Ly cô nương mới đáng là người cho công tử thương nhớ, đáng kết duyên với công tử.

Vô Ky khẽ nói :

– Muội tử, hay là chúng ta cứ liều xông ra bắt một số bọn Bảo Thủ Vương rồi uy hiếp chúng đưa mình trở lại đảo?

Tiểu Siêu lắc đầu :

– Không được Họ biết hết cà rốt. Tạ Tốn đai hiệp và Hàn Ly cô nương đã bị họ không chế. Chúng ta làm khác, họ sẽ giết các vị ấy ngay.

Nàng mở cửa khoang ra. Vô ky nhìn thấy hai người Ba Tư cầm kiếm chĩa vào lưng Đại Ý Ty. Hai người khác cùi chào Tiểu Siêu. Còn những người khác thì uy hiếp Tạ Tốn. Tiểu Siêu quay lại :

– Thưa công tử. Cao chữa thương của Ba Tư rất tốt. Xin hãy lấy thuốc chữa ngay cho Hàn Ly cô nương.

Nàng đổi giọng nói một tràng tiếng Ba Tư. Công Đức Vương vội lấy lọ thuốc, cung kính đưa cho Vô Ky. Tiểu Siêu lại nói :

– Tiểu nữ xin được tiễn chư vị về Trung Quốc. Xin hãy tin rằng, dù ở Ba Tư, lòng tiểu nữ vẫn ngày đêm mong cầu cho công tử bình an.

Nàng càng nói, càng nghẹn lời. Vô Ky an ủi :

– Muội tử sống nơi đầm rồng hang cọp, cũng nên đề phòng.

Tiểu Siêu gật đầu rồi ra lệnh cho bọn thuộc hạ nhô neo, kéo buồm. Vô Ky đứng ngắn ngơ dưới thuyền của mình.

Tiếng tù và bên thuyền Tiều Siêu rúc lên từng hồi nghe buồn mênh mang. Buồm căng gió, thuyền nàng đi càng lúc càng nhanh. Tiều Siêu đứng ở đầu thuyền, mắt ngoái nhìn về hướng thuyền Võ Ky.

Võ Ky ngân ngơ nhìn cho đến lúc thuyền của Tiều Siêu chỉ còn là một chấm đen trên mặt biển. Trong tiếng gió thổi, chàng vẫn tưởng như tiếng khóc của nàng còn vang vọng đâu đây.

Nguyên tác : Ý Thiên Đồ Long Ký

Bản dịch : Vũ Đức Sao Biển



Phụ lục 4

**Vụ văn tự ngực
lớn nhất lịch sử
Trung Hoa**

Truớc hết, khái niệm văn tự ngục là khái niệm để chỉ một vụ án mà trong đó, yếu tố văn chương và tác phẩm trở thành vật chứng. Nó bày tỏ quan điểm chính trị và lập trường tư tưởng của những tác giả viết ra nó. Trong lịch sử phong kiến Trung Quốc, đã có một vụ văn tự ngục như vậy xảy ra dưới triều vua Khang Hy (1662 - 1722) nhà Thanh. Vụ án đã được tái hiện trong tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung - bộ *Lộc Đỉnh Ký*. Kim Dung gọi đó là vụ án *Minh Thư Tập Lược* và căn cứ vào chính sử của triều Thanh, ông đã dựng lại vụ án như tiền đề tạo ra tác phẩm *Lộc Đỉnh Ký*. Nhưng tại sao Kim Dung lại chọn vụ *Minh Thư Tập Lược* ?

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung. Chữ Dung trong họ tên ông có nghĩa là quả chuông lớn. Ông tách chữ Dung ra làm hai phần : bộ Kim có nghĩa là thanh thép và âm Dung có nghĩa là tầm thường, tạo ra bút danh Kim Dung (thanh thép bình thường). Kim Dung vốn người họ Tra, quê

ở Hải Ninh, Triết Giang. Ông nội của ông đã từng làm tri
phu Hải Ninh dưới triều vua Quang Tự (1871 - 1908). Tổ
tiên họ Tra - gồm Tra Y Hoàng, Tra Kế Tá, Tra Thận Hành
- là những nạn nhân trực tiếp của vụ *Minh Sử* dưới triều
Khang Hy. Chọn vụ *Minh Thư Tập Lược* để làm chìa khóa
cho tác phẩm tiểu thuyết *Lộc Đỉnh Ký*. Kim Dung đã muôn
thuật lại lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh chống xâm
lược nhà Thanh của tổ tiên mình và những nỗi đau mà họ
Tra 3 thế kỷ trước đã phải gánh chịu.

Năm 1637, tám đạo cờ của quân Mãn Châu từ miền
Đông Bắc kéo quân vào đất Trung Quốc, đánh tan đội quân
phóng thủ Sơn Hải Quan của Ngô Tam Quê, thôn tính đất
Trung Quốc. Vị vua cuối cùng của triều Minh là Sùng Trinh
hoàng đế, một hồn quân nhu nhược, phải bỏ ngai vàng mà
chạy. Ngô Tam Quê là một tên Hán gian, nhanh chóng đầu
hàng quân nhà Thanh, dẫn quân truy kích và bức tử Sùng
Trinh hoàng đế năm 1643. Vị vua đầu tiên của nhà Thanh
lên ngôi tại Trung Quốc là Thuận Trị hoàng đế. Làm vua
được 9 năm, Thuận Trị nhường ngôi cho con là Khang Hy,
bỏ lên Ngũ Đài Sơn di tu.

Là một tập đoàn xâm lược, tám đạo cờ quân Mãn Châu
đã mở cuộc tàn sát rất dã man với người Hán. Tại Dương
Châu, họ đã cướp bóc, hãm hiếp đúng 10 ngày; tại Gia Định,
họ đã 3 lần giết chóc những người Trung Quốc vô tội. Cho
nên, câu chuyện Dương Châu thập nhất, Gia Định tam đồ
là câu chuyện truyền miệng trong dân gian nói về tội ác của
quân xâm lược Mãn Châu không bao giờ phai mờ trong tâm
trí những người Trung Quốc.

Vua Khang Hy lên ngôi năm 1662, khi hấy còn là một đứa trẻ thơ; triều Thanh lọt hết vào tay gã quyền thần Ngao Bá. Ngao Bá được xưng tụng là Đệ nhất dũng sĩ Mân Châu, tính tình khắc bạc và khát máu. Những người Trung Quốc yêu nước đã tìm mọi cách để chống lại nhà Thanh. Bọn vòi biền tập hợp dưới trướng của Trần Vinh Hoa tức Trần Cận Nam, lập ra Thiên địa hội với tôn chỉ phản Thanh phục Minh (chống nhà Thanh, khôi phục nhà Minh). Các nhà văn có đầu óc như Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng, Tra Kế Tá, Tra Thận Hành họp nhau soạn bộ *Minh Thư Tập Lược*. Ngay khi triều Thanh đang cai trị, một bộ sách ra đời có tựa đề *Minh Thư Tập Lược* đã là đại phản nghịch huống chi các niên hiệu được sử dụng trong bộ *Minh Thư Tập Lược* lại toàn là niên hiệu triều Minh ! Một gã nho sĩ người Hán tên là Ngô Chí Vinh tình cờ mua được bộ *Minh Thư Tập Lược* và hắn làm một bản tấu chương phân tích những chi tiết “đại nghịch vô đạo” của những tác giả viết bộ sách, tâu lên vua Khang Hy để tàng công. Biểu tấu chương đến tay Ngao Bá. Ngao Bá lập tức bắt hạ ngục Trang Kiến Long. Bọn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng trốn được về Dương Châu, mai danh ẩn tích, Ngao Bá điều tra vụ văn tự ngục, hạ lệnh giết toàn thể đàn ông họ Trang.

Ngô Chí Vinh được phong tri phủ Dương Châu. Khang Hy trừ xong Ngao Bá, tin dùng một gã thiếu niên là Vi Tiểu Bảo (nhân vật hư cấu của Kim Dung). Vi Tiểu Bảo là người của Thiên địa hội; y được bổ về Dương Châu công cán, lại gặp ... Ngô Chí Vinh. Ngô Chí Vinh lại làm một biểu tấu chương thứ hai dâng Vi Tiểu Bảo, hại tội bọn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng, Tra Thận Hành, Tra Kế Tá ... Tương kế tựu kế, Vi Tiểu Bảo cứu bọn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng; đề nghị bọn Tra, Cố nhại theo thủ bút Ngô Chí Vinh, viết một lá thư

liên hê bọn Ngô Tam Quê, lúc bấy giờ đang nổi lên chống lại Khang Hy tại vùng Vân Nam. Chính từ bức thư giả đó, Vi Tiểu Bảo đã bắt giữ Ngô Chí Vinh vì tội "tư thông Phiên tặc" giao Ngô Chí Vinh cho vợ Trang Kiến Long giết để trả vong hồn chồng.

Vụ án ván tự ngục triều Khang Hy do Ngao Báu trực tiếp điều tra và xử lý đã giết chết trên 2.000 nhà nho, phần lớn là đàn ông họ Trang. Nó được coi là vụ ván tự ngục lớn nhất lịch sử phong kiến Trung Quốc vì ngay đến vụ án phán thư khanh nho đời Tân, Tân Thùy Hoàng cũng chỉ giết có 460 nhà nho tại Hàm Dương. Ngao Báu giết nhiều nhà nho như vậy cũng chỉ vì một lý do đơn giản : triều Thanh mới định hình, vua Khang Hy còn nhò, y có tham vọng kiểm quyền Khang Hy để lên ngôi vua và việc đàn áp các nhà nho người Hán, tiêu diệt lớp tinh hoa ưu tú đó nằm trong ý đồ thực hiện tiềm ngô của Ngao Báu. Rất may mắn cho các nhà nho Trung Quốc là Khang Hy đã kịp thời bắt giữ Ngao Báu, thi hành một chính sách khoan hòa với người Hán, sửa sai những tội lỗi của tổ tiên trước đây. Ông được người Hán xưng tụng là một minh quân nhân từ và mặc cảm Hán - Mãn đã được giải tỏa. 60 năm ở ngôi của Khang Hy thực sự là 60 năm thái bình thịnh trị trong lịch sử phong kiến Trung Quốc.

Điều tuyệt vời nhất trong *Lộc Đỉnh Ký* là Kim Dung đã đặt tiểu thuyết của mình vào bối cảnh lịch sử có thật với nhân vật có thực (Khang Hy, Ngao Báu, Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng, Ngô Chí Vinh ...) kết hợp với nhân vật hoàn toàn hư cấu (Vi Tiểu Bảo); biến chính sử trở thành bộ tiểu thuyết lôi cuốn, hấp dẫn. Trong *Lộc Đỉnh Ký*, Kim Dung đã thể hiện lập trường khá rõ ràng : khinh bỉ

bọn Hán gian Ngô Tam Quέ, Ngô Chi Vinh, ca ngợi Thiên
địa hội, Trang Kiến Long, Cò Viêm Vô, Khang Hy. Và dĩ
nhiên, Tra Y Hoang, Tra Thận Hành, Tra Kế Tá cũng là
những nhà nho được ông ca ngợi bởi vì họ là tổ tiên của ông
- Tra Lương Dung tức Kim Dung.

Vũ Đức Sao Biển
(*Nghyết san Pháp Luật* - 1996)

Phụ lục 5

***Kim Dung
giữa
đại học Bắc Kinh***

Tiểu thuyết gia võ hiệp Đài Loan - tiến sĩ Kim Dung đã được mời về đại học Bắc Kinh để trao hâm giáo sư danh dự. Ông được công nhận như một nhà văn kỳ tài của Trung Hoa. Và ông đã “trở về”.

Trong văn học Trung Quốc, tiểu thuyết võ hiệp thường được cho là thuộc dòng văn học thông tục và không ít người quan niệm rằng nhã và tục như nước với lửa, khó mà dung nạp với nhau. Song mới đây, đại học Bắc Kinh (Bắc Đại) đã tìm được điểm chung giữa hai dòng văn học ấy. Tác phẩm của Kim Dung. Và trường đại học nổi tiếng là “đại nhã chí đường” này quyết định phong hâm giáo sư danh dự cho nhà tiểu thuyết võ hiệp trữ danh Kim Dung.

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung, người Hải Ninh, Triết Giang. Năm 1948, sau khi tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện ở Thượng Hải, ông sang HongKong làm việc cho tờ *Đại Công Báo*. Về sau, ông sáng lập ra tờ *Minh Báo*.

Thực ra, Kim Dung là người rất nhã. Ông Ngô Thủ Thanh - hiệu trưởng Bắc Đại - nhận xét như thế bởi lẽ "Kim Dung không chỉ là nhà văn mà còn là nhà báo, nhà chính luận, học giả tài hoa".

Tin Kim Dung đến Bắc Đại nhận hàm đã khuấy động bầu không khí ở Bắc Đại. Ngoài vườn trường, ở thư dinh đâu đâu cũng thấy tiêu thuyết của Kim Dung. Hôm cử hành nghị thức, sinh viên không có giấy mời đã tụ tập bên ngoài rất đông, chờ đợi để được nhìn thấy Kim Dung. Trong hội trường càng sôi động hơn. Các nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng như Viên Hành Báu, Nghiêm Gia Viêm... đều đến tham dự. Giáo sư Nghiêm Gia Viêm, qua một bản báo cáo rất dài, ca ngợi : "Kim Dung đã đưa tiêu thuyết võ hiệp lên ngang hàng với văn học cung đình. Thông qua thế giới của các nhân vật võ lâm, ông đã vẽ lên bức tranh muôn màu muôn vẻ của lịch sử, của đời sống xã hội bằng tri thức lịch sử uyên thâm cùng với một văn phong làm người đọc say mê. Kim Dung đã mượn võ thuật để thể hiện sức mạnh tinh thần nội tại của văn hóa dân tộc. Lại mượn văn hóa truyền thống để giải thích quan điểm về võ học của mình : võ công giúp con người tu tâm dưỡng tính, để thể hiện triết lý, nhân sinh ...". Đánh giá của giáo sư Nghiêm Gia Viêm cho thấy giới văn học chính thống của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã nghiên cứu tình huống những tác phẩm của Kim Dung.

Đại học Bắc Kinh yêu mến Kim Dung và Kim Dung cũng ngưỡng mộ nơi đây. Trong phần diễn thuyết, ông kể : "Đại học Bắc Kinh là nơi tôi ngưỡng mộ đã lâu. Thời kháng chiến, khi thi vào đại học, nguyện vọng của tôi là trường đại học Tây Nam liên đại (lúc đó gồm ba trường Bắc Đại, Thanh Hoa, Nam Khai hợp thành). Nhưng thi đậu rồi lại không có

tiên để đi học. Giờ đây, trở thành người một nhà, tôi cảm thấy vò cung sung sướng. Vắng, tôi đã trở về". Trái với sự mong đợi của mọi người, Kim Dung không bàn về võ hiệp, ông nói: "Hôm nay xin được miễn bàn về võ hiệp. Nói về võ hiệp không trang nghiêm nên sẽ làm bừa đến lịch sử". Theo Kim Dung, dân tộc Trung Hoa trải qua bao biến đổi, thăng trầm vẫn không diệt vong mà ngày càng lớn mạnh bởi nền văn hóa Trung Hoa mang tính bao dung và khai phóng. Với những dẫn chứng uyên bác và lời khôi hài tinh tế, Kim Dung đã nhận được tán thưởng nhiệt liệt của mọi người. Kim Dung còn chinh phục được cảm tình của người Bắc Đại bằng hai câu đối :

*Thảo Đường phú thi
Bắc Đại giảng học.*

Thật là khiêm tốn ! Ông đã cho việc mình được thuyết giảng học thuật tại Bắc Đại là điều vinh dự và hạnh phúc như được làm thơ nơi Thảo Đường của đại thi hào Đỗ Phủ.

Nhiều cuộc tọa đàm giữa giáo sư, sinh viên của trường đại học Bắc Kinh và Kim Dung được tổ chức với mục đích khám phá "bí mật" sáng tác của Kim Dung. Hy vọng rằng những người "mê Kim Dung" sẽ hài lòng phần nào.

– Tiểu thuyết của ông đã đem lại cho văn học Trung Quốc của chúng ta một vấn đề nan giải đó là không nên xếp nó vào loại nào ? Là tiểu thuyết thông tục ? Đường như chưa chính xác bởi vì ông đã kết hợp văn học cũ - mới; nhã - tục với nhau. Nếu như dùng văn học hiện hữu để bình luận, khái niệm thì e rằng đã vô tình hạ thấp giá trị tác phẩm của ông chẳng ?

– Sơ dĩ tiêu thuyết của tôi được hoan nghênh là do ngoài tình tiết lý kỳ còn có một nguyên nhân quan trọng khác : tôi luôn sử dụng thủ pháp sáng tác truyền thống của dân tộc. Trên thực tế, văn học mới không phải là truyền thống của văn hóa Trung Quốc. Một số người cho rằng đó là loại văn chương sâu sắc, khó mà tiếp nhận, không phải là những thư mà Trung Quốc đã co. Văn học mới, văn thể mới dành cho thành phần trí thức đọc chứ không phải cho mọi người xem. Người ta xem tiêu thuyết đâu chỉ để đọc "truyện" mà còn thích xem văn thể Trung Quốc. Cho nên tôi mong rằng các tác giả sáng tác bằng văn thể Trung Quốc không nên dùng văn tự Âu hóa.

– Khi viết tiêu thuyết, ông đặt mình ở vị trí nào ?

– Trước khi viết, bao giờ tôi cũng xác định mình là người đứng ngoài cuộc, người quan sát nhưng rồi lại bị cuốn hút vào đó. Tôi là người đa cảm, viết đến chuyện buồn bã lại không cầm được nước mắt.

– Tiêu thuyết của ông liên quan đến rất nhiều nội dung như lịch sử, Phật học, Đạo giáo, trà đạo, tuu đạo, vi kỳ, hoa ... Nhiều độc giả cho rằng ông hình như đã từng thực hành qua. có phải ông rất tinh thông các lĩnh vực đó ?

– Quả thực có một số thứ tôi đã làm qua. Tôi biết vi kỳ, tuy tính toán không bằng chuyên gia nhưng cũng hạ được nhiều người. Thủ pháp biết một ít song viết không đẹp lắm; cổ cảm thì không biết đánh và chỉ là người thích âm nhạc; họa cũng thích xem và hiểu, nhưng không biết vẽ. Như thế, không thể nói cũng tinh thông tất cả được.

- Trong tiêu thuyết của ông thường đề cập đến Phật học, vậy có thể khẳng định ông có nghiên cứu không ?

- Hứng thú của tôi rất nhiều, chủ yếu là những gì thuộc về văn hóa, lịch sử Trung Quốc. Đối với Phật học, tôi tương đối thích Phật giáo tiêu thừa nhưng chỉ là tư tưởng nguyên thủy của Thích Ca Mâu Ni.

- Ông sẽ "tái xuất giang hồ" chứ ?

- Tuổi tôi bây giờ cũng đã cao, tôi muốn được tiêu dao. Gia như tiếp tục viết, sợ rằng không đủ minh mẫn và sức lực. Trong các bộ tiêu thuyết mà tôi đã viết còn chưa có nhân vật và tình tiết trùng lắp, nếu viết nữa sẽ không giữ được chuẩn mực ấy. Tôi không muốn để độc giả thất vọng.

Bản dịch : Phạm Hoàng Oanh
Theo Nhân Dân Nhật Báo
(Thanh Niên Bản Nguyệt San Xuân 1996)



Phụ lục 8

**Tù nỗi oan
của Hòa Sinh
đến
Liên Thành Quyết**

Nguyên tác : Hậu Ký Liên Thành Quyết

của Kim Dung

Bộ *Liên Thành Quyết* của nhà văn Kim Dung
in lần đầu tiên năm 1963. Đến năm 1977, ông cho chỉnh
lý lại bộ sách và tái bản. Đặc biệt, trong lần tái bản
này, ông đã bổ sung thêm phần Hậu Ký, giải thích
trường hợp viết *Liên Thành Quyết*.

Tôi đã trải qua những ngày thơ ấu tại Hải Ninh,
Triết Giang. Dạo ấy, nhà tôi có một trường công
tên gọi Hòa Sinh. Ông là một người tàn phế, một người gù.
Tuy chỉ bị bướu ở một bên lưng nhưng hình dáng của ông
trông thật cổ quái. Nói là trường công chứ thật ra công việc
của Hòa Sinh chỉ là quét sân, lau bụi và đưa rước bọn trẻ đi
học. Mỗi khi gặp ông, các bạn học của tôi lại vỗ tay, hát ghẹo :

*Lung gù là bác Hòa Sinh
Than dào là vắt trên mình ra đi*

Than dào là, tiếng quê tôi, có nghĩa là cái rá vo gạo
bằng tre.

Những lúc ấy, tôi thường nắm tay Hòa Sinh và bảo các
bạn đừng hát nữa. Có lần, tôi ngăn họ không được, tức quá,
bật khóc. Vì thế, Hòa Sinh hết sức thương yêu tôi. Cả những
ngày mưa gió và những ngày có tuyết rơi, ông đều ấm tôi

đến lớp. Âm chứ không phải công bởi vì ông bị mù mà ! Cha mẹ tôi thấy Hòa Sinh tuổi đã cao, khuyên ông đừng âm tôi nữa, lỡ cả hai cùng té thì nguy. Song, Hòa Sinh nào có nghe, vẫn nhất định âm.

Cho đến một hôm, Hòa Sinh bị bệnh nặng. Tôi mang ít điểm tâm đến thăm ông. Và tại gian phòng đó, ông đã mang chuyện đời mình kể cho tôi nghe.

Hòa Sinh là người Đơn Dương, Giang Tô. Nhà ông có mờ một tiệm bán đậu hủ. Cha mẹ Hòa Sinh đã đam mê một cô làng giềng xinh đẹp cho ông. Sau mấy năm cố gắng làm việc, Hòa Sinh kiếm đủ tiền và chuẩn bị cưới vợ. Tháng 12 năm đó, một nhà giàu thuê Hòa Sinh đến xay lúa để làm bánh ăn Tết.

Để cho kịp, Hòa Sinh miệt mài làm việc suốt mấy ngày trong hậu sảnh. Khi công việc hoàn tất, Hòa Sinh nhận được tiền công thì đêm đã khuya. Hòa Sinh đang định về nhà, bỗng nghe trong nhà chủ có tiếng tri hô : "Trộm, có trộm". Có người bảo Hòa Sinh chạy đến hoa viên tiếp ứng. Thế nhưng, khi ông đến nơi thì bị mấy người ở đây đánh túi bụi, vùi cáo ông là đầu đảng bọn trộm. Lưng ông bị gãy và thành tật là do vậy. Sau khi tỉnh dậy, Hòa Sinh thấy bên mình có rất nhiều vàng bạc. Người nhà của tên nhà giàu còn tìm được nhiều tiền giấu ở cối xay bột. Đầu chân của Hòa Sinh còn rành rành ra đó. Vì vậy, người ta giải Hòa Sinh lên quan. Tang chúng đầy đủ, Hòa Sinh thanh minh không được đành phải nhận tội. Ông cứ nghĩ tội trộm không có gì lớn lao, nào ngờ bị đánh mấy chục trượng và tống giam hơn hai năm mới thả. Trong khoảng thời gian ấy, cha mẹ ông đã qua đời, còn vị hôn thê xinh đẹp ngày nào đã trở thành vợ lẽ của con trai lão nhà giàu kia.

Sau khi ra khỏi nhà lao, biết tất cả mọi chuyện đều do con trai lão nhà giàu dựng nên để hãm hại mình, Hòa Sinh thề sẽ trả thù. Ông giấu một con dao nhọn trong người, phục nỗi tên này thương lui tối và thừa cơ đâm hán mấy nhát, rồi không thêm chạy trốn, điềm nhiên đợi sai nhà đến bắt. Con trai lão nhà giàu không chết, chỉ bị trọng thương nhưng cha gã không ngừng hồi lộ quan tri huyện, cai ngục... Lão muôn Hòa Sinh bị giam trong ngục cho đến mân đời, không còn cơ hội phục thù.

Hòa Sinh chép miệng : "Thật là Bồ Tát giúp đỡ. Chưa đến một năm sau, lão phụ đến làm Đơn Dương huyện chinh đường. Người đã cứu mạng tôi". Lão phụ mà Hòa Sinh nói chính là ông nội của tôi.

Ông nội tôi tên là Văn Thanh, tự Thương San, được người có tuổi ở quê tôi xưng tụng là Thương San tiên sinh, đậu Tiến sĩ năm Mậu Tuất (1898), dưới triều vua Quang Tự. Về sau, trên phái ông tôi đến Đơn Dương làm tri huyện. Chẳng bao lâu, ông càng nổi tiếng với cái tên "Đơn Dương giáo án".

Trong quyển 5 của bộ *Hai Ngàn Năm Lịch Sử Trung Hoa* do Đặng Chí Thành biên soạn có đề cập đến việc triều đình có dụ buộc ông nội tôi chém đầu hai người đốt giáo đường để thị chúng. Ông nội tôi vẫn thông tri về việc lấy đầu hai người nọ nhưng không truy nã. Và ông quyết định cáo quan, về quê nhàn cư, lấy sách vở làm vui. Ông đã biên soạn bộ *Hai Ninh Sát Thị Sao Thi* gồm hơn mươi bài thơ. Tiếc rằng, ông không được nhìn thấy ấn bản của bộ sách này thì đã qua đời.

Hòa Sinh kể rằng sau khi ông tái nhậm chức, đã cho thẩm tra lại tất cả phạm nhân ở trong ngục. Ông biết rõ nổi oan khuất của Hòa Sinh nhưng Hòa Sinh thật sự đã gây thương tích cho người khác nên không thể chuyên quyền mà phóng thích được. Khi từ quan, ông lặng lẽ mang Hòa Sinh theo và nuôi trong gia đình.

Cho đến ngày Hòa Sinh qua đời - vào những năm toàn quốc kháng chiến - cha mẹ tôi vẫn không hề để lộ thân thế của ông cho ai biết. Chính tôi cũng sẽ không biết nếu như hôm đó Hòa Sinh không bệnh nặng và nghỉ minh không qua khỏi. Những kỷ niệm về Hòa Sinh đối với tôi thật thán thiết. Tôi còn nhớ có khi suốt hai, ba ngày ông không nói một câu. Cha mẹ tôi đối với Hòa Sinh rất tôn trọng, chưa bao giờ sai bảo Hòa Sinh là điều gì. Hòa Sinh không biết vã công và Hòa Sinh cũng không phải là tên thật.

Liên Thành Quyết được phát triển từ câu chuyện chôn sâu trong lòng tôi. Bộ tiểu thuyết này viết vào năm 1963, lúc ấy *Minh Báo* và *Nam Dương Thương Báo* (Singapore) hợp tác xuất bản ở *Đông Nam Á Chu San*. *Liên Thành Quyết* được đăng lần đầu tiên trên tuần báo này. Tên cũ của sách vốn là *Tổ Tâm Kiếm*.

4.1977

Bản dịch : *Hoàng Oanh*



晚七時正



Bộ phim **Tiêu Ngạo Giang Hồ** (mới) sản xuất năm 1996.

Lữ Tụng Hiền (vai Lệnh Hồ Xung); Lương Bội Linh (vai
Doanh Doanh); Trần Thiếu Hà (vai Nhạc Linh San)

Phụ lục 7

**Tù
tiểu thuyết võ hiệp
đến
diện ảnh**

Có lẽ khi viết đoàn thiền **Độc Bá Quân Hùng**, cuốn tiểu thuyết võ hiệp đầu tay của đời mình, Kim Dung không ngờ những tác phẩm của ông cuốn hút độc giả đến thế và được hãng TVB Hong Kong chuyển thể thành những tác phẩm điện thị (vidéo) lớn lao đến như thế. Trên 10 năm trước đây, những tác phẩm điện thị đó đã đến với đông đảo khán giả Việt Nam. Trong bước đầu, có lời khen tiêng chê nhưng cho đến bây giờ, sự hiện diện của những tác phẩm điện thị này được chấp nhận như một thực thể và thực tế. Và rõ ràng, nếu chưa đạt được trọn vẹn những giá trị khác, thì những tác phẩm điện thị này đã đạt được giá trị giải trí cho đông đảo người thưởng ngoạn, không phải chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia khác.

Tiểu thuyết vốn chỉ khắc họa những hình tượng. Khi đọc tiểu thuyết, người ta để cho trí tưởng tượng cá nhân bay bổng và trí tưởng tượng ấy gợi ra những hình ảnh nhân vật, những tình huống riêng cho mình. Ngược lại, trong tác phẩm điện ảnh, tính hình tượng ấy mất hẳn : hình tượng đã hóa thành nhân vật và đó là những nhân vật cụ thể, cố định, được mọi khán giả cảm nhận như nhau. Cũng cần phải nhắc

lại rằng để có những tác phẩm điện ảnh, người ta phải có những kịch bản chuyên về từ tiêu thuyết. Kịch bản điện ảnh có tính khoa học, tính hợp lý hóa hơn tiêu thuyết bởi vì những tình huống, những phân đoạn diễn ra phải theo một thời gian nhất định trong một không gian nhất định.

Đêm lại số phim bộ đã được lưu hành, ta thấy Kim Dung là nhà văn đoạt giải quán quân về tác phẩm tiêu thuyết được xây dựng thành tác phẩm điện ảnh. Những bậc tiền bối như Tao Tuyết Cán, La Quan Trung, Thi Nai An, Ngô Thừa Ân; những người đương đại như Lãm Ngu Đường, Lô Tân, Tào Ngu ... có số lượng tác phẩm được dựng thành điện ảnh không bằng ông. Những **Thần Điêu Hiệp Lữ**, **Xạ Điêu Anh Hùng Truyền**, **Ỷ Thiên Đồ Long Ký**, **Thần Dao Hồ Đại Đкам** (được thành phim gọi là **Tuyết Sơn Phi Hồ**), **Hiệp Khách Hành**, **Lộc Đỉnh Ký**, **Tiêu Ngao Giang Hồ Ký**, **Liên Thành Quyết**, **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền** ... đều đã được thực hiện hóa thành phim bộ, với những thế hệ tài tử khác nhau.

Bộ phim **Xạ Điêu Anh Hùng Truyền** ra đời năm 1984 với Hoàng Nhật Hoa đóng vai Quách Tình và Ông Mỹ Linh đóng vai Hoàng Dung. Bộ phim **Thần Điêu Hiệp Lữ** ra đời năm 1985 với Lưu Đức Hoa đóng vai Dương Quá và Trần Ngọc Liên đóng vai Tiểu Long Nữ. Lữ Lương Vĩ đóng vai tiểu anh hùng Hồ Phi trong bộ **Tuyết Sơn Phi Hồ** ... Tên tuổi của các tài tử điện ảnh Hong Kong nổi bật lên nhờ tên tuổi của các nhân vật và các nhân vật của Kim Dung được biết đến nhờ tình cảm người yêu phim dành cho các tài tử điện ảnh Hong Kong.

Mười năm sau, những bộ phim ấy lại được dựng lại với dàn diễn viên mới hơn, cách dàn dựng công phu hơn, mức

dầu tư cao hơn. Kim Dung đã được mời đến để tham khảo, góp ý bàn bạc kịch bản, ra mắt đoàn làm phim và chứng kiến những cảnh quay đầu tiên cho từng bộ. Bộ *Xạ Điêu Anh Hùng Truyện* (mới) được sản xuất năm 1994 với Trương Trí Lâm đóng vai Quách Tĩnh và Chu Nhân đóng vai Hoàng Dung. Bộ *Thần Điêu Hiệp Lữ* (mới) được thực hiện 1995 với Lý Ý Hồng đóng vai Quách Tường, Cô Thiên Lạc vai Dương Quá và Lý Nhược Đồng vai Tiểu Long Nữ. Năm 1996, bộ *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* (mới) ra đời với Lữ Tung Hiền đóng vai Lệnh Hồ Xung, Lương Bội Linh đóng vai Nhậm Doanh Doanh, Trần Thiếu Hà đóng vai Nhạc Linh San ...



Mục lục

	Trang
└ <i>Chương 1 - Dân nhập</i>	
Kim Dung giữa đời tôi	7
└ <i>Chương 2</i>	
Khái quát về phong cách xây dựng nhân cách	15
└ <i>Chương 3</i>	
Võ công trong tiểu thuyết Kim Dung	25
└ <i>Chương 4</i>	
Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung	33
└ <i>Chương 5</i>	
Âm nhạc trong truyện võ hiệp Kim Dung	47
└ <i>Chương 6</i>	
Hoa trong truyện võ hiệp Kim Dung	61
└ <i>Chương 7</i>	
Y học trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	73
└ <i>Chương 8</i>	
Tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	87
└ <i>Chương 9</i>	
Tinh dục trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	95
└ <i>Chương 10</i>	
Chất bài trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	101
└ <i>Chương 11</i>	
Ghen trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	115
└ <i>Chương 12</i>	
Chát thơ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	121
└ <i>Chương 13</i>	
Ngôn ngữ bình dân trong văn chương Kim Dung	131
└ <i>Chương 14</i>	
Những vụ án tình báo gián điệp	
trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	137
└ <i>Chương 15</i>	
Số phận những bộ sách	
trong tác phẩm võ hiệp Kim Dung	155

↳ <i>Chương 16</i>	
Lược khao về các tôn giáo, bang hội trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	165
↳ <i>Chương 17</i>	
"Thời trang" trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	179
↳ <i>Chương 18</i>	
Những nhân vật quái dị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	187
↳ <i>Chương 19</i>	
Bọn hào sĩ giang hồ ăn té	197
↳ <i>Chương 20</i>	
Kiều Phong - Khát vọng của tự do	205
↳ <i>Chương 21</i>	
Khóc lèn, bồi Nghi Lãm	213
↳ <i>Chương 22</i>	
Kiem luận	221
↳ <i>Chương 23</i>	
Đao luận	231
↳ <i>Chương 24</i>	
Vì Tiểu Bảo ở đâu ?	239
↳ Phụ lục 1	
Giả Biệt Cõi Giang Hồ (trích Liên Thành Quyết)	245
↳ Phụ lục 2	
Nhận Môn Quan Bí Tráng	
(trích Lục Mạch Thần Kiếm Truyện)	271
↳ Phụ lục 3	
Thánh Sứ Nữ (trích Ý Thiên Đè Long Ký)	281
↳ Phụ lục 4	
Vụ ván tự ngục lớn nhất lịch sử Trung Hoa	287
↳ Phụ lục 5	
Kim Dung giữa đại học Bắc Kinh	293
↳ Phụ lục 6	
Tử nỗi oan của Hòa Sinh đến Liên Thành Quyết	299
↳ Phụ lục 7	
Từ tiểu thuyết võ hiệp đến điện ảnh	305

KHẢO LUẬN VĂN HỌC

Kim Dung GIỮA ĐỜI TÔI

VŨ ĐỨC SAO BIÊN

Chủ trách nhiệm xuất bản :

Hoàng Văn Bôn

Biên tập :

Đặng Tân Hướng

Tân Hoài Dạ Vũ

Bìa :

Nguyễn Hạo

Trình bày :

Thư Nguyên

Sửa bản in :

Lam Điền

In 1.000 bản, khổ 13x19cm Tại Xí nghiệp In số 9 - 22A Trương Định, Q.3, TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký Kế hoạch Xuất bản 121VH-886 CXB do Cục Xuất bản cấp ngày 20/12/1996. Quyết định xuất bản số 01/QDXB do Nhà xuất bản Đồng Nai cấp ngày 27/12/1996. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 1997.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 04 Nguyễn Trãi, Biên Hòa - Đồng Nai

Điện thoại : (061) 822613 - Ban Biên tập : (061) 825292

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Tác phẩm:

Biển Động. Thơ. NXB Đại học Sư phạm, 1969
Một ngày cho tình yêu. Ca khúc. NXB Trẻ Sài Gòn, 1971
Bí ẩn nguồn sông Pak. Truyện. NXB Long An, 1989
Hoa hồng trên cát. Truyện. NXB Đồng Nai, 1990
Bản báo cáo biến bay. Tiểu phẩm hài hước. NXB Trẻ, 1989
Ảo ảnh sương khói. Tiểu thuyết. NXB Long An, 1992
Vạn tuế đàn ông. Tiểu phẩm hài hước. NXB Long An, 1993
Vinh biệt Thốt Nốt. Tiểu phẩm hài hước. NXB Trẻ, 1996
Kim Dung giữa đời tôi. Nhận định và chú giải tác phẩm
Kim Dung. NXB Đồng Nai, 1997.

Sê in:

Thu hát cho người. 15 tình khúc
Ngón ngữ từ những miếng cầm thạch. Bút ký

Giá : 22.000đồng



VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Bút danh khác: Đồ Bì - Mạc Đại

Sinh 12.02.1948 tại Duy Vinh, Duy Xuyên,

Quảng Nam - Đà Nẵng

Tốt nghiệp: Ban Việt-Hán, Đại học Sư phạm Sài Gòn, 1970

Cử nhân Triết Đông, Đại học Văn khoa Sài Gòn, 1970

Dạy học tại Bạc Liêu 1970-1975

1978-1988: Dạy học tại Nhà Bè. Cán bộ ngành giáo dục

Nhà Bè

1988-1993: Làm báo (Báo Công An TP.HCM)

1993 đến nay: Làm báo (Báo Thanh Niên)